

HUỲNH MINH

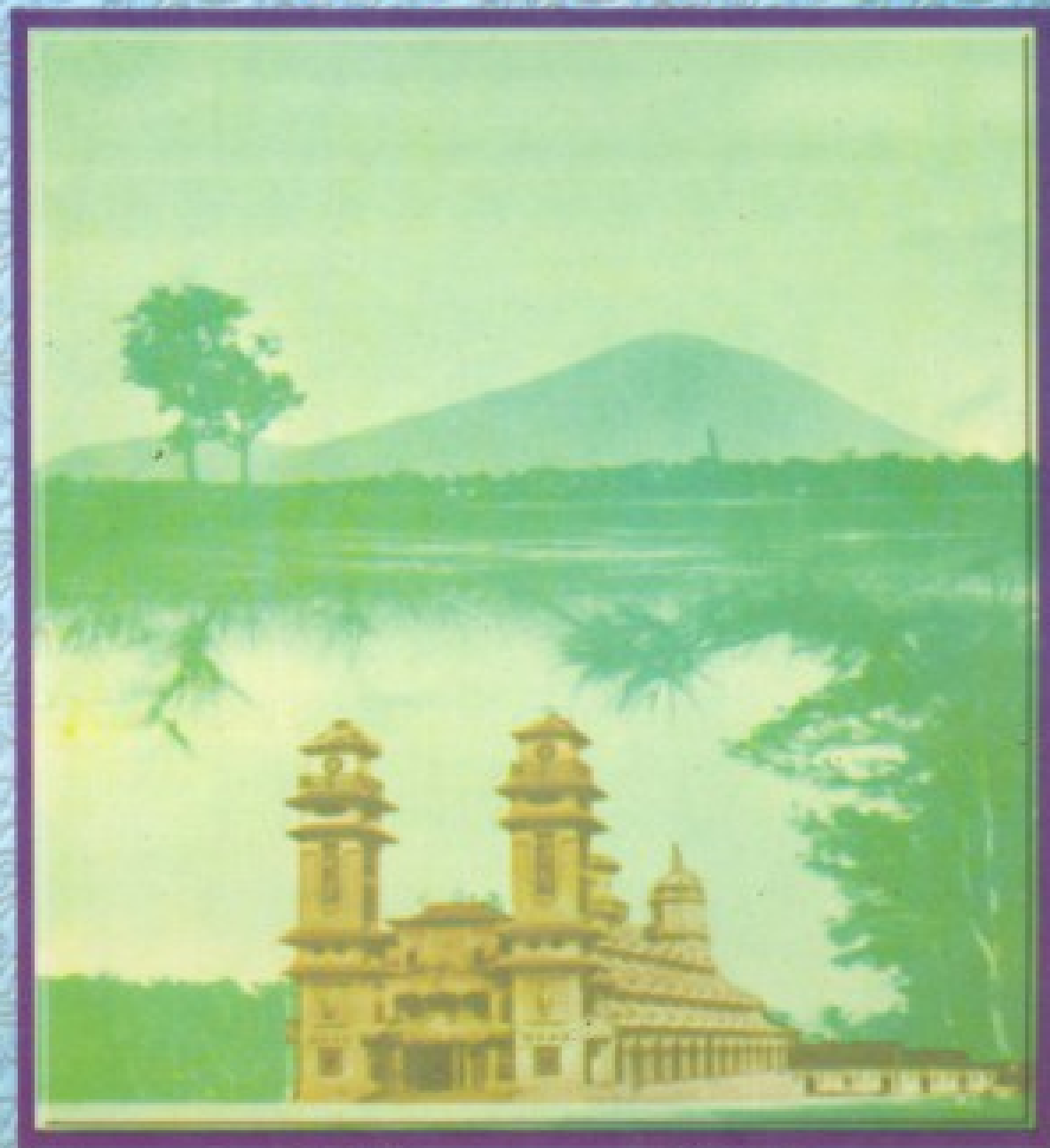
TÂY NINH

X

Ư

A

*"Loại sách Sưu Khảo
các Tỉnh, Thành năm xưa"*



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : TÂY NINH XƯA

Loại sách Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa

Tác giả : HUỲNH MINH

Tái bản : NXB THANH NIÊN

Năm tái bản : 2001

Nguồn sách : Thích Đức Châu

Đánh máy : linhtt, kimduyen, blacktulip161,
lovelysnake289, thuannguyen1088, Hiền Dzô,
chau_la_la, mientay2012, searatsuki, kn1tinhyeu,
thuhang1319, phuonglienmsd, minhhai1768, TNThao,
nhinhanhinhanh-kyle, hang12321, vqsvietnam,
thaogmail, Junvu, doraemin, Aquamarine, Lien Pham

Kiểm tra chính tả : Trần Trung Hiếu, Trần Khang,
Trần Trung Hiếu, Võ Nữ Kim Như, Mạc Tú Anh,
Từ Ngọc Thảo, Trần Thanh Tuấn, Max Phạm,
Lê Nguyễn Thuỳ Linh, Ngô Hương,
Trần Ngô Thế Nhân, Hồ Hữu Tín

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 11/06/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận «
SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả HUỲNH MINH và nhà xuất bản THANH
NIÊN đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

LỜI TÁC GIẢ

PHẦN I : SỬ LƯỢC TÂY NINH QUA CÁC THỜI ĐẠI

1. LỊCH SỬ TÂY NINH

NAM KỲ DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC (1861-1945)

PHÁP CHIẾM NAM KỲ QUAN QUÂN NAM TRIỀU KHÁNG PHÁP

TÂY NINH DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC (GỒM CÁC LÀNG, QUẬN, TỔNG)

TÂY NINH TỪ 1945 ĐẾN TRƯỚC 1972 (GỒM CÁC QUẬN, TỔNG, LÀNG ĐƯỢC THAY ĐỔI)

2. ĐỊA LÝ

VỊ TRÍ

ĐỊA CHẤT

NÚI ĐỒI

SÔNG NGÒI

KHÍ HẬU – THẢO MỘC – CẨM THÚ

GIAO THÔNG THỦY BỘ

PHẦN II : TÂY NINH DI TÍCH LỊCH SỬ QUA NHỮNG SỰ TÍCH TRUYỀN KHẨU ĐỊA PHƯƠNG

SỰ TÍCH LINH SƠN THÁNH MẪU

THUYẾT THỨ NHÌ VỀ LỊCH SỬ BÀ ĐEN

CON ĐƯỜNG SỨ

SÔNG ĐUA, HÀO THÀNH

CHÙA ÔNG GIA NINH VỚI NHỮNG CHỨNG TÍCH LỊCH SỬ

TRUYỀN THUYẾT BẾN NÀNG RÀ

GHE NĂM (TỨC GHE NĂM CHÈO) BỊ VÙI LẤP TRONG NGỌN

SUỐI LÂM VỒ

GIẾNG MẠCH THIÊN NHIÊN

TOÀ CỔ THÁP PREY PRASATH

MỘ ÔNG HUỲNH CÔNG NGHỆ

MIẾU THỜ ÔNG GỐC : MỘT VỊ ANH HÙNG ẨN DANH
KHÁNG PHÁP

SỰ TÍCH DINH ÔNG

MIẾU THỜ ÔNG CẢ ĐẶNG VĂN TRƯỚC & NGÔI MỘ HUỲNH
LINH TỌA LẠC XÃ PHÚ MỸ HƯNG

ĐỊA DANH BẾN KÉO

SỰ TÍCH ÔNG ĐÁ NÚT HAI TRÊN NÚI ĐIỆN BÀ

SỰ TÍCH TRƯỜNG CAO CĂNG

SỰ TÍCH LÀNG AN TỊNH : MỘT TRONG NHỮNG LÀNG XƯA
NHẤT CỦA TÂY NINH TRẢI BAO CUỘC THẮNG TRẦM

CÁC NGÔI MIẾU THỜ QUAN LỚN TRÀ VÔNG (HUỲNH
CÔNG GIẢN)

MỘT NỀN THÀNH CŨ CỦA CHÂN LẠP Ở XÓM DẦU, ẤP CẨM
LONG (CẨM GIANG)

PHỦ CŨ

ĐỀN THỜ HUỲNH CÔNG THẮNG VÀ NGÔI MỘ CỦA NGÀI
(TẠI XÃ CẨM GIANG)

TRƯỜNG ĐUA DẤU CŨ

SỰ TÍCH SUỐI ĐÁ

SỰ TÍCH BẾN TRƯỜNG ĐÔI

SỰ TÍCH CỔNG CHÀM VÀ HANG CHÀM Ở TÂY NINH

RỒNG TƯỢNG HAY LÁNG TƯỢNG

PHẦN III : NHÂN VẬT LỊCH SỬ

ÔNG HUỲNH CÔNG GIẢN : VỊ ANH HÙNG BẢO VỆ TÂY
NINH ĐẾN HƠI THỞ CUỐI CÙNG

TRƯƠNG HUỆ CHỐNG XÂM LĂNG

ÔNG HOÀNG PU KẪM PÔ : LẬP CHIẾN KHU KHÁNG CHIẾN
Ở TÂY NINH

LÃNH BINH KẾT : TUNG HOÀNH MỘT CỐI BIÊN THÙY

LÃNH BINH TÒNG : KHÁNG PHÁP OAI DANH LỪNG LẪY

HỒ VĂN CHƯ (1856-1926) : HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO
THIÊN ĐỊA HỘI

TIỀN HIỀN TRẦN VĂN THIỆN : VỊ THẦN HOÀNG ĐÌNH BẾN
KÉO (XÃ LONG THÀNH)

ÔNG ĐẶNG VĂN TRƯỚC : VỊ TIỀN HIỀN LÀNG GIA LỘC

CỤ VÕ VĂN SÂM : MỘT THI NHÂN CÓ TINH THẦN CÁCH
MẠNG

CỤ QUỐC BIỂU : MỘT NHO SĨ CÓ TINH THẦN ÁI QUỐC

PHẦN IV : TÂY NINH QUA HUYỀN THOẠI VÀ GIAI THOẠI

HUYỀN TRUNG : NGỌN ĐÈN HỒN TỬ SĨ HAY LÀ LÃO BỘC
CHÚA NGUYỄN ÁNH GẶP THẦN NỮ

ĐAO BINH VÔ HÌNH Ở VÙNG NÚI CẬU TÂY NINH

DẤU CHÂN ÔNG KHỔNG LỒ TRÊN NÚI VÀ TẢNG ĐÁ NĂM
TRÊN NGỌN CÂY DẦU TRẠI BÍ

QUI LỘNG BAN NGÀY TRÊN CÂY GỖ TRƯỚC TÒA ÁN

XÓM CHÀM XÃ THÁI HIỆP THẠNH QUA PHONG TỤC TẬP
QUÁN CỔ TRUYỀN

NHỮNG HIỆN TƯỢNG XẢY RA NƠI MIẾU ĐẠI THẦN TRẦN
CÔNG THẮNG

NHỮNG VIỆC XẢY RA NƠI MIẾU QUAN LỚN TRÀ VÔNG

TÂY NINH VỚI NẠN CỌP LOẠN RỪNG BẮT BÒ, ĂN THỊT
NGƯỜI

SUỐI VÀNG NÚI ĐIỆN BÀ VÀ SUỐI NGẦM LỤC LONG NĂM

DƯỚI LÒNG ĐẤT

THIÊN TAI THẢM KHỔ NÚI LỎ, NƯỚC LỤT VÀO NĂM NHÂM THÌN 1952

CÂU CHUYỆN BUÔN NGỰA VÀ THUẬT BẮT CÁ NGỰA TRÊN ĐẤT MIỀN

PHẦN V : VÀI NÉT VỀ CHÙA, ĐÌNH, NHÀ THỜ, TÒA THÁNH

NÚI BÀ ĐEN HAY NÚI ĐIỆN BÀ QUA CÁC VỊ TỔ KHAI SƠN
NGÔI PHƯỚC LÂM CỔ TỰ VỚI NÚI ĐIỆN BÀ QUA NHIỀU
GIAI ĐOẠN

PHƯỚC LÂM CỔ TỰ TRẢI QUA NHIỀU VỊ TRỤ TRÌ
THIỀN LÂM CỔ TỰ

CẨM PHONG TỰ TỤC DANH CHÙA QUAN HUẾ
HIỆP LONG CỔ TỰ THUỘC PHÁI LỤC HÒA TĂNG

CAO SƠN CỔ TỰ TỤC DANH GÒ CHÙA PHƯỚC TRẠCH
CỔ LÂM TỰ XÃ THANH ĐIỀN

CHÙA ÔNG PHƯỚC KIẾN

TỪ LÂM TỰ (GÒ KÉN) : NƠI TIẾP CƠ KHAI ĐẠO CAO ĐÀI
ĐẦU TIÊN

ĐÌNH THÁI BÌNH

ĐÌNH HIỆP NINH

ĐÌNH THANH ĐỨC

ĐÌNH GIA LỘC (QUẬN TRẢNG BÀNG)

THIÊN CHÚA GIÁO NGÀY XƯA VỚI HỌ ĐẠO THA LA TRƯỚC
TIÊN

LẬP HỌ ĐẠO MỚI TẠI TÂY NINH

VÀI NÉT VỀ THỜI KỲ PHÁ RỪNG XÂY CẤT TÒA THÁNH

CĂN NGUYÊN ĐẠO CAO ĐÀI

CỬU TRÙNG ĐÀI

ĐẠO BỊ ĐÀN ÁP, TÒA THÁNH BỊ CHIẾM ĐÓNG

HỘ PHÁP ĐƯỢC TRẢ TỰ DO

DIỆN TÍCH ĐỀN THÁNH

KẾT LUẬN

PHẦN VI : VĂN HỌC NGHỆ THUẬT GỒM NHIỀU VĂN ĐOÀN QUA CÁC DÂN CA THI CA ĐỊA PHƯƠNG

1. TÂY NINH QUA CÁC BỘ MÔN NGHỆ THUẬT

NHÓM VĂN THI SĨ TIỀN BỐI

ĐẠO ĐỨC VĂN ĐÀN

NHÓM ĐẤT LÀNH

2. TÂY NINH QUA THI CA

THƠ CỦA BÀ VÕ PHỤNG KIỀU

TÂY NINH CẢM TÁC

NHÓM VĂN THI SĨ ĐỘC LẬP

TRI NGỘ BẠN THI NHÂN

PHẦN VII : SINH HOẠT QUA CÁC NỎ PHỐ PHƯỜNG TÂY NINH NĂM 1972

1. TÂY NINH 1972

QUA CÁC NỎ PHỐ PHƯỜNG SINH HOẠT

QUANG CẢNH VỀ ĐÊM QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ

TÂY NINH NĂM 1972 QUA SỰ SINH HOẠT 2 NGÔI CHỢ TRỜI : GÒ DẦN HẠ VÀ PHƯỚC TÂN

VÀI NÉT VỀ CHỢ TRỜI PHƯỚC TÂN

KẾT LUẬN

2. HƯƠNG VỊ TÂY NINH QUA CÁC MÓN ĂN NỔI TIẾNG

3. TỔNG QUÁT VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ CÁC CƠ SỞ TÔN GIÁO NĂM 1972

4. TÔN GIÁO

5. CÁC XÍ NGHIỆP TRONG 4 QUẬN TỈNH TÂY NINH 1972

CÁC XE ĐÒ SÀI GÒN – TÂY NINH

CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG TRONG TỈNH TÂY NINH

HUỖNH MINH
TÂY NINH XƯA

Loại sách Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa

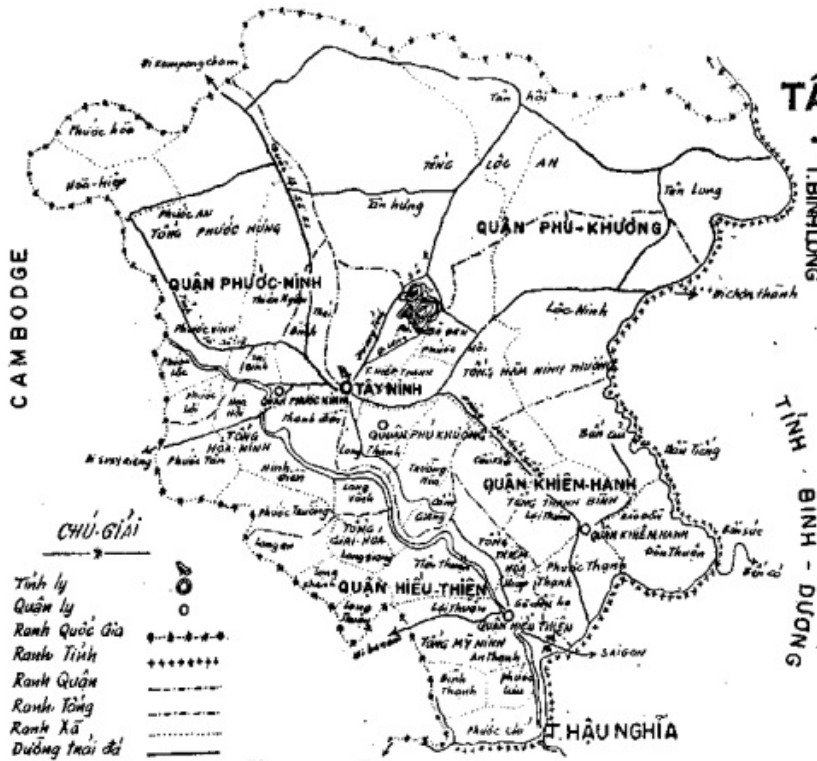
NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

NỘI DUNG :

- Sử lược – Địa lý.
- Di tích lịch sử.
- Nhân vật lịch sử.
- Huyền thoại – Giai thoại.
- Sinh hoạt tôn giáo.
- Văn hóa nghệ thuật.
- Tây Ninh năm 1972

TỈNH TÂY-NINH

1972



- CHU GIẢI
- Tỉnh lỵ
 - Quận lỵ
 - Ranh Quốc Gia
 - Ranh Tỉnh
 - Ranh Quận
 - Ranh Tổng
 - Ranh Xã
 - Đường trục địa

NON NƯỚC TÂY NINH

*Thực thi lý tưởng chí tang bồng,
Sưu tầm khảo cứu danh nhân sử.
Lê gót trâu gồm cảnh núi sông,
Hươi bút dệt thành tranh cẩm tú.
Nêu cao hào kiệt giống Tiên Rồng.
Điểm tô non nước tươi màu sắc,
Lưu lại đời sau một tấm lòng.*

Huỳnh Minh

LỜI TÁC GIẢ

Đã trót đa mang duyên nợ với non sông, nên chúng tôi phải cố gắng hết sức mình đền bồi duyên nợ qua các tác phẩm nói lên nếp sống của nhân dân từng tỉnh miền Nam xưa.

Giờ đây **Tây Ninh xưa** ra mắt quý bạn đọc. Nói đến hai chữ *Tây Ninh* (an ninh miền Tây) đủ rõ vùng đất Tây Ninh ngày xưa quan hệ đến sự sống của nòi Việt đến độ nào. Biết bao cảnh máu đổ do chiến tranh gây ra trên đất Tây Ninh giữa quân nhà Tây Sơn và chúa Nguyễn tranh hùng đẩy mạnh cuộc Nam tiến. Người dân Tây Ninh xưa đã từng chứng kiến cảnh núi xương sông máu của nhiều cuộc chiến. Bảo vệ non sông, dân Tây Ninh cũng đã từng hợp tác với cuộc liên binh Việt – Miên để kháng Pháp, dưới sự lãnh đạo của Pù-Kằm-Pô và Trương Huệ v.v...

Tây Ninh có núi Điện Bà hùng vĩ với tòa thánh Cao Đài, uy nghi lộng lẫy mà khi nhắc đến Tây Ninh mấy ai không biết hai nơi ấy.

Tây Ninh còn có một con đường đặc biệt thuở xa xưa, mệnh danh là « con đường sứ » vốn là con đường huyết mạch của dân tộc, con đường làm vẻ vang con Lạc cháu Hồng.

Chúng tôi hân hoan viết quyển *Tây Ninh xưa* vì lịch sử Tây Ninh đầy đầy những điều đáng tán thưởng, đáng ghi chép ra gọi chút duyên đáng góp thêm với non sông gấm vóc.

Việc làm với tính cách đơn độc, sức người có hạn nên không sao tránh khỏi những điều thiếu sót vì có những nơi do hoàn cảnh, nên chúng tôi không thể đến tận nơi để thu lượm tài liệu, mong quý bạn đọc thông cảm.

Huỳnh Minh

PHẦN I : SỬ LƯỢC TÂY NINH QUA CÁC THỜI ĐẠI

1. LỊCH SỬ TÂY NINH

Lịch sử Tây Ninh có thể tóm tắt như sau :

Ngày nay, Tây Ninh cũng như bao tỉnh khác ở miền Nam, đều khởi sắc. Nhưng từ thuở xa xưa, nơi đây hoang vu, rừng rậm, biết bao xương máu của tiền nhân đã đổ ra để bồi đắp non sông. Quá trình tiến triển của vùng Tây Ninh có thể tóm lược như sau :

Tây Ninh ngày xưa là một vùng đất mà dân cư đa số là người Miên, nên có danh hiệu là Romdum Ray (Chuồng Voi, Pare aux élephants). Rừng rậm chiếm hầu hết đất đai ở đây. Cuộc sống của dân chúng đầy đầy những khó khăn khổ nhọc.

Vào thế kỷ thứ XVII, các tỉnh Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Thuận bị mất mùa thất bát, đời sống dân chúng thiếu thốn, vất vả, lầm than. Họ bèn di cư vào Nam, đến cửa Cần Giờ giao thương với dân Chân Lạp khai hoang lập thành Phiên Trấn Dinh là tỉnh Gia Định.

Từ Phiên Trấn Dinh, người Việt càng ngày càng đông, bèn lần lên hướng Bắc khai thác đất đai từ Trảng Bàng lên Gò Dầu Hạ lên đến chân núi Bà Đen, lúc đầu còn ở chung với người Miên, nhưng người Việt di cư đến đâu thì người Miên rút lui đi nơi khác.

Năm Mậu Tuất 1778, chúa Nguyễn Phúc Ánh tự Nguyễn Ánh khởi quân đánh Tây Sơn, qua năm Canh Tý 1780, lấy thành Phiên Trấn Dinh tức là tỉnh Gia Định nhưng ít lâu sau bị Tây Sơn đánh bại.

Nguyễn Ánh và các quan hộ giá cùng nhau đi khắp các

ngả đường đất nước ở miền Nam, đồng bằng, rừng núi xa xôi, hẻo lánh đều có dấu chân ông bước đến để lánh tránh Tây Sơn và tìm kiếm người giúp đỡ. Khi thất thủ Phiên Trấn Dinh, ông và đám quần thần chạy lên vùng Trảng Bàng, Gò Dầu Hạ, lướt bụi bằng rừng để tìm đường sinh lộ đến Tây Ninh.

Lúc Nguyễn Ánh đến Tây Ninh hội họp quần thần nơi một cánh rừng hoang vắng để bàn mưu định kế khắc phục lại thành Phiên Trấn Dinh, khu rừng này được dân gian kêu là sân « Châu » đến nay đồng bào địa phương thường nhắc đến.

Qua năm Giáp Thìn 1784, Nguyễn Ánh sang Xiêm cầu viện. Ở đây bốn năm thao dượt binh mã đến đầu mùa Thu năm Đinh Mùi 1787 về nước khắc phục thành Phiên Trấn Dinh cải tên là tỉnh.

Năm Kỷ Dậu 1789 do có viện binh Pháp sang giúp, đầu năm 1802, Nguyễn Ánh dẹp xong Tây Sơn lên ngôi lấy hiệu là Gia Long, quốc hiệu là Đại Nam Quốc.

Nhớ lại lúc phong trần rày đây mai đó, khi đến Tây Ninh được một vị nữ thần báo mộng chỉ bảo, vua Gia Long mới ban cho vị nữ thần trên núi Điện Bà một sắc chỉ, chức tước để tạ ơn người khuất mặt (Đoạn này chúng tôi sẽ nói ở phần huyền sử chi tiết hơn).

Tây Ninh là một phủ của tỉnh Gia Định, phía nam đặt dưới quyền cai trị của một tri huyện trấn nhậm tại địa điểm làng Cẩm Giang và một tri huyện khác cai trị tại vùng tỉnh lỵ Tây Ninh.

Sau ngày vua Gia Long thống nhất sơn hà, lập triều đại

nhà Nguyễn, Cao Miên thần phục Việt Nam, hàng năm vâng chịu cống sứ. Các sứ thần Miên mỗi năm mang lễ vật qua cống hiến Nam triều, muốn qua Huế phải qua địa phận Tây Ninh, và đường quan cũ về sau được sửa sang biến đổi thành đường tỉnh lộ số 13, và con lộ Xóm Vinh. (Vì lễ sứ thần Miên đi cống, nên đoạn đường này hãy còn được gọi là đường cống sứ).

Đến triều vua Thiệu Trị, Tự Đức, người Miên từng nhiều phen xua quân tấn công Tây Ninh nhưng không sao chiếm được lãnh thổ do người Việt đã dày công khai thác. Những trận đánh nhau dữ dội nhất, vẫn là những trận xảy ra trên chiến trường Trà Vinh.

Khoảng năm 1846, quân Miên xua quân sang đánh. Tri phủ Huỳnh Công Giản đại diện Nam triều trấn nhậm Tây Ninh cầm quân ra ngăn giặc. Vì giặc quá đông, quân ở phủ quá ít, Nam quân thất thủ. Quan tri phủ cùng viên chánh tổng tuấn tiết. Sau đó, dân chúng thương tiếc xây dựng miếu thờ tri phủ Huỳnh Công Giản và vị chánh tổng đã đền nợ nước. Mỗi năm đều có cuộc tế lễ linh đình, tri ân hai vị anh hùng vị quốc vong thân.

Chẳng bao lâu, quân ta từ Sài Gòn lên tiếp viện đã đánh đuổi được quân Miên, lấy lại phủ đường, lập lại trật tự an ninh không mấy chốc. (xin xem phần III Danh Nhân Lịch sử).

NAM KỲ DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC (1861-1945)

a) Lý do nước Pháp xâm lược Việt Nam

Giữa thế kỷ thứ XIX, các vua Việt Nam : Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức thấy những người lái buôn, tu sĩ là đội quân do thám của các nước phương Tây sang nên áp dụng chính sách bế quan tỏa cảng.

Lấy cớ người Việt Nam cấm đạo Thiên Chúa, thực dân Pháp vội cử binh hùng tàu chiến đến xâm lược Việt Nam, thật sự là không ngoài mục đích sau đây :

- Chính trị : cần mở mang thuộc địa, để chứng tỏ rằng chúng không thấp kém hơn các cường quốc châu Âu.
- Kinh tế : bắt buộc phải có chỗ tiêu thụ hàng hóa, sản vật của mình.
- Văn hóa : xây dựng thế lực trên biển Thái Bình Dương, tự do nghiên cứu khoa học trên đất nước Việt Nam.

b) Xâm chiếm Nam Kỳ

Ngày 1 tháng 11 năm 1859, hải quân trung tướng Rigault de Genouilly đem binh thuyền vào cửa Cần Giờ, chiếm thành Sài Gòn, đến năm 1861 thủy quân Charner lấy tỉnh Gia Định, tiến lên chiếm Biên Hòa, Trảng Bàng và Tây Ninh.

Ký kết hòa ước năm Nhâm Tuất ngày 5-6 1862, sứ thần Việt Nam là Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông : Biên Hòa, Gia Định, Định Tường.

Ngày 4-7-1863, sứ bộ Việt Nam xuống tàu *l'Européen* sang Pháp xin chuộc ba tỉnh ấy ; ngày 5-11-1853 sứ bộ được sang Pháp Hoàng Napoléon III tiếp rước trọng thể, hứa rằng sẽ trả lời cho triều đình Huế sau khi đình nghị về việc đó.

Sau, Pháp không ưng thuận cho chuộc ba tỉnh miền Đông, nên hải quân trung tướng De La Grandière :

- 20-6-1867, đoạt thành Vĩnh Long.
- 22-6 chiếm An Giang
- 24-6 chiếm Hà Tiên

PHÁP CHIẾM NAM KỲ QUAN QUÂN NAM TRIỀU KHÁNG PHÁP

Sau khi quân đội Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông : Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, các quan Nam triều kháng cự mãnh liệt, làng xã thì bỏ chạy hết, sổ lạc bộ mất. Sĩ phu trong nước đứng lên hiệp sức với các quan đầu tỉnh ra ngoài lập căn cứ chống Pháp.

Khi Pháp đến có đem theo một số nhà dòng và một số giáo sĩ ở họ đạo các địa phương biết tiếng latin để làm thông ngôn. Riêng về họ đạo Tha La ở Trảng Bàng cũng như các chỗ khác, nhân cơ hội này được tự do hoạt động mạnh, nhóm họp khởi sự quan Nam triều cấm đoán như trước. Đạo Thiên Chúa bắt đầu bành trướng sâu rộng khắp nơi trên lãnh thổ.

Khi quân Pháp tiến lên đánh Tây Ninh, quân ta binh ít, vũ khí thô sơ, liều tử chiến, vẫn không giữ được thành trước hỏa lực tấn công ồ ạt của địch. Tuy nhiên, sức yếu mà tinh thần không yếu, người cầm đầu phủ Tây Ninh là vị tham tán quân vũ tên là Tường, quyết kháng chiến tới cùng.

Trước thế mạnh quân giặc, quan tri phủ phải rút quân về đóng trong xóm An Cơ thuộc làng Hảo Đức, hiệu triệu nhân

dân đoàn kết chống xâm lăng, chiêu mộ dân quân tiếp tục kháng chiến. Với tinh thần bất khuất, kháng chiến quân đã đột kích mấy phen, gây tổn thất cho quân Pháp không ít.

Cuối cùng quân Pháp phải dùng đến đại binh từ Sài Gòn kéo lên đàn áp, tàn sát. Trong một trận thư hùng nghiêng ngửa, tham tán quân vụ tử trận. Nghĩa quân như rắn không đầu phải tản mác chờ cơ hội khác. Sự kháng chiến chống Pháp ở đây tạm chấm dứt vì chủ tướng tử trận. Từ đó miền Tây Ninh thuộc Pháp. Song nghĩa quân Việt thỉnh thoảng cùng người Miên và Chàm hiệp lực kéo về đánh phá đồn quân Pháp. Khi quân Pháp chiếm Tây Ninh thành lập các cơ quan chính trị và quân sự để thay thế triều Nam, các quận, tổng, làng đều sửa đổi dựng lên như sau :

TÂY NINH DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC (GỒM CÁC LÀNG, QUẬN, TỔNG)

Nằm trong tỉnh Gia Định gồm : Tân An, Chợ Lớn, Tây Ninh, Gò Công và Tân Bình. Tây Ninh lúc bấy giờ sát nhập về Sài Gòn, hai đoàn quân sự thành lập tại Tây Ninh và Trảng Bàng để thay thế hai tri huyện của Nam triều. Đến năm 1868, hai đoàn quân sự nói trên bị bãi bỏ, thay thế bằng hai ty hành chánh : một đặt tại Tây Ninh và một đặt tại Trảng Bàng.

Rồi do quyết định ngày 5-6-1871 của đoàn quân Pháp, tỉnh Tây Ninh được thành lập theo ranh giới ; đồng thời quyết định này bãi bỏ ty hành chánh Trảng Bàng mà lãnh thổ được phân chia giữa Tây Ninh và Tân An.

Vào năm 1890, một phần đất quan trọng dọc theo rạch Ngã Bát bị cắt nhượng cho Cao Miên. Thời bấy giờ, tỉnh Tây Ninh gồm có các thị trấn và hai quận sau đây :

THỊ TRẤN :

1. Tây Ninh : Trảng Bàng đất rộng mọc toàn cây bàng lác, loại bàng dùng để đương đệm, bao.

2. Gò Dầu Hạ : Đất mọc toàn cây dầu, còn « hạ » đối chiếu với một gò đất khác cao hơn và cũng có nhiều cây dầu, gọi là Gò Dầu Thượng, hiện nay thuộc xã An Thạnh.

QUẬN :

1. Quận Thái Bình : gồm 7 tổng 34 xã

2. Quận Trảng Bàng : gồm 3 tổng 16 xã

Cộng : 10 tổng 50 xã

Đến năm 1942, quận Thái Bình được đổi tên là quận Châu Thành Tây Ninh, vì vị trí nằm tại trung tâm tỉnh.

TÂY NINH TỪ 1945 ĐẾN TRƯỚC 1972 (GỒM CÁC QUẬN, TỔNG, LÀNG ĐƯỢC THAY ĐỔI)

Sau 1945 có nhiều sự thay đổi về địa giới trong tỉnh, quận và xã. Đồng thời có sự thành lập quận mới :

- Ngày 12-8-1948 quận Gò Dầu được thành lập nhưng đến năm 1954 quận này được sát nhập vào quận Trảng Bàng rồi sau đó quận Gò Dầu Hạ được tái lập.

- Năm 1956, ranh giới tỉnh về phía Nam được sửa đổi lại như sau :

Ấp Phước Mỹ, thuộc xã Phước Chỉ (quận Trảng Bàng Tây Ninh) được sát nhập vào tỉnh Long An (sắc lệnh số 143-NV ngày 22-10-1956 của chính quyền Sài Gòn).

- Năm 1957, tỉnh gồm có ba quận : Châu Thành, Gò Dầu, Trảng Bàng. Gồm 10 tổng và 52 xã (nghị định số 1-BNV/HC/NĐ ngày 3-1-1957 của chính quyền Sài Gòn).

Rồi nghị định số 355-BNV/HC ngày 1-7-1957 lại bãi bỏ nghị định nói trên, ấn định lại các đơn vị hành chánh. Cuối cùng tỉnh gồm có 3 quận, 8 tổng và 49 xã.

1. Quận lỵ Châu Thành đặt tại xã Thái Hiệp Thạnh.
2. Quận lỵ Gò Dầu Hạ đặt tại xã Thạnh Phước
3. Quận lỵ Trảng Bàng đặt tại xã Gia Lộc (thuộc tỉnh Hậu Nghĩa).

- Ngày 18-5-1959, quận Trảng Bàng và Gò Dầu Hạ được đổi thành 2 quận Phú Đức và Hiếu Thiện.

- Quận lỵ Khiêm Hanh đặt tại Bà Đồn.
- Quận Lỵ Hiếu Thiện nằm về phía Tây Nam và Đông Nam tỉnh tại xã Thạnh Phước.

Ngày 23-7-1961 quận Trảng Bàng được đổi tên là quận Phú Đức và hai quận Trảng Bàng, Gò Dầu Hạ trước đây được chia ra làm ba quận như sau :

- Quận Phú Đức, quận lỵ đặt tại Trảng Bàng, gồm một tổng, 6 xã.
- Quận Hiếu Thiện, quận lỵ đặt tại Gò Dầu Hạ, gồm 3 tổng, 15 xã.

- Quận Khiêm Hanh, quận lỵ đặt tại Bàu Đồn, gồm 1 tổng, 5 xã.

Ngày 14-3-1963, xã Bến Củi (quận Khiêm Hanh được sát nhập vào quận Tri Tâm, tỉnh Bình Dương).

Rồi ngày 15-10-1963, quận Phú Đức sát nhập vào tỉnh Tân Lập Hậu Nghĩa.

Tỉnh Tây Ninh lúc ấy gồm có 4 quận, 8 tổng, 45 xã như sau :

1. Quận Phú Khương có : 2 tổng 11 xã
2. Quận Phước Ninh có : 2 tổng 15 xã
3. Quận Hiếu Thiện có : 3 tổng 15 xã
4. Quận Khiêm Hanh có : 1 tổng 4 xã

Cộng : 8 tổng 45 xã

Quận Phú Khương có 2 tổng : Hàm Ninh Thượng (« thượng » đối chiếu với một tổng khác gọi là *Hàm Ninh Hạ* thuộc quận Trảng Bàng cũ) và tổng Lộc An.

- Tổng Hàm Ninh Thượng có 8 xã : Hiệp Ninh, Lộc Ninh, Phước Hội, Trường Hòa, Long Thành, Cẩm Giang, Thái Hiệp Thạnh (gồm luôn xã Đông Tác cũ) nay gia nhập vào xã Thái Thạnh và Ninh Thạnh. Điều nên biết rõ thêm, lúc Pháp đến xâm chiếm Việt Nam, tổng Hàm Ninh Thượng kháng chiến quyết liệt và lâu dài hơn các tổng khác. Sau một thời gian, tổng này vẫn còn là nơi tụ tập của kháng chiến quân.

Lúc mới thành lập, tổng này gồm có 4 xã : Hiệp Ninh, Lộc Ninh, Phước Hội và Đôn Thuận. Đến tháng 7 năm 1958, xã Đôn Thuận sát nhập vào quận Trảng Bàng cũ.

- Tổng Lộc An : dưới thời Pháp thuộc, tổng Lộc An gọi là tổng *Chơn Bà Đen*, gồm có 4 xã : Khédol, Canhung, Rùng, Thùng.

Đến năm 1957, tổng được nới rộng, gồm luôn các xã của 3 tổng kế cận : Kham Xuyên, Tabalyul, Bang Chrum thuộc quận Châu Thành.

Tháng 3 năm 1958, xã Khédol đổi tên Việt gọi là xã Tân Hưng (tại đây còn có một số đồng bào Chăm, Miên cư ngụ).

Đến tháng 7 năm ấy, xã Tân Hưng rộng lớn lại chia làm 3 xã là Tân Hưng, Tân Long, Tân Hội.

Quận Phước Ninh gồm có 2 tổng, 15 xã.

- Tổng Hòa Ninh có 8 xã : Thái Bình, Trí Bình, Thanh Điền, Hòa Hội, Long Vĩnh, Ninh Điền, Phước Tân, Phước Trường

- Tổng Phước Hưng có 7 xã : Phước Hòa, Phước An, Phước Vinh, Phước Lộc, Hảo Đước, Phước Lợi, Hòa Hiệp.

Quận Hiếu Thiện có 3 tổng, 15 xã.

- Tổng Mỹ Ninh gồm 5 xã : An Thạch, Bình Thạnh, Lợi Thuận, Phước Lưu, Phước Chỉ.

- Tổng Triêm Hóa gồm 4 xã : Hiệp Thạnh, Phước Trạch, Thạnh Đức, Thạnh Phước.

- Tổng Giai Hóa gồm 6 xã : Long An, Long Chử, Long Giang, Long Khánh, Long Thuận, Tiên Thuận.

Quận Khiêm Hanh có một tổng, 5 xã : đó là tổng Thanh Bình gồm 5 xã : Đôn Thuận, Phước Thạnh, Thuận Lợi, Bến

Củi, Cầu Khởi.

2. ĐỊA LÝ

VỊ TRÍ

Tỉnh Tây Ninh nằm về phía Bắc Nam phần Việt Nam, cách Sài Gòn 99 cây số ngàn. Biên giới dài độ 214 km.

- Bắc giáp Kômpông Cham (Cam-bốt).
- Nam giáp tỉnh Hậu Nghĩa.
- Đông giáp tỉnh Bình Dương và Bình Long.
- Tây và Tây Bắc giáp với 2 tỉnh Prey-Veng và Sway Riêng (Cam-bốt).

Diện tích : Diện tích tỉnh Tây Ninh ước chừng 3851 cây số vuông. Nhờ vị trí nằm giữa Sài Gòn và Nam Vang, Tây Ninh là đường giao thông cần thiết nối Cam-bốt với miền Đông Nam phần Việt Nam.

Tỉnh Tây Ninh nằm trên vùng đất khá cao, chỗ cao nhất cách mặt biển 15 thước.

Phía Bắc có nhiều rừng rậm, phía Nam thì đồng ruộng.

Châu Thành Tây Ninh đặt tại xã Thái Hiệp Thạch, quận Phú Khương.

ĐỊA CHẤT

Đất Tây Ninh kém màu mỡ hơn các tỉnh miền Tây Nam Việt. Một phần lớn là đất phù sa cũ, trừ những vùng có cây rậm, lớp đất mun trên mặt bị mưa cuốn trôi đi để lộ ra đất cát xám. Lòng đất thường là đất phèn. Mặt dưới lại thường có sạn sỏi và đá đỏ. Diện tích đá đỏ lộ thiên này có lẽ chiếm

10% diện tích tỉnh : cây số 13 chân núi heo.

Ngay so với miền Đông Nam phần là nơi cằn cỗi, thì đất Tây Ninh cũng vẫn còn thuộc loại đất xấu, tương tự với Bình Dương, Biên Hòa. Tuy nhiên đất xám ở nhiều nơi đã đem lại những kết quả khá tốt cho việc trồng cao su.

NÚI ĐỒI

Trong tỉnh có 3 trái núi, cao nhất là núi Bà Đen độ 884 thước.

Kể đến là núi Heo và núi Phụng nằm về phía Tây và phía Nam núi Bà Đen, cao từ 400 đến 600 thước. Ngoài ra không còn núi đồi nào khác đáng kể.

SÔNG NGÒI

Tây Ninh có hai con sông lớn : sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông.

1. Sông Sài Gòn chảy dọc theo ranh giới Tây Ninh và tỉnh Bình Dương, nằm trên khoảnh đất xã Bến Củi, dài lối 6 cây số ngàn. Có một nhánh lớn uốn khúc trong địa phận Tây Ninh là « Rạch Sanh Đồi », lưu thông được trên một quãng ngắn.

2. Sông Vàm Cỏ Đông chảy ngang qua tỉnh có một thủy lượng quan trọng hơn sông Sài Gòn và lưu thông được suốt năm cho tất cả thuyền bè. Vì vậy sông này giữ vai tuồng cần yếu cho nền kinh tế của tỉnh. Thủy nguồn chánh là « Rạch Cái Bác » cũng lưu thông được.

Các chi nhánh bên tả ngạn rạch Sóc Om, rạch Tây Ninh,

rạch Trảng Bàng, đều có thể lưu thông được.

KHÍ HẬU – THẢO MỘC – CẦM THÚ

Khí hậu Tây Ninh nóng và ẩm ướt. Nhiệt độ buổi sáng 27, buổi trưa 32, buổi chiều 30. Trên núi nhiệt độ nhẹ hơn từ 4 đến 6.

Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 dl.

Gió mùa thổi từ Tây Bắc sang Đông Nam. Không có bão tố.

- Tỉnh Tây Ninh có các loại thảo mộc đáng kể : Sao, Huỳnh, Chò, Dầu, Vên Vên, Sến, Gõ Mật, Tràm, Công, Săng, Lành, Ngạch Cài, Chiêu Liêu.

- Tại các khu rừng thuộc tỉnh Tây Ninh trước kia thường có : Nai, Mễn, Chồn, Cheo, Thỏ, Heo rừng, Gấu, Cọp.

- Nơi săn bắn được là nơi Trại Bí, Lò Gò, Bàu Cỏ, Ka-tum, Bồ túc, Lộc Ninh và Trại Dầu.

GIAO THÔNG THỦY BỘ

Sự lưu thông bằng đường thủy từ Tây Ninh đến các tỉnh khác được thuận tiện, nên ghe thuyền thường tải hàng đến bán tại các bến Phú Đức, Hiếu Thiện, Bến Kéo và đôi khi cũng đến tận Bến Sỏi (quận lỵ Phước Ninh).

Trên các sông rạch trong tỉnh, sự lưu thông với các vùng xa xôi phía hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông được dễ dàng là có nhiều ghe thuyền và đò máy thường tới lui.

Ngoài ra, các công trình thủy nông, từ năm 1958, trong

tỉnh đã hoàn thành việc đào 3 con kinh thoát thủy tại xã An Thạnh và Lợi Thuận thuộc quận Hiếu Thiện (Gò Dầu Hạ) :

- Kinh số 1 dài 1.300 thước, rộng 2 thước, sâu 0,90 thước thông với rạch Gò Xoài và sông Vàm Cỏ Đông chạy đến ranh ấp Voi thuộc xã An Thạnh.

- Kinh số 2 dài 4.700 thước, sâu 1,40 thước đến 1,80 thước, đáy rộng 1,40 thước, mặt 4,20 thước.

- Kinh số 3 dài 2.600 thước, sâu 1,30 thước, mặt 4,20 thước, đáy rộng 1,30 thước.

Lại còn có một con kinh đào đáng kể nhất trong tỉnh là con kinh đào Séville. Kinh này hoàn thành vào năm 1902, do sáng kiến của tỉnh trưởng Pháp thời bấy giờ tên Séville. Kinh dài 4 cây số rưỡi, nối liền tỉnh lỵ Tây Ninh với sông Vàm Cỏ Đông, lưu thông được cho ghe thuyền trung bình.

Về đường bộ có những con đường tân tạo :

- Đường Tây Ninh – Katum, bắt từ Kédol (xã Tân Hưng) đến Bồ Túc (xã Tân Long) dài 36.000km cán đá suốt chiều dài.

- Đường Bồ Túc đi Bình Phú (tỉnh Bình Long) dài 27.580km, cán đá đỏ một khoảng khá dài.

- Đường Tà Đưng – Võ Tùng dài 20km.

- Một con đường đưa từ Tây Ninh về Sài Gòn, và tỉnh lộ số 12 được tiếp xúc nối bởi quốc lộ số 1 đưa về Trảng Bàng và Gò Dầu Hạ. Tây Ninh cách Sài Gòn 99km ; Trảng Bàng cách Sài Gòn 49km và Gò Dầu Hạ cách 60 km.

- Hai con đường đưa lên Nam Vang, một là quốc lộ 1 chạy

ngang Gò Dầu Hạ, một là tỉnh lộ 13 khởi từ Tây Ninh đến Soài Riêng nối với quốc lộ 1 chạy lên Nam Vang.

- Một con đường khác nữa đưa từ Tây Ninh đến Kédol (Tân Hưng) là ở chơn núi Bà Đen cách tỉnh lỵ 15km. Con đường này có hai chi nhánh :

- Một con đường dài 8,7 km đưa đến chân núi, nơi đây có đường mòn đưa vào đến tận chùa Bà Đen.

- Một con đường có ngả rẽ đưa lên tận trên núi.

Tỉnh lộ 13 đưa từ Tây Ninh đến sông Sài Gòn, nơi đây có hai ngả rẽ, một về Bình Dương, một đi Soài Riêng :

- Một con đường dài 15km đưa từ Trảng Bàng đến bùng binh, nơi đây có một nhánh chạy theo sông Sài Gòn.

- Một con đường cách Trảng Bàng 1km, đến nối với quốc lộ 1 đưa về các con đường tỉnh Chợ Lớn.

Ngoài những con đường chánh kể trên, Tây Ninh còn có :

- Con đường xóm Vinh đưa đến tháp Chot-Mat, ngôi tháp chôn các vị tù trưởng người Chàm từng ở Tây Ninh.

- Đường Thanh Điền đưa đến một ngôi chùa có nhiều tượng cổ.

**PHẦN II : TÂY NINH DI TÍCH LỊCH SỬ
QUA NHỮNG SỰ TÍCH TRUYỀN KHẨU
ĐỊA PHƯƠNG**

Vùng đất Tây Ninh, về đền đài cổ, hiện nay chỉ còn vài di tích và một tháp Miên bằng gạch tại xã Bình Thạnh, cách Gò Dầu Hạ độ 10km. Tháp này dân Miên gọi là Prey Prasath Onkong, và ta gọi là Ông Công.

1. Tại xã Tân Long (quận Phú Khương) trên một gò đất, còn di tích một lầu đài bằng gạch.

2. Tại Long Khánh và Long Thuận, còn vết tích bốn cái tháp.

3. Tại Hiệp Ninh còn nền móng một cái tháp.

- Ở Phước Hội cũng có nhiều di tích.

- Ở xã Phước Thành còn vết tích một thành phố Miên.

4. Tại Cẩm Giang còn tàn tích một tòa nhà của tri huyện Quan Hóa.

Ngoài ra còn nhiều di tích do viện khảo cổ ghi chép như sau :

TÊN CỔ TÍCH : ĐỊA ĐIỂM

- Rừng : Khu vực có ba đền đài bằng gạch

- Hào Đức : Tháp Chót Mạt (mộ của những viên trưởng Chàm)

- Thanh Điền : Di tích và nhiều vật điêu khắc

- Bùng Binh : Di tích một tháp gạch

- Phước Chí : Nhiều vật điêu khắc

- Phước Trạch : Nhiều vật điêu khắc trong chùa tại Xóm Chùa

- Tiên Thuận : Di tích hai đền đài, nhiều vật điêu khắc

- Phước Hưng : Đền thờ Prey Chek

- Đay Xoài : Đèn thờ Prey Prasat và nhiều vật (thôn Leach Veng) điêu khắc

SỰ TÍCH LINH SƠN THÁNH MẪU

Nói đến núi non ở Tây Ninh, ngàn người như một không ai là không nghe tiếng núi Bà Đen, tục gọi núi Điện Bà tức Linh Sơn.

Huyền sử về Bà Đen thật vô cùng cảm động. Hiểu qua sự tích theo mẫu dã sử, có vẻ như một huyền thoại hoang đường và thật ý vị, hẳn người người đều khâm phục. Rồi dầu không tin tưởng, vẫn đem lòng mến mộ vì sự tích rất thâm thúy, đủ để làm gương cho người đời.

Tương truyền : ngày xưa, núi Bà Đen gọi là núi Một. Trên núi có tượng Phật đá rất linh. Tin đồn dần dần lan truyền khắp xa gần.

Nhưng bấy giờ đường sá hãy còn sầm uất, rừng rậm bao quanh, cộp beo khá nhiều. Đường đi lên núi khó khăn. Thập phương bá tánh vì lòng tín ngưỡng quá nhiệt thành, bất chấp mọi gian lao nguy hiểm, hiệp nhau dọn đường lên cúng Phật. Mỗi lần lên núi, phải hiệp đoàn với nhau mà đi cho đông đảo, để tránh tai nạn thú dữ đón đường.

Tại Trảng Bàng, có cô gái tên Lý Thị Thiên Hương thông thạo văn chương, lại biết ít nhiều võ nghệ, mỗi ngày rảnh hay lên núi lễ Phật. Tuy diện mạo cô đen đúa, nhưng duyên dáng và tài năng khiến được lòng người say đắm. Chàng trai làng là Lê Sĩ Triệt đem lòng thầm yêu trộm nhớ. Cũng như nàng Lý Thị Thiên Hương, chàng Lê Sĩ Triệt văn hay võ giỏi, có

tiếng trong vùng.

Giữa lúc cùng chàng ấp ủ mộng lòng cùng ai, ngờ đâu còn có một con trai của một viên quan để ý đến Lý Thị Thiên Hương, quyết tìm cách bắt cóc cô về làm thiếp. Đem tiền bạc quyền quý cảm dỗ không xong, hăn bèn sai một tên thuộc hạ dùng võ lực bắt nàng cho kỳ được.

Lý Thị Thiên Hương bị tên côn đồ đón vây bắt. Giữa lúc nguy khốn, chàng Lê Sĩ Triệt xông ra giải cứu, đánh đuổi tên côn đồ tẩu thoát.

Nàng cảm động tạ ơn chàng rồi về nhà thuật chuyện cho cha mẹ rõ. Để đáp ân sâu, cha mẹ nàng hứa gả nàng cho chàng. Được lời như cốt tấc lòng, chàng Lê Sĩ Triệt hân hoan.

Nhưng đang buổi bấy giờ giặc giã dậy lên, làm trai há đắm say tình mà quên nhiệm vụ. Nhân khi Võ Tánh đứng ra chiêu binh chống Tây Sơn, Lê Sĩ Triệt tòng quân.

Ngày chia tay, nàng ngậm ngùi bảo chàng :

- Một lời đã hứa cùng nhau, thiếp nguyện thủ tiết đợi chàng. Xin chàng tin ở thiếp. Trăm năm chẳng lỗi thề, an tâm lên đường.

Chàng ra đi. Nàng ở lại vò võ trông ngày đoàn tụ. Một hôm nàng lên cầu khấn trên núi lúc trở về gần chân núi, thành linh một bọn gia nô của con vị quan đến vây bắt. Nàng nhào xuống hố tử tiết không ai hay, ba hôm sau Lý Thiên Hương mới báo mộng cho vị hòa thượng trụ trì trên núi Tây Ninh. Khi ông đang niệm Phật, bỗng thấy một người con gái mặt đen nhưng rất duyên dáng hiện ra mà bảo :

- Ta đây là Lý Thị Thiên Hương. Năm 18 tuổi, chẳng may gặp bọn gia nô của quan trấn ở Trảng Bàng đuổi bắt ta nhào xuống hồ thắm tử tiết mà bỏ xác phàm. Nhờ căn tu mấy kiếp đã trải qua, nên linh hồn siêu thoát, đắc quả vị thần thông. Xác ta dù đã ba ngày vẫn còn nguyên vẹn. Hòa thượng nên xuống triền núi phía Đông Nam mà tìm thi hài ta chôn cất giùm.

Hòa thượng theo lời mách bảo tìm gặp xác, đem chôn cất.

Chuyện lạ đồn vang, thấu tai thượng quốc công Lê Văn Duyệt. Vốn tánh cương trực không tin điều huyền hoặc, ngài thượng công thân hành lên núi xem xét hư thực. Ngài tuyên ngôn cho người khuất mặt biết :

- Hồn trinh nữ Thiên Hương quả có hiển linh, hãy xuất hiện cho bốn chức xem thử.

Lời ngài thượng công tuyên phán với người khuất mặt vừa dứt, xảy thấy một cô gái chạy đến ứng tiếng :

- Xin chào thượng quan.

Ai nấy đều ngạc nhiên sửng sốt, ngài thượng công nghiêm trang :

- Có chuyện chi ?

- Tôi chính là Lý Thị Thiên Hương đây.

Thì ra Lý Thị Thiên Hương nhập xác vào cô gái, và nói tiếp :

- Tôi xin mách bảo trước cho thượng quan được biết. Hồn của thượng quan sau này sẽ được phong thần vinh hiển,

nhưng xác của thượng quan sẽ bị hành hạ, mà bị xiềng xích, tên tuổi bị đục khoét, sau mới được minh oan.

Ngài thượng công Lê Văn Duyệt, nói :

- Bốn chức không cầu xin biết tương lai của mình, mà muốn biết rõ căn do của nàg.

Hồn Lý Thị Thiên Hương thuật rõ mọi điều rồi nói :

- Thượng đế chứng lòng đoan trinh của thiếp và tặc dạ trung kiên của chàng Lê Sĩ Triệt nên đã cho được hết đọa luân hồi.

Nay thiếp được ơn trên cho xuống trần cứu nhân độ thế.

Đã được chính mắt thấy tai nghe, ngài thượng công không còn nghi ngờ nữa mới dâng sớ về triều tâu mọi việc, vua Gia Long nhớ lại chuyện năm xưa bèn sắc phong Lý Thị Thiên Hương là *Linh Sơn Thánh Mẫu* chủ trì Linh Sơn Tiên Trạch động, ngự ở núi Một, tức là núi Bà Đen hay núi Điện Bà ở Tây Ninh ngày nay.

Sự hiển linh của đức Linh Sơn Thánh Mẫu như thế nào, thập phương bá tánh đều đã biết. Ngay như lời tiên tri của đức Linh Sơn Thánh Mẫu khi xưa, nói về cuộc đời của thượng công Lê Văn Duyệt, sau đó quả ứng nghiệm như lời.

Từ đó, sự linh thiêng đồn khắp xa gần, truyền mãi đến nay. Trên núi Điện Bà, quanh năm suốt tháng khói hương chẳng dứt. Sự tôn kính đối với đức Thánh Mẫu Linh Sơn biểu lộ rõ ở sự kiêng gọi tiếng Bà Đen, mà gọi là Bà Thâm. Và người địa phương thường dùng chữ thâm thay cho chữ đen trong ngôn ngữ.

Có thể nói rằng, uy thần hiển hách của Linh Sơn Thánh Mẫu núi Điện Bà không kém gì đức bà Chúa Xứ ở Châu Đốc vậy.

THUYẾT THỨ NHÌ VỀ LỊCH SỬ BÀ ĐEN

Chúng ta đã do theo truyền thuyết mà kể sự tích Linh Sơn Thánh Mẫu như trên. Nhưng hãy còn một truyền thuyết khác nữa, tưởng chúng ta cũng nên biết qua để suy gẫm.

Tương truyền : Thuở Tây Ninh còn là phần đất có nhiều người Miên cư trú, tại vùng núi Tây Ninh có một viên quan trấn địa phương người Miên sinh hạ được hai người con, một trai tuấn tú và một gái hiền thực gọi là nàng Đênh.

Nàng Đênh tuổi độ 13, thì có vị sư người Tàu từ Bến Cát (Thủ Dầu Một) đến núi Tây Ninh tìm chùa làm nơi hoằng dương Phật pháp.

Khi đến công đường của Quan Trấn, nhà sư hỏi thăm về việc truyền bá đạo Phật trong vùng, và dò kiếm nơi trụ trì để hành đạo. Quan thủ mời nhà sư tạm nghỉ nhà mình để ông thừa dịp học đạo. Nhà sư vui vẻ nhận lời, từ đó bắt đầu truyền bá giáo lý đạo Phật trong gia đình Quan Trấn và cơ vệ đội.

Tuy trẻ tuổi nhưng sớm có căn tu, nàng Đênh miệt mài nghe nhà sư giảng đạo. Quan Trấn là người mộ đạo, nên sau đó đã thiết lập cho nhà sư một cảnh chùa, nay còn di tích gọi là chùa ông Tàu, nằm về phía Đông chân núi, phía làng Phước Hội lên, chưa được kiến thiết lại.

Thời gian trôi qua mau, nghĩ lại xa cách thiện nam tín nữ

Bến Cát đã lâu, nhà sư bèn tạm biệt Quan Trấn để trở về thăm cảnh cũ người xưa.

Từ ngày sư ông vắng bóng, nàng Đênh vẫn một lòng sùng kính Phật đạo, luôn luôn lo việc công quả cho chùa.

Vốn con nhà trâm anh, tuổi đào tơ sen nõ, nên nhan sắc nàng Đênh xinh lịch, được xa gần nghe tiếng.

Quan Trấn địa phương Trảng Bàng, cơ sở tại sông Đua Bà Thánh, thuộc làng Lộc Hưng nay còn di tích, mới cậy mai đến nói với song thân nàng Đênh, xin cho sánh duyên cùng trưởng nam của ông. Thân sinh nàng Đênh chấp thuận vì xét thấy gia thế đôi bên rất tương xứng, nên hứa lời với đảng trai sẽ cho chọn ngày lành đưa sính lễ sang.

Nhưng khi nói lại cho nàng Đênh biết, thì trước lời hứa danh dự của song thân, nàng chưa biết phải xử trí cách nào, nên xin đình đãi để nàng suy nghĩ kỹ.

Qua nhiều đêm trăn trọc, sau những lần cân phân hơn thiệt. Nàng định tâm lánh mặt đợi ngày nàng có dịp cạn tỏ nỗi lòng. Vì nàng đã phát nguyện xuất gia cầu đạo, không thể lập gia đình để gây mãi kiếp luân hồi khổ não.

Một đêm khi cha mẹ ngủ yên, nàng lén ra đi tầm đạo. Rồi biệt tích.

Thời gian qua, hiển thánh, bà nhập xác cho cô gái trong làng, thuật cho mọi người biết bà trút bỏ xác phàm, đắc thành chánh quả, vâng ơn trên xuống thế cứu độ chúng sanh. Nhân dân sùng kính bà từ đấy.

Trong giai đoạn chúa Nguyễn Phúc Ánh mộng trần tẩu

quốc tại miền Nam, bà vẫn thường hiển linh hộ trợ cho. Do đó, sau khi lên ngôi, vua Gia Long truyền cho quan địa phương đúc cốt bà Đênh bằng đồng đen mà thờ tại động trên non linh.

Nhà vua lại sắc phong cho bà là Linh Sơn Thánh Mẫu. Nơi động thờ bà gọi là Linh Sơn Tiên Thạch động.

Dân chúng truyền nhau sự tích bà, nên gọi núi Tây Ninh là núi bà Đênh, rồi gọi trại là núi Bà Đen.

Hai sự tích tương truyền, đâu là sự thật ? Tuy nhiên, xét ra hai truyền thuyết mà chúng tôi đã lược kể trên đây, đều có ý vị. Con người đã giữ lòng đoan chính, không vương miền tục lụy, phần hồn siêu hóa thần thông là lẽ đương nhiên.

Ngày nay đồng bào Tây Ninh cũng như thập phương bá tánh hết sức tin nơi oai linh của bà như một thần tượng cứu nhân độ thế. Những ai có lòng thành, khi hữu sự đến cầu lạ van bái bà sẽ được hộ trì linh ứng. Kẻ ác gian ngang ngược khinh khi ngạo mạn sẽ bị trừng trị cho nhân gian thấy rõ đấng vô hình lúc nào cũng thưởng phạt công minh.

CON ĐƯỜNG SỨ

Sau ngày vua Gia Long gom đất nước về một mối, lập triều đại nhà Nguyễn, xứ Cam Bốt thần phục Việt Nam, hằng năm đều chấp thuận cuộc dâng nộp lễ vật cho triều đình Việt, để kết mối bang giao thân thiện.

Các sứ thần Miên mỗi năm mang lễ vật qua cống hiến Nam triều, muốn ra Huế phải qua địa phận Tây Ninh, và đường quan cũ về sau được sửa sang biến đổi thành con

đường Tỉnh lộ 13 và con lộ Xóm Vịnh. Vì lẽ đó, con đường này hãy còn được gọi là « Đường Cống Sứ » hoặc « Đường Sứ ». Ấy là con đường đánh dấu một giai đoạn vinh quang của nòi Việt.

Điều nên biết thêm, ngày xưa còn có một con đường từ đất Gia Định Hốc Môn, Ngã Ba Thẳng Tây, Tân Phú Trung lên thẳng xuyên qua quận Cửu Chi ngày nay, cách hướng đông quận lỵ thẳng tới làng Trung Lập, trảng Lông Công, đến địa phận tỉnh Tây Ninh qua ngã tư Bầu Đồn ngang Cầu Khởi, lên trước toà thánh Tây Ninh vào tỉnh lỵ, dài gần 100km. Con đường này dành riêng cho quân đội Nam triều sử dụng, vận tải lương thực, giao liên tiếp tế giữa quân dân chính, để kiện toàn nền bình trị, đem lại an ninh và mưu phúc lợi cho toàn dân miền Nam. Đó cũng là con đường huyết mạch của dân tộc, mỗi khi phải đương đầu với giặc Miên, Chăm hay bất cứ cuộc xâm lăng nào, khi quân đội do đó xuất phát, tiếp viện nhanh chóng, hầu đoạt lấy thắng lợi.

Bởi con đường quan hệ, có sứ mạng kiên trì bảo vệ cho dân miền Nam, nên đương thời cũng gọi tên riêng về con đường ấy là « Đường Sứ » (mỗi nơi dọc theo đường sứ có trạm thay đổi ngựa cho khoẻ rồi mới đi).

Danh từ *đường sứ*, nói lên tinh thần hào hùng bất khuất và nổi bật uy danh của một dân tộc đã từng khiến các lân bang phải thần phục.

Thử tưởng tượng quang cảnh rộn rịp của đoàn quân xuất phát phân phối lực lượng bảo vệ cho toàn vùng biên giới Tây Ninh năm xưa và hãy thử tưởng tượng quang cảnh tấp nập

của các sứ thần Miên và đoàn tùy tùng rần rộ đi trên Đường Sứ để về triều cống nước Việt.

Tây Ninh huyền diệu với núi Điện Bà và toà thánh làm điển hình, mà Tây Ninh cũng hãnh diện với con Đường Sứ thuở nào.

Nhắc lại con Đường Sứ tức là gợi lại nét kiêu hùng của Tây Ninh nói riêng, dân tộc Việt Nam nói chung, ngày xưa vẫn đã từng oanh oanh liệt liệt.

Con Đường Sứ này, xưa kia còn gọi là Thiên Lý Cù, rộng lớn như một tỉnh lộ, nhưng đắp bằng đất. Nay còn lại một đoạn với nhiều cây cổ thụ mọc hai bên lộ.

Dọc theo Đường Sứ, có rất nhiều cây *muôn quân* trái tròn bằng ngón chân cái, màu nâu nâu, vị chua chua giòn ngọt. Người ta kể rằng, khi Nguyễn Ánh tẩu quốc, thiếu lương thực, những cây này đã cứu ông và quân lính khỏi cơn đói khổ. Vì thế các cây ấy được gọi là cây *mừng quân* và sau này dọc trại ra là *muôn quân*.

Con Đường Sứ ngày nay với bộ mặt mới, đường tráng nhựa, đồng bào cất nhà dọc theo lộ rất đông, đây là con đường lịch sử được tồn tại đến sau này.

SÔNG ĐUA, HÀO THÀNH

Theo sử chép : vào thế kỷ XVII, vua Miên Nặc Ông Chân xâm lấn nước ta, chiếm cứ Tây Ninh, lập đồn vua tại làng Đôn Thuận, nằm trong quận Khiêm Hanh ngày nay, cách quận 2km, trên Quốc lộ 13.

Giữa đồng ruộng bao la, trên một gò đất hoang vu, bỗng nhiên nổi lên đền đài cung điện. Chung quanh vùng đền đài có đắp thành, đào hào (gọi là chiến hào) để ngăn ngừa kẻ gian và kẻ nghịch.

Trước mặt đền đài, nhà vua có cho đào một con kinh dài độ 1.000m, bề ngang 200m. Kinh này được nhân dân gọi là sông Đua.

Sở dĩ có tên sông Đua, vì hàng năm nhà vua có tổ chức cuộc đua thuyền trên sông này.

Theo tập quán của nước Miên, hàng năm đến ngày Tết, tổ chức lễ rước nước và đưa nước. Cuộc lễ tổ chức trọng thể, trò vui chính là cuộc đua thuyền trên sông. Nhà vua ra trước bờ thành để thưởng lãm, dân chúng xa gần cũng tề tựu đông đảo trong ngày lễ.

Gần cuối thế kỷ XVII, người Việt ta ở đàng ngoài, từ miệt Phú Yên, Phan Thiết thường hay bị mất mùa. Nhân dân các tỉnh ấy di cư vào tỉnh Gia Định rồi tiến lên miệt Trảng Bàng, Gò Dầu Hạ và vùng Tây Ninh để khai khẩn đất đai lập nghiệp. Dân ta đến đâu thì thổ dân lần lần rút đi nơi khác.

Sông Đua nay thì cạn lặn, mặt nước sông phẳng lặng như mặt nước hồ thu.

Hào thành thì chỉ còn trơ lại gò đất cao hoang vắng mà thôi.

Nên để ý : sông là con sông tự nhiên trời sinh. Kinh là do sức người đào lấy. Ở đây quả thật là kinh đào, nhưng nhân dân địa phương không phân biệt danh từ nên thay vì gọi kinh

mà lại gọi là sông, do đó mới gọi là sông Đua.

Ngày nay mỗi khi đi qua sông Đua và Hào Thành, chúng ta không khỏi có phút suy tư cho việc đời tang điền thương hải. Trước đây, nơi cảnh này quân binh rộn rịp, cờ xí tung bay, trống chiêng vang dội, vậy mà giờ chính quyền nguy lại dựng lên đồn nghĩa quân để giữ an ninh vùng này.

CHÙA ÔNG GIA NINH VỚI NHỮNG CHỨNG TÍCH LỊCH SỬ

Tại góc đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Đức ở Tây Ninh vẫn còn tồn tại một ngôi chùa Ông đáng kể. Như tên gọi, đó là nơi thờ Ông theo danh từ thông thường tỏ vẻ tôn xúng đức Quan Thánh đế quân. Thì vẫn một lối kiến trúc cổ kính như khắp các chùa Ông khác trên khắp các nẻo đường đất nước, thì cũng cúng kiếng hàng năm như thông lệ nơi nơi thường diễn ra, nhưng ngôi chùa Ông ở Tây Ninh lại có một sắc thái đặc biệt, làm nổi bật tên tuổi ngôi chùa.

Tương truyền : thuở chúa Định vương Nguyễn Phúc Thuần cùng cháu là Nguyễn Phúc Ánh mộng trần, chạy trốn Tây Sơn mà thẳng vào Nam mưu đồ báo phục ; chúa Nguyễn để gót lưu vong tại Tây Ninh thường khi ẩn thân trong chùa Ông ấy.

Kịp khi Tây Sơn tiến đánh trong Nam, chúa Định vương bị bắt, Nguyễn Phúc Ánh lên thay cầm binh quyền, trải qua lắm giai đoạn thăng trầm, ngài vẫn không quên ngôi chùa Ông ở Tây Ninh từng là chỗ dung thân của ngài, khá an toàn. Bởi thế, khi thống nhất non sông, ông không quên đặt tên ngôi

chùa ông là « Gia Ninh », ý hẩn để nhớ gốc tích nơi đất thiêng liêng đã đảm bảo an toàn cho ông và cho toàn dân vùng Gia Định ở miền Nam.

Rồi trải qua bao cuộc biến thiên, đến thời gần đây, nơi ngôi chùa Ông Gia Ninh lại còn là chỗ dung thân của những nhà cách mạng có thừa tâm huyết yêu nước thương dân, như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Cư Hiến tự Quốc Biểu v.v...

Lợi dụng địa điểm chẳng ai chú ý, các nhà cách mạng đã từng âm thầm họp nhau thảo luận trong ngôi chùa tĩnh mịch.

Ngày nay ngôi chùa Ông Gia Ninh còn trơ gan cùng đất nước. Nơi đây có di tích thời Gia Long tẩu quốc ; nơi đây có lúc là trụ sở mật của những người tâm huyết họp bàn tham mưu hoạch định chiến thuật chống bạo lực cường quyền.

Hàng năm, tại chùa Ông cúng tế hai lần : ngày 13 tháng giêng và ngày 13 tháng 5 âm lịch. Những khi dự lễ cúng tế, ai biết chẳng và có tưởng nhớ chẳng những chứng tích lịch sử mà chúng tôi ghi nhận đậm nét trên đây.

CẢM NIỆM QUANG CẢNH CHÙA GIA NINH

Nền cổ kính Văn Lang mẫu mực

Một đền thờ nghi thức đoan trang

Nguyễn Vương¹ *trong lúc nguy nàn*

*Chồn chân **Tây Lĩnh**² sửa sang ngôi chùa.*

*Thờ **Quan Thánh**³ nhà vua ngự bút*

Chùa Gia Ninh kiến trúc cổ truyền

*Tượng thờ tam hữu Đào viên*⁴

Một lòng giúp Hớn trung kiên sáng ngời.

Với dụng ý khuyên đời cương trực
Noi gương xưa đáng bậc hùng anh.
Phơi gan nâng vạc đỡ thành
Khuông phò xã tắc, giữ gìn non sông.
Thường hội họp cộng đồng đảng trị
Nhóm **Cần Vương**, tướng sĩ, văn quan
Gian lao trong bước ly loạn
Chờ ngày phục quốc, giang san huy hoàng.
Thời Pháp thuộc, lâm than thêm nữa (1863-1945)
Chống xâm lăng cây dựa miếu này
Thiên Địa Hội họp nhau đây
Trong các ngày vía trình bày thiết hư.
Để trao đổi thư từ tin tức
Nhờ uy linh các bậc tiền nhân
Chở che sau trước an thân
Cơ mưu giữ kín giữa quân Pháp trào
Người kháng Pháp thường nhào vô đó
Năm bốn lăm (1945) chập ngõ đầy chùa
Pháp – Việt lẫn trận hơn thua
Cách mạng Tháng Tám đổ xua vô rừng,
Ngoại thế kỷ bão bùng mưa nắng
Vẫn trơ gan đứng thẳng chống trời.
Dấu cho vật đổi sao dời
Bền gan tuế nguyệt, trọn đời hiên ngang.

TRUYỀN THUYẾT BẾN NÀNG RÀ

Đất Tây Ninh ngày xưa, như chúng tôi đã trình bày ở phần trên, vốn là đất có rất nhiều người Miên cư ngụ. Bởi thế

tại đây hãy còn đầy đầy sự tích có liên quan rất nhiều đến sinh hoạt và văn hoá Miên. Kể ra cũng có nhiều sự tích.

Bến Nàng Rà nằm gần biên giới Miên, cách Tây Ninh chừng 30km đường đi Kompong Chàm, Quốc lộ 22. Chỗ khoảng bến này, có một cái tháp của người Miên. Thời xa xưa, theo tục lệ Miên, những ai muốn đến cúng chùa có vàng bạc gì đều đem bỏ trong cái tháp này tất cả, và đến đây đọc kinh cầu phước. Ngày nay ngôi tháp vẫn còn.

Trước kia đường giao thông cũng khá thuận tiện, đồng bào mình thường đi ngang qua các bến ấy. Có điều hơi lạ lùng, mỗi khi đến cách tháp chừng 100m, bỗng nghe tiếng xì xào như có đông người đang nhóm chợ. Nhưng đến sát thì rất yên lặng, trông ra sau trước, chung quanh chẳng thấy có bóng dáng người nào. Rồi đến khi trở về đứng xa trông vào chỗ tháp ấy, vẫn nghe rõ mồn một như có đông người tập hợp lại.

Chuyện lạ đồn rùm. Lâu ngày ai ai cũng nghe nói đến.

GHE NĂM (TỨC GHE NĂM CHÈO) BỊ VÙI LẤP TRONG NGỌN SUỐI LÂM VỒ

Nghe nói đến ghe *năm*, nhiều người không hiểu biết chi cả. Đó là loại ghe năm chèo ngày xưa.

Ngày xưa, tiền nhân ta thường dùng loại ghe năm chèo để di chuyển trên sông rạch cho mau lẹ cũng như loại ghe ô, ghe Lê mũi nhọn đáy chắt.

Riêng ở vùng Tây Ninh có rừng già nhiều, nên có nhiều cây cổ thụ thuộc loại danh mộc, người ta hạ xuống, khoét

ruột, trở một chiếc ghe liền trong thân cây, dài độ 10m ; hai bên gắn 4 chèo, sau lái 1 chèo là năm người chèo. Loại ghe này dùng vào việc di chuyển binh lương mau lẹ được gọi tắt là *ghè năm*.

Lúc bấy giờ vào năm 1780-1782, Nguyễn Ánh thường xuất hiện ở Tây Ninh. Để lẩn trốn, ông cùng quần thần thường hội hiệp ở sân châu giữa một khu rừng hoang vắng. Truông Hồng Đào được tiếp tế lương thực của đồng bào địa phương. Dân chúng vận tải lương thực bằng ghe năm vô ngọn suối Lâm Vồ là con đường huyết mạch.

Ghe đậu tại ngọn suối rồi, phải di chuyển bằng đường bộ giữa rừng một khoảng xa mới đến địa điểm đồn trú của chúa tôi Nguyễn Ánh.

Một lần nọ, lúc ghe vừa đến ngọn suối, quan quân Tây Sơn đuổi theo gấp quá, chúa tôi Nguyễn Ánh đành bỏ ghe di quân đi xa. Chiếc ghe năm đó mãi mà chủ đi chẳng trở lại.

Về sau, mưa tuôn nước chảy, cát lấp. Nhiều năm qua, đất cát lấp càng nhiều. Đến nay ghe bị chôn vùi chỉ còn ló lên một cái lái mà thôi.

Ngày nay, đồng bào đi lấy củi hoặc lấy dầu rái, hãy còn thấy phần lái chiếc ghe năm phơi bày trên mặt đất, nơi mà ngày xưa là ngọn suối.

Đó là di tích chiếc ghe năm ngày xưa còn lại.

Tại Cà Mau, miệt Năm Căn cũng có chiếc ghe của vua Gia Long tại rừng U Minh, bị chôn vùi dưới con rạch, nay chỉ còn thấy cái mũi ghe to lớn.

Trải bao thế kỷ mà ghe không mục, đó là nhờ người xưa chọn gỗ toàn là danh mộc.

Nơi đây, chúng tôi sưu tầm di tích lịch sử chiếc ghe năm, để hiến quý bạn đọc có tinh thần tồn cổ.

GIẾNG MẠCH THIÊN NHIÊN

Trên mặt đất, có bao nhiêu nguồn lợi thiên nhiên, của tạo hoá dành cho nhân dân Tây Ninh thụ hưởng.

Vùng Tây Ninh đất cao, rừng sâu, núi Điện Bà hùng vĩ chiếm một góc trời. Trên núi cao thế mà có nước chảy quanh năm suốt tháng. Ở đồng bằng cũng có nhiều ngọn suối ngầm dưới lòng đất, tươi mát vườn tược, cây trái, hoa màu được xanh tươi. Đến Tây Ninh, chúng tôi được sự hướng dẫn của ông Nguyễn Văn Hào, cựu giáo viên tỉnh này để tìm hiểu qua những di tích lịch sử ở đây. Chúng tôi được biết một mạch nước ngầm toạ lạc tại xã Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh Thượng, quận Châu Thành tỉnh Tây Ninh, nằm sát con lộ 22.

Giếng này không biết có từ đời nào. Mạch nước cứ tuôn trào ra mãi không ngớt. Nước trong và ngọt.

Từ thuở xa xưa, đồng bào trong tỉnh Tây Ninh thường lấy nước ở giếng mạch đem về dùng trong những tháng thiếu nước.

Khi quân Pháp đến Tây Ninh, thì họ khai thác cái giếng này vào năm 1910 và tìm thêm mạch suối Ao Hồ.

Giếng mạch được xây gạch chung quanh kỹ lưỡng và có cất một nhà nhỏ bao cái giếng lại cho được sạch sẽ.

Đồng bào trong tổng Hàm Ninh Thượng cũng dùng trong nước giếng này. Giếng không bao giờ cạn.

Năm 1942, ông Trường Tiền Rousseau ra lệnh phá giếng để lấy gạch đem về sửa chợ Tây Ninh, người Pháp không muốn dùng cái giếng này nữa nên bỏ phế.

Năm 1943, ông Phạm Văn Hoài, bảo trình lại với phụ thân ông đốc học Phạm Văn Tươi nên sửa chữa lại cái giếng mạch cho khang trang, nếu không thì trong làng bị xáo trộn và bị hư hoại. Nên biết ông Hoài là người sinh trưởng tại xã Hiệp Ninh.

Từ khi giếng được sửa chữa, thì dân chúng trong làng rất vui mừng.

Hiện nay, đồng bào trong vùng đặt ống nơi mé mương sau con lộ để lấy nước tưới về dùng, chứ không còn lấy nước trong cái hồ cũ nữa.

Giếng mạch là kho nước vô tận dành cho đồng bào tỉnh Tây Ninh dùng. Dầu trời nắng hạn thế nào, nước ở giếng mạch vẫn tuôn trào mãi mãi.

Giếng mạch là một di tích thiên nhiên của tỉnh Tây Ninh đất phước, đạo lành.

TOÀ CỔ THÁP PREY PRASATH

Một toà cổ tháp uy nghi cổ kính màu xám xậm, rêu phong cỏ mọc, không biết ở vào thế kỷ nào, trơ gan cùng tuế nguyệt sừng sừng giữa trời mây. Tháp đứng trên một gò đất cao ước lượng một mẫu, chung quanh bao bọc ngọn cỏ thụ

soi tàn rợp bóng, phía bên ngoài là đồng ruộng bao la, cảnh trí hồn nhiên.

Toà cổ tháp này cao chừng 7m, bề kính 5m, tọa lạc tại xã Bình Thạnh cách Gò Dầu 10km thuộc về quận Hiếu Thiện. Tháp này được dân Miên gọi là *prey prasath onkong* người mình gọi là *Ông Công*.

Dân chúng ở vùng này khá đông đảo, ước lượng cỡ 10.000 người, đời sống sinh hoạt về ruộng rẫy.

Theo một vài bô lão cao niên nhất ở địa phương kể lại : Toà cổ tháp có lẽ của người Chăm hay của người Thuỷ Chân Lạp còn lại. Những cổ vật mà chúng ta thấy nằm rải rác ở một vài nơi trên lãnh thổ ta, đó là di tích lịch sử của họ.

Chúng tôi thân hành đến tận nơi quan sát toà cổ tháp này, nghiên cứu thấy cả một công trình kiến trúc rất công phu và mỹ thuật của một thời văn minh trước, những hòn gạch kết lại dính liền rất tỉ mỉ, có nhiều lần chỉ, chỗ hổng khít khao không thấy kẽ hở, đặc biệt không thấy dấu trét chất keo hay loại hồ nào khác mà vẫn dính chắc, dầu mưa to gió lớn không hề sụp đổ.

Nhìn toà cổ tháp trên, chúng tôi cảm nghĩ cho sự đời vật đổi sao dời, dinh hư tiêu trưởng, giang sơn cầm tú trải qua bao cuộc bể dâu nhưng vật kia vẫn còn tồn tại với núi sông, đó là nhân chứng của không gian và thời gian của lịch sử. Rất tiếc vì trời mưa nên chúng tôi không chụp hình cổ tháp được.

MỘ ÔNG HUỲNH CÔNG NGHỆ

Ông Huỳnh Công Nghệ là một trong những vị anh hùng

kháng Miên. Lúc đương thời, ông lập căn cứ tại Bến Thứ trên con rạch Sóc Om làng Hảo Đức.

Con rạch Sóc Om đổ ra sông Vàm Cỏ Đông, ở phía Tây Bắc cách tỉnh thành Tây Ninh 25km, đường chim bay.

Ngôi mộ của ông Huỳnh Công Nghệ nằm ở giữa khu rừng ô tịch này. Mộ đắp bằng đất.

Ngày xưa, khi ông mất, chẳng có con cháu chi. Dân địa phương đứng ra chôn cất, cảm nghĩa người anh dũng kháng Miên bảo vệ nhân dân, nên dựng một ngôi miếu thờ ông. Miếu nằm dựa bờ rạch.

Sóc Om là căn cứ ông chiếm đóng.

Tương truyền : ngày xưa các thợ rừng đi làm cây, thường đem vật thực, gà, rượu đến cúng vái miếu của ông rồi mới bắt tay vào việc.

Trong các bữa ăn khác, thợ rừng cũng vái cúng trước rồi mới dùng sau. Người ta tin tưởng rằng ông linh thiêng phò hộ cho họ được êm xuôi trong nhiều việc.

Tương truyền ban đêm nơi vùng miếu thờ ông, thường :

- Nửa đêm, nghe tiếng ngựa hí vang và có tiếng lặc ngựa khua rộn ràng.

- Nghe tiếng chân người đi ăn nhịp rần rộ như đạo binh ngàn người vậy.

Người xưa cho rằng, đó là những vong linh chiến sĩ trận vong dưới quyền điều khiển của Ngài. Các vong linh này còn ôm mối hờn sông núi, chưa siêu thoát, oan hồn phảng phất quanh quẩn nơi « tổng hành dinh » ngày xưa, nên thường

hiển hiện ra cho thoả chí tung hoành.

Nơi miếu thờ Ngài, sau này là vùng hoang vắng.

Chúng tôi, trong tinh thần sưa tằm và tồn cổ, ước mong sau này, ngôi mộ, ngôi miếu của Ngài được trùng tu cao ráo ấm cúng, để tỏ lòng biết ơn bậc tiền nhân.

MIẾU THỜ ÔNG GỐC : MỘT VỊ ANH HÙNG ẨN DANH KHÁNG PHÁP

Cứ theo lời truyền của dân chúng thì sự tích này đã có từ xưa :

Thuở xưa, vào thời kỳ quân Pháp chiếm lấy tỉnh Tây Ninh, quân ta bị thất trận, tản lạc tứ phía. Có một võ quan tên Nguyễn Phương Hồng từ đâu kéo đến một đoàn binh đóng tại ngọn rạch *Cái Răng* vào tả ngạn sông Vàm Cỏ Đông thuộc về làng Thanh Điền (ấp Thanh Trung) để mai danh ẩn nấp chờ hội phục thù.

Ông ẩn tích nơi đây đã lâu. Quân Pháp hay tin, đến vây đánh. Quân ta lương thảo ít, binh sĩ đói, ghe thuyền thiếu. Trước mặt là sông. Phía sau binh giặc đuổi gấp. Túng thế, ông cho giải tán binh lính, truyền cho chôn giấu súng ống để khỏi rơi vào tay giặc. Hố chôn súng hiện còn dấu tích, cạnh sông, cách rạch lỏi 20m. Giữa tình thế cấp bách, ông bèn chia lương thực cho binh sĩ, bảo họ về quê hoặc tìm chỗ ở lo làm ăn. Phần ông, ông gieo mình xuống nước huỷ mình tử tiết, không để cho giặc bắt, cái hy sinh của ông vì non nước muôn đời vẫn còn sáng chói.

Sau đó, nhân dân trong vùng thường gặp một gốc cây to

trôi lơ dờ trên mặt nước.

Gốc cây không trôi đi xa, chỉ quanh quẩn nơi ông tự trầm. Có khi gốc cây trôi ngược dòng nước. Gốc này to lớn, bề tròn có thể ba người ôm không giáp. Trên đầu gốc có mấy u tròn như đầu người.

Gốc này không biết từ đâu đến. Có người lấy sào xô ra giữa dòng nhưng rồi gốc vẫn trôi lại lơ dờ ở chỗ cũ. Có lẽ hồn thiêng của vị anh hùng còn uất hận với núi sông, nên còn phảng phất nơi đây.

Về sau, nhiều người nằm mộng được thấy ông tỏ bày tự sự, và chừng đó nhân dân càng thêm kính trọng.

Tin ấy đồn xa, chẳng những người địa phương mà khách thương buôn cũng thường ghé thuyền vào dâng hương.

Nhiều lái buôn mua vài tây đỏ bịt vào cái u nổi trên gốc (cho đó là cái đầu) thì gốc trỗi lên xuống như vui mừng.

Có nhiều người truyền tụng rằng gặp ngày lành tháng tốt thì gốc nổi lên cao rồi lắc lắc trôi vòng quanh chỗ cũ.

Đến năm 1920, có người khách trú (Hoa kiều) mua miếng đất nơi đó để trồng mía và lập hăng đường. Thầy thợ và nhân công trong hăng rất tin tưởng ông Gốc và họ cùng nhau lập miếu thờ. Đến năm 1938, đất này được sang lại cho người Pháp, bấy giờ nhóm lao công địa phương mới hiệp nhau tu bổ miếu cũ, xây lại bằng miếu gạch kang trang hơn, hàng ngày có người ở gìn giữ khói hương. Tất cả đều gọi miếu này là : miếu ông Gốc. Vào năm 1949, người ta còn trông thấy gốc nổi lên, hạ xuống mấy lần.

Từ năm 1947 đến giờ gốc không còn thấy nữa. Cho đến nay đồng bào trong tỉnh Tây Ninh vẫn tin tưởng và nhắc nhở vị anh hùng ẩn danh ngày xưa tử tiết vì quốc gia dân tộc rồi lại nhập vào một gốc cây trôi giạt trên sông để cho nhân gian thấy rằng ông đã mất, nhưng hồn thiêng vẫn còn nặng nợ với non sông.

Tiếc thay, ngày nay, miếu ông Gốc bị phá huỷ không còn nữa. Chúng tôi nghĩ rằng, đồng bào xã Thanh Điền nên vì người anh hùng hy sinh cho đất nước mà tái lập lại ngôi miếu ông Gốc, gọi là lưu lại hình bóng xưa trong tinh thần tồn cổ.

Lời của một bô lão địa phương nói vị anh hùng ẩn danh này tên là Nguyễn Phương Hồng, không biết có đúng không ?

SỰ TÍCH DINH ÔNG

Cách quận lỵ Hiếu Thiện chừng 4 cây số đường lên biên giới Chợ Trời, quẹo về phía tay trái có con đường đá đỏ đi vô tới Dinh Ông trên một cây số, dinh nằm trên một gò đất cao. Cạnh bên Dinh Ông, có ngôi chùa cổ mang tên là chùa An Phước, một cuộc đất rộng trên một mẫu chung quanh có nhiều cây đại thọ, da, bằng lăng giao đầu phủ lá khít nhau mát rượi cả một khu vườn u tịch. Những loại dây rừng, lâu đời mọc quấn theo thân cây tua xuống có tòng có tuội, quang cảnh rất nên thơ trầm lặng. Chính giữa cuộc đất có dựng một cái miếu xưa, giữa thờ một tấm tượng bằng gỗ sơn son thếp vàng, khắc mấy dòng chữ nhỏ : « Lịnh Ông Chúa Tà chứng minh ». Cạnh bên ngai thờ có dựng một lưới siêu cũ kỹ không tra cán, đó là di tích của vị Chúa Tà ngày xưa thường dùng

cái lưới siêu này để đánh giặc.

Trước ngôi thờ trần thiết rất trang nghiêm, khói hương không dứt, bá tánh thập phương thường đến Dinh Ông lễ bái.

Trong các ngày lễ, chúa nhật, nam nữ học sinh thường vào đây ngoạn cảnh.

Một vài truyền thuyết kể lại sự tích Dinh Ông như sau :

Ngày xưa trên đường tẩu quốc, Nguyễn Ánh có lúc di chuyển bằng đường bộ, có lúc phải dùng ghe thuyền xuôi ngược khắp sông rạch. Trên dòng thủy lộ, ông và đoàn tùy tùng đi trên một chiếc ghe vào con sông Vàm Cỏ Đông, đến làng An Thạnh (Gò Dầu Thượng) dừng chân. Ghe vừa đến nơi, quân Tây Sơn hay đuổi theo, Nguyễn Ánh và các quan hộ giá phải bỏ ghe, bằng bộ đường rừng đến núi Bà Đen Tây Ninh lánh nạn, ngài mới giao chiếc ghe ấy cho vị chúa Tàu cũng như vị thuyền trưởng ngày nay để bảo vệ. Thuở xưa vùng này có nhiều kinh rạch liên tiếp ăn qua Đồng Tháp Mười, ghe vô đậu đây ra không được, vì sợ lộ tung tích. Nhưng quân Tây Sơn cũng đuổi theo bén gót và Chúa Tàu tử trận. Sau này lâu ngày biển cả hóa cồn dâu nên chiếc ghe bị lấp mất nổi lên một gò đất cao cây cối mọc um tùm. Người địa phương thời ấy biết chuyện, đến lập một cái miếu để thờ, nên dân gian thời xưa lưu truyền là Dinh Ông cho đến nay.

Còn một truyền thuyết khác nữa nói ngày xưa có chiếc tàu của một đoàn quan quân nhà Minh, chạy vô ẩn lánh bị mắc cạn ra không được, sau lấp thành cồn. Cách đây vài mươi năm đồng bào quanh vùng thường tới lui viếng còn thấy một khúc ống khói lú lên.

Nhân đi viếng cảnh này cùng với nhà thơ Thái Phong và bạn Linh Hữu vào ngày 30 tháng 11 năm 1971 (Âm Lịch), bạn Linh Hữu có làm một bài thơ lưu niệm dưới đây :

CẢM TÁC DINH ÔNG GÒ DẦU THƯỢNG

*Cạnh chùa An Phước có Dinh Ông
Sự tích nghe qua luống nãi lòng
Người trước quên mình vì nợ nước
Đời sau nhớ Chúa thuở sang sông
Cồn dâu lấp biển chìm thân thế
Đao cũ còn lưu tại Điện Hồng
Cảnh vật đổi thay bao thế hệ
Nhìn về Đồng Tháp rộng mênh mông*

MIẾU THỜ ÔNG CẢ ĐẶNG VĂN TRƯỚC & NGÔI MỘ HUYỀN LINH TỌA LẠC XÃ PHÚ MỸ HƯNG

Đất Tây Ninh nói đến ông cả Đặng Văn Trước ở Trảng Bàng làng Phước Lộc ngày xưa, ngày nay là xã Gia Lộc, ai ai cũng đều kính nể oai danh của ông. Khi còn sống, trộm đạo, du đảng nghe nói đến ông cả Trước đều khiếp sợ. Đến khi ông mất, được thành thần là vì con người ông trung nghĩa canh trực, có công khai hoang lập ấp, dựng làng, lập chợ mưu hạnh phúc cho tất cả mọi người. Năm Gia Long thứ 17 (1818), ông cùng mấy ông Trùm, Thề, Mưu, Vị, Thứ, đến làng Bình Tịnh xin nhượng đất lập một làng mới là Phước Lộc Thôn để khai khẩn phá rừng. Ông quy dân lập ấp đào kinh, cất chợ, mở mang đường sá để tiện lưu thông. Dân chúng theo ông về ở Trảng Bàng rất đông, họ mượn uy danh ông

làm nhiều việc trái pháp luật lấn đất tư nhân v.v... bị chủ đất đến công đường tố cáo ông phải chịu trách nhiệm, lúc bấy giờ ông bị phạt 80 trượng để cảnh cáo, vì ông để dân ông hoành hành tự tung tự tác.

Sau ngày ông mất được phong thần, dân làng địa phương có lập một ngôi miếu thờ ông tại chợ Trảng Bàng. Dưới triều Bảo Đại ông được sắc phong *Bổn cảnh Thành Hoàng* làng Gia Lộc. Năm 1941 miếu duệ ông là ông Đặng Văn Đây đứng ra trùng tu ngôi miếu lại khang trang hơn, nơi đây có người chăm sóc lửa hương phụng tự, mỗi năm vào ngày mùng 5 tháng 8 đến ngày 14, 15, 16 tháng 3 làng làm lễ kỳ yên quý tế linh thần.

NGÔI MỘ

Hiện nay tọa lạc tại xã Phú Mỹ Hưng ; giáp với Bến Súc tỉnh Bình Dương đường lên Hồ Bò. Ngôi mộ nằm trên một dòng suối cạn đắp đất cao chung quanh sỏi đá đỏ lồi lõm như hòn dã sơn ; đến mùa mưa nước suối chảy mạnh tới đầu mộ tự nhiên suối lại chảy rẽ ngang ra hai bên, dường như có một bàn tay vô hình nào chia ngọn nước tránh ngôi mộ của ông nằm giữa dòng suối. Nếu nước đổ chảy siết xói ngay vô, mộ phải bị lở trôi đi mất, mà trái lại chảy vừa tới chân, tự nhiên rẽ làm hai ngả, thật huyền bí, vì thế đồng bào ở đây đều kính nể đến oai linh của ông như thuở nào. Ngôi miếu và ngôi mộ trên đây là di tích lịch sử của bậc tiền nhân có công với đất nước còn lưu lại trên mảnh đất quê hương. Một điều nói thêm, ông có một người con tên tuổi lẫy lừng có công kháng Pháp đó là lãnh binh Tòng. Ngày nay có tên đường lãnh binh Tòng ở Tây Ninh, Trảng Bàng và nhiều nơi khác.

ĐỊA DANH BẾN KÉO

Hai tiếng Bến Kéo làm cho nhiều người để tâm suy nghĩ. Tại sao có danh từ Bến Kéo ? Danh từ này xuất phát từ bao lâu ?

Bến Kéo nằm trên quốc lộ 22, hướng về Sài Gòn, cách tỉnh lỵ Tây Ninh 8 cây số ngàn.

Trào vua Tự Đức thứ 15 (đệ thập ngũ niên). Triều đình ký hiệp ước ngày 5-6-1862 với Pháp, giao 3 tỉnh miền Đông. Từ đó người Pháp vào chợ Tây Ninh lập căn cứ.

Người Pháp noi theo đường Gia Định lên Trảng Bàng, Bào Đồn, Cầu Khởi đến Tây Ninh và dùng đường thủy do con sông Vàm Cỏ Đông lên đến Bến Kéo để vận tải quân lính, súng đạn, vật liệu cùng dụng cụ xây cất, và thực phẩm...

Từ Bến Kéo lên đến Vàm Cái Răng để vào Tây Ninh, nhân dân có thể đi bằng xuồng ghe theo một con rạch nhỏ và không sâu lắm.

Nơi con rạch này, tàu Pháp không đậu được nên đậu tại Bến Kéo. Họ mượn những xe trâu, xe bò của người bốn xứ để kéo dụng cụ và lương thực vào Tây Ninh.

Thuở đó, mỗi xe chở hàng là hai quan tiền kềm (Sapèquesen zine).

Từ Bến Kéo vào Tây Ninh chỉ theo một con đường mòn bằng qua rừng, ruộng. Đường mòn nhiều lỗ hang, gập ghềnh lồi đi vấp vấp, đôi khi xe sa vào lỗ sâu bị lật ngả nghiêng.

Trên đường di chuyển, mỗi đoàn xe có lối 4, 5 chục cỗ

(mỗi chiếc xe gọi là một cỗ xe) cần phải đi đông dân số như vậy để làm áp lực với thú rừng nhất là cọp. Nếu đoàn xe đi ít người, thì dễ bị cọp ra vồ bắt trâu bò.

Ngày xưa, mỗi tuần lễ có một chuyến tàu từ Sài Gòn đến Tây Ninh. Tàu đến thường nhằm ngày thứ sáu. Mỗi chiều thứ năm, chủ xe cho tập trung xe bò lại Cửa Đồn (ngày nay là trường trung học Tây Ninh).

Bến Kéo, có lẽ danh từ này được gọi như vậy là vì đây là « Bến » để xe đến « Kéo » hàng.

Từ năm 1925 về trước, Bến Kéo kể như một « giang cảng » của Tây Ninh.

Hãng tàu Pháp (Messageries Fluviales) thường lãnh chở hàng hóa. Hàng hóa nhiều có thể chở trên ghe chài mướn của người Hoa Kiều ở Chợ Lớn, ghe chài được tàu kéo đi. Chuyến đi thường chở rượu, đồ hộp, bận về thì chở heo, gà, trâu bò và đồ thổ sản tỉnh Tây Ninh cung cấp cho thủ đô Sài thành.

Bến Kéo ngày nay là ấp Long Yên xã Long Thành, một ấp mà phố phường sung túc.

Hiện nay, Bến Kéo đang tiến trên đà phát triển mạnh mẽ về mọi mặt : nông, công, thương.

Du khách có dịp đến viếng Tây Ninh, nếu viếng tòa thánh Điện Bà, mà không đến Bến Kéo và An Hồ (hồ Thiên Định) là một thiếu sót đáng tiếc.

SỰ TÍCH ÔNG ĐÁ NÚT HAI TRÊN NÚI ĐIỆN BÀ

Từ xưa đến nay, núi Điện Bà được nổi tiếng là nơi thắng

cảnh huyền bí. Khách hành hương thường đến nơi đây lễ bái thần linh. Khách viếng núi đông đảo, kẻ tới người lui rộn rịp.

Ngôi Linh Sơn tự đã được các vị Tổ ngày xưa dày công kiến tạo, góp công lao của cải rất nhiều. Trải qua nhiều đời, mỗi đời đều có điểm tô thêm, do đó Linh Sơn tự ngày nay mới được khang trang huy hoàng, gây thêm niềm tin cho khách mộ đạo.

Ngày xưa, khách hành hương lên núi Điện Bà, muốn viếng Chùa Hang, phải đi vòng xuống suối rất cực nhọc khó khăn. Sở dĩ phải đi vòng như vậy là vì giữa đường đi, bị một ông Đá to chặn lấp. (ở đây, chúng tôi dùng danh từ địa phương, gọi ông Đá thay vì gọi cục đá, viên đá hay tảng đá...)

Lúc bấy giờ, vị Tổ thứ ba của Linh Sơn tự là Tánh Thiền lấy làm xốn xang trước cảnh bá tánh phải vất vả đi vòng quanh như vậy.

Tổ muốn rút ngắn đường đi cho khách thập phương đến viếng chùa Hang, nhưng chẳng biết làm cách nào.

Tổ chỉ còn cách mong chờ nơi quyền linh của chư Phật Thánh Tiên. Tổ thành tâm cầu nguyện ; mỗi đêm Tổ đến nơi ông Đá tụng kinh Kim Cang, và khẩn vái cầu xin ơn trên hoặc dời ông Đá đi nơi khác, hoặc xin ông Đá nứt ra để có lối đi cho bá tánh.

Tổ tụng kinh và cầu nguyện đúng một trăm ngày và vào ngày chót, một hiện tượng lạ xảy ra là ông Đá nứt đôi ra, và hai bên đá dang ra chừa một lối đi bề ngang lối 1,5m.

Từ đó nhân dân lên núi có lối đi qua chùa Hang một cách

dễ dàng.

Sự việc ông Đá nứt hai đó, được lưu truyền hơn một trăm năm qua trong nhân gian, nhứt là trong khắp địa phương Tây Ninh.

SỰ TÍCH TRƯỜNG CAO CĂNG

Ở Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh) có một trường học gọi là trường Cao Căng.

Thật vậy, nó có một cái căng thật cao.

Cái căng đó là một cái nền xây bằng đá xanh cao lồi 2m. Trường ở sau dinh quận.

Trước kia, đó là đồn lính của Pháp lúc Pháp chiếm xứ này. Nó nằm trong một châu vi rộng lớn lồi 5 mẫu đất.

Đồn không có cửa, xây đá rất chắc. Đó là một cái lô cốt có nhiều lỗ châu mai để lính núp phòng thủ. Khi có địch đến thì lính núp phía trong và bắn ra do các lỗ châu mai.

Chung quanh có nhiều cây to bóng mát, cây gõ, cây dầu, cây giò heo, cây dên dên v.v... Cây rất to và cao nên chim, cò, diệc làm tổ trên đó rất nhiều và kêu la suốt ngày như ở giữa rừng.

Đặc biệt là có cây chà là, cây kè, thốt nốt rất nhiều, lưu lại di tích của người Miên thuở trước.

Sau cái lô cốt được sửa thành trường học.

Vì đây là trường học đầu tiên và duy nhất của quận, nên học sinh các trường phụ cận như : An Tịnh, Suối Sâu, Suối Cụt, Lộc Hưng, Đôn Thuận, An Hòa, Lộc Giang, Phước Chỉ,

Gia Bình v.v... đều đến học nơi trường Cao Cẳng này.

Hình ảnh của người học trò ấy có phong thái đặc biệt, vai mang một mo côm, tay ôm một cặp làm bằng giấy bồi có trét dầu ráy đỏ tránh mưa, chân đi đất (không guốc, dép) từ 5 giờ khuya tờ mờ sáng đã lên đường.

Ngày xưa không có xe lam, xe cyclo, xe máy đạp như ngày nay, xe đạp còn chưa có hay có rất ít, chớ đừng nói chi xe gắn máy như bây giờ. Học trò đi bộ rất xa xôi, 5km, 6km tùy nhà ở xa hay gần trường.

Buổi trưa, họ vẫn ở lại trường, đỡ lòng bằng mo côm đem theo, xong, uống nước lã và nằm nghỉ trên băng học trò, để chiều còn học lại. Đến tan giờ học chiều đi bộ về nhà.

Ngày xưa đi học cam go như thế. Đó cũng là một sự luyện chí kiên nhẫn vậy.

Trước thời tiền chiến, hương chức các làng ở quận Trảng Bàng, đều do nơi trường cao đẳng đào tạo. Vị giáo viên đầu tiên có uy tín và đức độ dạy trường này lâu hơn hết cho đến ngày hưu trí, đó là ông Dương Văn Ý. Hiện nay ông còn người con là ông Dương Văn Nhân, đốc sự hành chánh làm ở tối cao Pháp Viện. Nhắc đến trường cao đẳng ai nấy đều cảm mến vị giáo viên tiền bối đã dày công tận tụy dạy dỗ các môn đệ quận này, tạo cho họ hấp thụ nền giáo dục tốt đẹp nên danh phận với đời.

Trường cao đẳng ngày xưa cảnh trí rất đẹp, trước sân có trồng những loại kiểng, ngâu, lài, cao bụng, sứ cùi, cảnh này không khác nào một huê viên công cộng như Sở Thú Sài Gòn để mọi người thưởng lãm. Thời gian qua vật đổi sao dời,

khiến cho vườn đẹp trước kia, ngày nay xơ xác không còn nguyên vẹn như thuở nào, thật đáng tiếc.

SỰ TÍCH LÀNG AN TỊNH : MỘT TRONG NHỮNG LÀNG XƯA NHẤT CỦA TÂY NINH TRẢI BAO CUỘC THĂNG TRẦM

Làng An Tịnh trong quận Trảng Bàng tỉnh Hậu Nghĩa là làng chánh gốc thành lập trước nhất trong vùng từ đầu thế kỷ thứ 19.

Ngày xưa, làng An Tịnh thuộc tổng Hàm Ninh Hạ, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Dưới triều vua Gia Long năm thứ 8 (năm Kỷ Tỵ 1809) làng An Tịnh được đặt hiệu là Bình Tịnh thôn, thuộc Bình Cách tổng, Thuận An huyện, Tân Bình phủ.

Đến năm Gia Long thứ 17 (năm Mậu Dần 1818) có ông trùm Đặng Văn Trước ở tổng Dương Hòa, huyện Bình Dương cùng với một số thân hào làm đơn đến tại đình làng Bình Tịnh, xin làng nhường cho một khu đất để lập làng mới, đặt tên là Phước Lộc thôn.

Đến năm Minh Mạng thứ 2 (năm Tân Tỵ 1821) ông trùm Trước làng Phước Lộc xâm lấn địa phận làng Bình Tịnh.

Ông trùm Trước cho đào kinh, lập chợ, và cho dân chiếm đất làng Bình Tịnh.

Thấy việc lấn ranh giành đất xảy ra như vậy, ông hương trưởng Nguyễn Văn Du và ông thôn trưởng Đặng Văn Ngươn đầu đơn kiện ông Trước nơi tả thừa ty Hình Phòng tại Phiên

An trấn tức Gia Định.

Quan khâm sai, sau khi điều tra nội vụ, xử như vầy :

Việc đào kinh và lập chợ là việc công ích, vậy làng Bình Tịnh phải nhường đất đã đào kinh lập chợ cho ông trùm Trước, tức là cho làng Phước Lộc. Còn đất của dân làng Bình Tịnh bị xâm chiếm, thì ông trùm Trước phải trả lại cho dân làng Bình Tịnh. Ông trùm Trước phải lãnh phần trách nhiệm chịu hình phạt 80 trượng và làm tờ tội giao cho làng Bình Tịnh giữ.

Đến năm 1836, Phước Lộc thôn được cải danh là Gia Lộc thôn tức là xã Gia Lộc hiện nay.

Ông trùm Trước tức là hương cả Đặng Văn Trước là vị tiền hiền thành lập thôn Phước Lộc nay là xã Gia Lộc ; do đó ông được dân làng tri ơn lập miếu thờ tại chợ Trảng Bàng.

Đến năm Minh Mạng thứ 17 (năm Bính Thân 1836) tổng làng đều cải tên lại là : An Tịnh thôn, Bình Cách Trung tổng, Thuận An Huyện, Tân An Phủ, Gia Định tỉnh.

Đến năm Tự Đức thứ 16 (năm Quý Hợi 1863) miền Trảng Bàng đã bị Pháp xâm chiếm và danh hiệu tổng làng được sửa đổi lại là An Tịnh thôn Hàm Ninh Hạ tổng, Quan Hóa huyện, Tây Ninh phủ.

Đến năm 1872 (đã thuộc Pháp rồi) hương chủ Đặng Văn Quờn, hương sư Trịnh Văn Thiện làm đơn xin với quan chủ tỉnh cho phép làng An Tịnh tách ra lập thêm một làng nữa là làng An Hòa, gồm có Lò Mo và Tha La.

Ranh giới làng Bình Tịnh ban sơ rất rộng, phía Bắc giáp

với làng Thanh Phước, phía Đông tỉnh Bình Dương, phía Tây chỉ sông Vàm cỏ Đông.

Sau khi tách ra hai làng Gia Lộc và An Hòa, làng An Tịnh chỉ còn diện tích 3.492 mẫu tây, theo địa đồ lập năm 1894 do viên chức kinh lý Pháp đặt điền.

Trong làng An Tịnh có một cái đình xưa đã được sửa chữa, xây cất lại nhiều lần vẫn tại một địa điểm trước ở ấp An Thành.

Năm Tự Đức thứ năm (Tân Hợi 1852) ngày 20-11 âm lịch, đình An Tịnh được nhà vua phong một bốn sắc Thành Hoàng Bốn Cảnh ngự tặng là Quảng Hậu Chánh Trực đôn ngưng chi thần.

Vì làng ngày xưa chánh gốc trong vùng Trảng Bàng nên làng An Tịnh là làng duy nhất có sắc thần của nhà vua phong tặng. Dân số làng An Tịnh rất sung túc.

Người ta bảo đây là một làng có vương khí phát quan như làng Thanh Phước ở Gò Dầu nên tương đối nhiều người đỗ đạt so với các làng khác trong tỉnh Tây Ninh.

CÁC NGÔI MIẾU THỜ QUAN LỚN TRÀ VÔNG (HUỲNH CÔNG GIẢN)

Nói đến vị anh hùng ở đất Tây Ninh đánh Miên ngày xưa, ai ai cũng biết đó là Quan Lớn Trà Vông (Huỳnh Công Giản).

Có nhiều ngôi Miếu do nhân dân trong tỉnh dựng lên để thờ Ngài.

Một ngôi tại ấp Thái Vĩnh Đông, xã Thái Hiệp Thạnh tại

Châu Thành Tây Ninh.

Ngày nay, đồng bào địa phương chung lo đóng góp vào việc cúng tế. Vì cảm mộ công đức của Ngài đã hy sinh chống Miên rất anh dũng, làm cho Miên phải kính nể, thán phục Ngài và cả nhân dân Việt Nam.

Lúc bị giặc Miên bao vây chờ viện binh chưa đến kịp, Ngài đã tuẫn tiết. Đức hy sinh chói rạng trời Nam. Chúng tôi đến Tây Ninh, được sự hướng dẫn của ông Nguyễn Văn Tri hiệu trưởng trường Thái Vĩnh Đông, đến chiêm bái một trong các ngôi miếu cổ của Ngài

Miếu không lớn lắm, lợp ngói âm dương, giữa miếu có một bàn thờ, trên đó có linh vị của Ngài. Phía trước có thờ một « bộ đồ lỗ bộ » bằng thau, trông rất uy nghi.

Phía trên, có treo tấm biển sơn son phết vàng khắc 4 chữ « ĐÁP TẠ THẦN ÂN ».

Hai bên có đôi câu liễn thờ do cụ Hàn-y Nguyễn Ngọc Diệp phụng cúng :

- *Nhật Tảo xuất anh tài, vị quốc vong thân, trứ trứ phương danh thùy trúc bạch.*

- *Tà dương trừ man tặc, ưu quân trí mạng, nguy nguy chính khí quán sơn hà.*

Nghĩa :

- *Nhật Tảo trở oai thần, nặng nước nhẹ thân, rõ rõ hùng danh ghi sử sách.*

- *Trà Vông ngăn giặc Thổ, tròn trung vẹn tiết, lừng lừng chánh khí ngút non sông.*

(do cụ Hi Đàm dịch)

Để nói lên công nghiệp của các vị anh hùng đất nước, làm vẻ vang cho giống Lạc Hồng. Mặc dầu Ngài đã khuất, nhưng tên tuổi của Ngài còn mãi mãi với non sông.

Hàng năm đến ngày rằm tháng 2 âm lịch là nhân dân làm lễ cúng ngài rất trọng thể, có hát bộ 3 ngày. Dân chúng đến dự đông đảo để tỏ lòng ghi ơn quan lớn Trà Vòng tức vị anh hùng Huỳnh Công Giản, chống giặc Miên và đã tuần tiết.

Nhà thơ Thần Liên, lúc trước có đến viếng cảnh này và có ghi đôi liễn để lại miếu gọi là đề tặng vị anh hùng dân tộc :

- *Sống giúp nước, rạng ngời chí khí,*
- *Thác thành thần, rục rở oai linh.*

MỘT NỀN THÀNH CŨ CỦA CHÂN LẠP Ở XÓM DẦU, ẤP CẨM LONG (CẨM GIANG)

Trên đường đi tìm di tích lịch sử tại tỉnh Tây Ninh, chúng tôi đến xã Cẩm Giang để viếng vài bô lão cao tuổi nhất hầu có tìm biết qua những di tích xưa còn lưu lại trên mảnh đất này.

Theo lời các vị cao niên ở đây thuật lại, được biết ở tại xóm Dầu, ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang xưa kia có một cái thành của người Miên đóng.

Muốn đến xóm Dầu, chúng tôi phải đi qua ấp Bến Đồi rồi sang gò Trao Trảo.

Cái thành nói trên nay chỉ còn là một cái gò đất cao, cây cỏ mọc um tùm.

Thỉnh thoảng có người tìm gặp những tấm đá xanh có chạm trổ khắc chữ Miên hoặc những tượng Phật cổ bằng đá.

Người ta cũng tìm gặp trong vùng những của quý như : nải chuối cao bằng vàng, ô vàng v.v... của người xưa chôn giấu.

Nhờ nhận được các vật ấy nên nhân dân dễ xác nhận di tích nền thành của người Miên ngày xưa ở tại đây.

PHỦ CŨ

« Phủ Cũ » là cái phủ thời xưa của Nặc Ông Chân (Cao Miên) đóng tại mé rạch Tây Ninh. Phủ này cách tỉnh lỵ Tây Ninh lối 3km đi theo đường thủy.

Phủ rộng trên một mẫu. Chung quanh phủ có đắp bờ thành cao quay mặt ra mé rạch.

Phủ này tuy lúc trước là của người Miên, nhưng về sau, đời chúa Nguyễn Phúc Ánh, phủ này vẫn được trùng tu, để một quan đàng cự của ta trấn đóng.

Đến đời Pháp xâm chiếm nước ta, phủ cũ đã bị bãi bỏ. Quân Pháp đến đây chở mấy cây súng thần công đại bác đem về tỉnh đường Tây Ninh, trưng bày trước sân « tòa bố ».

Thời gian sau, chúng gỡ súng đem để ở Bảo tàng viện ở Sài Gòn, rồi ít lâu chở về Pháp giữ làm kỷ niệm.

Mấy mươi năm trước đây, đồng bào địa phương ở gần Phủ Cũ, đào xới đất, có gặp được mâm thau, nồi đồng, tô chén xưa, đó là những di tích của người Miên và Việt chôn giấu trong thời chiến tranh xa xưa ấy.

Phủ Cũ nay chỉ còn trơ lại những thành đất cao tại xã Thanh Điền.

Đó là một di tích lịch sử trước đời vua Gia Long, còn lưu dấu lại tại tỉnh Tây Ninh.

ĐỀN THỜ HUỲNH CÔNG THẮNG VÀ NGÔI MỘ CỦA NGÀI (TẠI XÃ CẨM GIANG)

Từ xưa đến nay, những bậc công thần, anh hùng dân tộc thường được nhân gian dựng bia, tạc tượng, lập nền miếu tôn thờ, lưu truyền hậu thế.

Kẻ gian ác, mãi quốc cầu vinh bán giống nòi cho ngoại chủng, đều bị nhân dân lên án phỉ nhổ muôn đời.

Bằng cứ là đài kỷ niệm của Huỳnh Công Tấn tại chợ Gò Công, lúc phong trào Thanh niên tiên phong nổi dậy vào năm 1945 đã bị đập phá và lên án là người bán nước hại dân. Đồng thời thanh niên dựng đài kỷ niệm, làm lễ truy điệu Trương Công Định, vị anh hùng tử tiết chống xâm lăng.

Bánh xe lịch sử quay chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác, luân lưu, không ngừng. Ở đâu cũng vậy, người anh hùng có công với đất nước đều được nhân dân ghi nhớ.

Ở Tây Ninh, những vị anh hùng dân tộc kháng Miên, chống Pháp vẫn được người dân địa phương nhắc nhở. Đó là :

1. Huỳnh Công Giản
2. Huỳnh Công Nghệ
3. Huỳnh Công Thắng
4. Trương Huệ

5. Lãnh binh Tòng

Những vị anh hùng này đã hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ quê hương, thoát khỏi bàn tay nanh vuốt của kẻ xâm lăng cướp nước.

Ông Huỳnh Công Thắng là vị anh hùng dân tộc, người can đảm tiết tháo, đã từng tả xông, hữu đột, đương đầu với bọn giặc Miên nhiều trận thư hùng đẫm máu trên cánh đồng Trà Vông và thôn Cẩm Giang. Ông đã tử tiết lúc sa cơ. Đồng bào chôn cất ông tại địa phương này và dựng lên đền thờ để tưởng niệm bậc trung cang nghĩa khí.

Sống làm tướng thác làm thần.

Nhiều người đồn rằng mấy năm trước trong lúc đêm khuya canh vắng, nơi miếu thờ ngài, đồng bào có nghe tiếng lạc ngựa khua lên như có người cỡi.

Bởi thế, ở xã Cẩm Giang ai ai cũng kính nể oai linh của ngài.

Hàng năm vào ngày mùng 6 tháng 4 âm lịch là ngày cúng ngài tại miếu Cẩm Giang, các bô lão thân hào nhân sĩ đến dự đông đảo.

TRƯỜNG ĐUA DẤU CŨ

Vạch bóng thời gian ghi lại những di tích lịch sử nước non nhà.

Theo lời các vị niên trưởng tỉnh Tây Ninh thường nhắc đến trường đua cảnh cũ của quan đàn cự Nam triều. Tại xã Hiệp Ninh, vị trí trường đua nằm dọc theo Quốc lộ 22, xưa kia

nơi vùng này là rừng cấm, dưới rặng cây xanh có những gò nổng trống trải, quan triều chọn địa điểm này làm nơi giải trí bằng cách đua ngựa, chạy theo chu vi cuộc đất, lập những chặn mức ăn thua, con nào dẫn đầu chạy về trước phát cờ chiếm giải, dân chúng vỗ tay reo mừng tưởng thưởng, trong những ngày lễ hoặc khi nào có mở tiệc khao quân thì quan địa phương có tổ chức đua ngựa.

Truyền thuyết thứ hai : có người nói trường đua này trước kia của vua Nặc Ông Chân bày ra những cuộc đua xe bò và xe xà rết. Xe sắp hàng ngang, khi nghe hiệu lệnh đồng la, thì người ngồi trên xe đánh bò cho chạy ngay, có khi đụng nhau xe lật ngả nghiêng ngả ngựa rồi cười reo, cho đó là một trò chơi ngoạn mục của dân tộc. Theo truyền khẩu trên đây không biết trường đua ngựa hay đua bò, của quan người Việt hay người Miên ? Vì không sách sử nào ghi chép.

Đến đời Pháp thuộc dấu vết trường đua lui về dĩ vãng, hiện nay đồng bào đến cư ngụ cất nhà dọc theo hai bên quốc lộ, phía sau trường đua trở thành vườn tược sum sê.

Nhưng hai tiếng trường đua, người địa phương dường như đã quen nên thường nhắc đến xóm Trường Đua cũng như danh từ Mít Một, mặc dù cảnh cũ không còn nhưng gợi vào tâm thức của những ai có tinh thần tồn cổ.

SỰ TÍCH SUỐI ĐÁ

Khắp trên miền Nam nước Việt, địa phương nào cũng có lắm sự tích, lâu đời truyền tụng trở thành địa danh, ngày nay dân chúng trong vùng còn nhắc nhở.

Xóm Suối Đá ở về hướng đông bắc núi Bà Đen, thuộc làng Phước Hội. Xóm này nhà cửa ngày xưa rất đông đảo, ở gần dưới chân núi. Nơi xóm có hai con đường đá đỏ, một đường ăn thông qua Khaidon, bên kia núi Bà Đen, và một con đường giáp với đường quản hạt 13 chạy về Tây Ninh.

Cách xóm Suối Đá chừng 500m, dọc theo con đường số 13 có hai cái suối bề ngang độ 5m, chạy ngang qua một cây cầu đúc. Dưới đáy suối, toàn những đá nhỏ ; hai bên suối là những đá xanh, tảng lớn nổi lên lởm chởm trên mặt đất. Suối này ăn thông ra sông cái. Vì suối toàn là đá, nên đồng bào địa phương gọi là Suối Đá và xóm này cũng mang tên là xóm Suối Đá.

SỰ TÍCH BẾN TRƯỜNG ĐÔI

Ngày xưa, khi Tây Ninh còn dưới quyền cai trị của Nam triều, vốn là phủ Tân Ninh. Sau quân Pháp chiếm đóng, đặt guồng máy hành chánh tại đây, nhưng đa số không khuất phục. Nhất là người Chàm, tỏ ý chán ghét người Pháp ra mặt.

Không phục quân Pháp nên người Chàm không chịu đem các sản vật ra chợ bán cho quân giặc, để mua hàng hóa ở chợ đem về dùng. Họ lãnh đạm, không muốn giao thiệp với quân Pháp.

Mặc dù người Chàm thuộc nhóm dân thiểu số, nhưng họ có tinh thần đoàn kết, gom nhau ở một xóm. Trên nói dưới nghe. Khi họ truyền nhau bất hợp tác thì ai nấy đều nhất luật tuân theo. Quân đội Pháp thấy thế hạ lệnh cho một tốp lính đi ruồng trong xóm, ra chỉ thị buộc người Việt đem đồ ra chợ

bán, rồi đem hàng hóa vào xóm người Chăm mà đổi chác mua bán với nhau. Người Chăm thấy người Việt tổ chức các cuộc đổi chác, mua bán, cũng thuận giao tiếp, miễn sao không có quân đội Pháp chen vào thì thôi. Địa điểm nhóm họp giữa người Việt và nhóm người Chăm mang tên là *Bến Trường Đổi*.

Đồng bào địa phương nhớ lại mẩu chuyện của xóm Trường Đổi năm xưa, vẫn là sự tích giữa người Việt với người Chăm ở Tây Ninh trong quá khứ vậy.

SỰ TÍCH CỔNG CHÀM VÀ HANG CHÀM Ở TÂY NINH

Đất Tây Ninh có lắm sự tích được truyền tụng trong dân gian, mà đến nay hãy còn lắm người biết.

Xưa kia, cách chợ Tây Ninh trên một ngàn thước, ở phía làng Thái Bình dân cư trù mật. Muốn di chuyển đến làng Thanh Điền, phải đi theo con đường trải đá chạy ngang qua xóm người Chăm cư ngụ. Ngay trên cánh đồng vắng ấy, nổi lên hai gò đất cao, giữa trũng thấp, nước đọng quanh năm. Thường đến mùa mưa hay ngập lụt làm hư hại mùa màng. Dân làng mới xây hai cái cống ba miệng ngay tại xóm người Chăm, để thoát nước ra sông tránh nạn nước ứ đọng.

Hiện nay người Chăm đã dời về ở bên xã Thái Hiệp Thanh từ lâu, mà tên *Cống Chăm* cũng vẫn còn được nhắc. Mỗi lần đi ngang qua vùng này ai cũng nghe nói đến Cổng Chăm.

Còn sự tích Hang Chăm nằm trên núi Điện Bà, cũng vẫn thường được nhắc đến. Hễ nhắc lại chuyện Cổng Chăm, đa số đều liên tưởng đến Hang Chăm mà lắm người địa phương

hiện nay vẫn còn biết rõ.

Ngày xưa người Chàm cư ngụ ở Đông Tác thường vô núi đốn củi, lượm chai, làm rẫy. Số người này lên núi chọn một cái hang để đụt mưa nắng và nghỉ trong lúc mưa gió bất thường không về được mà phải ở lại. Hoặc dùng làm nơi tạm nghỉ để ăn uống.

Lúc bấy giờ, dân chúng quanh vùng gọi chốn đó là Hang Chàm, lâu ngày thành danh.

Chúng ta nên biết, chẳng phải người Chàm hay ở hang đâu. Phong tục tập quán người Chàm có lắm điều khả quan. Họ tập trung với nhau ở nơi một xóm, ấp nào đó. Phần nhiều nhà cửa cao cẳng, chớ không ở hang ở lỗ bao giờ. Sở dĩ có cái Hang Chàm ở Tây Ninh trong thuở xa xưa, chỉ là chỗ họ tạm nghỉ ngơi, để lấy sức làm lụng quanh năm suốt tháng nơi vùng này vậy thôi.

RỒNG TƯỢNG HAY LÁNG TƯỢNG

Đất Tây Ninh ngày xưa còn là rừng già dày đặc, có nhiều thú dữ như cọp, voi, nai, mễn v.v... Nhất là voi rất nhiều nên có tiếng là rừng voi. Mỗi lần voi đi đến suối uống nước, kéo từng bầy cả năm bảy chục con, di chuyển trên một cánh rừng bao la sầm uất. Voi đi tới đâu, dấu chân lún có dấu dài cả đôi ba cây số trong rừng, lâu ngày trời mưa ứ đọng, đồng bào đi hái củi, bẻ măng gặp những rồng tượng quanh co trong rừng chứa đầy nước.

Rồng Tượng đã có nhiều ở miệt rừng núi, nhất là vùng thượng du, dãy núi Trường Sơn (miền Trung). Các nơi ấy đều

có rỗng tượng tất cả, chẳng riêng gì Tây Ninh mới có. Nhưng sự tích Láng Tượng hay Rỗng Tượng ở địa phương này được nhiều người nhắc đến, là để nói lên đất đai Tây Ninh thuở trước có rất nhiều voi hơn hết. Chính trong chánh sử cũng có ghi rõ điều này.

Để kết thúc phần di tích lịch sử và sự tích địa phương, chúng tôi ghi chép trên đây, nói lên dấu vết của người xưa còn lại, mặc dù có nhiều nơi bị tàn phá theo thời gian xóa mờ trong dĩ vãng. Nhưng hôm nay gọi lại với tinh thần hiếu cổ của kẻ đã nặng nợ với non sông, hầu bảo vệ những gì thiêng liêng cổ kính còn lại trên dư đồ nước Việt Nam.

PHẦN III : NHÂN VẬT LỊCH SỬ

Mặt khác, có những nhà nghiên cứu về khái sử của Tây Ninh như sau :

Tây Ninh đi vào lịch sử (của tổng hợp bản đồ hình chữ S thân yêu) tính cho đến nay chỉ khoảng 300 năm. Phần đất miền biên giới này được hình thành song song với những vị chúa sau cùng của dòng họ Nguyễn mở cuộc khai phóng phương Nam và chiếm cứ Biên Hòa trước tiên.

Các chi tiết về cuộc tiếp thu Tây Ninh, nhìn qua sử sách được các vị tiền bối của triều đình Huế xa xôi với cuộc Nam tiến ghi nhận thật là khiêm nhượng.

Đến thời Pháp thuộc, địa phương kể trên mới được thực dân thiết lập thành tỉnh. Trước ngày Tây Ninh thành lập tỉnh có rất nhiều cuộc cách mạng của chiến sĩ Việt Nam vùng lên chiến đấu để mong đập tan ách nô lệ. Nhưng có kẻ mãi quốc cầu vinh, hiệp lực với thực dân Pháp đang có thế lực mãnh liệt đàn áp tàn khốc dân quân cách mạng. Do đó, cuộc cờ lịch sử đảo ngược, ách thống trị gác lên đầu, toàn dân với mắt nhìn bất lực và buồn thảm, an phận trước một thiểu số bá quan văn võ triều đình nhà Nguyễn. Tất cả đều tưởng như một giấc chiêm bao !

Dù vậy, mạch máu hào hùng của dân tộc Việt Nam vẫn luân lưu không định mức thời gian, không gian.

Riêng tỉnh Tây Ninh còn đến ngày nay, người ta phải nhắc đến các vị anh hùng đã đem máu bảo vệ phần đất biên cương trên dọc đường mở mang bờ cõi. Nếu lịch sử vì hoàn cảnh, hoặc vì lý do nào đó mà không ghi nhận công lao hiển hách của những vị anh hùng vị quốc vong thân, thì lòng dân

mỗi địa phương vẫn giữ nguyên lòng sùng kính truyền khẩu cho con cháu nối tiếp mà kẻ hậu sinh có khi cho rằng đó là giai thoại huyền sử.

Nhưng Tây Ninh còn đó, ắt phải có những anh hùng giữ đất biên thù, tưởng rằng không ai chối cãi được. Dân chúng nhắc nhở, lập miếu tưởng niệm sùng kính, tôn thờ vị anh hùng tiền bối của đất Tây Ninh từ hơn ba thế kỷ nay là ai ? Xin mời quý vị nghe chính những vị bô lão của Tây Ninh kể lại cho chúng tôi, người tình nguyện dẫn thân đi tìm ghi nhận tinh hoa đất nước chép lại.

ÔNG HUỲNH CÔNG GIẢN : VỊ ANH HÙNG BẢO VỆ TÂY NINH ĐẾN HƠI THỞ CUỐI CÙNG

Miền đất Tây Ninh vào thế kỷ XVII là vùng hoang vu, sau người Việt đến. Cao Miên lúc bấy giờ là chư hầu của Xiêm, họ không thích chung chạ với người Việt. Do đó, họ nổi dậy đánh nhau với người Việt nhiều lần giữa thế kỷ thứ XVII.

Vào thế kỷ thứ XVII, đền đài của vua Miên là Nặc Ông Chân đóng tại xã Thanh Điền, gần ngọn rạch Tây Ninh ngày nay, dân chúng địa phương hiện quen gọi nơi đó là Phủ Cũ.

Khi nghe tin đồn người Miên dấy loạn cướp phá tài sản người Việt, anh hùng Việt Nam tứ xứ không hẹn mà cùng kéo về Tây Ninh trợ chiến.

Trong những anh hùng tứ xứ này có 5 vị tiền bối người Đảng Ngoài, mà dân chúng gọi là Ngũ hổ tướng quân. Ngũ tướng theo ngọn sông Sài Gòn lên tại ngã ba ngọn rạch Sanh Đồi và Bà Chiêm, tục danh là ngọn Cái Cùmg đóng đồn chống

địch giúp dân.

Ngoài Ngũ hổ tướng, dân Tây Ninh không một ai là không nghe đến uy danh quan lớn Trà Vông, vị anh hùng bảo vệ đất Tây Ninh đến hơi thở cuối cùng.

Chính sử không thấy ghi chép, nhưng sự truyền khẩu của nhân gian đến nay được biết, quan lớn Trà Vông tên thật là Huỳnh Công Giản cùng người em là Huỳnh Công Nghệ, gốc người Nhật Tảo, võ nghệ cao cường, đã đến Tây Ninh lập căn cứ kháng Miên.

Ông Huỳnh Công Nghệ đóng đồn tại Bến Thứ, gần ngọn rạch Sóc Om thuộc xã Hào Đức. Ông Huỳnh Công Giản chiếm cứ một cánh đồng rộng gọi là đồng Trà Vông thuộc xã Thái Bình. Bờ thành Trà Vông vô cùng kiên cố.

Bấy giờ những trận đụng độ giữa người Việt và người Miên liên tiếp xảy ra kéo dài suốt mấy mươi năm với vũ khí rất thô sơ.

Phía quân Việt thì có gươm đao, giáo, mác, cung tên và trong đồn phòng thủ rất nhiều lu dầu Con Rái.

Một sáng tinh sương, quân Miên dùng chiến thuật biển người ồ ạt tấn công đồn Trà Vông. Bị tấn công bốn mặt bất ngờ, nhưng quân của ông Huỳnh Công Giản cũng kịp thời phản công mãnh liệt. Trong đồn nấu dầu con rái sôi thục ra khiến quân Miên bị ngã nhào lớp lớp dưới chân hào. Tuy nhiên, vì quân Miên quá đông, ngã lớp này, lớp khác tràn lên. Trận cận chiến ác liệt diễn ra suốt ngày trời. Quân Việt vì bị tấn công bất ngờ, không chuẩn bị việc cơm nước, nên vừa đói, vừa mệt nên quân Miên tràn vào đồn Trà Vông.

Trước đó, tướng Huỳnh Công Giản nhận định biết rằng, quân Miên quá đông, nên dù quân sĩ dưới quyền ông tử thủ cũng khó kéo dài cuộc chiến nên ông đã cho quân liên lạc với ông Huỳnh Công Nghệ kêu viện binh. Trận chiến mỗi lúc một khốc liệt, tướng Huỳnh Công Giản tả xung hữu đột như hổ dữ giữa vòng vây của lũ chồn. Khi ông thấm mệt, nhìn lại thì quân Việt đã hy sinh quá nhiều, trong lúc viện binh chưa kịp đến. Biết khó chuyển được thế cờ, tướng Huỳnh Công Giản nhớ tới câu « thành mất thì tướng phải mất theo ». Ông vung gươm tử chiến cùng giặc Miên đến lúc kiệt sức rồi gom tàn lực quay gươm tự cắt đầu tuấn tiết chớ không để cho quân Miên bắt sống.

Tướng Huỳnh Công Giản ngã xuống, quân Miên lại tràn thêm lớp lớp vào thành. Trong khi ấy, viện binh của tướng Huỳnh Công Nghệ truyền lệnh quân sĩ vây thành, chặn đường rút lui của quân Miên, quyết đánh một trận rửa hờn cho anh và binh sĩ Việt đã hy sinh.

Quân Miên hầy còn đông, nhưng lúc bấy giờ đã đói mệt, viện binh Việt tràn vào giáo gươm tua tủa, đầu quân Miên rơi như sung rụng. Những dãy hào chung quanh thành Trà Vông nước xanh biến thành những hồ máu của quân Miên và thân giặc Miên trải ngập trong thành, ngổn ngang lớp lớp trên cánh đồng Trà Vông.

Tàn quân Miên còn sống mở huyết lộ chạy về nước.

Từ sau trận đánh kinh thiên đó, quân Miên không còn dám xâm lấn người Việt. Sau đó, vua Miên xin được nối lại tình giao hảo với Việt Nam.

Cái chết của tướng Huỳnh Công Giản là cái chết hào hùng, rạng ngời chánh khí, quang minh muôn đời cho lòng dân địa phương Tây Ninh nói riêng.

Để tưởng niệm vị anh hùng đã đem giọt máu cuối cùng, hơi thở cuối cùng để bảo vệ cho Tây Ninh, nhiều dân trong các ấp xã Tây Ninh đều lập miếu thờ tướng Huỳnh Công Giản và Huỳnh Công Nghệ. Dân chúng Tây Ninh quen gọi tướng Huỳnh Công Giản là quan lớn Trà Vông. Người Miên gọi là Tà Vông (ông lớn).

Hiện nay, ngôi miếu thờ quan lớn Trà Vông lớn nhất ở tại ấp Bình Trung. Sự hiển linh của quan lớn tới bây giờ vẫn như trước, dân chúng ở ấp Mỏ Công (nằm giữa Quốc lộ 22 đường lên biên giới Việt Miên) cùng thành lập ngôi miếu để thờ phụng ngài.

Ngoài hai ngôi miếu đó còn nhiều ngôi miếu thờ quan lớn ở nhiều xã ấp khác. Bờ thành Trà Vông hiện nay vẫn còn di tích cũ nhưng vì vấn đề an ninh nên ít người có dịp tới đó.

SỐNG LÀM TƯỚNG THÁC LÀM THẦN

Tiếp tục cố gắng sưu tầm tìm hiểu về thân thế quan lớn Trà Vông, chúng tôi được các bô lão từ xã Cẩm Giang, Bến Cầu, Thái Bình kể lại rằng :

Khoảng năm 1846, giặc Cao Miên tung hoành cướp giết chém giết người Việt Nam. Để đem lại an ninh cho phía tây Gia Thành, triều đình Huế phái ba người anh em họ Huỳnh hướng dẫn quân mã đến Tây Ninh vì hai vị nữa không rõ họ tên.

Tổng chỉ huy đạo quân bình định này là quan tri phủ Huỳnh Công Giản (chính là quan lớn Trà Vông sau này). Quan tri phủ từ Huế vào Gia Định thành rồi từ Gia Định chuyển quân về hướng Tây Ninh. Khi quân đến rừng Cẩm Giang thì dừng lại. Quan tri phủ sắp xếp người em trai họ của ngài là Huỳnh Công Thắng, cho quân sĩ xây thành, gọi là thành Cẩm Giang. Theo truyền khẩu, sở dĩ có tên Cẩm Giang là vì trước cửa thành có con sông (là con sông Vàm Cỏ Đông ngày nay). Lúc bấy giờ sông này đầy lục bình và loại « phiêu lưu thảo » có bông tím tím như gấm, nên dân chúng lúc bấy giờ gọi sông đó là Cẩm Giang (sông Gấm).

Sau khi cắt xếp cho tướng Huỳnh Công Thắng trấn giữ Cẩm Giang thành, quan tri phủ Huỳnh Công Giản cùng người em út tên là Huỳnh Công Nghệ (cũng là một hổ tướng) tiến sâu về phía rừng núi trùng điệp của Tây Ninh trong cơn loạn lạc.

Tướng Huỳnh Công Nghệ được chỉ định đóng đồn ở Bến Thứ (như phần trên chúng tôi đã kể) còn tri phủ Huỳnh Công Giản dẫn thân vào án ngữ trên các làng hẻo lánh của dân Việt để bảo vệ an ninh, chặn đứng mọi cuộc tấn công của giặc Miên. Đồn ấy là đồn Trà Vông mà chúng tôi đã ghi nhận với trận đánh khốc liệt đã xảy ra.

Ngày giặc Miên công hãm thành Trà Vông, tướng Huỳnh Công Thắng vì đường xa hơn nên tiếp viện cho anh trễ, chỉ có tướng Huỳnh Công Nghệ mở đường rừng đến kịp chân thành Trà Vông mở cuộc phục thù thảm khốc như chúng tôi đã trình bày.

Dòng lịch sử trôi qua...

Và sau đó, khi tri phủ Huỳnh Công Giản tuần tiết, lần lượt tướng Huỳnh Công Thắng và Huỳnh Công Nghệ cũng chết theo vì tận lo cho miền Tây của Gia Định thành được an ninh (nay là Tây Ninh).

Ngày nay, mộ của tướng Huỳnh Công Thắng ⁵ còn ở phía chân thành Cẩm Giang cũ (gần chùa Quan Huế) và ngài rất hiển linh từ sau khi chết, nên dân chúng địa phương rất sùng nể, lập miếu thờ phụng, cúng tế hàng năm.

Miếu của tướng Huỳnh Công Nghệ được lập ở Vàm Bảo, Bến Cầu thuộc quận Hiếu Thiện, mộ thì không ai biết chôn ở đâu.

Riêng quan tri phủ Huỳnh Công Giản tuần tiết giữa vòng vây của giặc, theo truyền thuyết ngài được tướng Huỳnh Công Nghệ đem chôn cất. Nhưng lâu đời, dân gian không biết phần mộ ngài nơi nào.

Chỉ có điều là cả ba anh em quan tri phủ họ Huỳnh sau khi chết đều hiển thần, nên dân chúng khắp nơi trong tỉnh Tây Ninh đều sùng kính.

Một nho sĩ ở Tây Ninh thời bấy giờ là ông Hàn y Nguyễn Ngọc Diệp, có làm bài thơ chữ Hán để tán dương khí phách của người anh hùng tuần tiết, hy sinh cho non nước, bài thơ này để lại cổ miếu của ngài, chúng tôi sưu tầm ghi lại dưới đây, để tỏ lòng quý mến bậc tiền nhân đã mất qua bao thế kỷ, nhưng tên tuổi vẫn được thế nhân ca tụng người anh hùng vị quốc vong thân.

敬題黃公澗古廟
 日早清光照武臺
 斜陽暗淡月無來
 黃河水潤滋民泰
 公澗笔香濟國涯
 古廟猶題名俊傑
 遺城不壞節英才
 西山記跡延年在
 致命於君壽世懷
 辛巳西寧宋醫阮玉葉

Kính đề tôn thần Huỳnh Công Giản cổ miếu

Nhứt Tảo thanh quang chiếu võ đài.
 Tà dương ảm đạm nguyệt vô lai.
 Huỳnh hà thủy nhuận tư dân thái,
 Công Giản mao hương tế quốc nhai.
 Cổ miếu do đề danh tuấn kiệt,
 Di thành bất hoại tiết anh tài.
 Tây Sơn ký tích diên niên tại,
 Trí mạng ư quân thọ thế hoài.

Hàn y Nguyễn Ngọc Diệp

Tạm dịch :

Nhứt Tảo đài cao chói ánh hồng,
 Trà Vông rừng lạnh vắng trăng trong.
 Huỳnh hà ngọn mát dân vừa dạ,
 Công Giản rau thơm nước đẹp lòng
 Miếu cổ vẫn ghi tài dũng lược,
 Thành xưa còn nhắc tiết anh hùng,
 Non tây muôn thuở còn xanh đó.
 Muôn thuở niềm trung rạng núi sông

Hi Đạm dịch

TRƯƠNG HUỆ CHỐNG XÂM LĂNG

Nhắc lại những vị anh hùng dân tộc đất Tây Ninh ngày xưa đã anh dũng chống Pháp, bảo vệ quê hương, chúng ta nhớ ngay đến Trương Huệ.

Trương Huệ là con trưởng của Bình Tây nguyên soái Trương Công Định, vị anh hùng oanh liệt chống Pháp tại vùng Soirap, nơi đám lá tối trời ở Gò Công.

Trương Công Định chẳng may bị bọn Huỳnh Công Tấn dẫn quân Pháp vô sào huyết để sát hại ông và những người thuộc hạ trong lúc bất ngờ.

Không để cho giặc bắt, ông Trương Công Định đã hy sinh cho đất nước với cái chết hào hùng. Từ ngày ông Trương Công Định mất thì Trương Huệ tức cậu hai Quyền nổi chí cha, phát cờ chống Pháp. Ông hoạt động khắp cả chiến trường miền Đông và miền Tây, ông quyết rửa hận phục thù cho phụ thân và cho quốc gia dân tộc.

Lúc bấy giờ tên tuổi Trương Huệ đã nổi bật trong hàng ngũ kháng Pháp. Ông vốn võ nghệ cao cường, lại tài trí mưu lược, nên nhiều người nói ông có tài « xuất quỷ nhập thần ».

Đạo binh của ông đến đâu thì quân Pháp phải điêu đứng. Nhiều lần quân Pháp cho người khuyến dụ, nhưng ông vẫn giữ lòng thiết thạch và trung hiếu, quyết lo nợ nước thù nhà.

Ông không vì bả danh lợi mà phản nước hại dân, ông nhất quyết thề không đội trời chung với quân xâm lăng cướp nước.

Lúc bấy giờ súng nổ khắp chiến trường, Thiên hộ Dương

(Võ Duy Dương) hoạt động mãnh liệt ở Đồng Tháp Mười. Quân Pháp lại phải huy động một số tàu chiến và quân lính vô nghề chiến với Thiên hộ Dương tại Mỹ Trà Cao Lãnh.

Trương Huệ đem binh đến đánh Sài Gòn ngày 24 tháng 6 năm 1866 vào lúc 4 giờ khuya. Liên quân Việt-Miên dưới quyền chỉ huy của Trương Huệ đột nhập vào vùng Chợ Lớn tấn công đồn Thuận Kiều, trong lúc bọn lính Pháp say ngủ không hay, lọt được vào đồn đánh xáp lá cà với bọn mã kỵ Spahis.

Trận ác chiến xảy ra. Quân Trương Huệ đã chiếm được đồn và tàn sát vô số lính Pháp tại đây. Còn lại 5-3 tên sống sót leo đồn chạy đi báo cáo. Trận này quân Pháp hao nhiều. Đồn Thuận Kiều nhuộm đầy máu đỏ. Tử thi không đâu được đem ra sắp trước đồn cho dân chúng xem để cảnh cáo bọn mãi quốc cầu vinh, tay sai của giặc, phản dân hại nước.

Đến 6 giờ sáng, liên quân Việt Miên quét sạch tàn quân trong đồn, phải quay đầu trở lại tác chiến với quân tiếp viện Pháp.

Trận đánh càng lúc càng thêm ác liệt vì viện binh Pháp càng lúc càng tăng. Đến 8 giờ quân Trương Huệ núng thế đành bỏ đồn Thuận Kiều rút về Bà Hom. Trận này đồn Thuận Kiều tổn thất nặng nề.

Cũng trong đêm khuya 23 rạng ngày 24 Juin 1866, một toán quân khác của Trương Huệ đột kích ở Bà Điểm, Hóc Môn, người cai quản vùng này là ông Phủ Ca, tên Việt gian tay sai đặc lực của Pháp, đem lính ra chống cự, hai bên bắn nhau cả tiếng đồng hồ, quân Pháp ở Gia Định, Gò Vấp hay tin

đem binh đến tiếp viện. Quân Trương Huệ rút lui về Củ Chi, Trảng Bàng rồi lên Tây Ninh hiệp với quân Pu Kằm Pô gây mặt trận ở Tây Ninh.

Quân Pháp hay tin liền cho điều động binh đến rất đông, liên quân Việt Miên phải thay đổi chiến lược kéo trở xuống Trảng Bàng đánh những trận ác liệt vào những lúc trời hừng sáng.

Trung úy Eymard phải động viên lính tráng và dân làng để kháng cự, cuộc kịch chiến kéo dài một giờ, quân Pháp ở Tây Ninh đem viện binh đến tiếp cứu. Quân đội Việt Miên do Trương Huệ chỉ huy rút lui vào rừng.

Trước khi rút lui, liên quân Việt Miên có bắn nhiều phát súng đồng vào căn cứ quân sự của Pháp khiến chúng rối loạn tinh thần và một số bị thương.

Tin Pu Kằm Pô tấn công Trảng Bàng được báo về Sài Gòn, quân Pháp liền phái 200 lính Pháp và 100 lính tập, 50 lính thủy đặt dưới quyền của thiếu úy Rémiot Lerebours đến Tây Ninh để tăng viện.

Ngày 27 Juin 1866, quân tiếp viện đến nơi, trước hết họ cho tình báo dò xét căn cứ của đạo binh Việt-Miên. Nhưng đạo binh du kích này khi ẩn khi hiện như bóng ma, luôn luôn dời đổi địa điểm, thường tấn công lúc xuất kỳ bất ý ; do đó quân Pháp khó có thể tìm căn cứ.

Hạ tuần tháng Juillet 1866, quân Pháp chia làm 4 mặt tấn công tiến đánh Rạch Vịnh. Đoàn kỵ binh Spahi mở đường phía trước, kế đó là lính Tagals, phía sau nhiều đoàn pháo binh bắn súng dọn đường cho kỵ binh tiến tới. Hai bên bắt

đầu khai chiến tại Rạch Vịnh.

Quân Việt Miên thiếu đạn dược nên bị quân Pháp bắn chết khá nhiều. Tổng hành dinh Pu Kăm Pô bị trúng đạn, các ỗ súng đồng bị đổ vỡ tê liệt. Qua nửa ngày, phần thắng lợi nghiêng về quân Pháp.

Thấy nguy, Pu Kăm Pô rút lui về Nam Vang, còn Trương Huệ về Biên Hòa, tiếp tục kháng chiến chống xâm lăng.

Trương Huệ lúc ở Biên Hòa, lúc về Đồng Tháp, hiệp lực với Thiên hộ Dương, gây cho địch nhiều phen thất điên bát đảo. Trong cuộc trường kỳ kháng chiến, binh ta không đủ lực lượng bổ sung, phần thiếu đạn dược nên lần lần tan rã hàng ngũ, lớp bị giết chết, lớp ra đầu hàng.

Còn Trương Huệ chiến đấu đến giọt máu cuối cùng tại mặt trận, chớ không đầu hàng giặc, ngày nay tại Tây Ninh còn có một con đường mang tên Trương Huệ, để kỉ niệm bậc anh hùng có công kháng Pháp. Tên ông đã đi vào lịch sử.

ÔNG HOÀNG PU KĂM PÔ : LẬP CHIẾN KHU KHÁNG CHIẾN Ở TÂY NINH

Về phần sử lược của Tây Ninh, chúng tôi đã trình bày ở phần đầu nói qua mọi sự việc diễn tiến trong thời kỳ Nam tiến của phủ Tân Ninh nay là Tây Ninh. Thiết tưởng chúng tôi cũng cần nhắc lại tiểu sử của con vua Ong Chang, cháu nội của Ong Beng vì cuộc tranh quyền cố vị với con dòng thứ nên Pu Kăm Pô phải lưu vong sang Lào rồi xuống Tây Ninh cùng với một số thuộc hạ chống lại nhà vua.

Khi vua Norodom lên ngôi, Pu Kăm Pô đem binh về khuấy

rồi xứ Cao Miên một lúc, rồi bị quân Pháp đem binh tìm bắt nhưng không được.

Năm 1866 (Bính Dần) lúc bấy giờ Pu Kằm Pô năm mươi tuổi đã rày đây mai đó, sống cuộc đời trốn tránh nay ở Kompong Chàm mai ở Tây Ninh, lâu ngày chịu không nổi mới tìm liên lạc đến ra mắt quan bố Savin de Larclauze nhờ ông này giúp đỡ xin chánh phủ Pháp cho ở một chỗ trên đất Tây Ninh, khai khẩn đất cát trồng trọt làm ăn bỏ ý định dấy loạn tranh giành ngôi vua ở Miên quốc.

Quan bố Savin de Larclauze chấp thuận và tiến dẫn Pu Kằm Pô xuống Sài Gòn trình diện với quan đề đốc De Lagrdière. Khi xuống tàu về đến Sài Gòn trình diện với đề đốc có ý nghi ngờ bèn giam lỏng Pu Kằm Pô tại đây.

Pu Kằm Pô biết mình bị gạt lấy làm buồn bã mong cơ hội tháo cũi xổ lồng trở về Tây Ninh vầy vùng chí cả.

Pu Kằm Pô đã được quân Pháp giao cho quan An Nam gìn giữ, mỗi tháng cho Pu Kằm Pô 20 quan (20 Francs) chi tiêu. Pu Kằm Pô bầm gan ứa lệ, tính một kế kịp quan bố Savin de Larclauze được phép nghỉ ba tháng tại Sài Gòn, làm lễ cưới cho con gái ông Domergne. Lúc ở Sài Gòn, quan bố thường tới lui thăm viếng Pu Kằm Pô và giúp thêm tiền bạc chút ít cho đủ chi tiêu mỗi tháng. Pu Kằm Pô than phiền với quan bố Savin de Larclauze thì quan bố an ủi, xin ần nhẫn chờ ngai một lần nữa. Liền đó quan bố làm đơn nhắc việc Pu Kằm Pô xin và yêu cầu đề đốc cho Pu Kằm Pô trở về Tây Ninh. Đề đốc De Lagrandière hứa y lời, nhưng rồi cũng làm thỉnh bỏ qua.

Pu Kằm Pô đợi mãi cũng không thấy tin, rất buồn, nhưng

lúc quan bố De Larclauze còn ở Sài Gòn thì Pu Kằm Pô an tâm thủ phận, mà một ít lâu, sau khi quan bố trở về Tây Ninh rồi, thì Pu Kằm Pô trốn mất. Chính phủ Pháp nghi cho quan An Nam âm thầm phóng thích. Quả thực như vậy, khi trốn khỏi Pu Kằm Pô trở về Tây Ninh quy tụ thủ hạ được ba bốn trăm người, lấy rừng Bang Dung (Tabel Yul) làm căn cứ, không thèm giao thông với quân Pháp nữa. Bọn tuần tiễu của thân binh Pháp hay báo với quan bố.

Ngày 6-3-1866, ông Savin de Larclauze thân chinh lên Bang Dung để kiểm Pu Kằm Pô, rủi Pu Kằm Pô đi khỏi (hay là ẩn mặt).

Qua bữa 7-6, Pu Kằm Pô đem nội bọn lối 3, 4 trăm người, kẻ nà người tầm vông vạt nhọn, xuống đến rừng Trường Đồi. Nội bọn đều ở trong rừng sai hai người Cao Miên ở ngoài đường, đi trước một người cầm một cây cờ tam sắc (như cờ Pháp) nhưng hình ba góc, trên có vẽ một con quái vật và để chữ Miên, đi sau một người cầm một cây cờ trắng (dấu hiệu đầu hàng).

Hay việc này, thân binh trưởng vào báo cáo quan bố hay. Ông này hỏi phải quân của Pu Kằm Pô không ? Người đi báo bảo rằng thật vậy, nên quan bố cười, bố khi dễ, vì ngài là người ân của Pu Kằm Pô, nên có điều chi phải lo sợ. Ngài liền cho quan ba Pinault hay và ngài đích thân dẫn 20 binh lính và quan một Lesage đi kiểm Pu Kằm Pô.

Quan bố Savin de Larclauze vừa đến Trường Đồi, thì lính của quan ba Pinault núp tại đầu cầu, thấy tên Cao Miên cầm cờ tam sắc, liền nã súng bắn, tên này ngã xuống chết rồi, tên

cầm cờ trắng phất cờ cũng bị bắn chết luôn. Vì vậy cho nên quân Pu Kằm Pô dùng ná bắn lại, lính Pháp hoảng sợ, bỏ chạy ráo về thành. Quan một Lasage và mười tên kia cũng chạy tuốt, thành thử quan bố còn lại quay trở lại thấy một mình, lại con ngựa bị lầy chạy không được cũng bị quân Cao Miên đập chết, cắt đầu rồi kéo vô rừng.

Khi hay tin quan bố bị tử trận, lính Pháp đặt nhiều điều quái dị phòng che chở sự dở của họ, còn quan ba Pinault không dám đem binh ra, liền trở về Sài Gòn xin binh tiếp viện.

Bốn bữa sau có đại tá Marchaise đem 300 lính lên. Lúc này Pu Kằm Pô và nội bọn đều trở về căn cứ tại Table Yul.

Đại tá Marchaise đem binh tuốt lên Tabel Yul, quyết trả thù. Binh vừa đến Xóm Vịnh, bị quân Cao Miên vây. Khi thấy Cao Miên ào ra đông quá, đại tá Marchaise và lính kiểm đường thối lui, mà rui bị bùn lầy nên người và ngựa gì chạy cũng không được nên cả bọn đều bị quân của Pu Kằm Pô sát hại hết.

Ít ngày sau đại úy Alleyron lên. Ông này không lo đánh Pu Kằm Pô nữa vì con cháu Quản Định là Trương Huệ đánh phá từ Đồng Tháp Mười đánh qua Trảng Bàng, lên đến Trà Vinh, bao vây cả tỉnh Tây Ninh. Có người còn nói con Quản Định lên gặp Pu Kằm Pô hiệp nhau mới làm cho nhà binh Pháp ở Tây Ninh lo sợ.

Nghe đồn qua năm sau (1866), Pu Kằm Pô tạ thế, mà không sách hay báo nào nói đúng sự thật.

LÃNH BINH KẾT : TUNG HOÀNH MỘT CỖI BIÊN THÙY

Ông Két một trong những vị lãnh binh của miền Nam, đã anh dũng lập chiến công chống Pháp dưới triều vua Tự Đức, tại Long Giang Gò Dầu nay là quận Hiếu Thiện, ông và nhiều đồng chí nghĩa quân thường đem quân đến đột kích vào những đồn lẻ tẻ của quân Pháp ở miệt Trảng Bàng, Gò Dầu, Tây Ninh những đêm trời tối dùng hoả công phá đồn rồi rút lui trong bóng tối, làm cho Pháp thất điên phát đảo với đội binh của ông. Vùng Tây Ninh ngày xưa còn là rừng rậm hoang vu, nếu có động thì làm cho ông phân tán mỏng rút vô rừng ẩn trốn mất dạng, không tài gì lòng bắt ông được.

Ở đây dân gian gọi ông là Lãnh Binh Két chớ không biết ông họ gì, trong cuộc khởi nghĩa chống xâm lăng của dân ta đã bùng nổ khắp miền Nam, Đồng Tháp Mười, Thiên Hộ Dương, Bến Tre Phan Tôn, Phan Liêm, Tây Ninh Trương Huệ, Lãnh Binh Tòng, Lãnh Binh Két... Riêng về ông Két kháng Pháp đến cùng cho đến chết, chưa hề bị bắt một lần nào cả.

Ngày nay nhắc đến các vị anh hùng kháng Pháp ở Tây Ninh, chúng tôi phải nhắc đến vị Lãnh Binh Két đã oanh liệt một góc trời ở miệt Long Giang, làm cho Pháp phải kiêng nể đến tài xuất quỷ nhập thần của vị anh hùng thời ấy, đã lập được nhiều thành tích vẻ vang, tô đậm trang sử oai hùng cho đất nước miền Nam nói chung, tỉnh Tây Ninh nói riêng nhưng rất tiếc thời ấy các nhà sử học của ta bỏ quên không ghi chép tên ông vào lịch sử, thành ra không biết ông là người xuất xứ ở đâu ? Và chết năm nào ? Đây là những lời truyền thuyết, do đồng bào địa phương kể chuyện cho chúng tôi ghi chép về cuộc đời tranh đấu của vị lãnh binh Két của vùng đất Long

Giang ngày xưa ai ai cũng biết tiếng, đến nay người ta còn nhắc nhở đến tên tuổi ông.

LÃNH BINH TÔNG : KHÁNG PHÁP OAI DANH LỪNG LÃY

Tên thật của ông là Đặng Văn Tông, ông là con trai duy nhất của ông Cả Đặng Văn Trước. Chánh lãnh binh là chức tước của Ngài.

Ngài trấn thủ biên giới, chống với giặc Miên thường xuống quấy nhiễu dân lành.

Giặc Miên rất sợ Ngài vì Ngài áp dụng chiến lược : nấu dầu rái đang sôi, dùng ống thụt bằng đồng thụt qua đối phương khiến giặc bị phỏng da, cháy đầu.

Trong cả một trận quyết liệt, Ngài đã chém chúng chết máu đỏ cả đồng, nên mới có sự tích « Đồng Cỏ Đỏ » tại Trảng Bàng.

Lúc Pháp qua xâm chiếm nước ta, Ngài quyết liệt chống lại.

Khi Pháp tấn công thành Chí Hoà, Ngài cho quân tiếp viện. Nhưng quân Pháp quá hùng mạnh nên thành Chí Hoà đành thất thủ (1861). Pháp tiến quân lên Trảng Bàng, Ngài chống không lại, chạy ra Tha La để trốn nên và bị Việt gian chỉ chỗ ẩn trú nên bị bắt và bị đày đi Inini ở đảo Guyane và mất luôn tại đó.

Ngài có mười người con. Những người này vì thù nước thù nhà cho nên cũng chống Pháp với việc làm : lập Thiên Địa Hội.

Về sau, 4 người bị bắt đày đi Côn Nôn. Có hai người kết bè trốn thoát về được và hai người bỏ thân ngoài đó, trong đó có ông Đặng Văn Thoại là thân sinh của ông Đặng Văn Đây.

Kiến họ Đặng lúc đó bị Pháp gán cho tiếng làm giặc, sự nghiệp, nhà cửa, ruộng vườn bị mất nhiều.

Hiện giờ ở Trảng Bàng, bên hông nhà bưu điện cũ, có con đường chạy xuống tới chùa Ông Huệ (cây cà na) gọi là đường Chánh Lãnh Binh Tòng.

Người anh hùng đã hy sinh cho non nước, nhưng tên tuổi vẫn còn sông mãi với thời gian, tên lãnh binh Tòng đã đi vào lịch sử kháng Pháp ở miền Nam muôn đời vẫn còn ghi tạc.

HỒ VĂN CHƯ (1856-1926) : HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO THIÊN ĐỊA HỘI

Cụ Hồ Văn Chư tức là vị hương cả đầu tiên của làng An Tịnh quận Trảng Bàng ngày xưa. Sinh năm Bính Thìn (1856), ông có vóc người cao lớn, bộ đi đứng nghiêm trang, mắt sáng quắc, thông Hán học, tiếng giọng đồng ăm và oai nghiêm khác thường hơn thiên hạ. Và lại tính tình cương trực và hào hiệp, vốn con người tiết tháo thẳng ngay ông không chịu cúi lòn như một số kẻ khác. Và ý thức được đất nước bị đô hộ, dân tình khổ sở vì sưu cao thuế nặng nên không thể ngồi đó mà chứng kiến cảnh đau lòng đất nước bị trị.

Lúc bấy giờ mới đi quy tụ bạn đồng chí có căn bản nho học trong vùng, lập nhóm Thiên Địa Hội để hoạt động chống lại quân Pháp. Các đồng chí thấy ông là người có tinh thần ái

quốc, dám hy sinh cho đại cuộc, không nghĩ đến danh lợi, nên bầu ông là thủ lĩnh cầm đầu nhóm Thiên Địa Hội trong toàn quận. Thời gian hoạt động thu được nhiều đảng viên làm vây cánh, rồi thay cuộc đánh phá khám lớn Sài Gòn đêm 12 tháng giêng Bình Thìn năm 1816 để giải cứu lãnh tụ Phan Xích Long bị thất bại khiến cho cơ sở Thiên Địa Hội bị lộ. Một buổi sáng vào tháng ba năm 1916 nhà cầm quyền địa phương đến bắt ông tại nhà, cùng một số anh em nhưng cụ hương hào Nguyễn Văn Ngay, hương bộ Chót, và nhiều người khác có liên quan đến phong trào Thiên Địa Hội, đem giam tại công sở An Tịnh. Ông bị tên đội Tấn lính mật thám Pháp dùng cực hình tra tấn dã man, chết đi sống lại, ông vẫn giữ một lòng thiết thạch lãnh hết trách nhiệm, nhất định không khai một người nào khác, ngoài những người bị lộ tông tích. Sau 5 ngày ông bị giải về Sài Gòn lãnh án khổ sai chung thân, bị lưu đày ra Côn Đảo. Trước cảnh trời nước mênh mông, chí kia chưa đạt được ông đành phải ôm hận cho đến chết. Ông mất vào ngày 3 tháng 11 năm Bính Dần 1926, hưởng thọ 71 tuổi.

Ông Hồ Văn Chư mất, đồng bào có tinh thần yêu nước đều rơi lụy thương tiếc. Một bậc tiền bối như ông Hồ Văn Chư khêu ngọn đuốc Cách mạng cho lớp người sau nối chí. Ông đã mất trên nửa thế kỷ nay, nhưng tên tuổi vẫn sống mãi, thời gian muôn đời còn ghi tạc.

Xử Trảng ngày xưa cũng như ngày nay đã sinh xuất lắm nhà ái quốc từng đóng góp cho đại cuộc chống xâm lăng.

Giáo sư Nguyễn Tài Năng, người Cần Thơ có làm mấy vần thơ cảm tác ông Hồ Văn Chư như sau :

*Trảng Bàng đã có **Hồ Văn Chư**
Chống Pháp hằng say, Pháp cũng dù !
Bộ **Chót** noi gương, nguy chẳng lánh,
Hào **Ngay** theo dấu, khổ không từ
Thực dân tra tấn dầu tàn nhẫn,
Đồng chí che nhau dầu ngất ngư.
Thiên Địa Hội xưa nêu chí cả,
Thù Tây cướp nước dạ khư khư.*

Hiện nay ông còn người con là ông Hồ Văn Tý 85 tuổi, nhà ở tại chợ Trảng Bàng căn phố hướng đông miếu cả.

TIỀN HIỀN TRẦN VĂN THIỆN : VỊ THẦN HOÀNG ĐÌNH BẾN KÉO (XÃ LONG THÀNH)

Cụ Trần Văn Thiệu, sinh năm Ất Mão 1795 tại làng Trung Lập, phủ Bình Long, tỉnh Gia Định (thân sinh cụ là Trần Văn Quế, một bậc thầy trong bậc nho giáo).

Cụ Trần Văn Thiệu thời bấy giờ, ra làm thôn trưởng tại làng Trung Lập nhằm triều vua Thiệu Trị, nguyên niên Tân Sửu 1841. Lúc cụ đúng năm mươi tuổi, 1884 xin thôi làm thôn trưởng. Cụ và thân sinh đã đi quan sát vùng phủ Tây Ninh, thấy đất hoang, rừng rậm rất nhiều, không ai khai thác về nông sản. Do đó cụ và thân sinh cụ đệ đơn xin quan phủ Tây Ninh cho khai khẩn vùng Bến Cầu và di dân lập ấp, đã lập đặt 4 thôn (như các xã hiện nay thuộc quận Hiếu Thiệu)

Nơi cụ Trần Văn Thiệu đến khai khẩn trước tiên :

1. Xã Long Giang
2. Xã Long Chử

3. Xã Long Thuận

4. Xã Long Khánh

Sau khi thân sinh cụ qua đời, hưởng thọ được 85 tuổi, cụ an táng tại vịnh Bà Năm (tục kêu Vàm Bảo) thuộc sông Vàm Cỏ Đông (Tây Ninh).

Cụ và một số người cùng chí hướng đệ đơn lên ông Bạch Văn Lý, tri huyện phủ Tây Ninh ngày 11 tháng 7 âm lịch, Thiệu Trị năm thứ tư (1814) xin khai hoang để canh tác khu đất gần tứ cận :

- Đông cận Quốc lộ 22.
- Tây cận sông Vàm Cỏ Đông
- Nam cận Rạch Rế
- Bắc cận rạch Cái Răng

Cụ và các thuộc hạ tận tâm khai thác ruộng rẫy, lấy Bến Kéo làm trung tâm điểm, đắp đê cản nước cho dân canh tác.

Nhưng thời bấy giờ dân chúng ít có lưu tâm về nghề nông, phần nhiều chuyên về cay củi, dầu chai, nên việc khai mở nông nghiệp có phần không phát triển đáng.

Thế mà cụ không ngã lòng, cố thực hiện cho kỳ được vùng Bến Kéo, rồi cụ đệ đơn xin khai khẩn khu rừng Thới Long Thôn, Đông Tây tứ cận như sau :

- Đông cận ngã tư lộ đất Bàu Sen.
- Tây cận ngã ba đi Bàu Đưng.
- Nam cận ngã ba lộ đất (nay gọi là lộ kiểm).
- Bắc cận Bàu Cây Cám (có tiểu khe chảy vào Bàu Cà Na).

Trong đơn cụ trình rõ cho quan huyện phủ Tây Ninh biết đất hoang rừng rậm chưa khai thác, dân chúng còn trú ẩn nơi rừng sâu nước độc, không thống nhất ý chí khai thác ruộng nương, làm sao mở rộng bờ cõi nông nghiệp.

Vì vậy cụ được sự chấp thuận của quan trên, cho qui dân lập lại sự làm ăn, và đồng thời quan phủ Tây Ninh phái một đoàn thanh tra đi xem xét các nơi cụ khai khẩn. Đoàn thanh tra thấy rõ sự tận tâm khai thác của cụ rất kết quả.

Quan phủ cho lập hai làng :

- Long Đình thôn (nay gọi là làng Long Thành)
- Thái Đình thôn (nay gọi là làng Hiệp Ninh)

Và hai năm sau, cụ đệ đơn xin lập thêm ba làng nữa là :

- Long Thới thôn
- Thái Bình Thôn
- Thái Hiệp thôn

Trong thời gian 10 năm cụ cùng thuộc hạ đã khai thác ruộng rẫy và lập thành thêm được 8 thôn nữa, qui tụ ngày càng đông. Vùng Tây Ninh từ đây nghề nông rất phát triển.

Lúc bấy giờ giặc Pu Kằm Pô nổi lên (dân thổ Cao Miên) thường tràn xuống vùng kế cận Tây Ninh để cướp phá dân ta, chúng dùng khí giới như : Rựa, chà gặt, xà mâu, xà cắc, mác nhọn và cung ná... chém giết dân ta cướp của rất nhiều.

Cụ thấy thế đệ đơn lên quan phủ Tây Ninh, xin mộ và thành lập một đội binh dân quân Tự Vệ, vũ khí cũng thô sơ như : gươm, giáo, lao, cung, ná và một số ít súng bắn bằng dầu chai.

Phân tán từng đơn vị nhỏ cho các đầu mục biết võ giỏi để huấn luyện cho tinh nhuệ cách hành binh giữ an cho dân chúng mỗi thôn (tĩnh di nông, động di binh).

Võ nghệ cụ rất giỏi, cụ chỉ huy cho đội dân quân Tự Vệ đánh bọn Thổ thất bại mấy phen, nên bọn chúng (thổ dân) rất kiêng nể cụ, nghe tới danh đội binh của cụ là chúng bỏ chạy ngay.

Dân chúng được an cư lạc nghiệp cũng nhờ tài ba thao lược và lãnh đạo của cụ vừa văn vừa võ.

Quan tri huyện Tây Ninh rất mến tài đức của cụ nên công cử cụ làm cai tổng thuộc tổng Hòa Ninh, ngày 8-10 âm lịch Tự Đức ngươn niên Mậu Thân (1848).

Vì lòng mến nước thương dân vô hạn. Cụ tìm đủ mọi cách để châm chế cứu vãn đồng bào, khi thấy dân chúng bị quan địa phương chuyên quyền rúng ép, sưu cao thuế nặng (hữu tiền tắc sanh, vô tiền tắc tử).

Cụ đệ đơn xin ân xá các tội phạm trong ngục tù, cũng như tội phạm còn đang tại đào, được tự do xuất thú, để cụ hướng dẫn mưu sinh lập nghiệp, và cùng lập bộ đình cho mỗi làng, hàng năm sưu thuế đóng đầy đủ. Từ đó cụ tập trung rất nhiều dân quân tự vệ, chia cho các nơi để bảo vệ thôn ấp, hầu giữ an ninh trật tự cho đồng bào.

Lúc bấy giờ cụ đã lớn tuổi và sức khỏe giảm dần ngày càng suy yếu.

Mặc dầu vậy, cụ và các cộng sự viên lên ngã ba Trảng Châu, quy tụ một số dân người Nam và người Thổ, khai mở

từ Trảng Châu lên Lò Gò lập làng tại đây, gọi là làng Long Phú Thôn, vùng này rất nhiều thổ sản như : cây dầu chai, mây... và bọn Thổ thường hay phá khuấy dân ta.

Cụ tuổi đã cao và sức yếu nhưng cũng cố gắng chinh phục Thổ dân đủ mọi cách, thế lần lần đem lại an ninh và trật tự, Thổ dân không còn khuấy phá nữa.

Từ đây cụ đã quá già yếu, cụ hưởng thọ đặng 89 tuổi, quy thiên ngày 18 tháng 9 âm lịch, triều Tự Đức năm thứ 36 (1883). Thê thất của cụ là bà Ngô Thị Cúc hưởng thọ 82 tuổi, sau năm năm tử bệnh ngày 9 tháng 5 âm lịch, hiện nay song mồ của hai cụ tại Bến Kéo, ấp Long Yên xã Long Thành.

Cụ hạ sinh đặng 11 người con : 3 trai, 8 gái : Ông Trần Văn Sum, Ông Trần Văn Hợp, Ông Trần Văn Nhuận. Con gái : không nhớ tên.

Và những vị hậu hiền vẫn còn lại xã Long Thành hiện nay.

Ông Trần Văn Sum kể vị cha cầm đầu một đạo binh tự vệ, gia nhập vào đạo binh Ông Lớn Trà Vòng làm chức phó lãnh binh, chống Pháp, ông bị tử trận, không con nối hậu.

SỬ TÍCH VỀ TINH THẦN CỦA CỤ

Tục truyền cụ Trần Văn Thiện, sau khi quy thiên, có đập đồng về cho dân biết, cụ đã hiển thần (triều vua Tự Đức tam thập lục niên tây lịch 1883). Dân chúng vùng Bến Kéo rất tin tưởng sự linh thiên của cụ, đồng đệ đơn lên quan phủ Tây Ninh, xin lập đình thờ người tại Bến Kéo là nơi cụ khai mở.

Quan tri phủ Tây Ninh thấy công lao của cụ đối với dân

với nước là một bậc hiền tài, trung kiên, chính trực, và thấy sự linh thiên của cụ, tấu sớ về kinh đô Huế, và cho phép cất đình tại Bến Kéo để thờ ngài.

Tục truyền cụ có đập đồng về lần thứ hai cho dân chúng biết, cụ đã tu và ăn chay, nên sau này tới lệ kỳ yên là dân chúng tề tựu lại cúng chay tất cả (tham khảo theo tài liệu của ông Huỳnh Hữu Lộc cựu hội đồng tỉnh Tây Ninh).

ÔNG ĐẶNG VĂN TRƯỚC : VỊ TIỀN HIỀN LÀNG GIA LỘC

Danh tính vị thần hoàng làng Gia Lộc là Đặng Văn Trước (cũng có húy danh là Đặng Văn Dừa) người đương thời gọi là ông xã Trước.

Ông Đặng Văn Trước là người Bình Định, quận An Nam, theo cuộc Nam tiến vào ở Bến Đồn (bùng binh) tổng Dương Hòa, huyện Bình Dương. Lúc đó ông làm chức Trùm Xâu.

Về sau ông qua Trảng Bàng phá rừng lập ấp. Người dân phương xa đến, ngài cho ở, châu cấp lương thực nhà cửa do đó nhân dân đến ở càng ngày càng đông.

Dân đông, đất hẹp, ngài có ý mở rộng « ranh giới ». Năm Gia Long thứ 17 (1818). Ngài cùng mấy ông trùm : Thế, Mưu, Vị, Thứ, đến làng Bình Tịnh (hiện giờ là An Tịnh) xin thêm đất để lập làng lấy hiệu là Phước Lộc Thôn (hiện giờ là Gia Lộc xã).

Sau ngài có mua thêm đất từ cây « Bồ Đề » chỗ công xi nhỏ gần chùa Phước Lưu tới rạch « Bà Dông » với giá 40 quan tiền để mở mang thêm.

Đến năm Minh Mạng thứ hai (1822) ngài làm chức xã trưởng uy danh ngày càng lan rộng, dân chúng đến ở rất đông nên thiếu chỗ ở. Vì vậy mới có việc lấn ranh qua làng Bình Tịnh để lập chợ và đào kinh. Do đó ngài mới bị thưa kiện. Vì thương dân mà ngài bị điều đứng quá nhiều. Về sau, ngài được quan trên phong chức xã nên người ta gọi là ông cả trong làng.

Mấy lần quân Miên nổi dậy, ngài chống trả mãnh liệt và dẹp tan, đem an ninh về cho thôn ấp.

Có vụ cướp ở Bến Tranh (cũng gọi là ấp Sinh Tranh) làng Bình Tịnh thưa ngài nơi tả thừa ty hành phong. Họ đổ tội cho ngài, chịu trách nhiệm vì đó là phần đất của ngài cai quản.

Nhưng lúc xét ra thì thủ phạm cướp ở Bình Tịnh chứ không nhằm địa phận của ngài.

Ngài đi hầu bằng ngựa. Ngài qua ấp « cây cao » ghé quán gần cầu « Trường Chùa » để giải khát thì bị 3 người làng Bình Tịnh đầu độc ngài. Tuy ngài bị say thuốc nhưng cũng ráng về tới chợ thì mất.

Sau có giặc Ngụy Khôi dấy lên, đến đốt miếu ngài, nhưng đốt không cháy mặc dầu là miếu lợp bằng tranh.

Giặc cho voi đến đạp phá nhưng voi cũng thụt lùi nên miếu cũng vô sự.

Nhân dân trong làng thường kiêng chữ Trước, thay vì nói « trước » nhà thì nói « trác » nhà, nói « đi trác » thay vì nói « đi trước »...

Ngài hạ sanh được 3 người con, 2 gái và 1 trai là Đặng

Văn Tông làm tới chức chánh lãnh binh.

Khi ngài mất, phải đợi thầy địa lý coi huyết mã ở bưng binh. Vì phải phá rừng dọn đường nên cuộc chôn cất kéo dài cả tháng.

Lúc hạ quan, con ngựa của ngài quì xuống, chảy nước mắt rồi ngã ra chết. Vì vậy hiện giờ tại miếu có thờ con ngựa.

Một tập tục đã có từ xưa là mỗi năm, đến ngày 11 rạng mặt 12 tháng 10 âm lịch, dân chúng trong vùng đi tảo mộ ngài rất đông.

Mộ của ngài nằm tại bưng binh giữa rừng u tịch, chung quanh có nổi giồng đá và nơi nằm mộ cũng toàn là đá.

Lễ giỗ của ngài tại miếu nhằm ngày mùng 5 và mùng 6 tháng 3 âm lịch. Chi phí về lễ cúng được công quỹ xuất phát. Thù lao của ông từ lo việc nhang khói cũng do công quỹ đài thọ.

Cái miếu của ngài được ông Đặng Văn Đây là cháu xuất tiền phần lớn ra cất lại hồi năm 1941.

Trong cuộc Nam tiến, từ Bình Định, ba anh em của ngài phiêu lưu vào Nam.

- 1.** Ông Cả dừng chân ở Bến Đồn (Bùng Binh).
- 2.** Người thứ hai ở Dĩ An. Kiến họ Đặng tại đó có lập nhà thờ (do ông Đặng Lễ Nghi, Đặng Thúc Liêng).
- 3.** Người thứ ba xuống tận Sa Đéc. Họ Đặng ở đó cũng PHONG THẦN.

Năm Bảo Đại lên ngôi, ngài được vua sắc phong « Bôn

Cảnh Thần Hoàng Gia Lộc thôn Bảo Đại nguyên niên ».

CỤ VÕ VĂN SÂM : MỘT THI NHÂN CÓ TINH THẦN CÁCH MẠNG

Cụ Võ Văn Sâm, sanh năm Mậu Thìn 1868, dưới đời Tự Đức năm thứ 21, tại xã Thái Bình Châu Thành Tây Ninh trong một gia đình nho học, khá giả, hiện nay còn lưu lại một ngôi nhà cổ kính, vách ván, lợp ngói âm dương, đứng tán, mặc dù đã thay ngói đổi chủ suốt một thế kỷ, vẫn còn ngang nhiên đứng vững giữa trời, chống chọi với gió mưa thử thách (ngôi nhà đã được ông Võ Văn Dung chụp ảnh ngày 2-1-1971).

Thân sinh cụ Võ Văn Sâm là cụ Võ Văn Còn một nhà nho giáo, mẹ là bà Lương Thị Dung, nhưng cụ Võ Văn Sâm lại thọ giáo với cụ Nguyễn Văn Bình, Hương Văn của xã Ninh Thạnh (Tây Ninh) để học Hán Văn, mãi đến 20 tuổi, vì sự bắt buộc của nhà cầm quyền Pháp, thanh niên phải đi học Pháp Văn với trọng tâm ngày sau làm việc cho chúng.

Cụ học Pháp văn với quý vị giáo viên :

- Cụ Trần Văn Thuận, sanh 1847, dạy học 1887 tử 1900.
- Cụ Vương Quang Nhường 1848, dạy học 1886-1899.
- Cụ Lê Văn Thơm 1858, dạy học 1880-1900.

Dưới quyền Giám học là Ô. E. COUFFINAH, người Pháp đầu tiên đem văn hóa Âu Tây truyền bá cho dân Việt ở Tây Ninh.

Cụ Võ Văn Sâm chỉ học hết chương trình Tiểu học trong ba năm, ra làm giáo chức năm 1891 lúc ấy cụ mới 23 tuổi rồi

hoạn trường bất hạnh, cụ xin nghỉ việc năm 1894, và xin làm thư ký nơi Ty Công Chánh Tây Ninh. Được lối 5 năm, cụ xin thôi, vui thú hạc nội mây ngàn, viết báo cáo cho tờ Nông-cô, Mìn-đằm, Gia Định báo, Lục Tỉnh Tân Văn, trước cửa nhà treo một tấm vải trắng quảng cáo « Đặt thi phú văn từ và làm đơn mướn ». Với nghề này cụ cũng đủ sống một cuộc đời bình dị và thời kỳ ấy, ai có lỗi chi với xã hội đều sợ cụ đặt vé châm biếm, hoặc người khác mướn đặt vé đặt thơ, có công chép ra nhiều bản (thời kỳ ấy chưa có máy đánh chữ) hoặc viết bằng mực in (encre à polycobie) rồi in bằng xu xoa, phát ra cho học sinh học thuộc lòng, rồi đến chung quanh nhà kẻ bị châm biếm xúm nhau đọc lên, những người lớn nghe về lạ tai đọc có vắn, đến xin ra nhiều bản để học chơi trong khi nhàn rỗi.

Cụ Võ Văn Sâm là giáo chức, nên thiên hạ kêu là giáo Sâm, hoặc gọi là Võ Sâm, phần đông lại kêu là Giáo Xôm, thành ngữ này được sử dụng rất nhiều với lớp bình dân còn thấp kém về văn hóa. Tánh tình cụ cương trực, ngay thẳng, ghét tà vạy, thường mặc áo dài đen, quần trắng, giày bố trắng, đội nón trắng (casque gauloise) đi lễ quan hôn tang tế thì vận khăn đen, không bao giờ mặc âu phục.

Ông Yết Ma D... trụ trì chùa hang Núi Điện Bà năm 1914, say mê một nữ đệ tử, vợ một thương gia Hoa Kiều ở Chợ Lớn, mà tiếng tăm chấn động cửa thiền, cụ làm bài thơ sau đây dán cùng Núi và in báo :

*Rủ nhau thừa hứng viếng chùa hang
Phong cảnh nguy nga một cõi nhàn*

*Bầy vượn véo von chòm tục lụy
Cửa thiền công quả khách hường nhan
Trăng soi liêu vải năm canh tịch
Gió giật cành dương mấy độ tàn
Kẻ mến giang san người mộ sãi
Thích tình quên lửng mối gia cang.*

Tóm lược phần tiểu sử cụ Võ Văn Sâm, theo tài liệu của cụ Lâm Tuyền biên soạn. Cụ Sâm là một nhân vật nổi tiếng có tài xuất khẩu thành thơ thi văn lưu loát, lắm người nghe danh biết tiếng, các thi hữu ở bốn phương thời trước thường đến tiếp xúc với cụ, trao đổi văn thơ xướng họa cụ đã ra người thiên cổ, nhưng tên tuổi đến ngày nay được nhiều người nhắc nhở.

CỤ QUỐC BIỂU : MỘT NHO SĨ CÓ TINH THẦN ÁI QUỐC

Ông Nguyễn Cư Hiến tự Quốc Biểu, sanh năm 1895 tại Sóc Trăng. Lúc mới sơ sanh, ông theo dưỡng phụ là cụ Dương Minh Đăng, một nhà mô phạm trứ danh thuyên bố về Tây Ninh.

Đến 7 tuổi, ông vào học trường tỉnh Tây Ninh, vốn có thiên tài, ông học rất giỏi, tỏ ra một đứa trẻ thông minh mẫn đạt.

Vì nhà nghèo, khi thi đậu bằng cấp sơ học thì ông xin thi vào ngạch thư ký Bưu điện và tòng sự tại Sài Gòn. Ông lập gia thất, nhưng vẫn chuyên lo học tập, nên tuy ông học lực lớp nhất trường tỉnh, mà các bậc đồ bằng thành chung cũng

khó so tài học với ông, ngoài ra ông mua sách Hán Văn và tự mình học tập, chẳng mấy năm mà ông đã thông hiểu Hán tự.

Lúc bấy giờ, ông kết bạn cùng Đào Châu, Trần Huy Liệu, Lâm Hoài Nghĩa, Bồng Dinh và Nguyễn An Ninh, óc cách mạng của ông bắt đầu chớm nở, thường dùng những bài thơ xướng họa để thức tỉnh nhân dân đứng lên chống Pháp.

Có nhiều sĩ phu lập văn đàn, trong lúc hội hiệp đầu tiên, ông Đào Châu làm một bài thơ mừng văn đàn và kêu gọi anh em đoàn kết, nhiều ông như Phong Niên, Hoài Nghĩa, Bồng Dinh, Thuần Đức có họa vịnh, nhưng chỉ có bài thơ họa vịnh của Quốc Biểu là tuyệt tác :

*Phỉ lòng ao ước bấy lâu nay
Gặp hội văn thi quá đổi may
Mày gốc rậm xin người gặng chí
Vạch mây trời cầu bạn ra tay
Vườn đào vun quén hoa thêm lịch
Đàn hạnh gọi nhuần trí hóa hay,
Thanh thế hạc bầu kêu rập tiếng
Nước non riêng thú ! biết là ai ?*

Mượn lấy văn thơ kêu gào đoàn kết, phổ ra ý chí quật cường quật khởi, mày gốc rậm xin người gặng chí vạch mây trời cầu bạn ra tay, có nghĩa đen là đế quốc đã đặt một nền tảng vững chắc như một gốc cây trên đất nước ta, nên ông khuyên cùng nhau cố gắng mày dũa nhiều người, lâu ngày gốc cây cũng phải tróc gốc, vạch mây mù cho ánh mặt trời để cho mặt trời soi sáng cả sơn hà. Vườn đào vun quén hoa

thêm lịch, nghĩa đen là anh em nên noi gương Lưu, Quan, Trương kết nghĩa nơi vườn đào đồng thề sống thác khuông phò Hớn Thất. Thanh thế hạc bầy kêu rập tiếng, nước non riêng thú ! Biết là ai ? Có nghĩa đen là : chúng ta như hạc bầy bay khắp gầm trời, cùng chung nhau chống xâm lăng thì non nước này riêng về chúng ta, đâu còn là của ai nữa.

Bài thơ trên đây đầy khí phách anh hùng kêu gào toàn dân đứng lên chống Pháp hầu đem dân tộc đến bên vinh quang.

Ông làm bài thơ vịnh « Cọp vườn thú » ám chỉ ngay Đức Thành Thái khi bị Pháp lưu đày, mà các nhà cách mạng và sĩ phu Bắc Hà đều khâm phục :

*Xưa ở lâm sơn lắm vẫy vùng
Nay về theo thể cực lòng vương
Dấu nanh bởi mắc trong lòng sắt
Hổ mặt vì mang tiếng chúa rừng
Dây sắt luống đeo mình khó nhọc
Tấm da thà để tiếng oan ưng
Hỏi Ông có nhớ rừng xưa tá !
Chẳng nhớ mà sao mắt ngỏ chừng,*

Từ đây các tao nhân mặc khách đều mượn vần thơ để thức tỉnh dân chúng đứng lên chống Pháp và Quốc Biểu có tham gia vào các tổ chức cách mạng của Nguyễn An Ninh.

Than ôi ! Mộng lớn chưa thành, bịnh ác nghiệt lại vương vít vào thân, làm cho ông phải tạm lìa các đồng chí, xếp rương vũ trụ quả bầu thao lược về ẩn thân nơi Tây Ninh vào

năm 1922.

Về đến Tây Ninh, ông dưỡng bệnh trong nửa năm, thỉnh thoảng các đồng chí lên thăm và mỗi lần có khách đến viếng ông là mỗi lần làm cực lòng ty mật thám ngày đêm tuần du cẩn mật.

Ông có mua một vuông đất nơi Suối Độn (đường đi núi Bà) và cất một túp lều tranh giữa rừng suối hoang vắng, vẫn nuôi một chí lớn, ngày ngày trồng rau cải cho nhà cầm quyền đừng để ý tới, nhưng nhiều đêm đều có cuộc hội họp giữa các văn nhân Sài Gòn, nhất là cụ Nguyễn An Ninh thường tới lui giữa đêm khuya giá rét.

Lúc bấy giờ có nhà cư sĩ cách mạng danh hiệu là Nhứt Thiện cùng ông lên Đảnh Bạc (núi Bà Đen) cất am giả mượn giọt nước dương chi, câu kinh bôi điệp dứt bỏ cuộc đời để cho người Pháp không còn hoài nghi, nhưng trong thâm tâm là để cử đồ đại sự (hiện nay vẫn còn cây trái sum sê của hai ông có công trồng tía).

Ty mật thám lại sai người giả khách thập phương đến đây viếng cảnh, thấy thế Quốc Biểu bèn vào nơi Gò Chẹt một cù lao tư bề nước chảy, cũng một định hướng là mượn lấy văn thơ để cổ động phong trào chống Pháp.

Trong Văn đàn Quốc Biểu có những ông :

- Nguyễn Toại Chí tự Thanh Phong.
- Vương Văn Kim tự Nhà Quê.
- Lê Chí Thành tự Cổ Lệ.

- Nam Tùng Tử.
- Nguyễn Văn Vàng tự Hải Đảo, nguyên Lục sự Tòa án Rạch Giá.
- Võ Trung Nghĩa tự Lâm Tuyền, nguyên Chủ tịch Ủy ban Hành chánh xã Châu Thành Tây Ninh.
- Võ Văn Tấn tự Tân sắc, nguyên giáo viên trường Trung học Tây Ninh.
- Sầm Văn Đá tự Sầm Sơn, nguyên giáo viên từng sự tại Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Hào tự Du Tử Ẩn Sĩ Tây Ninh.

Vẫn mượn văn thơ để vạch rõ thái độ quan liêu phong kiến và thực dân, vì vậy mà nhóm sĩ phu này bị liệt vào sổ bìa đen.

Lúc cụ Phan Chu Trinh qui tiên tại Sài Gòn, Quốc Biểu đứng ra cổ động diếu tang tại Tây Ninh, góp được một số tiền 47 đồng đại diện ông Võ Văn Tấn về Sài Gòn phúng diếu và sau khi nhà cầm quyền hay được bèn đổi ông Tấn về cầu Gió (Gia Định) còn các vị thì bị đòi đến công đường điều tra.

Ông Nguyễn Văn Diệu, nguyên phủ đốc sứ hồi hưu, Lúc còn là vị thơ ký đối đến Tây Ninh, gần gũi với Quốc Biểu, mà các bạn đồng liêu phải xa lánh, quan trên để ý coi chừng hành động, nên ngày ông đổi đi nơi khác, không có một vị nào tiễn đưa, duy có Quốc Biểu và năm bảy bạn tiễn ông lên đường bằng một chiếc xe bò, Quốc Biểu cầm cương đưa ra bến xe hơi.

Cuộc đưa lả lòng này làm cho nhà cầm quyền Pháp thêm

ghét.

Đến năm 1931, bệnh Quốc Biểu bộc phát lại nặng, vô phương điều trị, ông bèn làm bài thơ « trái thơm trôi sông » để than thân trách phận :

*Xót thân vô dụng thả theo dòng
Ruột úng nên người chẳng kể công
Trương mắt trái xem non nước lạ
Sút cùi từng gặp vịnh doi xông
Đôi phen sóng gió toan dôi dạn.
Mấy độ kinh cơn ướm thử lòng
Ớ khách thương hồ xin tế độ
Vớt lên cho khỏi kiếp long đong.*

Bài thơ này sao nguyên văn, soạn giả vẫn còn nắm giữ nguyên bản, di bút của người quá cố).

Quốc Biểu còn nhiều bài thơ trác tuyệt nhưng thời kỳ ấy không ai dám tích trữ trong nhà, thời gian qua lâu đều quên hết.

Chịu không nổi với bệnh hiểm nghèo, Quốc Biểu đành ôm hận xuống tuyến đài vào ngày 28-10-1933, an táng tại xã Ninh Thạnh, Tây Ninh. Lúc an táng có các đồng chí ở Sài Gòn lên đưa.

Quốc Biểu không có con trai, chỉ sanh bốn gái :

- Nguyễn Thị Ngọc Bích sương phụ của Lê Chí Thành tự Cổ Lệ.

- Nguyễn Thị Thu Hà, nội trợ của ông Huỳnh Văn Phấn, Quận trưởng Bến Tranh.

- Nguyễn Thị Mỹ Lệ, nội trợ của ông Huỳnh Văn Liêm, phó
tỉnh trưởng cần Thơ.

- Nguyễn Thị Thu Thủy, nội trợ của ông Thông Phán Dậu
ở Tân An.

PHẦN IV : TÂY NINH QUA HUYỀN THOẠI VÀ GIAI THOẠI

HUỲNH TRUNG : NGỌN ĐÈN HỒN TỬ SĨ HAY LÀ LÃO BỘC

Ngược dòng lịch sử, năm Mậu Tuất 1778, Chúa Nguyễn Phúc Ánh khởi nghĩa đánh Tây Sơn.

Qua năm 1780, quân binh Chúa Nguyễn Phúc Ánh chiếm giữ Phiên An Trấn, tức Gia Định bây giờ. Nhưng quân Chúa Nguyễn Phúc Ánh chỉ giữ được đất Gia Định trong ít lâu rồi bị lực lượng Tây Sơn xua quân đánh bại.

Lực yếu, thế cô, Nguyễn Ánh cùng một nhóm Cần Vương bỏ đất Gia Định chạy về phía Bắc với núi rừng trùng điệp. Trên bước đường lặn lội, chúa tòi nhà Nguyễn lạc lõng vào giữa cảnh rừng sâu nước độc, mà lịch sử ghi nhận đó là vùng núi Điện Bà, tức núi Bà Đen.

Không lâu dài, dinh thự, không cận thần áo cao mũ rộng mà chỉ có tình nghĩa chúa tòi đồng tâm nhút dạ, mỗi khi Nguyễn Ánh nhóm họp triều thần, chỉ tập trung trên đồng cỏ hoang nơi rừng thẳm. Đời sau, dân gian truyền khẩu nơi đó là SÂN CHẤU. Vị trí lịch sử của Nguyễn Vương hiện nay nằm trong xã Lộc Ninh, cách tỉnh lỵ Tây Ninh khoảng 30 cây số về hướng Đông.

Thuở lao đao, lặn lội trên đường chiến đấu ấy, trong đoàn quân chuyển vận của Nguyễn Ánh có một vị lão bộc tên Huỳnh Trung. Vị lão bộc này có nhiệm vụ chăm lo về ngựa, bò để dùng vào việc vận chuyển lương thực.

Một hôm, đoàn xe bò vận chuyển lương đến một ngõ truông rừng, gọi là Truông Hồng Đào, cách núi Bà Đen độ 4 cây số, lão bộc Huỳnh Trung lâm bệnh mà chết. Vì việc

chuyển binh gấp rút, nên thi hài lão bộc được vùi nông bên Trông Hồng Đào.

Từ đó đến nay đã hơn trăm năm, khách dạ hành có việc đi qua xóm Độn đến chân núi Bà Đen thường bắt gặp một hiện tượng huyền bí. Đó là ngọn đèn, được gọi là ngọn đèn thần đưa lối khách xuyên đêm.

Khách bộ hành đi xe ngựa hoặc cỡi xe đạp dù chạy nhanh hay chạy chậm, lúc nào cũng nhìn thấy phía trước mặt cách khoảng 50 thước có một đóm lửa đèn. Nếu khách ngừng, ngọn đèn dừng lại như đợi chờ. Khách di chuyển, ngọn đèn cũng di chuyển giữ khoảng cách 50 thước.

Khi đi gần đến chân núi Bà Đen thì ngọn đèn vụt biến mất. Rồi khi khách rời núi trở về Tây Ninh, lúc đến xóm Độn, ngọn đèn hướng dẫn trước mặt cũng biến như khi đưa lên núi.

Trải qua bao nhiêu tuế nguyệt, những bậc kỳ lão và dân chúng địa phương truyền nhau rằng : đóm đèn thần kia chính là đóm lửa hồn của lão bộc Huỳnh Trung.

CHÚA NGUYỄN ÁNH GẶP THẦN NỮ

Những ngày lặn đận giữa rừng, chúa Nguyễn Ánh cùng các quan cận thần thường từ Sân Châu qua lại núi Bà Đen. Một đêm chúa tạm nghỉ nơi sườn núi. Nửa đêm chúa chiêm bao thấy một thiếu nữ phong dáng uy nghiêm mà phúc hậu hiện.

Tỉnh mộng, chúa Nguyễn khẩn hứa rằng : « Nếu phải rằng thần nữ giúp ta dựng nước, thì ngày nào thống nhất sơn

hà, tức vị đế vương ta sẽ phong sắc cho Thần Nữ ».

Những ngày tháng ẩn nhẫn trôi qua, chúa tôi Nguyễn Ánh nhiều lần hết lương thực, phải dùng đến hoa quả, ngô khoai rừng, củ năn⁶. Xắt ra từng lát mỏng ngâm muối để trộn với gạo nấu cơm ăn đỡ lòng.

Một hôm chúa tôi Nguyễn Ánh chạy lạc lối về hướng Bắc núi Bà Đen, người hết cơm, ngựa hết cỏ, tình cờ thấy một loại cây có gai, trái sống màu xanh, trái chín nâu sậm sai quăn. Nguyễn Ánh truyền cho binh sĩ bẻ ăn, nghe trái vừa chát vừa ngọt và no lòng. Nhờ đó mà tất cả đều đỡ dạ, Nguyễn Ánh bèn đặt cho loại trái kể trên là Trung Quân. Tuy nhiên, có truyền thuyết khác nói rằng : khi Tây Sơn rượt Nguyễn Ánh cùng quân sĩ chạy lạc vào rừng núi Bà Đen thì trời đã tối. Chúa tôi lâm vào mệt mỏi và đói lả ở giữa rừng. Nửa đêm hôm đó, Nguyễn Ánh nằm mộng thấy sơn thần mách bảo rằng : nếu muốn đỡ lòng thì hãy cho quân sĩ lên lưng chừng núi, sẽ gặp nơi đó có một loại trái cây dùng được và lên cao chút nữa sẽ có nước mà uống.

Bừng sáng Nguyễn Ánh tỉnh dậy, kể giấc chiêm bao cho quan cận thần nghe và dẫn quân sĩ đi về phía núi. Quả nhiên gặp được loại trái đã kể ở trên và gặp được thác nước ở lưng chừng núi đổ xuống y như giấc chiêm bao. Nguyễn Ánh đặt tên cho loại trái kể trên là trái Phù Quân (cả hai nghĩa vừa giúp vua, vừa giúp lính). Về sau có nhiều người kêu trại ra trái Mừng Quân, Mừng Quân, Quần Quân...

Đầu mùa thu năm 1787, Nguyễn Ánh xua quân về lấy thành Phiên Trấn Dinh đổi vùng này thành tỉnh Gia Định.

Năm 1802, Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà, lên ngôi cứu ngũ lấy niên hiệu Gia Long.

Ngoài việc chinh đồn sửa sang xếp đặt mọi nền móng quốc gia, phong thưởng cho quan quân, Nguyễn Vương không quên vị Thần Nữ trong giấc mộng năm xưa. Do đó Vương đã mô tả dáng người trong chiêm bao và ủy nhiệm cho Tả Quân Lê Văn Duyệt mang sắc đến non linh tặng phong cho Thần Nữ tước hiệu « Linh Sơn Thánh Mẫu » và lúc bấy giờ miền Tây của Gia Định thành đã an ninh nên Vương cho đặt tên tỉnh Tây Ninh.

ĐẠO BINH VÔ HÌNH Ở VÙNG NÚI CẬU TÂY NINH

Núi Cậu ở cách tỉnh lỵ Tây Ninh lối 12 cây số ngàn. Muốn đến núi Cậu chúng ta phải đi đường lên Cà Tum, ngã đến Suối Vàng.

Đây là vùng núi non huyền bí. Nhiều bô lão và đồng bào ở Tây Ninh ngày nay còn nhắc đến những truyền thuyết lạ ở vùng núi Cậu.

Tương truyền cách đây lâu năm, dân chúng ở vùng núi này thường thấy một đạo binh xuất hiện trên núi mỗi tháng vài ba lần và liên tục khoảng 15 năm như vậy.

Đạo binh thường xuất hiện vào đêm. Vị chỉ huy, oai phong凛冽, lưng giắt gươm trần, lính thì đội nón gỗ hàng ngũ chỉnh tề, bước đi ăn rập nhịp nhàng, đèn đuốc sáng choang, tiếng reo hò vang dội.

Theo truyền thuyết, người ta cho đó là đạo âm binh của cố tri phủ Huỳnh Công Giản kháng Miên ở cánh đồng Trà

Vông, mà lúc bấy giờ nhân dân gọi là Quan Lớn Trà Vông.

Trên núi này có miếu thờ Quan Lớn Trà Vông, đồng bào trong vùng rất tin tưởng và kính sợ oai linh của ngài.

Từ xưa tới nay, những vị anh hùng trung quân ái quốc, sanh vi tướng, tử vi thần và các chiến sĩ tận trung hy sinh cho Tổ Quốc, lúc thác rồi hồn vẫn linh thiêng.

Các truyền thuyết như vậy, chẳng riêng gì nước Việt Nam ta, mà ở cả khắp thế giới đều có.

Chúng tôi có đọc quyển sách viết thuật lại viên thuyền trưởng trên thương thuyền đang lướt sóng thẳng đường, bỗng thấy phía trước có một chiếc tàu binh, hình thức là loại tàu cổ. Trên chiến thuyền có vị chỉ huy và thủy thủ đang hoạt động.

Thương thuyền đang lo tránh né sợ tàu va chạm nhau, nhưng rồi trong vài tiếng đồng hồ, tàu kia mất dạng, biến cả bao la, mà nhìn chẳng thấy đâu cả.

Trở lại vấn đề đạo binh vô hình ở núi Cật Tây Ninh, việc xuất hiện của đạo binh làm cho dân chúng trong lúc ấy rất tin tưởng oai linh của vị anh hùng trung quân ái quốc, chống giặc Miên để giữ gìn bờ cõi nước nhà.

Từ sau năm 1945, dân chúng vùng núi Cật tản cư đi rất nhiều và từ đó, người ta không còn thấy đạo binh xuất hiện nữa.

DẤU CHÂN ÔNG KHÔNG LỒ TRÊN NÚI VÀ TÀNG ĐÁ NĂM TRÊN NGỌN CÂY DẦU TRẠI BÍ

Tây Ninh là đất có nhiều chuyện xưa lạ trải qua hằng mấy trăm năm hầy còn.

Lúc nhỏ chúng tôi nghe đồn rằng trên núi Điện Bà có một dấu chân rất to của ông Khổng Lồ, từ ngàn xưa còn in sâu ở đó.

Việc này, đồng bào tỉnh Tây Ninh ai cũng biết, nhất là những vị tu hành thường đi viếng núi Điện Bà trong lúc đất nước thanh bình, có đến xem dấu chân lún trên mặt đá.

Mấy mươi năm về trước chúng tôi cũng tìm đến nơi để quan sát nay có dịp thuật lại để cống hiến bạn đọc, nhất là bạn đọc ở xa.

Vào năm 1930, do người hướng dẫn, chúng tôi lên núi. Cỏ cây chen lá đá chen hoa, lối đi vất vả, mất mấy tiếng đồng hồ, chúng tôi đến trước chùa Linh Sơn tìm tảng đá lớn và nơi đó có in một dấu chân rất to lún xuống, thấy rõ đủ năm ngón. Từ ngón cái ra gót chân, tức là bề dài bàn chân, dài lối 5 tấc. Bề sâu lún xuống mặt đá, độ hai phân, tháng mưa nước đọng lại.

Đây là một dấu lún tự nhiên chớ không phải có người đục đá để làm một chuyện « my thuật ma giáo » hầu có hậu ý gì.

Chúng tôi cũng theo chân một hướng dẫn viên để đến trại Bí, hầu có quan sát tảng đá ngàn cân vướng trên cháng ba « cây Dầu cổ thụ ».

Từ tỉnh lỵ Tây Ninh chúng tôi đi theo quốc lộ 22 cây số ngàn là đến Trại Bí ⁷ (vùng này thuộc về khu vực rừng cấm). Ngày xưa đồng bào thường vào đây để bức mây, đồn củi, lấy

dầu chai.

Chúng tôi thấy một cây dầu to lớn, cao chừng 20 thước, bề tròn lối ba người ôm không giáp. Cây cổ thụ này có từ mấy trăm năm nay, cành lá vẫn xanh tươi.

Bề cao lối nửa thân cây, có một cái cháng ba. Giữa cái cháng ba có một tảng đá rất to, sức nặng ước chừng trên một ngàn cân.

Tảng đá ấy nằm trên đó không biết từ bao nhiêu đời. Ai đi đến, đều cho là việc hy hữu ở thế gian. Chính các khoa học gia cũng khoanh tay chịu phép không giải được hiện tượng kỳ bí ấy.

Nếu tảng đá đó mà nằm dưới đất, chưa chắc 5,3 chục người lực lưỡng xê dịch nổi. Vậy thì sao nó nằm được ở giữa cháng ba cây dầu. Theo truyền thuyết của những người địa phương thì sự việc ấy nằm trong huyền thoại này :

Ngày xưa, có một vị thần vô cùng to lớn, mà người ta gọi là ông Khổng Lồ.

Ông Khổng Lồ có người vợ trẻ, mà nàng ít khi nghe lời ông. Ông thường dặn vợ, nếu ông đi vắng thì ở lại động trên núi chờ ông chớ đừng đi đâu cả.

Nhưng trưa nay ông đi vắng và lúc trở về thì bà vợ không có ở núi Điện, có lẽ đi hái hoa quả ở đâu đó.

Ông mới bước đi tìm vợ, một chân ông đứng ở núi Điện Bà, một chân ông bước qua bên núi Cậu. Vì ông giận bà, ông giậm chân hơi mạnh nên chân lún xuống đá, để dấu chân lại như ta thấy hiện nay.

Miệng ông kêu vợ, nhưng chưa nghe vợ trả lời, lúc đó lại có con quạ bay ngang kêu quạ quạ, ông hỏi con quạ rằng :

*« Vợ tao đi ở nơi nào ?
Nếu mi có biết mau mau chỉ dùm ».*

Quạ ta đã không chỉ, mà vừa bay đi vừa trả lời :

*« Đàn bà lắm kẻ gian ngoa
Vợ mi mi giữ hỏi ta làm gì ? ».*

Đang bực mình, nghe quạ đáp vô lễ như vậy, ông Khổng Lồ giận con quạ lắm, liền với lượm một tảng đá vừa tầm tay (nặng độ 1 tấn) liệng con quạ, nhưng quạ khôn ngoan bay bổng lên cao. Đá không trúng quạ mà lại rơi vào cháng ba « cây dầu cổ thụ » và nằm gọn ở đó cả mấy thế kỷ rồi, đá dính trên cây càng ngày càng lớn.

Chúng tôi ghi lại huyền thoại này cống hiến bạn đọc, nhất là ở vùng rừng núi xa xôi. Chúng tôi cũng không tin là chuyện có thật.

Chúng tôi lê gót đó đây, sưu tầm những chuyện lạ trên dãy non sông gấm vóc trải qua bao cuộc điêu linh, những hiện tượng lạ kia vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt đến nay vẫn còn tồn tại trên vùng non linh đất phước của dư đồ Việt Nam.

QUI LỘNG BAN NGÀY TRÊN CÂY GỖ TRƯỚC TÒA ÁN

Dưới thời Pháp thuộc vào năm 1920 đến năm 1925, đồng bào Tây Ninh không một ai mà chẳng nghe nói đến con quỉ cái trên cây gỗ trong cuộc đất Tòa Án cách nay trên nửa thế kỷ. Sự kiện xảy ra hàng ngày vào lúc giờ trưa đứng bóng và

lúc đêm khuya canh vắng, nó thường cất tiếng ru con trên ngọn cây nghe lạnh lót.

Lúc bấy giờ trên sân Tòa Án có cất một cái nhà tròn nhỏ, dựa gốc cây gỗ làm nhà khách, để cho các quan khách của quan tòa khi đến ngồi đây xem sách uống rượu hứng gió.

Khách cũng như chủ gia, thường bị kinh động vì tiếng hát lạnh lót, trong trẻo từ trên ngọn cây vọng lại rất rùng rợn, ai nấy nghe qua đều rớn óc.

Đôi khi con quỷ hiện ra một cô gái trẻ đẹp, đi thơ thẩn ngoài đường, rủ cậu thanh niên nào có tánh háo sắc, thấy gái hữu duyên ghẹo, bị bắt làm cho điên, có khi vật chết. Nhất là học trò trong tỉnh thời ấy nghe nói đến con quỷ trước Tòa Án, cậu nào cậu nấy đều sợ xanh mặt, muốn đi qua khu vực này phải rủ nhau đi một đoàn 5, 10 cậu mới dám đi.

Sự lộng hành của con quỷ cái gây xôn xao trong tỉnh không ít. Nhất là những phụ huynh học sinh căn dặn con cái hàng ngày, khi ra đường không nên cười giỡn, gặp gái chớ cớn bột, đi mau về để tránh giờ quỷ xuất hiện.

Một buổi trưa nọ, trong khi tiếng hát cất lên ru con như mọi khi, làm cho quan tòa mất giấc ngủ, ông lấy làm bức mình, cho lính tập đem kèn tây đến thổi thị oai nhưng cũng vô hiệu quả, ông tức giận quá xách súng ra bắn trên ngọn cây 3 phát liên tiếp, thấy một lần khói đen từ ngọn cây xuất hiện xẹt bay về phía giếng mạch, từ đó về sau ở vùng này không ai còn nghe tiếng hát như trước nữa.

Vài ngày sau đó, người ta lại nghe tiếng hát đưa con trên ngọn cây dầu tại giếng mạch.

Từ ngày quỉ vào ở vùng giếng mạch, nó thường nhập xác một cô gái quê và nói rằng trước đây nó ở tại « cây gỗ cổ thụ » trong vòng rào Tòa Án. Nay bị ông tòa dữ quá, bắn vào nhà nó khiến nó bị thương gãy giò, nên phải bỏ nhà cũ và về chỗ mới là cây cầu giếng mạch hiện nay.

Đó là chuyện dân gian kể lại có tính răn dạy những kẻ hiếu sắc. Ngày nay không còn ai tin chuyện này nữa.

XÓM CHÀM XÃ THÁI HIỆP THÀNH QUA PHONG TỤC TẬP QUÁN CỔ TRUYỀN

Tìm hiểu nguồn gốc và nếp sống hiện tại của người Chăm Tây Ninh, chúng tôi xin mời quý du khách đến nơi ngoạn cảnh và xem xét.

Xóm Chăm, hay Chiêm Thành, còn được gọi là « Phồn Chăm » ở ấp Thái Vĩnh Đông, xã Thái Hiệp Thành, từ chợ Tây Ninh lên độ 1 cây số ngàn đó là một di tích dân thiểu số còn sót lại sau cuộc Nam tiến hào hùng của dân tộc Việt.

Khởi rập hát bóng, cây xăng đi lên một đồi, du khách queo mặt theo một con đường đất, vô 100 thước là đến nơi. Giáo đường Hồi Giáo xây gạch quét vôi trắng cửa vòng cung và bốn tháp nhỏ liền bốn góc giáo đường, phô trương vẻ trang nghiêm giữa đám dừa thốt nốt xinh đẹp, cạnh bên có ngôi trường tiểu học cộng đồng... Đây là một xóm riêng biệt của người Chăm với vài trăm nóc nhà ngói lá xen lẫn chung quanh. Một giáo đường nhỏ cất theo kiểu ở thánh địa La Mét (La Mecque) Ấn Độ, chứ không phải như các tháp Chăm cổ kính ở vùng Phan Rang, Bình Định...

Trong chòm thốt nốt kế bên giáo đường, có dựng lên nhiều căn nhà sàn lợp lá, trên để người ở, dưới nuôi trâu bò. Đây là di tích dân Chiêm Thành, đã có một thời vàng son rực rỡ với Chế Mân, Chế Bồng Nga...

Họ được gọi là người Chiêm, người Chăm, người Hời. Thi sĩ Chế Lan Viên đã viết về người Hời như sau :

*Quay về non nước giống dân Hời...
Nỗi buồn thương nhớ giống dân Hời...*

Chàm hay Chàm Ba (Campa) là tên thật đẹp, có nghĩa là « Cây bông sứ », hay « Cây hoa đại », gọi là *Michelia Kampaka*.

Người ta gọi người Hời, chắc có lẽ vì họ theo Hồi Giáo. Có người Chàm theo phái Ca-Phia (Kaphir hay Kafia) không ăn thịt bò và thiêu xác chết. Còn người Chàm Tây Ninh theo Hồi Giáo phái Ba Ni (Bani) không ăn thịt heo và chôn xác chết. Xưa nay, ông « Xã Mít » người lãnh đạo của xóm Chàm hay về La Mét (La Mecque) là Thánh Địa ở Arabie để chiêm bái.

Du khách đừng hỏi người Chàm về gốc tích của họ, về việc phiêu lưu của dân Chàm, ít khi quý vị hân hạnh được họ cho biết, chắc có lẽ không ai muốn nói đến sự suy tàn của dân tộc mình.

Vào nhà ta được họ chào đón tử tế, mời leo lên sàn trên bởi cái than cây thô sơ. Nhà không có bàn ghế, chủ khách đều ngồi trên ván lót. Họ bưng ra một tô trà nóng mời khách uống. Vào mùa thốt nốt trở bông, họ sẽ đem ống tre đựng nước thốt nốt vừa mới hứng trên cây xuống, rót ra tô, mời chúng ta dùng. Hương vị thơm thơm, chua chua giòn ngọt.

Trông đôi mắt trầm buồn của người Chăm, ta đọc được nét suy tàn của một dân tộc.

Theo Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) cho họ giữ lãnh địa từ sông Phan Rang trở vào Nam. Vào năm 1692, người Chăm nổi dậy, thống binh Nguyễn Hữu Cảnh vượt sông Phan Rang bắt họ thần phục ta. Có người Chăm chạy vào Chân Lạp (Nam Kỳ). Rồi theo kế hoạch « tầm thực » tầm ăn dâu, Nguyễn Cư Trinh dùng người Chăm đuổi Chân Lạp. Sau cơn nguy biến, người Chăm được định cư Ở Châu Đốc (Xóm Chà Châu Vang, Hồng Ngự) và ở Tây Ninh, gần núi Bà Đen.

Người Chăm ở Tây Ninh có liên hệ đến bước chân Nam tiến kiêu hùng của ta, nay họ cũng sống hòa với dân Việt, nhưng vẫn giữ được nét đặc biệt về phong tục tập quán Chăm.

a) Chiếu quan tài không đáy

Bên hành lang của giáo đường nói trên, còn đặt một chiếc hòm không đáy, đây là chiếu quan tài chung cho cả xóm, ai chết cũng dùng chiếc hòm này. Xác được tẩm liệm kỹ lưỡng, theo lối của đàng Nho ta (theo Nho giáo) : gói xác bên ngoài xong rồi mới để vào hòm. Chiếc hòm này không đáy, người ta để vào đáy một miếng ván. Khi hạ huyệt xong người Chăm đem chiếu quan tài ấy để bên hong giáo đường như cũ.

Huyệt thường đào theo chiều Đông Tây, sâu khỏi đầu người. Dưới cùng của vách hướng Nam được khoét sâu vô, vừa đủ để tử thi vào đấy, mặt hướng về Nam, đầu phía Tây,

chân phía Đông. Như thế tử thi không nằm giữa lòng huyết, mà nằm ở sâu trong vách. Bên ngoài là một tấm ván dùng để ngăn và ván này phải bằng cây mau mục. Khi xuống đất, người ta không bao giờ đứng ngay trên mình tử thi. Người Chàm không có tục lệ cải táng.

Để tìm hiểu qua tập tục của người Chàm chúng tôi đi sâu vào tập quán Chàm với những nhận xét như sau :

b) Ba nhóm người Chàm

Người Chàm tại đây chia làm 3 nhóm :

- Nhóm của ông Cả « Him » sống lâu năm tại đây có đầu óc chia rẽ kỳ thị người kinh.

- Nhóm người thứ hai từ các rừng núi mới qui tụ về trong thời kỳ chiến tranh này.

- Nhóm thứ ba thuộc thành phần tiến bộ họ ở các nơi như Sài Gòn, Châu Đốc, Phan Rang mới về ngụ tại đây.

Mặc dầu ba phe có phần cách biệt nhưng tập tục của họ không có gì khác nhau, nếu mới nhìn thoáng qua không sao hiểu nổi.

Vì họ đều có một tập tục cổ truyền, theo chế độ mẫu hệ (traị phải ở rể cho nhà gái) trai được quyền đa thê...

Họ theo đạo Hồi Giáo, chùa không thờ phượng chi cả chỉ tôn trọng thần linh là trời Phật. Họ không ăn thịt heo, không nuôi heo và rất sợ heo.

Con cái dòng họ người Chàm Tây Ninh chỉ luẩn quẩn có 12 tên giống nhau. Trai trưởng đặt tên Sỗ, Ló... gái thì Aphe,

Tixá...

c) Tập tục cưới gả của người Chàm

Khi trai gái đến tuổi trưởng thành, đồng bào thiểu số thuộc sắc tộc Chàm cũng tổ chức cưới hỏi làng họ. Đám cưới của họ cũng được tổ chức hai ngày, ngày đầu là ngày nhóm họ. Ngày này tất cả bà con đều nghỉ việc để tụ họp lại làm bò, gà vịt để ăn uống. Qua ngày hôm sau là ngày « Đưa rế ». Các người dự vào cuộc đưa rế, họ chưng diện keng theo lối y phục cổ truyền của họ. Số người này gồm có : Bà già, đàn ông và trai tráng, đặc biệt không có phụ nữ. Đi đầu cuộc đưa rế là một ông lão tay dẫn chú rế. Còn chú rế bị dẫn đi sau, không cười, không nói chân bước đi lơ đãng trông tựa như một ông lão dẫn một người mù đi trên đường lộ. Theo sau chàng rế là các bà lão cùng đàn trai trẻ. Các chú trai trẻ này theo sau vừa đi vừa múa hát từ các nhà làng trai cho đến tận nhà làng gái y như dân « Khờ me » hát « Á khom » trong ngày lễ Miên.

Khi họ làng trai và chú rế đến, phía làng gái hốt muối gạo rải tơi bờ vào họ làng trai cũng như các ông thầy pháp của ta dùng muối gạo rải tà ma.

Mặc dầu bị trận muối gạo rải tơi bờ nhưng các chàng trai cố sức khiêng chàng rế lên tận trên sàn nhà, đoạn lấy nước dừa rửa chân cho chàng rế đến bỏ trên giường của cô dâu họ mới ra về. Trong khi muối gạo cứ tiếp tục rải. Chàng rế tại giường cô dâu, anh ta mới đưa tay lên đầu gỡ cái hoa mà cô đã cài sẵn trước đó đưa lên cho mọi người xem. Lúc đó tấm màn của căn phòng cũng từ từ hạ xuống, chàng rế và cô dâu

ở luôn trong ấy ba ngày mới được ra ngoài.

Thế là chấm dứt lễ cưới.

d) Lễ cúng của dân tộc Chàm

Dân Chàm cũng tổ chức các lễ cúng vào những ngày Tết « Hardgi » của họ, sau một thời gian thọ chay 30 ngày. Họ ăn chay bằng cách nhịn đói ban ngày mà chỉ được phép ăn về đêm khi gà bắt đầu vô chuồng ngủ.

Đồ cúng thường là trái cây, đèn, nếu nhà nào khá giả thì tổ chức cúng bằng bò hoặc trâu sống : Trâu bò được cúng phải con vật thật tốt và mập mạp.

Con vật bị tế sống được trói lại kỹ để một nơi nào đó, xong lấy vải trắng phủ kín con khốn khổ và vô phúc ấy lại. Trong lúc đó mọi người ở trong đạo đứng xung quanh con vật, họ cầm dao, rựa, mác chuẩn bị lẻo thịt con vật sắp chết ấy.

Trước khi chết, con vật được nghe ông thầy đọc một hồi kinh và tất cả mọi người có mặt đứng im lặng để chiêm ngưỡng. Con vật bị cực hình đang nghe bản án tử hình với đôi mắt trào lệ thật đáng thương vô cùng.

Sau một hồi kinh chấm dứt, ông thầy một tay cầm dao một tay kéo lấy lỗ tai con vật xuống đo cần cổ, tới đâu là con dao được cắt đến đấy.

Ông thầy « Chàm » cũng là đạo phủ thủ miệng đọc kinh tay khứa cổ con vật : con vật cố vùng vẫy trên vũng máu cho đến khi rống lên một tiếng để từ giã cuộc sống trong kiếp tội lỗi cho loài người.

Khi con vật đã chết hẳn, mọi người đứng chung quanh mới xúm vô giành giựt lẻo da lóc thịt con vật để đem về nhà làm món ăn khi gia chủ đã lấy một phần rồi.

Họ nói làm như vậy con vật chết xuống âm phủ mới đầu thay được.

Tục lệ cúng vật sống này, theo người Chăm cho biết nó được xuất xứ từ Tây Phương mà người Pháp gọi là Batique còn người Chăm gọi theo tục lệ « Birahim ».

e) Một vài cổ truyền của vị thánh

Tục truyền ngày xưa ở một làng Hồi Giáo thuộc vùng Baltique có một ông thánh Birahim được mọi người sùng kính. Một hôm ngày được vị thần linh báo mộng cho biết : « Nếu muốn cứu nước, cứu dân ngài thoát khỏi cảnh lầm than chết chóc điêu tàn thì ngài phải tự tay cắt cổ đứa con trai duy nhất của ngài để cứu dân độ thế ».

Sau cơn ác mộng, ngài mới cầu nguyện xin đức Thần Linh để thay thế bằng một con vật thật tốt.

Con vật cúng bị cắt cổ chết là để chết thế cho chúng sinh nhân loại vậy.

Tạp lục của người Chăm còn rất nhiều, ai có lân la gần gũi hoặc chung sống với họ mới tìm hiểu hết được. Cũng như về môn vũ bộ của các cô gái Chăm, nghề điêu khắc đã vang bóng một thời trong thuở xa xưa.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), làng Chăm ở Tây Ninh cũng bị thiêu rụi mấy lần vì chiến cuộc nhưng những người Chăm sống ở đây cố tranh

đấu bám lấy mảnh đất thân yêu còn sót lại của tổ tiên họ. Đời sống sinh hoạt quanh năm làm rẫy, làm củi, lượm chai, nuôi trâu bò, ở ngoài trời vật lộn với thiên nhiên.

Họ luôn lúc nào cũng nuôi một hoài bão đòi quyền tự trị ở xóm Chàm, nhưng xóm Chàm rất nhỏ bé, dân số Chàm quá ít ỏi đa số không chịu cầu tiến nên đành chịu lép trước sự đoàn kết mạnh mẽ của khối người Việt.

Dụ số 52 ngày 29-8-1950 buộc mọi công dân Việt Nam đều phải mang tên có âm thanh Việt Nam, mà hầu hết người Chàm đều có tên thánh. Tuy họ đổi ra tên Việt, nhưng họ vẫn gọi nhau bằng tên cũ. Rồi đây, dân Chàm sẽ đi về đâu, chúng ta phải chờ sự trả lời của lịch sử. Dân Chàm sẽ đồng hóa với dân Việt hay không ? Việc ấy cũng phải đợi thời gian.

Nhìn xóm Chàm Tây Ninh, chúng ta mới thấy hãnh diện với sức sống hào hùng của dân tộc Việt trên đường Nam tiến vẻ vang.

NHỮNG HIỆN TƯỢNG XẢY RA NƠI MIẾU ĐẠI THẦN TRẦN CÔNG THẮNG

Trong thời kỳ Tây Ninh còn đầy đặc rừng rậm hoang vu, còn nhiều hiểm họa chống với người Miên để bảo vệ lãnh thổ, chiến đấu với ác thú để khai hoang lập ấp, có 5 vị tướng từ miền Trung vào, lừng danh Ngũ hổ. Mỗi vị trấn riêng một vùng tại Tây Ninh, làm nhiệm vụ con dân cứu nước và xây dựng đất nước. Trong đó có ông Huỳnh Công Giản, tục gọi Quan lớn Trà Vông, người nữa là Trần Công Thắng, Huỳnh Công Nghệ và hai vị khác không rõ tên họ. Có vị sau đi tu lập

ngôi chùa Quan Huế ở Cẩm Giang, mà chúng tôi đã thuật rõ ở phần thứ năm.

Riêng về ông Trần Công Thắng, khi ông mất, được dân làng thành kính chôn cất tại Cẩm Giang và lập một ngôi miếu nhỏ thờ nơi cuộc đất nền thành cũ, thuộc xã Cẩm Giang ngày nay.

Theo truyền thuyết các vị bô lão địa phương kể lại : cách nay rất lâu năm, nơi miếu thờ quan đại thần Trần Công Thắng rất linh thiêng. Về đêm, dân chúng quanh vùng vẫn thường nghe như có tiếng lạc ngựa trong đền, như có người đi trong cuộc đất.

Mỗi năm, có lệ cúng ngài vào ngày 16-4 âm lịch. Một lần kia, ban tổ chức cuộc cúng tế, theo thông lệ lưu lại từ xưa, có làm lễ thỉnh sắc các vị Thành Hoàng các làng kế cận về giỗ hội, nhưng quên đến thỉnh Quan Lớn Trà Vông Huỳnh Công Giản. Lúc ấy có một ông lão ở xã Cẩm Giang vùng lên đồng, hét vang điểm mặt hương chức hội tề :

- Cha chả ! Các người lớn mặt khinh thường linh thần đến thế sao ?

Mọi người giật mình ngơ ngác. Ông lão lên đồng nói tiếp :

- Ai đời các người hỗn xược, làm lễ thỉnh các vị Thành Hoàng ở đây, sao lại không thỉnh anh ta là Quan Lớn Trà Vông ?

Ai nấy hiểu ra, càng thêm kinh dị. Một người trong ban tổ chức đánh bạo cung kính thưa :

- Tấu lạy linh thần, xin cho chúng con biết tôn danh và

nhờ chỉ dạy cho chúng tôi những điều lỗi lầm sơ sót.

Ông lão lên đồng cười gằn :

- Các người muốn biết thì ta cho biết. Ta là đại thần Trần Công Thắng đây. Thấy các người vô lễ không thỉnh Quan Lớn Trà Vông, nên ta phải hiển linh khiển trách. Thật là lũ người khinh bạc, dám ngạo mạn đến cả thánh thần.

Vừa nói, ông lão lên đồng vừa tỏ ra giận giữ cực điểm, vò tai, bứt râu ném phăng trên bàn thật là kinh dị, ngay lúc ông lão lên đồng bứt râu quăng ném, mọi người sửng sốt sợ hãi khi nghe thấy tiếng lịch kịch chuyển động trong miếu thờ. Rồi thì một việc quá sức tưởng tượng xảy ra : ai nấy đều thấy rõ thình không cốt tượng chuyển mình, đúng vào lúc ông lão lên đồng bứt hàm râu dưới, thì nơi cốt tượng, hàm râu dưới cũng bật tung ra, nằm trên bàn thờ.

Thật kinh dị và vô cùng kinh khủng. Không ai còn dám nghi ngờ điều chi nữa. Ông lão kia đã bị quan đại thần Trần Công Thắng nhập xác, khiển trách dữ dội.

Các quan chức đồng mọp lạy xin tội. Một người thay mặt nói :

- Chúng tôi lỡ lầm sơ sót, chớ thật không dám vô lễ bất kính với quan lớn Trà Vông. Chúng tôi xin tuân lời quả trách của linh thần, đi thỉnh ngay Tôn thần Trà Vông về phối hưởng cuộc cúng tế hôm nay. Và cuối xin cho chúng tôi gấn lại hàm râu nơi cốt tượng thờ ngài.

Ông lão lên đồng nạt lớn :

- Không ! hãy cứ để nguyên như thế. Đó là sự cảnh cáo

ng nghiêm trọng của ta. Để các lần sau các người cứ trông vào đó mà ghi nhớ đừng tái phạm, mà ta chẳng tha thứ cho nữa đâu. Ai trái lời ta, ta sẽ vật chết ngay tức khắc.

Mọi người lần lượt cúi lại xin tuân lời dạy bảo. Thế là từ ấy cốt tượng được sùng kính oai linh vượt bậc. Chúng tôi có đến viếng miếu thờ ngài, thấy hàm râu dưới vẫn còn để nguyên trên bàn.

Chúng tôi đánh lễ xong, lui gót ra về. Ra khỏi cổng, lại gặp ngay một người thông thạo trong vùng, vui vẻ đáp câu chào hỏi của chúng tôi về ngôi mộ quan đại thần Trần Công Thắng :

- Quý ông muốn viếng mộ quan lớn Thắng, hãy theo lối miếu này mà đi xuống, rẽ về phía trái, đi vô con đường đất chừng một đôi 100m thì gặp ngôi mộ ngài.

Nghe đáp thông suốt, chúng tôi vui mừng, có cảm tưởng rằng chính thần linh đã chấp nhận lời tôi khẩn vái.

Đến nơi, ngôi mộ có vẻ hùng tráng. Trên núp xây bằng gạch quét vôi trắng. Chung quanh tráng nền xi măng. Mộ bia ghi rõ :

Tướng quân Trần Công Thắng chi mộ

Quan đại thần triều Tự Đức

Tử tiết ngày 15 tháng 8 năm Mậu Tý 1826

Lập mộ ngày 2 tháng 10 d.l 1963

Do xã Cẩm Giang

Xem xong chúng tôi có điều thắc mắc : bấy lâu từng nghe kể là Huỳnh Công Thắng, sao đây lại ghi họ Trần ? Họ nào

mới thật đúng theo chánh sử ? Chúng tôi lấy làm khó nghĩ.

LỜI TÁC GIẢ :

Theo sự tra cứu xuyên qua sách vở cũng như lời truyền thuyết. Ngài là em của tri phủ Huỳnh Công Giản (tức quan lớn Trà Vông, ngài là họ Huỳnh mới đúng, không hiểu tại sao trước mộ ngài lại khắc họ Trần, trái ngược như thế, có phải tại người làm thợ khắc lộn chằng ?)

Hay có một ẩn ý nào khác, chúng tôi rất thắc mắc điểm này, đến nơi viếng ngôi mộ thấy như vậy, cũng phải căn cứ theo đây viết lại họ Trần. Đoạn đầu có chỗ viết họ Huỳnh, xin mong ai là người đứng ra xây mộ cần giải thích cho mọi người được biết.

NHỮNG VIỆC XẢY RA NƠI MIẾU QUAN LỚN TRÀ VÔNG

Sự tích quan lớn Trà Vông ở Tây Ninh, được đồng bào ở đây nhắc đến nhiều nhất. Một ngôi miếu chánh thức có tạc tượng ông thờ tại Gò Chệt, trên cánh đồng cỏ giáp giới Kampuchia. Cạnh bên miếu có một cây đa cổ thụ, đến mùa lá trở rợp sân, tự nhiên như có ai dọn quét sạch hết. Những đêm trăng tròn sáng tỏ, người ta đi qua miếu ông, thường nghe tiếng kèn tiếng trống bóng rỗi vang dội trong miếu, nhưng đến nơi thì yên lặng không có gì hết.

Uy danh quan lớn Trà Vông cho tới ngày nay vẫn còn bàn bạc khắp Tây Ninh. Nhất là dân chúng ở miệt Phước Tân, Trảng Súp, Cây Xiêng, Xóm Vĩnh, Suối Đá...

Những bậc kỳ lão tại Cây Xiêng (ấp Bình Trung) vẫn kể cho dân chúng nghe nhiều chuyện của quan lớn Trà Vông

như sau :

a) Quả anh cai phu hầm sỏi

Những chuyện huyền thoại của quan lớn Trà Vông đều có tính cách thần bí dị thường, nghe qua tưởng chừng như những chuyện kinh thiên động địa.

Theo các vị bô lão kể : cách đây đã lâu vào thời Pháp xâm lược, miếu ông tại Cây Xiêng không ai nhang đèn vì dân chúng phải vào rừng lánh nạn. Ít lâu sau, dân chúng trở về, nhưng vẫn còn nơm nớp lo sợ giặc Pháp trở lại, nên hội trông nom ngôi miếu chưa hoạt động lại được. Ngôi miếu đành để điêu tàn. Một hôm, có anh cai phu đào hầm sỏi sạn gần đó, vào miếu tránh nắng. Trước đó thường bữa anh ta cũng vào miếu ăn cơm và nghỉ trưa. Khi ăn cơm anh cai phu hầm sỏi xả rác, xương cá lung tung. Có mấy vị bô lão khuyên anh ta nên dọn dẹp sạch sẽ chỗ « Quan Ngự » vì quan lớn linh lắm.

Anh cai phu cười khinh thường, hôm sau ăn cơm và nghỉ trưa xong, anh ta buồn tiểu và đứng trước thềm miếu mà... tè... anh vừa tè nửa chừng thì té gục trước miếu.

Người ở quanh vùng biết anh Cai phu bị quan lớn phạt nên họp lại khẩn xin : Nhiều người đốt nhang xin mãi, quan lớn mới tha mạng.

Tại Tây Ninh, ngày nay có khá nhiều ngôi miếu thờ quan lớn Trà Vông.

1. Ở Mỏ Công, đường lên Trại Bí
2. Cây Xiêng
3. Gò Chệt (miếu chánh)

4. Ấp Thái Vĩnh Đông

Và ở rải rác khắp nơi trong tỉnh.

b) Một tuồng diễn Sự tích Bà trên núi

Năm 1936, thời Pháp thuộc, tỉnh Tây Ninh đặt dưới quyền cai trị của viên Tham biện Villmont. Lúc bấy giờ ông Đặng Văn Bê làm đốc học tỉnh này, một hôm ông đề xướng xây dựng vở tuồng Sự tích Bà Đen, không rõ vì lòng kính mộ Bà hay vì yêu văn nghệ.

Soạn giả vở tuồng vừa làm đạo diễn là nhà văn Võ Văn Tấn bút hiệu Tân Sắc. Diễn viên phần nhiều là nam nữ giáo viên trong tỉnh. Trước khi phân vai học tuồng và luyện tập, đoàn ca kịch « a ma tơ » này đã quay heo cúng tạ lễ Bà trên núi rồi đem xuống ăn uống vui vẻ, các vai trong vở ca kịch được phân phát như sau :

1. Ông Võ Trung Nghĩa, nhân sĩ, vai ông Tri Phủ Thạch Trân.

2. Cô giáo Nguyễn Thị Quan vai Thanh Phu Nhân (vợ ông Thạch Trân).

3. Thầy giáo Nguyễn Văn Định vai Thạch Bích (con trai của Thạch Trân)

4. Ông Trưởng Tòa Nguyễn Văn Vàng vai Lý Ông.

5. Cô giáo Võ Thị Tỹ vai Lý Thị Thiên Hương.

6. Cô giáo Xuân vai cô Xẩm.

7. Ông Võ Hữu Dư thư ký tòa hành chánh vai thầy đoán xăm.

Công cuộc trang trí do ông Nguyễn Văn Tiết nghiệp chủ đảm nhiệm.

Vào thời nền ca kịch nước nhà chưa phát triển lắm, ở các tỉnh nhỏ miền Nam rất hiếm, khi có những gánh cải lương lớn đến trình diễn, việc công tư chức, sinh viên, thân hào trong tỉnh quận hiệp nhau tổ chức những đêm hát với một đoàn hát tay ngang là chuyện thường để giải trí, giúp vui đồng bào địa phương, biểu dương một tín ngưỡng, chấm dấu một lễ kỷ niệm.

Sau những ngày học tuồng, tập dượt và ráp tuồng dài đằng đẳng, ngày trọng đại đã đến. Vở tuồng ra mắt khán giả tại sân vận động Tây Ninh, dựng sân khấu hát giữa trời, vì ban tổ chức dự đoán số khán giả không có rạp nào đủ chỗ chứa.

Sự dự đoán của ban tổ chức không sai, buổi hát với tuồng tích chưa có gánh nào diễn mà lại liên hệ tới một linh tích của tỉnh được cả nước biết đến và ngưỡng mộ, đã thu hút một số khán giả kỷ lục. Giá vé hạng nhất 3 căn, hạng nhì 2 căn, hạng ba 1 căn, mà số thu tổng cộng được 4.700 đồng.

Đặc điểm của đêm hát là lần thứ nhất ở tỉnh này trên sân khấu có đặt máy ghi âm, do tham biện Villmont mượn của phủ thống đốc từ Sài Gòn lên nên khán giả ngoài trời mới nghe được đầy đủ và rõ những lời đối thoại, ca ngâm. Hát giữa trời lại có cái lợi cho khán giả bình dân là mát mẻ, không phải tắm trong khói thuốc, muốn ngồi muốn đứng tự do, chung quanh sân cỏ lại có bày những hàng bánh nước cho khán giả có thể vừa xem hát vừa giải khát.

Sau đêm hát gặt hái một sự thành công bất ngờ đến thế, ông bầu Đặng Văn Bê và toàn ban tính đem gánh và vở tuồng về Thủ Đô để hiến đồng bào ở Sài Gòn một của lạ. Nhưng than ôi ! Dự tính này không bao giờ thực hiện được. Đoàn hát bị rơi rã một cách bất ngờ. Những người đóng vai quan trọng và trong ban tổ chức vở hát lần lượt đều lâm nạn, người lâm bệnh, kẻ gặp tang chế trong thân quyến, người bị đổi đi nơi khác. Ông bầu Đặng Văn Bê cũng bị thuyền chuyển.

Dư luận trong tỉnh cho là vở tuồng có lẽ đã trình sự tích Bà Đen sai lạc, hoặc trong lời đối thoại ca ngâm có đoạn nào xúc phạm đến thần linh, nên Bà đã ra oai trừng phạt để giải tán đoàn hát, ngăn cấm vở tuồng tái diễn.

Người ta nói rằng ở Hà Tiên có một bà tên Thúy Hoa nhận thấy vở tuồng khá hay và hấp dẫn, đã xin về định đem xây dựng lại để trình diễn ở Hà Tiên, song về sau nghe chuyện lộn xộn ở Tây Ninh, bà bỏ qua không thực hiện ý định đó nữa.

Bà Linh Sơn Thánh Mẫu núi Bà đen đã ra oai trừng phạt nhẹ những người dân vô tâm hay có thiện chí đã xúc phạm đến bà. Sau này đồng bào Tây Ninh còn truyền tụng.

TÂY NINH VỚI NẠN CỌP LOẠN RỪNG BẮT BÒ, ĂN THỊT NGƯỜI

Như chúng ta đã biết, ngày xưa Tây Ninh toàn là rừng già, chưa được khai thác trồng trọt như ngày nay cho nên nó là giang sơn của cọp, voi, mang, mễn... v.v... Thời ấy, chúa

sơn lâm hay bén mảng gần xóm đông dân cư, để rình bắt heo bò và cống người về rừng xé xác.

Chẳng rõ « *cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận* » dữ đến thế nào chứ riêng nạn cọp Tây Ninh có lắm lúc bất trị, khiến dân chúng coi như là một đại họa hãi hùng. Cho đến khoảng cận đại, mặc dầu đã có khoa học tiến bộ mà vùng Tây Ninh vẫn còn ghi dấu vết ghê rợn về nạn cọp hoành hành.

Ngược dòng lịch sử, khoảng năm 1914, vào đêm 13 tháng 7, đồng bào Tây Ninh bắt đầu trải qua nạn cọp lên về xóm trường học và nhà thờ công giáo, trong phạm vi châu thành Tây Ninh. Chiều hôm ấy, cọp rời rừng, vào xóm, rình bắt heo, bò và bắt luôn cả người, nếu như chúa sơn lâm thấy thuận tiện...

Mới hơn 4 giờ chiều mà cọp đã làm lộng lắm rồi. Bắt được bò, cọp lôi ngay vào một nơi khuất tịch ở gần đấy. Nơi này bốn bề phủ kín bởi các lùm cây ổi tây dày bịch, nên không ai hay biết và trông thấy để kịp thời truy hô cùng nhau đánh đuổi chúng.

Nhưng, tạo hóa chí công. Những loại độc dữ đi đến đâu, thường loài khác biết được nên tránh xa. Cho nên, lúc ấy tín đồ công giáo đến nhà thờ làm lễ, bỗng ngửi thấy mùi khét và hôi. Xem lại thì trời đang đứng gió, mà trong bụi ổi lại thấy cành lá xao động. Sinh nghi, những người dạn dĩ hết sức cẩn thận dò xét. Quả nhiên, họ thấy ngay một con cọp đang ngẫu nhiên con bò. Không chút chần chừ, người ta liền báo ngay cho dân chúng để cùng nhau tiêu diệt con cọp gian ác kia.

Người có súng dùng súng, có gậy gộc thì dùng gậy gộc.

Nhưng không kịp rồi. Cọp thấy động liền phản ứng nhanh chóng, xông ra vồ ngay ông Đội Nhiều và một người nữa. Nhanh trí và bình tĩnh ông Đội Nhiều lấy nón phang vào mặt cọp để cọp phải tránh né, ông và người kia kịp thời lách mình đối phó.

Bị ném nón thành linh, cọp đâm ra hoảng hốt, chụp lấy nón xé nát. Không chút chậm trễ, Đội Nhiều nhanh chân treo lên cây me gần đấy thủ thế. Còn người kia thì chạy thoát ra đường, vào bưu điện cấp báo về tỉnh.

Trong khi ấy, cọp vẫn ngạo nghễ phục nơi lùm cây, không thèm chạy đi đâu cả ; dường như có ý thách loài người. Mà loài người thì đâu chịu bó tay đầu hàng trước con vật hung ác.

Trong lúc cọp ngạo mạn, người thủ thế bao vây, viện binh kéo tới. Ông tỉnh trưởng cùng với viên cận vệ, ông Đội Lê Văn Lâm⁸ đến nơi. Tức thì súng nổ đạn bay. Quả là cây súng tài, ngay loạt đạn đầu tiên, vị tỉnh trưởng đã hạ được cọp. Mà cũng quả là tới số nên cọp ở lại chờ chết để đền tội với dân chúng nơi đây. Có điều là sau khi kiểm soát lại, nhận thấy Đội Lâm hớ hênh lén ra phía sau định phục kích đường tháo lui của chúa sơn lâm, chẳng may bị lạc đạn, bị thương nơi mắt cá chân mặt.

Khi đạo Tam kỳ khởi khai phá rừng để hoảng dương đạo pháp tại nơi Tòa Thánh hiện nay, trong rằm tháng giêng Đinh Mão, năm 1927 một con cọp ra đầu đường quốc lộ 13, vồ một con ngựa đang bắt kè trong một xe thổ mộ, lôi vào mé rừng mọc hòng.

Khuya đêm ấy, ông cụ thân sinh của giáo sư Trần Văn Thử, nguyên hiệu trưởng trường Pétrus Ký, từ nhà ở xóm Phan đánh xe bò ra thăm con ở nhà đốc học Trần Văn Giảng đi học. Xe gần đến chỗ cạp tác quái, trời còn nhá nhem chưa sáng, ông cụ thấy lơ mờ bên đường, một chiếc xe ngựa chống đuôi tôm nhúc nhích. Thấy lạ, ông gò dây bò chậm lại để xem cho kỹ thì một tiếng chúa sơn lâm học vang dậy xé không gian đêm tàn. Đôi bò đánh được hơi cạp liền nhảy sải 2 nước lớn kéo xe chạy như bay bất chấp lỗ hang, một mạch tới châu thành Tây Ninh. Lương thực, bánh trái đem theo cho con vắng xuống đường mất hết không còn vật gì ông cụ cũng không hay.

Từ ấy đến năm 1946 và trở về trước, mặc dù Tây Ninh là xứ núi rừng, đồng bào phần đông sinh hoạt về lâm sản, trải bao năm vẫn không nghe ai bị cạp bắt voi chà. Nhưng đến năm 1947-1948, cạp lại loạn rừng.

Mỗi đêm, khoảng 8 giờ tối, quân Pháp ban hành lệnh giới nghiêm tới 6 giờ sáng. Ngoài đường, trong vườn tược không một bóng người. Súc vật cũng nhốt trong chuồng hay trong nhà, vì có ba lẽ : nhất là Pháp bắn bỏ hoặc bắt giam, muốn được trả tự do phải lo lót ; hai là bị cướp bắt đi ; ba là bị cạp bắt ăn thịt, chết không toàn mạng.

Tại xã Ninh Thạnh, ấp Chánh, cạp đã ăn ba mạng, và mỗi đêm thường về ấp này bắt heo mang vô rừng ăn dần.

Một hôm, vào lúc 5 giờ sáng, đạo đồng chùa Long Sơn vừa dứt công phu, còn ngồi giống chuông, dòm qua kệt cửa để xem trời sáng chưa, chợt thấy một con cạp cái đang nằm

với cạp con cách đó một thước tây thôi. Những người trong chùa cửa đóng then cài, cạp ngoài sân nằm ngửa giỡn với con. Mặt chú đạo đồng tái mét, cắt không còn chút máu, bò càn xuống hậu liêu, đánh thức chư tăng mà báo động :

- Trời đất ơi ! Cạp về ! Cạp !

Chư Tăng cố chần tỉnh :

- Cạp về đâu ?

- Cạp nằm trước cửa chùa. Cạp mẹ cạp con đang trửng giỡn, xem bắt lạnh mình rớn ốc. Quí thầy ra xem thì biết.

Mọi người nhẹ gót dòm lên, thấy đều hồn bất phụ thể. Không ai dám động tịnh gì, ở đâu ngồi yên đó, chờ cho tới sáng, cạp bỏ ra đi. Chừng xem xét lại, thì ra cạp đã nằm suốt đêm. Chư tăng thở một hơi nhẹ nhàng, tỉnh hồn tỉnh vía.

Trên đây, chúng tôi do tài liệu của ông cụ trụ trì chùa Long Sơn mà ghi chép lại một cách trung thực. Riêng chúng tôi, có thân hành đến viếng chùa Long Sơn, được hòa thượng trụ trì hướng dẫn đến xem nơi cạp vồ một người rồi đem xuống bụi tre xé xác, đưa bé xấu số ấy là con của một lão thầy pháp trong làng.

Ngày nay gọi lại câu chuyện cạp loạn rừng, ăn thịt người, vật bò, bắt ngựa khiến cho mọi người phải giựt mình hãi sợ cho đó là tai họa của thời chúa sơn lâm tung hoành, gieo tai ương cho người dân Tây Ninh.

**SUỐI VÀNG NÚI ĐIỆN BÀ VÀ SUỐI NGẦM LỤC LONG
Nằm dưới lòng đất**

Chắc hẳn không một người Việt Nam nào không từng nghe nói đến núi Điện Bà hay núi Bà Đen ở tỉnh Tây Ninh. Núi này cao 884 mét, hai bên có hai hòn núi Cậu và núi Heo, cách tỉnh lỵ Tây Ninh 11km, đã có từ thuở xưa. Biết bao chuyện linh thiêng huyền bí được truyền tụng tại đây. Trong thời bình, du khách bốn phương không ngớt đến viếng cảnh, càng tạo thêm cho núi Điện Bà một sắc thái tôn nghiêm kính cẩn. Và nơi đây, nghiêm nhiên là nơi linh sơn thẳng cảnh, non thiêng đất phước.

Trong các điều lạ ở núi Bà Đen, có chuyện « Suối Vàng » và « suối ngầm Lục Long » là đáng cho chúng ta quan tâm suy nghiệm hơn cả.

Chúng tôi được biết, cách đây 30 năm, có một nhà khảo cứu về địa chất học, người Nhật Bản, tìm đến Núi Điện Bà quan sát cảnh vật. Được sự hướng dẫn của tu sĩ Nhất Thiện, ông rảo thăm các nơi hang sâu động thẳm, lội suối băng rừng, nghiên cứu kỹ và tỉ mỉ ghi chép từng nơi đã đi qua. Thấy ông có vẻ say mê học hỏi, khảo nghiệm, tu sĩ Nhất Thiện hướng dẫn ông đi qua phía bên kia núi, hầu tìm hiểu về « Suối Vàng ».

Vừa đến khe suối, tu sĩ Nhất Thiện bảo khách :

- Đây là « Suối Vàng », một hiện tượng khá lạ lùng ở Tây Ninh.

Nhà địa chất học Nhật Bản nghe nói có hiện tượng lạ, ra vẻ thích thú, dừng chân bên khe suối, quan sát cảnh vật chung quanh rồi lần xuống suối, thử khoát nước rửa mặt. Vốc nước trong bụm tay, lóng lánh ánh vàng. Khắp trên mặt

nước, cuộn theo dòng suối, có bọt vàng lan tỏa. Ông lấy nước ra khảo nghiệm, vui mừng tuyên bố :

- Quả là có chất vàng. Gọi tên là « Suối vàng » là đúng đấy. Vàng này còn non. Nước Việt Nam quả là đất phước, trong tương lai sẽ có một mỏ vàng vô tận. Nay mỏ vàng này chưa đến tuổi, không khai thác sớm được. Chờ độ 70 năm nữa, vàng đúng tuổi sẽ kết tinh lại chừng ấy Việt Nam có mỏ vàng, hân dân sẽ giàu, nước mạnh.

Thế rồi sau cuộc khảo sát Suối Vàng núi Bà Đen, nhà địa chất học ấy lấy về một bao nhỏ để khảo nghiệm thêm.

Câu chuyện núi Điện Bà có mỏ vàng được Nhật Thiện giữ kín cho đến nay.

Các khách du sơn, cũng như người địa phương lên viếng núi Điện bà vẫn thường nghe câu chuyện Suối Vàng là có thật. Chính nhiều người mục kích mặt vàng trôi lơ dờ dưới mặt nước, bèn xuống hốt lên xem thử. Nhưng khi vốc nước lên tay, không còn thấy sắc vàng ngời chiếu, còn ở dưới nước thì vẫn sáng chói theo sóng nước, phản chiếu óng ánh như kim cương.

Mỏ vàng có thật hay không ? Nếu có thật mỏ vàng ở Tây Ninh theo lời của nhà địa chất học Nhật Bản tiết lộ, thì hữu phước cho Việt nam ta biết mấy. Trong tương lai, một khi biết có mỏ vàng, hẳn là nhiều xí nghiệp ở ngoại quốc tìm đến xin lãnh phần khai thác, thì nước ta sẽ giàu có biết bao.

Theo sự sưu tầm của chúng tôi, từ trước đến nay đã giẫm chân khắp vạn nẻo đường đất nước, được biết có nhiều chỗ có những mỏ đáng kể : núi Sam (Châu Đốc) có mỏ chì đã

được một công ty ngoại quốc khai thác lấy chì bốn, năm năm nay rồi, nay dường như đã ngưng trệ. Ở quận Mộ Đức (Quảng Ngãi), có mỏ sắt đã tới tuổi ; tôi có dịp đến đó với một vị kỹ sư lấy đá nơi hòn núi này về thí nghiệm, sắt đã già, đóng cục thành khối sắt. ở Đà Lạt, suối Cam Ly có vàng non. Ở hải phận Việt Nam, vùng Phú Quốc chạy xuống cà Mau có mỏ dầu lửa. Thế thì câu chuyện mỏ vàng nếu có ở Tây Ninh cũng không phải là lạ. Có điều, không biết thời gian nào được khai thác.

Trở lại vấn đề tìm vàng ở núi Điện Bà Tây Ninh, mà chúng tôi đã trình bày và đưa ra nhiều thí dụ. Cách nay trong vòng năm mươi năm, cũng có vị sĩ quan Nhật Bản đến viếng tòa thánh Tây Ninh có ý niệm tìm tòi, nghiên cứu cuộc đất lạ, có tiếng. Vị sĩ quan này cùng một vị tu sĩ am hiểu về địa lý rất nhiều. Ông đến quan sát nơi châu vi tòa thánh, sau đó, ông tiết lộ dưới lòng đất từ nội ô vô tới núi Điện Bà, thẳng ra ao hồ, có một cái suối ngầm chảy qua sáu ngỏ gọi là Lục Long Kết Tụ. Trong tương lai, vùng đất này rất phát đạt, về mặt đạo pháp cũng như nhân tài đều quy tụ về đây. Vị sĩ quan này chỉ tiết lộ như thế. Chúng tôi may mắn được một vị kỳ lão không phải là người trong đạo, có dịp đi với sĩ quan này, ghi chép và thuật lại cho chúng tôi rõ như trên.

Ngoài ra chúng tôi chưa được nghe một vị chức sắc nào trong đạo nói cả. Nhưng chúng tôi tin chắc rằng là nơi có nhiều sự tích huyền thoại lạ lùng là vùng thánh địa cao đài.

Trên tinh thần vô tư, chúng tôi xin thuật câu chuyện trên đây như một giai thoại, để hiễn quý bạn đọc hiểu thêm vấn đề non nước Tây Ninh.

THIÊN TAI THẨM KHỔ NÚI LỎ, NƯỚC LỤT VÀO NĂM NHÂM THÌN 1952

Tai trời ách nước không nơi nào là chẳng có. Hãi hùng nhất là những trận bão lụt to. Riêng miền Nam Việt Nam, hẳn đồng bào không ai quên trận bão lụt lớn ở Gò Công trong năm Giáp Thìn 1904 cách nay trên nửa thế kỷ. Gia súc chết vô số kể, về nhân mạng một đêm chết năm ngàn người. Từ đó đến nay trận bão lụt này lớn hơn hết.

Thế mà tỉnh Tây Ninh cũng đã từng chịu một nạn lụt to, chẳng kém phần khủng khiếp, và cũng xảy ra trong năm Thìn.

Năm ấy, Nhâm Thìn 1952, vào ngày 3 tháng 9 dương lịch, trong tỉnh Tây Ninh bị mưa to gió lớn, giông gió ì ầm, sấm chớp vang rền. Mưa tuôn như thác lũ, đến nổi trên núi Điện Bà bị lở một đường dài từ trên đến dưới chân núi.

Từ phía bờ rạch nước tràn vô phủ. Trong chốc lát đất bằng lênh láng nước trông như sông rộng biển khơi. Nói như thế, để chúng ta ước lượng quang cảnh hãi hùng đến thế nào và hình dung những thảm trạng mà đồng bào Tây Ninh đã phải chịu.

Châu thành Tây Ninh bị ngập lụt nặng nhất là vùng Xóm Chài, dọc theo bờ rạch Tây Ninh, sau trường học. Lúc ấy nhà tranh vách ván, vách đất đều cuốn theo dòng nước trôi lênh ngềnh.

Nước ngập tới đâu, đồng bào đánh mõ la làng inh ỏi, leo lên cây lánh nạn. Ngoài chợ Tây Ninh, phố xá ngập hết. Hàng

quán, tiệm buôn đều đóng cửa. Các tiệm trữ bán xi-măng, hàng trăm bao đều bị ngấm nước đóng thành cục, hư hại cả. Tiệm làm tương của người Trung Hoa bị nước ngập, thiệt hại hàng mấy trăm khạp tương.

Mỗi ngày qua, tình trạng bị đất có thêm chứ không thấy bớt. Bầu trời vẫn vẩn vù mây đen, báo hiệu tai họa kéo dài. Nước rạch Tây Ninh chảy xiết mạnh lên khỏi Cầu Quan bắc ngang rạch. Đồng bào di chuyển qua vùng đất cao lánh nạn. Một mặt, đồng bào ở gần bờ rạch có ghe xuồng đều đem con em xuống ghe ở tạm. Chợ búa bỏ luôn không nhóm suốt một tháng như thế.

Phía tòa hành chánh, dọc theo bờ rạch, con đường Quang Trung và Trần Hưng Đạo xóm Lò Heo và xóm chùa Vĩnh Xuân ngập nhiều hơn cả. Phía sau nhờ đất cao nên đỡ được nhiều.

Dân chúng sinh hoạt trong tình trạng khó khăn, gần như bế tắc. Người ta gánh thịt cá, rau cải đi theo các lộ không bị ngập, hoặc bơi xuồng vô trong các xóm mà buôn bán với nhau. Cảnh lưu thông di chuyển bằng ghe xuồng trên lộ, không nói thì ai cũng rõ chưa xót đến ngần nào.

Lúc bấy giờ núi lở bề ngang 15m. Thành phố ngập lụt nặng đến 8 ngày liền, rồi mực nước mới từ từ hạ xuống, đến đúng một tháng mới rút cạn. Sau đó, chợ búa mới bắt đầu quét dọn và nhóm họp lại.

Ngày nay nhắc lại trận lụt năm Nhâm Thìn 1952, đồng bào Tây Ninh còn thở dài, giạt mình. Cũng trong năm này, ở Biên Hòa cũng chịu chung tai ách một lượt với Tây Ninh. Vì nước trên rừng đổ xuống, nhất là thác Trị An và nước sông

Đồng Nai tràn dâng nhanh chóng, khiến dân chúng người người bối rối không kịp trở tay. Còn gì đau đớn bằng, chỉ trong chớp mắt, nhìn thấy nhà cửa trôi theo dòng nước cuốn mà đành trơ mắt ngó, không còn phương cách gì cứu vãn.

Thiệt hại về nạn lụt ở Biên Hòa cũng tương đương với nạn lụt ở Tây Ninh. Báo chí thuở ấy tường thuật đầy đủ và kêu gọi lòng từ thiện của đồng bào các tỉnh, xót đau cảnh máu chảy ruột mềm mà kẻ nhiều, người ít, quyền góp cứu trợ.

Hôm nay, chúng tôi ghi lại tai nạn về lụt lớn mà đồng bào Tây Ninh gánh chịu, vẫn thấy lòng thương cảm. Để đồng bào được nhớ lại, chúng tôi đã cố gắng tường thuật chính xác do các bộ lão có uy tín kể lại. Đồng thời, chúng tôi cũng gom góp ít nhiều bức ảnh để thấu nhận tình trạng về nạn lụt Tây Ninh thuở nọ, để chúng ta cùng lưu giữ trong tâm khảm niềm xót xa chung chịu khi tai trời ách nước xảy ra. Những bức ảnh là chứng tích ghi nhận để khiến chúng ta cảm thông hơn cả. Để rồi trong hoàn cảnh nào, trước bất cứ tai ách nào, mà đồng bào phải chung chia sốt khổ đau, chúng ta sẵn sàng nghe lòng giục thúc :

Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng

Chúng tôi xin nói thêm, những bức ảnh sưu tập do nhà nhiếp ảnh Việt Anh thân tặng. Xin ghi rõ nơi đây, để tỏ lòng tri ân những tấm lòng cao quý đã giúp đỡ chúng tôi khi biên soạn quyển sách này.

CÂU CHUYỆN BUÔN NGỰA VÀ THUẬT BẮT CÁ NGỰA

TRÊN ĐẤT MIÊN

Một câu chuyện buôn ngựa lậu xảy ra dưới thời Pháp thuộc trên trục giao thông này đã thành một giai thoại cho đồng bào biên giới và Việt kiều nhắc nhở trong lúc tửu hậu trà dư. Nguyên hai ông giáo Việt kiều xin từ chức về quê ở Trảng Bàng và Gò Dầu Hạ xoay nghề thương mại. Hai ông hùn vốn, đến tỉnh Prey-veng mua ngựa đem về bán cho giới mã xa. Dạo ấy, 1943, chánh phủ bảo hộ cấm « xuất cảng » thú vật ra ngoại quốc, nên hai ông phải dắt mớ hàng len lỏi trong rừng vượt tuyến ! Tổng số ngựa là 5 con, trong ấy có một con ngựa đưa què chân. Hai ông giáo thuê một người Miên biết đường đi tắt về Gò Dầu Hạ. Đoàn người xuất hành từ chập tối, len lỏi trong rừng, trên đồng ruộng xa quạn, xã để tránh nhà chức trách. Ông giáo Trảng Bàng mặc quần áo kaki vàng, giả làm quan nhà binh, ông giáo Gò Dầu Hạ giả làm thầy thông ngôn mặc quần áo vải, đội nón rộng vành. Khi gặp một ít người Miên, thầy thông ngôn đứng nghiêm chào ông quan, nói tiếng Pháp lảng nhảng cho ra vẻ người của nhà nước đi công tác. Ông giáo ở Gò Dầu Hạ ốm nhỏ người thấy thấy con ngựa đưa lưng mập tròn thì xí phần trước, nhất định giành cưới cho khỏe chân vì phải đi suốt đêm. Ông giáo ở Trảng Bàng mập lùn không muốn hành hạ con vật, nhường cho bạn, ông đi bộ với người hướng đạo vừa trò chuyện cho vui chân.

Ông giáo ở Gò Dầu Hạ không ngờ con ngựa đưa là ngựa đực bị kiềm chế hàng năm để chạy đua, nay thấy bốn con ngựa đồng hành toàn là nái xề thì mừng hóm, vội cắt hai chân trước chồm tới chụp đại, định giở trò ái tình. Báo hại

anh chàng kỵ mã lần đầu tiên đang ngồi vênh vào trên lưng ngựa trần trụi không yên cương, bị hất văng xuống đất suýt què. Ấy thế mà ông giáo nhà ta vẫn không ngán, cương quyết leo lên ngồi kẹp chân vào hông ngựa thật chặt. Vài phút sau, con ngựa quá khao khát lại dựng đứng thân hình lên chụp đại con ngựa cái, tung ông ta rơi xuống nằm lăn. Tấn tuồng tái diễn lần thứ tư, ông giáo chịu đầu hàng. Ông vừa đi vừa cắn nhả trách ông giáo Trảng Bàng :

- Mày hại tao mà ! Mày biết con ngựa đực mà không nói để tao té cho mày cười chơi !

Hừng sáng, hai ông tới chợ quận Kompong Châk, cột ngựa dưới bụi tre ngoài xa, hai ông cùng người dẫn đường vào quán ăn hủ tiếu. Chưa hết tô thứ nhì, hai ông gặp một công chức Việt kiều lớn tuổi và ba người lính Miên mang súng cẩn thận vào ngồi một bàn trong góc quán. Ông này là bậc đàn anh của hai ông giáo buôn ngựa lậu. Bước vào nói rằng :

- Ông Sứ⁹ được tin ở Prey-veng cho biết có người mua ngựa dắt về Gò Dầu Hạ. Tao thấy tụi bây ăn mặc như vậy thì biết là chánh và tòng phạm rồi. Vậy chở ngựa ở đâu ?

Hai ông giáo không thể chối cãi phải cười ruồi khai thật.

Ông ấy nói :

- Ăn rồi thì dắt đi mau đi, tao về sẽ trình là không gặp cho xong. Bộ hết nghề làm ăn rồi phải không ?

Chuyến ấy chót lọt, hai ông chia lìa rồi giải nghệ luôn, ông ở Trảng Bàng không muốn bị lôi thôi mang tiếng, còn ông ở Gò Dầu Hạ thì hết ham cưỡi ngựa cái như người chết

được sống lại.

Có người ở xã Phước Tân nghĩ ra phương pháp « tậu » ngựa Cao Miên một cách thần tình hơn. Đương sự không cần vượt biên giới, không tốn công thức suốt đêm lẫn lộn trong rừng, không tốn một xu mà « câu » được mỗi lần 4,5 con ngựa mập mạnh, thế mới tài. Hôm nào trở nghề đương sự đứng bên đất nhà nhìn sang lãnh thổ bạn vào giờ ngựa ra đồng ăn cỏ, hễ thấy vài con nhớn nhỡ, trứng giỡn thì vào xóm dắt một « nàng » ngựa cái ú tròn, thân hình hấp dẫn thả cho vượt biên. Tại mồm ngựa, đương sự cột sợi dây nylon thật dài, hàng bốn, năm trăm thước và nắm chặt một đầu, ngồi núp dưới gốc cây.

« Nàng » ngựa thông thả sang nước láng giềng, đi lần đến đám đồng loại. Bên kia, mấy « chàng » ngựa đực thấy người đẹp, lập tức đổ xô vào, miệng hí vang vang, hai chân trước cất bồng lên cao định giở trò xin xỏ ái tình.

Ông chủ ngựa nhà ta chỉ nhờ phút ấy, phăng lần sợi dây về. Ngựa cái theo lệnh, thủng thẳng trở lại đất cũ, đám ngựa đực mê mồi leo đèo theo sau đến khi xâm phạm biên cương hồi nào không hay !

Mấy ông chủ ngựa Cao Miên ngó thấy ngựa mình bị bắt trước mắt mình mà không làm gì được, vì dạo ấy tình hình ngoại giao giữa hai nước đang căng thẳng, không bên nào dám qua đất bên nào nếu không có đủ giấy tờ. Các ông đầu cáo với tỉnh trưởng tỉnh Svay Riêng, ông tỉnh tư giấy qua tỉnh Tây Ninh kiện. Tỉnh trưởng Tây Ninh xét xử. Nhận thấy bị cáo không xâm phạm lãnh thổ bạn, không lừa súc vật tại chuồng

người khác thì không thể buộc vào tội trộm nên xử hòa.
Người Miên chịu mất ngựa.

PHẦN V : VÀI NÉT VỀ CHÙA, ĐÌNH, NHÀ THỜ, TÒA THÁNH

Xuyên qua nguồn gốc các đạo giáo có mặt ở Việt Nam, trước hết là : Thích, Nho, Đạo là ba tôn giáo lớn và lâu đời nhất ở Á Đông, từ xưa du nhập vào nước ta đến ngày nay. Kể đến Thiên Chúa giáo có mặt trên quê hương này từ thế kỷ thứ 17. Đến thời Nguyễn Ánh, đạo Thiên Chúa bắt đầu phát triển mạnh.

Dưới triều Minh Mạng, đạo Thiên Chúa bị cấm đoán, nhà vua ra lệnh bắt đạo, giết đạo, gây nhiều nỗi khó khăn cho các giáo sĩ.

Sau ngày Pháp chiếm trọn xứ Nam kỳ, đặt guồng máy cai trị xứ ta, Thiên Chúa giáo được tự do truyền bá sâu rộng trong dân chúng, miền Đông vùng Tây Ninh. Đầu tiên Xóm Đạo Tha La thuộc Trảng Bàng được thành lập với một họ đạo đôi ba chục người, thời gian lâu mới cất được nhà thờ rồi truyền bá lên tỉnh lỵ Tây Ninh. Kế tiếp là đạo Cao Đài, đạo này khai nguyên tại một ngôi chùa Từ Lâm Tự (ở Gò Kén) từ năm 1926, rồi dời đi mua đất phá rừng cách chợ Tây Ninh 4 cây số, đó là nơi trung tâm xây dựng tòa thánh Cao Đài, bành trướng mỗi đạo từ đó.

Tìm hiểu qua các đạo giáo có mặt ở Tây Ninh, chúng tôi đi sâu vào từng địa phương, ghi lại lịch sử dấu vết người xưa, hiển quý độc giả biết qua các nơi danh lam cổ kính ấy và các cơ sở Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Cao Đài giáo mà chúng tôi đã nói lên một cách trung thực với tinh thần vô tư.

NÚI BÀ ĐEN HAY NÚI ĐIỆN BÀ QUA CÁC VỊ TỔ KHAI SƠN

Trên đường sưu khảo, chúng tôi vừa đến địa giới tỉnh Tây Ninh, nếu phóng tầm mắt ra xa du khách thấy xuất hiện giữa vòm trời một ngọn cao vòi vọi 884 mét, mây lam che phủ rất ngoạn mục, đó là núi Bà Đen, một ngọn núi cao nhất miền Nam, cách thị xã Tây Ninh 11km.

Núi Bà Đen cũng gọi là núi Điện Bà, vì trên núi có điện thờ Bà Đen là vị Thánh Mẫu linh thiêng hiển hách, được phong tặng là Linh Sơn Thánh Mẫu, và do đó nơi thờ Bà được chư sơn và bá tánh gọi là linh sơn Tiên thạch động.

Du khách đến tận chân núi một cách dễ dàng bằng các loại xe rồi thung dung thả bộ theo triền núi chênh vênh từ chân lên đỉnh núi.

Từ cầu đá lên tại điện là 1.100 mét. Từ Điện Bà lên tới đỉnh 2.800 mét¹⁰. Dọc theo đường đi, rải rác có 4 ngôi nhà mát xinh xinh làm nơi nghỉ chân cho du khách.

Có trùng tu ngôi Điện Bà vào những năm trước 1956 sau đó vì chiến tranh xảy ra liên miên nên không sửa sang gì nữa.

Từ chân núi Điện Bà lên dọc theo tay trái, có cái am gọi là Kim Cang Am. Lên một đồi nữa, chừng 50 mét, có cái tháp của vị thủ tạ Giác Hạnh, và mộ bia ghi công đức của ông Huỳnh Tảo, một Hoa kiều ở Long An đứng ra chịu mọi tổn phí về việc lát đường từ chân núi lên đến trên Điện Bà. Thật là một công quả vĩ đại đáng tán dương. Bởi thế, khi ông Huỳnh Tảo mất, được hòa thượng Tâm Hòa dựng bia kỷ niệm.

Đi một đồi nữa, tới am ông Quản Tư. Hiện giờ phần đất này bị lở lấp hết cả và ngôi chùa cũng sụp đổ. Lăn lên dốc

thượng, phải qua một cây cầu gỗ, cầu này là do công đức của ông chủ nhà sách Lê Phan và ông bà Hà Tôn Vũ, thương gia ở Bãi Xào đều đồng chung sức xây, giúp thập phương bá tánh đỡ chân.

Vượt qua dốc thượng lên tới Miếu Cậu, một ngôi nhà mát đã sẵn sàng chờ đón du khách dừng chân ngơi nghỉ.

Nếu du khách trở xuống tay mặt, gặp ngay một cái hang Mũi Tàu. Xem xong, quay gót trở lên, thẳng đến tháp và chùa. Du khách hành hương, bốn đạo nghỉ nơi chùa.

Cơm xong, lại tiếp tục du lãm phong quang cảnh vật chung quanh. Muốn viếng chùa Hang, phải đi qua tảng đá nứt hai. Rồi xuống xem suối nước lạ thường, quanh năm cát vàng lóng lánh, người ta gọi là vàng non và mệnh danh cho suối ấy là suối vàng huyền bí.

Nhìn lên nữa, kia là chùa Long Châu, cảnh trí xinh lịch. Du khách men chân đến chùa, để qua viếng động Thanh Long ở phía mặt trời mọc, ngày xưa vốn do nhà sư Giác Đàng khai phá trồng thanh long tại đó. Cảnh vật cũng nên thơ.

Thường lãm phong cảnh ở phía mặt và trái rồi du khách nên đi vòng sau điện mà xem thêm hang Gió và giếng ông Địa. Đoạn đi thẳng lên, lần lượt gặp các động ông Tà, động ông Hổ, động Ba Xuyên.

Dạo bước từ từ mãi mê phong cảnh mà đặt chân lên tới đỉnh tự bao giờ chẳng hay chẳng biết. Thích ý phỉ lòng, đứng lên đỉnh nhìn thẳng tắp xa xa, ôi màu nhiệm, cảnh đẹp bao la hùng vĩ giăng giăng tận chân trời thăm thẳm.

Hướng về đông, thấy ngọn núi Cậu bên tỉnh Bình Dương (thuộc Dầu Tiếng) hiện ra lơ mờ như một bức tranh thủy mặc. Hướng về đông bắc, có thêm hai hòn núi nhỏ ngạo nghễ gọi gió dầm mưa chẳng quản gì.

Những ngày lễ, rằm, rất đông du khách và phật tử bốn phương tấp nập về đây chiêm bái, đồng thời thưởng thức cảnh hùng vĩ của non linh.

Bồi hồi luyến cảnh, du khách nao nao lòng cảm cựu, chẳng khỏi nhớ lại sau núi Điện Bà ngày xưa vẫn từng có những cội bạch mai khoe tiết băng trinh, cốt cách tinh thần như tiên nữ giáng trần. Rồi bất giác khe khẽ ngâm bài thơ vịnh cảnh « *Bạch mai núi Điện Bà* » của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh, ái nữ cụ Đồ Chiểu thuở xưa :

*Non linh đất phước trở hoa thần
Riêng chiếm vườn hồng một cảnh xuân.
Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng,
Sương pha bóng nguyệt ánh màu ngân.*

Chỉ rút nội bốn câu ấy thôi, đủ cả non nước muôn thuở sống mãi trong tâm tưởng những người con đất Việt đã, đang và sẽ đến viếng cảnh Tây Ninh với núi Điện Bà có hoa bạch mai khét tiếng một thời và dư âm sẽ chẳng bao giờ dứt.

Đã thưởng thức phong cảnh và hiểu qua sự tích núi Điện Bà mà chúng tôi trình bày thêm ở phần di tích, thiết tưởng chúng ta cũng nên tưởng đến công đức của liệt vị tổ sư khai sơn hóa đạo núi Điện Bà.

a) Thời kỳ Nam tiến, thế kỷ 18

Có các vị tổ sư đã dày công như chư tổ : Thiết Diệu, Tể Giác, Đại Cơ, Đạo Trung, Tánh Thiền, Hải Hiệp.

Tổ Đạo Trung Thiện Hiếu tục gọi là tổ Bưng Đĩa, từng trải 31 năm khổ nhọc khai sơn hóa đạo núi Điện Bà, đến năm 1794 thì về lập chùa Long Hưng ở Thủ Dầu Một.

Tổ Hải Hiệp Từ Tạng là vị tổ thiêu hóa còn một lóng tay út chôn dưới hang động, sau dời mộ bia về trước tháp.

b) Thời kỳ Pháp thuộc, thế kỷ 19

kể từ năm Tân Mùi 1871 đến năm 1880, có các vị tổ đáng kính nổi nghiệp, liệt kê như sau :

- Tổ Thanh Thọ Phước Chí, thủ tạ chùa Phước Lâm (Vĩnh Xuân) lên Điện Bà xây hang điện, từ năm 1872. Đến năm 1875, hang điện hư hoại người sau mới phá ra xây lại lần nữa. Vị tổ này đã tại vị từ năm 1871 đến năm 1880.

- Tổ Trường Tùng Chơn Thoại, có công kiến thiết ngôi chùa phật và nhà giảng đường toàn bằng cây sao, tại vị từ năm 1880 đến năm 1910.

- Tổ Tâm Hòa Chánh Khâm, xây cất chùa Tổ bằng đá, khởi công từ năm 1922 đến năm 1924 mới hoàn thành. Rồi đến năm 1937 thì dựng thêm nhà Tổ bằng đá. Vị Tổ này tại vị năm 1910 đến năm 1937.

- Tổ Nguyên Cơ Giác Phú, kể nổi được 11 tháng thì tịch vào ngày 10 tháng chạp năm Đinh Sửu 1937.

- Tổ Nguyên Cần Giác Hạnh, thay mặt trưởng tử cố Hòa thượng lập Tháp cho bốn sư và sư huynh năm 1939. Tại vị từ

1938 đến năm 1945.

- Sư Nguyên Bộ Giác Ngọc (tự Sư Dina) thay mặt trụ trì từ 1946 đến năm 1951. Năm Tân Mão 1951, về chùa Phước Lâm (Vĩnh Xuân), đến 8 giờ đêm 19 tháng chạp thì mất tích.

- Hòa thượng Nguyên Chất Giác Điền, tại vị từ năm 1952 đến 1957, lãnh chùa Phước Lâm ngày 22 tháng chạp năm Tân Mão 1951 thay mặt hàng năm lo liệu lễ vía Bà và khai Trường Hương, Trường Kỳ.

Từ năm Bính Thân, 1956 nhân dân và bốn đạo đồng cử ban quản trị núi Điện Bà để lo việc kiến tạo núi Điện Bà thêm khang trang hơn nữa. Từ đó, đồng bào lên núi cúng bái thêm tấp nập.

Qua năm 1962 cốt Bà dời về chùa Phước Lâm, là ngôi chùa thứ hai của chùa Linh Sơn trên núi.

Từ ngày cung nghinh cốt Bà về chùa Phước Lâm ban quản trị hội núi Điện Bà giao lại cho quý hòa thượng, Yết Ma, giáo thọ trong tỉnh đảm trách ; hòa thượng Thích Huệ Phương hiện là trụ trì ngôi Phước Lâm cổ tự còn hòa thượng Giác Điền trở về Gia Định cất chùa Linh Châu, gần ngã tư Cây Quáo.

Chính lá sắc của Bà do vua Gia Long phong tặng ngày xưa đã lạc mất từ lâu, tìm không được. Đến đời vua Bảo Đại mới phong thêm cái sắc cho Bà như sau :

**Tỉnh Tây Ninh, Thái Bình quận, Ninh Thạnh thôn,
phụng sự « Bà Đen »**

Linh Sơn Thánh Mẫu tôn thần

Nắm trước linh ứng, tứ kiêm thừa

*Cảm mạng miên niệm thần hựu
Trứ phong vị Đức Bảo trung hưng
Lĩnh phò chi Thần chuẩn kỳ phụng sự
Thứ cơ Thần kỳ tường cự*

Bảo Đại lê dân khâm trị.

Bảo Đại thập niên, tư ngoại thập cửu nhật.

Tìm hiểu qua cảnh vật núi Điện Bà và các vị Tổ khai sơn đã dày công vun trồng nền đạo pháp trên non linh từ thuở xa xưa và câu chuyện lá sắc của Bà, như chúng tôi đã trình bày, đồng chịu sự hủy diệt của thời gian.

Đây là chiếc cầu của ông Nguyễn Văn Được, chủ nhà sách Lê Phan bắc trên núi để bá tánh đi khỏi lộ ngang cái hố sâu, ngày nay chiếc cầu này đã bị phá hủy, cảnh chùa chiền cũng bị chung số phận, không còn gì hết.

Nay gợi lại cảnh núi Điện Bà khiến cho ta bùi ngùi tắc dạ, hồi tưởng như giấc chiêm bao, mới năm nào đây còn tới lui viếng cảnh, nay đã hoang vắng, ít người đến đây viếng cảnh.

NGÔI PHƯỚC LÂM CỔ TỰ VỚI NÚI ĐIỆN BÀ QUA NHIỀU GIAI ĐOẠN

Ngon núi thiêng liêng tại Tây Ninh có chánh danh là núi Bà Đen. Người trong vùng kính nể oai linh của Bà nên chẳng dám gọi chánh tên, mà chỉ gọi núi Bà hay núi Điện Bà.

Cốt của Bà Linh Sơn Thánh Mẫu được an vị và tôn thờ trên núi Bà Đen từ mấy trăm năm nay. Nhưng hiện nay cốt Bà lại được cung thỉnh về Phước Lâm cổ tự và được phụng thờ tại đây.

Vậy Phước Lâm cổ tự và núi Điện Bà có liên quan với nhau như thế nào ?

Tôi xin đưa đường để quý độc giả biết qua di tích lịch sử đó.

Phước Lâm cổ tự tọa lạc tại xã Thái Hiệp Thạnh, thuộc Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chúng tôi được các bô lão ở Tây Ninh kể chuyện và được biết như sau :

Phước Lâm cổ tự là một chi nhánh của chùa Linh Sơn trên núi Điện Bà. Chùa Linh Sơn do tổ sư Phước Chí, là vị tổ thứ tư, nối chí ba vị tổ trước. Ngài là một trong những vị tổ có công khai sơn phá thạch ở núi Điện Bà, tạo nên ngôi Tam Bảo để có ngôi thờ phượng, sớm mỗ chiều chuông, công phu tụng niệm.

Tiếng đồn ngài là vị chân tu ẩn dật nơi non cao động thẳm. Khách mộ đạo xa gần nghe tiếng đến viếng chùa, viếng núi ngày càng đông.

Thời ấy, người ở lục tỉnh muốn đến Tây Ninh phải di chuyển bằng ghe thuyền xuôi theo dòng Vàm Cỏ Đông vô rạch Tây Ninh và đậu ghe tại đó. Người hành hương phải đi bộ vô núi, hoặc đi bằng các loại xe trâu, xe bò, đi cả ngày mới đến nơi.

Lúc bấy giờ, tổ sư Phước Chí thấy bá tánh đến Tây Ninh, phải ở lại một đêm rồi sáng ngày sau mới tìm cách đi vào núi. Nơi xứ lạ đường xa, khách thập phương phải ở lại một đêm là cả một vấn đề trở ngại. Do đó, tổ mới xuống núi, đến

xã Thái Hiệp Thanh hiệp cùng bốn đạo địa phương đứng ra xây cất ngôi chùa nhỏ bằng cây lá, hướng mặt ra bờ rạch Tây Ninh để hiệu là Phước Lâm tự.

Ngôi chùa cất xong vào năm Nhâm Thân, đến năm Tân Hợi (1971) là đúng 100 năm.

Theo lời các bô lão nói, dụng ý của tổ sư cất ngôi chùa này là để có nơi tiếp chư sơn đại đức cùng bá tánh thập phương khi lỡ lộ đường vào núi. Ngoài ra ngôi chùa ở đất bằng là phương tiện dự trữ lương thực để tiện việc vận tải lên núi hầu có cung cấp cho ngôi Linh Sơn tự. Muốn tìm hiểu đầy đủ hơn, chúng tôi thân hành đến ngôi Phước Lâm cổ tự để quan sát.

Một buổi sáng tinh sương, chúng tôi, ông Võ Trung Nghĩa và tôi, khởi hành. Nhà của ông Nghĩa ở tại đường Yết Ma Lượng Tây Ninh. Chúng tôi rời khỏi nhà này vào lúc 6 giờ sáng.

Xin đánh dấu ngoặc nơi đây để nói qua vài nét về ông Võ Trung Nghĩa. Ông đã 70 tuổi mà người còn tráng kiện. Ông thích khảo cứu, sưu tầm, thích văn chương và được nhiều người mến danh.

Từ đường Yết Ma Lượng, chúng tôi sang qua con lộ tráng dầu, đó là đường Trần Hưng Đạo, đường này nằm sát bờ rạch Tây Ninh. Chúng tôi qua cầu phía bên kia đường Gia Long, xuống dốc cầu quẹo về tay mặt. Đây là con đường đá nhỏ gồ ghề quanh co. Đường này cũng nằm sát bờ rạch Tây Ninh. Đi độ non một cây số, đến ngôi chùa ở phía bên trái. Trên cổng chùa có tấm bảng khắc 4 chữ « Phước Lâm cổ tự ».

Chúng tôi vào chùa hỏi thăm vị trụ trì và xin đến chánh điện lễ Phật và lạy Bà.

Chúng tôi may mắn được gặp sư trụ trì. Ngài vui vẻ tiếp đón chúng tôi. Sau khi dùng chung trà nóng, sau vài câu chuyện vãn an xã giao, chúng tôi vào đề và hỏi qua thân thế của sư.

Hòa thượng trụ trì Thích Huệ Phương cho biết :

- Trước đây bần đạo xuất gia tu trên núi Điện Bà. Từ năm 1929 theo thầy học đạo, không rời thầy tổ. Nay vì tình hình chiến cuộc, trên núi chẳng được an ninh, bần đạo và chư tăng đều rời núi, trở về đây coi sóc ngôi Tam Bảo của thầy tổ đã sáng tạo từ trước.

Dùng xong chung trà, sư nói tiếp :

- Ngôi chùa này, từ trước tới nay trải qua nhiều lần trùng tu, từ chùa lá đơn sơ, nay vách tường lợp ngói, nền cao, đầy đủ tiện nghi, đó là nhờ công lao của các vị trụ trì trước.

Nói xong, hòa thượng trụ trì hướng dẫn chúng tôi xem cảnh chùa từ chánh điện ra sau hậu tổ và chung quanh chùa.

Nơi chánh điện, cốt Phật sơn son thiếp vàng thờ phượng rất trang nghiêm. Phía sau hậu tổ thờ cốt Bà Linh Sơn Thánh Mẫu trong một cái khánh chạm trổ lộng lẫy, khói hương không dứt.

Phía sau là nhà khách, giảng đường, nhà ông Giám, nhà trụ, bá tánh thập phương đến có nơi ăn chốn nghỉ rộng rãi.

Phía trái, hông chùa, có một dãy nhà để các ni cô ở, sự sắp xếp từ trong ra ngoài thật là kỷ lưỡng chu đáo.

Đi vòng phía hông chùa trở ra phía trước sân, ngay cửa chánh điện, bên ngoài, có dựng một pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát rất uy nghi. Tượng màu trắng, màu sữa đục trông rất đẹp. Phía sau pho tượng là hồ bán nguyệt trồng sen trắng.

Cảnh trí nơi cuộc đất này rất thanh tịnh. Người có tâm đến đây hòa mình với cảnh vật thiên nhiên, tâm hồn ắt được nhẹ nhàng.

Kể đó chúng tôi được nghe hòa thượng kể cảnh bi đát đã trải qua. Chùa đã chứng kiến biết bao đạn rơi bom lạc do quân xâm lược gây nên. Từ thời Pháp thuộc cho đến gót chân xâm lăng của quân đội Phù Tang giẫm lên mảnh đất quê hương này, chùa chiến trải qua biết bao thảm họa, chư tăng trải qua biết bao khủng bố. Tuy vậy chùa vẫn an toàn cho đến ngày nay.

PHƯỚC LÂM CỔ TỰ TRẢI QUA NHIỀU VỊ TRỤ TRÌ

Mặc dù chùa bị đắm lặn khủng hoảng, nhưng lúc nào cũng có mặt vị trụ trì và tăng chúng ở thường xuyên.

Vị tổ sáng lập ngôi chùa là Phước Chí. Sau đó một thời gian khá dài, nhóm hậu sanh không biết các vị trụ trì tiền bối là ai. Chỉ biết khoảng thời gian 40 năm gần đây, các vị trụ trì được ghi như sau :

1. Sư Yết Ma Chí Nguyên
2. Sư Yết Ma Chí Lợi
3. Sư Giáo Thọ Hồng Phước
4. Sư Giác Ma Giác Thiện
5. Sư Giáo Thọ Giác Đức

6. Hòa thượng Giác Điền (1951-1956)

7. Hòa thượng Huệ Phương (1956-1971)

Vào khoảng năm 1951, 1952 trên núi Điện Bà, bắt đầu mất an ninh, bá tánh không còn lên núi được nữa. các nhà sư trên núi cũng chẳng được an thân, nên nhiều vị xuống chùa Phước Lâm cổ tự.

Trong số các nhà sư tản cư đó, có sư Thích Giác Ngọc (đạo hiệu là Di-na) bị kẻ lạ mặt đến tại chùa bắt dẫn đi vào lúc 8 giờ đêm và từ đó đến nay biệt tích luôn.

Lúc đó, (1951) hòa thượng Giác Điền làm trụ trì ngôi Phước Lâm cổ tự. Đến năm 1956, hòa thượng về Gia Định lập chùa mới và giao ngôi Phước Lâm cổ tự cho hòa thượng Huệ Phương giữ gìn.

a) Cốt Bà trên núi bị thất lạc, 9 năm sau mới tìm lại được

Vào khoảng năm 1945-1946, quân đội Pháp trở lại miền Nam đem quân lên đóng tại tỉnh Tây Ninh. Một tiểu đoàn lính Lê Dương trấn đóng núi Điện Bà.

Trong tiểu đoàn đó, đa số là lính ô hợp, mang nhiều dòng máu, bản tánh ngang tàng, không biết đạo đức là gì.

Chúng nghi ngờ rằng các nhà sư lẩn tránh đi có chôn giấu vàng bạc trong các tượng Phật.

Do đó chúng rinh mấy tượng Phật thờ trong chùa Linh Sơn xuống lấy dao rạch bụng, rạch lưng kiếm vàng bạc, nhưng tìm chẳng gặp của cải chi, rốt cuộc chúng bỏ các tượng Phật nằm ngổn ngang giữa sân chùa.

Thời gian sau, đồng bào phật tử lên núi, thấy cảnh tượng ấy, ai cũng đau lòng.

Ngày lễ giáng sinh 25-12-1954, giáo sư Nguyễn Ngọc An và dược sư Phan Văn Trữ lên núi du ngoạn có chụp cảnh tượng ấy.

Trong lúc bọn lính Lê Dương hăng máu tham tàn, tìm không gặp vàng bạc, chúng ngỡ tượng Phật Bà Linh Sơn Thánh Mẫu là bằng vàng, chúng mới đem tượng Phật Bà xuống chợ Tây Ninh bán cho một chủ quán rượu.

Khi coi lại thì tượng Phật không phải bằng vàng, chúng liền gọi lại cho chủ quán.

Một thời gian khá lâu, chủ quán này mới biểu tặng lại cho ngôi chùa của bà dân biểu Tô Văn Qua.

Cốt Bà Linh Sơn thờ tại đây gần 9 năm mà không ai biết cứ tưởng là cốt Phật Bà Quan Thế Âm.

b) Lễ cung nghinh rước cốt Bà về núi

Ban quản trị núi Điện Bà và chư tăng trong chùa Linh Sơn hiệp lại cử ban đại diện đến gặp ông bà Tô Văn Qua để xin thỉnh cốt Bà về núi thờ nơi điện cũ. Ông bà Qua chấp thuận. Năm 1957, ban quản trị tổ chức một cuộc lễ nghinh cốt Bà Linh Sơn Thánh Mẫu về núi. Cuộc lễ cử hành trọng thể có đủ mặt thân hào nhân sĩ trong tỉnh. Bá tánh thập phương hay tin đến dự rất đông đảo. Đoàn xe hoa kết tụi dẫn đầu. Theo sau đủ các loại xe, quang cảnh náo nhiệt, tưng bừng.

Từ đó khách hành hương tới lui rộn rịp như hội hoa đăng, xe cộ chạy suốt ngày.

Dưới chân núi, đồng bào che trại buôn bán. Người chụp ảnh lưu động, rất đông đảo. Bốn năm liên tiếp như vậy, Điện Bà chẳng lúc nào vắng khách.

Ban quản trị thương lượng cùng chư sơn trên núi cung nghinh cốt Bà về thờ tại chùa Phước Lâm cổ tự cho đến ngày nay.

Lúc bấy giờ bác sĩ Nguyễn Văn Thọ làm chánh hội trưởng núi Bà Đen.

Qua năm 1964, ban quản trị hội núi Bà Đen giao trách nhiệm lại cho các nhà sư trông nom việc thờ cúng và các việc liên hệ, thay thế cho ban quản trị cũ.

Ban quản trị núi Bà Đen trụ sở tại Phước Lâm cổ tự :

1. Hội trưởng : hòa thượng Thích Giác Trí (trụ trì chùa Long Sơn)

2. Phó hội trưởng : hòa thượng Thích Huệ Phương (trụ trì chùa Phước Lâm)

3. Tổng thư ký : giáo thọ Thích Huệ Viên

4. Tổng thủ quỹ : Yết Ma (chùa Hồng Phước)

5. Kiểm soát tài chánh : Từ Văn Huề (cư sĩ)

6. Cố vấn : hòa thượng chùa Hạnh Lâm, hòa thượng chùa Hiệp Long, hòa thượng chùa Thiền Lâm, hòa thượng chùa Cẩm Phong, hòa thượng Giác Điền, và hai cư sĩ ông Nguyễn Văn Lực và ông Hồng Châu.

Từ ngày đảm trách chức vụ trong ban quản trị mới của núi Điện Bà, chư sư tích cực hoạt động để cửa thiền được

thêm rạng rỡ, để làm sáng danh thầy tổ, để bảo tồn di tích tỉnh nhà.

Cùng với thời gian, ngôi Phước Lâm cổ tự vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, đêm đêm tiếng mõ chuông kinh kệ đều đều, khói hương không dứt, đồng bào phật tử xa gần cũng thường tới lui chiêm ngưỡng Phật, Thánh, Tiên như thuở nào.

THIỀN LÂM CỔ TỰ

Nói về Phật giáo cổ truyền tại Tây Ninh, chúng tôi không thể quên được ngôi Thiền Lâm cổ tự có mặt ở đây trước hết. Rồi kể đến chùa Phước Lâm, Cổ Lâm, Long Sơn, Hạnh Lâm, chùa Quan Huế, Cao Sơn, Giác Ngạn v.v... Những ngôi chùa từ 100 năm trở đi, đều là phái Cổ Lục hòa tăng.

Ngôi Thiền Lâm cổ tọa lạc tại Xóm Chùa, ngày xưa vốn nép mình trong cảnh cô tịch, mà nay thì nhà cửa đều cất bên cạnh chùa san sát khá đông.

Ngôi chùa này, xưa do vị Yết Ma Lượng sáng lập trước các cảnh chùa ở Tây Ninh. Từ ấy đến nay, đã ngót 100 năm qua, ngài là vị tu hành gìn giữ giới luật nghiêm cẩn, được bốn đạo sùng kính xưng tụng là bậc cao tăng.

Khi ngài viên tịch, bốn đạo và các đệ tử thân tín thầy đều thương tiếc, đem nhục thể ngài vào chùa Thiền Lâm Gò Kén, lập bảo tháp để nhắc đến công ân ngài.

Ngôi Thiền Lâm tự thứ nhì ở Gò Kén ngày nay là do đệ tử của ngài là hòa thượng Giác Hải sáng lập.

Sau khi Yết Ma Lượng viên tịch, lần lượt các vị giáo thọ

khác kế tiếp trụ trì. Nhưng ngôi Thiền Lâm cổ tự dần dần có vẻ suy vi, quang cảnh phật tử đã thưa thớt, so ra không bằng được như khi ngài Yết Ma Lượng còn sống.

Nhìn chung quanh cảnh Thiền Lâm cổ tự ngày nay, chúng tôi không khỏi xót xa. Có lẽ do vắng bậc cao hạnh trọng nên chưa làm khởi sắc được một ngôi chùa.

CẨM PHONG TỰ TỤC DANH CHÙA QUAN HUẾ

Từ bao lâu nay, không ai là chẳng biết Tây Ninh vốn có rất nhiều ngôi cổ tự lừng danh.

Theo sự hiểu biết của chúng tôi, Tây Ninh ngày nay hãy còn di tích những ngôi chùa xưa đáng kể :

- Linh Sơn Tiên Thạch tự tức Điện Bà
- Thiền Lâm cổ tự
- Phước Lâm tự (Vĩnh Xuân)
- Long Sơn tự
- Hiệp Long tự
- Giác Ngạn tự
- Thiên Phước tự
- Hồng Phước tự
- Phước Lưu tự ở Trảng Bàng
- Cao Sơn tự
- Thiền Lâm tự (tục gọi là chùa Gò Kén) v.v...

Đó là những ngôi chùa xưa được đồng bào phật tử hằng lui tới chiêm bái, cúng dường. Lần lượt chúng tôi sẽ trình bày rõ từng ngôi Tam Bảo có tiếng.

Chúng tôi hằng lưu tâm tìm hiểu những di tích lịch sử

nước non nhà, để làm sống lại những nơi cổ kính trang nghiêm.

Trên đường viếng cảnh Tây Ninh, chúng tôi ghé qua ngôi Cẩm Phong tự tức chùa Quan Huế, chùa này nằm sát bên quốc lộ 22, phía trước mặt chùa là sông Vàm Cỏ Đông nước chảy lờ đờ, phía bên kia bờ sông là đồng ruộng bao la bát ngát. Thật là một cảnh nên thơ trầm lắng, đúng là nơi gửi thân của các bậc chân tu, chay lạt nâu sồng.

Cạnh hông chùa, cách đó 100 mét, ngày xưa là ụ Bến Thuyền của các quan đàng cừu. Ghe ô ghe lê thường đậu tại đó, nay người ta đã lấp để lập vườn trồng cây trái.

Hôm ấy, vào chiêm bái chùa Cẩm Phong, chúng tôi được vị trụ trì tại đây là hòa thượng Thích Thiện Lạc tiếp đãi ân cần. Chúng tôi kính cẩn bạch :

- Bạch hòa thượng, sự tích ngôi chùa này ra sao ? Ngưỡng mong hòa thượng trần thuật cho chúng tôi được rõ, ngỏ hầu ghi chép lại cho mọi người cùng biết.

Hòa thượng Thích Thiện Lạc năm nay (1972) đã 56 tuổi, trầm giọng thuật sự tích ngôi Cẩm Phong cổ tự :

- Thuở xưa, vùng đất này thuộc Nam triều, ở về địa phận phủ Tân Ninh, tổng Hàm Ninh Thuận, thôn Cầm Giàng, quận Phú Khương. Khi ấy đất đai hãy còn hoang vu, rừng cấm dày đặc, có nhiều thú dữ. Đường sá chưa được khai thông, lối đi vất vả. Phần nạn giặc Miên ở biên giới xuống cướp bóc quấy nhiễu, đồng bào dân chúng hết sức lầm than khổ sở. Quan địa phương dâng sớ về triều, tâu rõ tình hình.

Triều đình cử năm vị quan đang cưỡi vào Tây Ninh lo vấn hồi an ninh cho dân chúng. Năm vị quan triều phụng mạng vào Tây Ninh đảm đương nhiệm vụ. Một vị là tri phủ Huỳnh Công Giản, tục gọi là quan lớn Trà Vông, ông Huỳnh Công Nghệ, ông Huỳnh Công Thắng và hai vị nữa không rõ tên.

Sau khi nỗ lực vấn hồi an ninh, mưu phúc lợi cho dân chúng xong, một trong hai vị quan triều khuyết danh ấy, không muốn thấy cảnh chém giết nữa, chán bã lợi danh, bèn xin tu sĩ ở Cẩm Giang thôn đồn cây rừng, dọn phá một khoảnh đất nhỏ sát bờ sông Vàm Cỏ Đông cất một cái am lá nhỏ để tu hành, sớm tối chiều chuông, vui thú cảnh thiên nhiên. Dân chúng địa phương nghe danh vị quan tu hành như vậy, hết lòng mến mộ.

Trước ngôi chùa nhỏ của ngài, nêu rõ ba chữ Hán « Cẩm Phong tự ». Nhưng vì đồng bào địa phương tôn kính sùng mộ một vị quan triều ở ngoài Huế vào có đạo đức, chân tu, nên cùng nhau gọi tặng là chùa Quan Huế. Lâu ngày, tên « chùa Quan Huế » thành danh, lưu truyền để tiếng cho ngôi chùa Cẩm Giang cổ tự.

Quyền cao lộc cả mà chẳng tưởng màng, chay lạt nâu sồng lại riêng vui thích, đạo hạnh của các vị quan triều người miền Trung kia, thật xứng đáng với lòng ngưỡng mộ của đồng bào kêu gọi « chùa Quan Huế », mộc mạc mà biết bao ý vị đáng ghi đáng mến.

Hòa thượng trụ trì Thích Thiện Lạc, lại ân cần kể thêm cho chúng tôi biết những điều cảm khái.

Ngày xưa, mỗi đêm cạo thường vào trước sân chùa uống

nước đựng sẵn trong lu. Một hôm, nước đã cạn, các chú tiểu quên xách nước đổ vào. Cọp quen đến, thấy lu trống, gầm vang như có vẻ tức giận trách cứ, rồi hai chân ôm đập bể cái lu, nhưng tuyệt nhiên không làm hại đến những người trong chùa.

Lại một chuyện khác : mé trước chùa, dựa bờ sông có một cặp rần to có mồng, thường bữa cất tiếng gáy ghê rợn vào lúc bình minh và lúc hoàng hôn. Mà tuyệt nhiên cặp rần cũng không phá hại gì trong vùng. Sau này cây đa bị lở xuống sông, cặp rần cũng biến mất.

Quan Huế viên tịch, vị trụ trì nối tiếp thứ nhì là hòa thượng Phước Khánh Minh Lộc, sanh năm Mậu Ngọ, 1858, tịch năm Bính Ngọ, 1906, hưởng dương 49 tuổi.

Vị trụ trì thứ ba nối truyền đạo pháp, hoằng dương giáo lý nhà Phật là hòa thượng An Cửu, sinh năm Đinh Sửu 1877, tịch năm Đinh Hợi 1947, thọ 71 tuổi.

Vị kế tiếp hòa thượng An Cửu chính là hòa thượng Thiện Lạc. Năm 1947, chùa bị quân Cao Đài đến chiếm đóng, mãi đến năm 1955 mới trả lại. Từ đó đến nay vị trụ trì Thiện Lạc trì chí gìn giữ ngôi Tam Bảo Cẩm Phong càng ngày càng thêm khởi sắc, vẹn chữ tu hành.

Hòa thượng Thiện Lạc còn cho chúng tôi biết, ngôi chùa này ngày xưa có hạt lúa lạ thường, hình dạng bằng trái dừa khô. Rất tiếc lâu năm bị hư mục rồi mất dấu tích của người xưa.

Theo sự quan sát của chúng tôi, ngôi cổ tự tuy nhỏ nhưng rất ấm cúng. Trên chánh điện có một tiểu hồng chung ghi

năm Ất Tị 1905, do phật tử Trần Văn Tài và bà Võ Thị Y phụng cúng. Bên trên chánh điện lại có một tấm bảng xưa ghi năm Mậu Tuất 1898. Đó là vật xưa còn lưu lại.

Khảo sát quanh chùa, chúng tôi ngùi ngùi chiêm ngưỡng 3 ngọn tháp của các vị Tổ hiền ngang đứng vững bên hông chùa dầu dãi trơ gan cùng tuế nguyệt. Ấy là những di tích còn tồn tại với thời gian, gợi lại cho chúng tôi niềm cảm nhớ người xưa dầu đã khuất, mà công đức còn truyền.

Tính ra ngôi chùa Cẩm Phong, từ khi vị quan triều ở Huế khai sáng, truyền nối đến nay đã trên một thế kỷ. Ấy là một trong những ngôi chùa xưa nổi tiếng của đất Tây Ninh mà mọi người đều biết.

HIỆP LONG CỔ TỰ THUỘC PHÁI LỤC HÒA TĂNG

Chúng tôi theo dõi dấu chân của phái Lục Hòa Tăng tìm các ngôi chùa cổ của các giáo phái này.

Đây là ngôi Hiệp Long cổ tự đã thành lập trên một thế kỷ nay.

Vị tổ kiến tạo ngôi chùa này trước tiên, vì lâu đời, không ai rõ danh tánh. Chỉ biết có hai vị từ phương xa đến vùng rừng cấm tỉnh Tây Ninh để khai hoang rồi cất một am lá tu hành.

Một thời gian sau, hai vị sáng lập rời nơi này đi nơi khác. Lúc đó có một vị thứ ba, người ở Gia Định, pháp danh Chánh Tín (tục danh là ông Hùng) đến sửa sang cái am lá và cho lập ngôi.

Ông Hùng ở đây tu một thời gian khá lâu. Một hôm ông đại nguyện tự thiêu nhục thể vào năm Canh Thân nhằm ngày 19 tháng 2 năm 1920.

Người kế tiếp là vị Yết Ma Thích Thiện Tánh tự Hồng Mai đến trụ trì chùa này, sư Thiện Tánh đến Trảng Lớn tìm hài cốt của sư Chánh Tín (ông Hùng) đem về chùa thiêu lấy tro nhập tháp.

Sư Thiện Tánh ở đây ít lâu rồi viên tịch, kế các vị sư khác đến trụ, trải qua trên 10 lớp trụ trì, mỗi vị đến tu bổ thêm, nay cảnh chùa trở nên khang trang long lẫy.

Hiện chùa có năm nóc – cách thờ phượng cũng như các chùa cổ, không chi khác lạ.

Chùa có hai mẫu đất trồng cây bán để vào chùa làm lợi tức hàng tháng. Mỗi năm chùa có được 250 gạo lúa.

Ngày nay, sư trụ trì hiện tại là Yết Ma.

Sư xuất gia thuở thiếu niên, đến nay (1972) 65 tuổi, trường chay, đức hạnh được nhiều người cảm mến, hàng ngày lo việc tu hành.

Trên đây chúng tôi trình bày tóm lược sự tính ngôi Hiệp Long cổ tự, một trong những ngôi chùa xưa cổ trong tỉnh Tây Ninh, của tông phái Lục Hòa Tăng.

CAO SƠN CỔ TỰ TỤC DANH GÒ CHÙA PHƯỚC TRẠCH

Từ lâu, chùa Gò đã nổi tiếng là nơi cảnh trí thiên nhiên xinh đẹp.

Ngày lễ, ngày chủ nhật học sinh liên tỉnh thường đến đây

ngoạn cảnh, cắm trại nơi đây. Khách hành hương, người mộ đạo, đến viếng chùa đông đảo.

Cao Sơn tự tức Chùa Gò tọa lạc trên phần đất xã Phước Trạch, thuộc Hiếu Thiện (Gò Dầu Hạ). Từ thị xã Tây Ninh xuống đây trên 20 cây số. Theo quốc lộ 22 (hướng Tây Ninh trở lại Sài Gòn) chùa nằm trên một gò đất cao sát bờ sông Vàm Cỏ Đông, cây lá một màu xanh thắm, cảnh u tịch, trầm lắng, nên thơ.

Trước cổng chùa có một cây đa cổ thụ cành lá sum sê rợp bóng. Cây đa to này đã có từ mấy trăm năm án ngữ nơi này, de tàng ngả ngọn thướt tha như đón chào quý khách.

Từ dưới cổng chùa trông lên, một ngôi chùa nhỏ không kém uy nghi, đó là Cao Sơn tự, ngôi chùa đã có mặt từ lâu nơi vùng này lắm người nghe danh biết tiếng. Chùa tuy nhỏ nhưng không liệt vào hàng chùa cổ ở địa phương.

Theo các bô lão kể lại, chùa đã có từ thời xưa, trải qua bao thời gian hư hoại, sau này các vị tổ trong phái Cổ Sơn môn đứng ra lập lại nơi nền chùa cũ, vì quá lâu đời thất lạc, không còn dấu tích, kỷ vật gì để lại của người xưa nên không ai hiểu rõ, chính vị trụ trì hiện nay cũng không biết sự tích, chỉ nghe các vị niên trưởng kể lại đó thôi.

Chúng tôi đến tận nơi quan sát, chùa xây cửa về hai mặt, mặt tiền hướng về mé dưới sông, mặt hậu hướng về phía Gò Dầu Hạ.

Nơi chánh điện, tráng trí uy nghi, cột Phật sơn son thếp vàng. Phía sau, giữa nhà tổ thờ vị quan đàng cựa. Linh vị sơn son thếp vàng khắc bốn chữ « Cao Sơn Linh Vị ». Theo lời

thầy giáo thọ trụ trì Thích Huệ Thành kể cho chúng tôi nghe : Vị Đại thần này là một trong những vị ngày xưa chống Miên đem lại an ninh cho dân chúng ở Tây Ninh, lâu ngày không nhớ rõ danh tánh. Khi thầy giáo thọ đến nơi thì đã thấy Linh Vị có sẵn, do đó sư trụ trì không được biết tiểu sử của người được thờ.

Tìm hiểu qua nơi thờ phượng và sự tích ngôi chùa, chúng tôi quay gót trở ra rảo khắp chung quanh xem quang cảnh.

Có nhiều cây cổ thụ, đứng thẳng cao vọi, cành lá xanh tươi, bao quanh ngôi cổ tự làm tăng phần hùng vĩ của thiền môn.

Trước mặt chùa, một con sông xanh mang tên là sông Vàm Cỏ Đông êm đềm trôi chảy mãi. Đứng trước cảnh thiên nhiên lòng lâng lâng cảm nghĩ, có phải đây là Bồng Lai tiên cảnh ở giữa trần gian chăng ?

Đưa mắt nhìn theo phía bên bờ sông đất liền xa xa lối 3, 4 cây số, mờ mờ hiện giữa hàng cây xanh, một dãy nhà ngói đỏ, đó là hăng Vên Vên, nhà máy cao su của người Pháp xây dựng đã từ lâu.

Nhìn về phía sườn đồi cách đó lối 200 mét, một ngôi đình thần vừa tu bổ lộng lẫy, khang trang, đó là đình của xã Phước Trạch nằm trên cánh đồng nhỏ gần bờ sông.

Nơi đây, quả là cảnh đẹp thiên nhiên, quả là sơn thủy hữu tình dành cho khách du thưởng lãm.

Tao nhân mặc khách thường lui tới ngâm thi vịnh phú. Cũng có nhiều bạn trẻ đem đàn sáo đến đây hòa điệu với gió

mây.

Từ trước đến nay, tôi đã đi qua nhiều làng mạc xa xôi trên đất miền Nam, nhưng chưa gặp cảnh nào xinh đẹp nên thơ như cảnh chùa Gò. Phút suy tư nghĩ ngợi, lòng nhẹ nhàng trước cảnh cổ kính đã gieo vào lòng tôi niềm cảm xúc dạt lên mấy vần thơ lưu niệm :

CAO SƠN TỰ (TỨC GÒ CHÙA) CẢM TÁC

*Sông Vàm Cỏ, uốn khúc quanh co
Trông thấy « thiên môn trấn giữa » gò,
Trước cửa tàn cây mong lữ khách,
Sau chùa mây gió gợi hồn thơ.
Tiếng chuông nhắc nhở niềm thanh tịnh,
Giọng mõ dung hòa chuyện hữu vô.
Phước Trạch kỳ quan đây có phải,
Cao Sơn lưu thủy cảnh ai cho.*

Quanh chùa Cao Sơn, số cây to vẫn được bảo tồn nguyên vẹn cho đến nay không ai dám đốn phá. Khách hành hương cũng như người thích cảnh tịch liêu, thường lui tới viếng cảnh, viếng chùa.

Chùa Gò tức Cao Sơn tự quả là nơi thắng cảnh đáng kể trong tỉnh Tây Ninh.

CỔ LÂM TỰ XÃ THANH ĐIỀN

Chùa Cổ Lâm là ngôi chùa xưa nằm trên đất cao tại xã Thanh Điền, cách thị xã Tây Ninh 5 cây số.

Theo truyền thuyết : Ngôi chùa này trước kia của người

Miên xây cất. Sau người Miên rút đi và thiêu hủy ngôi chùa, chỉ còn cái nền cao. Giữa chùa, người Miên có xây cái tháp Sama, để cho bốn đạo đến cúng và bỏ vàng bạc vào tháp mà đập cất. Lúc bỏ đi, họ cũng bỏ luôn của cải.

Ít lâu sau, các đại lão hòa thượng mẫn chơn thanh tịnh, mới cất lại ngôi chùa mới trên nền cũ ấy. Dần dần truyền xuống nhiều đời, nhưng danh sách các vị tổ thất truyền không còn mấy ai nhớ rõ ra sao.

Vị Yết Ma trụ trì hiện nay là Thích Hoàng, cho chúng tôi biết : Ngài chỉ hiểu rõ từ năm 1936 trở đi, có vị Yết Ma Thích Thiện Huệ trông nom. Thiện Huệ tịch trong năm 1947. Vị kế tiếp là giáo thọ Thiện Từ. Nhưng chẳng bao lâu, Thiện Từ tịch vào năm 1949. Rồi đến Yết Ma Thích Hoàng truyền nối đến nay.

Ngài Thích Hoàng xuất gia từ thuở nhỏ, trường trai giới hanh, ngài biết chữa bệnh, ai có bệnh hoạn thường đến ngài. Tiếng đồn khắp nơi về tài chữa bệnh của ngài.

Ngoài ra, ngài Thích Hoàng vì cảm mến công đức của các vị tổ trước, nên chính ngài đã đứng ra trông coi xây cất hai ngôi tháp kỷ niệm.

Ngài Thích Hoàng còn kể cho chúng tôi biết thêm một vài huyền thoại về chùa Cổ Lâm.

a) Tìm mạch nước

Chùa nằm trên gò cao, chung quanh có nhiều đá sỏi, cây cối che phủ, bên ngoài là ruộng, không có nước. Một hôm, vị trụ trì khẩn nguyện Phật Trời nếu cho ngài ở đây lâu dài, xin

tìm được mạch nước để chùa sử dụng. Khẩn xong, vị trụ trì cầm cây nọc đi vòng theo hông chùa ra phía sau, cắm cọc trên một khoảnh đất gần đấy. Rồi các đạo trong chùa noi theo chỗ đánh dấu mà ra công đào xuống sâu chừng ba mét. Quả đúng là chỗ có mạch nước. Ai nấy rất mừng, Trời Phật gia hộ cho chùa có nước mà xài. Lòng thành của họ đã được đáp lại bằng một mạch nước trong lành.

b) Người Pháp đào nền chùa kiếm vàng bạc

Trong thời Pháp thuộc, quyền hành trong tay, họ muốn làm điều gì họ không ngần ngại san bằng tất cả, không đếm xỉa gì đến khi nhân dân oán trách, họ luôn hành động theo ý muốn.

Khoảng năm 1936-1937, người Pháp được một nhóm tay sai thông đồng hướng dẫn đến ngôi Cổ Lâm tự. Chúng ra lệnh cho nhân công đào xới phía trong nền chùa để kiếm đồ xưa, vàng bạc của người Miên chôn giấu. Mặc dù vị trụ trì hết sức ngăn cản xin họ đừng làm huyên náo chốn thiền môn, nhưng chúng chẳng để ý gì đến lời cầu xin của nhà sư, cứ hành động theo ý mình.

Đào sâu xuống lòng đất, trông thấy một số gạch cũ kỹ và những tảng đá màu đen sấp lổp, chúng cạy lên lấy được mấy vị Phật cổ và một ít vàng nén của người Miên. Chúng định đào ngay dưới nền chính điện, nhưng vị bổn đạo và vị trụ trì phen này quyết định phản đối, chúng mới ngưng tay.

Khi người Pháp trở lại xứ này lần thứ hai, chúng đến Tây Ninh lục soát các chùa chiền. Nơi nào chúng khả nghi đều

phóng hỏa đốt, không kể gì cửa thiền và tín ngưỡng. Khi phóng hỏa đốt ngôi chùa cháy gần hết, một viên sĩ quan Pháp bỏ quên cây súng trở lại lấy, bị ngọn lửa trong chùa phủ quanh, chết cháy luôn. Hẳn là gieo gió gặt bão.

Từ ngày ngôi chùa bị đốt, vị trụ trì và bốn đạo hiệp nhau cho xây cất lại ngôi chùa nhỏ thờ Phật, để kỷ niệm dấu cũ người xưa.

Ngôi chùa hiện nay thuộc về giáo hội Lục Hòa Tăng. Chùa tuy nhỏ nhưng cũng liệt vào hạng chùa cổ ở Tây Ninh.

Chùa Cổ Lâm sánh với chùa Gò ở xã Phước Trạch, cảnh dù chẳng đẹp bằng nhưng có nhiều giai thoại.

Tương truyền, khi xưa chúa Nguyễn Phúc Ánh cũng đã từng nấu thân tại cửa chùa Cổ Lâm và có đề thơ lưu niệm

CHÙA ÔNG PHƯỚC KIẾN

Ngôi chùa thờ Quan Thánh Đế Quân do những người Phước Kiến trong tỉnh Tây Ninh thiết lập hơn một thế kỷ nay. Chùa tọa lạc trên một khuôn viên rộng lớn sát lộ Trần Hưng Đạo.

Chùa kiến trúc theo lối cổ bên Tàu, mái ngói uốn cong có chạm tượng hình bằng đồ sứ trông vừa trang nghiêm vừa cổ kính. Toàn diện ngôi chùa cất bằng vật liệu bê-tông cốt sắt.

Ngôi chánh điện thờ Quan Thánh có nhiều câu liễn bằng chữ Hán.

Chùa rộng rãi, có nhà tiếp khách và trú phòng, cách xếp đặt rất trật tự.

Trước cửa chùa có vườn hoa đầy hương sắc và có hồ bán nguyệt rộng lớn trồng sen.

Bên ngoài có hai cổng vào và bức tường rộng lớn chạy dài theo quốc lộ chừng 60m.

TỪ LÂM TỰ (GÒ KÉN) : NƠI TIẾP CƠ KHAI ĐẠO CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN

Ở Tây Ninh, các giới tu hành, nhất là các tính đồ đạo Cao Đài đều biết chùa Từ Lâm tức là chùa Gò Kén.

Gò Kén vốn là một địa danh có từ xưa trong tỉnh Tây Ninh. Nơi đây có nhiều cây kén, lá xanh, có trái như quả hồng đào, nên tục danh là Gò Kén. Chùa Từ Lâm cất tại đây, nên tục gọi chùa Gò Kén.

Từ Lâm tự (Gò Kén) xây cất bằng gạch, lợp ngói, nằm cận quốc lộ 22, cách tỉnh lỵ Tây Ninh 6 cây số. Chùa nằm về phía bên mặt quốc lộ, hướng Tây Ninh về Sài Gòn.

Một con đường đá đỏ dài lối 200 thước đưa du khách từ ngã rẽ quốc lộ vào đến chùa. Hai bên đường có cây che mát lối đi.

Chùa có hàng rào và cổng xây bằng gạch. Trên cổng có tấm bảng ghi ba chữ lớn tên chùa.

Chính hòa thượng Giác Hải Từ Phong đã hiệp cùng bốn đạo đến tại Gò Kén thành lập ngôi Từ Lâm tự, cách nay lối năm mươi năm. Hòa thượng Giác Hải vốn đã có ngôi tổ đình ở Phú Lâm Chợ Lớn. Sở dĩ ngài thành lập chùa Từ Lâm là để được ở gần cảnh núi non, còn chùa ở Phú Lâm thường giao

đệ tử coi sóc.

Chùa xây trên nền khá cao, khá đẹp. Cuộc đất của chùa rộng lối 4 mẫu. Chia ra hai mẫu dùng làm nghĩa địa, hai mẫu trong phạm vi chùa có vườn. Quanh chùa có trồng nhiều cây long nhãn, cành lá sum sê.

Chánh điện có 6 nóc. Hai bên có đông lang và tây lang. Cách thờ phượng trong chùa gồm đủ cả, ngôi thứ phân minh. Chánh điện thờ đức A-Di-Đà, Quan Âm, Thế Chí ở bên trên. Tầng dưới thờ Thích Ca, Ca-Diếp, A-Nan.

Hai bên vách có Thập Bát La Hán, Đạt Ma Tổ sư, Địa Tạng và bày rõ cảnh Thập điện.

Ngay giữa chùa có tượng Tiêu Diện đại sĩ đứng ngó ra, đối diện là tượng Hộ Pháp Già Lâm. Trước bên Hộ Pháp còn có thờ đức Ngọc Hoàng ngồi giữa, Nam Tào và Bắc Đẩu hai bên.

Ngoài ra, chùa còn có một cái trống sấm và một đại hồng chung rất xưa, trên 50 năm.

Trước sân chùa có hai bảo tháp. Tháp bên tả là của tổ sư Yết Ma Lượng lấy cốt ở Thiền Lâm cổ tự đem về an vị nơi tháp năm 1925. Tháp bên hữu là của hòa thượng Giác Hải, an vị năm 1939.

Chùa Từ Lâm này đã có lúc là nơi tiếp cơ khai đạo Cao Đài. Nguyên khoảng đầu tháng 10 âm lịch năm Bính Dần 1926, ông Quỳnh Cư đứng ra lo liệu việc mở mang nền Đại đạo Tam kỳ phổ độ. Ông Cư tiếp xúc với hòa thượng Giác Hải, hỏi mượn chùa Từ Lâm, tạm làm nơi khai đạo đầu tiên.

Đôi bên thỏa thuận cho mượn chùa trong ba tháng, kể từ rằm tháng mười năm Bính Dần (1926) đến rằm tháng giêng năm Đinh Mão (1927). Sau đó (trễ kỳ hạn hơn một tháng), hội thánh Cao Đài tìm được cuộc đất ở Tây Ninh để xây Thánh thất giao trả lại chùa như cũ.

Khoảng năm Mậu Dần 1938, hòa thượng Giác Hải 75 tuổi viên tịch. Vị nối tiếp làm trụ trì là hòa thượng Thích Thuần Hòa.

Từ năm 1946, quân Pháp trở lại, chiếm Tây Ninh, chúng vô phá chùa, khủng bố các nhà sư. Và vào thời kỳ ấy, chùa cũng bị cướp nhiều lần vì vị trí cảnh chùa tọa lạc nơi vắng vẻ.

Khi chuẩn bị biên khảo quyển Tây Ninh này, chúng tôi thân đến viếng chùa trong khoảng tháng 11 năm 1971, chùa đang được sửa sang lại. Chúng tôi ước mong ngày gần đây, chùa Từ Lâm (Gò Kén) sẽ tăng vẻ mỹ quan, được du khách và phật tử bốn phương nô nức đến chiêm ngưỡng.

Điều đáng tán thưởng : hòa thượng Giác Hải được chư sơn đại lão hòa thượng tôn là « Tổ sư Nam kỳ tiền tổ, tông phái Cổ sơn môn ».

Lại nữa, đạo Cao Đài bắt nguồn khởi thủy từ chùa Từ Lâm ở Gò Kén này, về sau mới do linh thiêng liêng chọn vị trí xây cất tòa thánh đại đạo như chúng ta thấy ngày nay. Do đó, hầu hết tín đồ Cao Đài đều biết ngôi Từ Lâm tự Gò Kén, nơi thiêng liêng trong buổi đầu khai đại đạo Tam kỳ phổ độ. Nhà thơ Huệ Phong có làm một bài thơ vịnh cảnh chùa dưới đây.

VỊNH CẢNH TỪ LÂM

*Từ Lân Gò Kén mắt vui trông
Trước lộ sau kinh ruộng giáp vòng.
Cửa tịnh chuông tan niềm lục luy.
Gió thanh dương trỗi nhạc hư không.
Chính nơi Từ phụ khai chơn giáo.
Tuyển bậc hương sanh lập đại đồng
Phật Tự xưa kia hình thành thất,
Cảnh này còn mãi với non sông.*

Chúng tôi xin kết thúc về các ngôi chùa ở đây. Nhận thấy phần đông Phật giáo Tây Ninh từ xưa tới nay có hai phái : Cổ Sơn Môn và phái Lục Hòa Tăng thịnh hành nhất.

Phật giáo Thống Nhất ở tỉnh này rất ít, không bành trướng mạnh như các nơi.

Các tịnh xá khất sĩ cũng như chùa Tịnh độ cư sĩ cũng có mặt ở đây, nhưng số tín đồ không nhiều. Ở đây cũng còn rất nhiều ngôi chùa cổ kính hơn nữa, nhưng rất tiếc chúng tôi không thể viết qua cho đầy đủ.

ĐÌNH THÁI BÌNH

Một trong những ngôi đình cổ ở Tây Ninh lắm người nghe danh biết tiếng đó là ngôi đình Hiệp Ninh và Thái Bình. Những phật tử, những ai có tâm hồn, nặng lòng luyện cảnh tôn nghiêm thờ phượng, khi đi viếng đình chùa miếu vò ở Tây Ninh, ắt không thể quên được phong cảnh đình Thái Bình trầm vẻ gợi lòng cảm cựu.

Đình Thái Bình tọa lạc trên xã Thái Hiệp Thạnh, châu thành Tây Ninh. Ngôi đình kiến trúc tính ra đã trên 100 năm

dày dạn gió sương, từ thuở Tây Ninh còn sầm uất hoang vu, núi rừng bao phủ cho đến nay vẫn vươn mình ngạo nghễ với thời đại cơ khí tân tiến mà sắc thái hùng vĩ còn biểu dương đầy sinh lực.

Nép mình bên khung cảnh tịch mịch thanh u, ngôi đình chiếm một chu vi rộng lớn. Bên trong có những hàng bao lơn, hoành phi, biển liễn, chạm trổ sơn son thếp vàng lộng lẫy. Nghi thức thờ phượng rất trang trọng. Chánh điện thờ thành hoàng bốn cảnh, có sắc phong dưới trều Bảo Đại. Hai bên trần thiết những hàng lổ bộ, trông thật oai vệ. Cách trang trí vừa nhã vừa nghiêm hiệp với phong quang vừa trầm lặng vừa hùng tráng, làm nổi bật nét độc đáo, để vượt hơn nhiều ngôi đình cổ kính khác trên lãnh thổ nước nhà.

Sắc thần được trân trọng cất giữ tại công sở Thái Hiệp Thạnh. Đến giai tiết đáo lệ kỳ yên, sắc thần được long trọng cung thỉnh về đình cúng tế, rồi thỉnh trở lại chỗ cũ để bảo tồn cực kỳ thành kính.

Hằng năm, ngày thỉnh sắc thần và cúng tế tại đình là ngày 16 tháng 11 âm lịch. Rồi mỗi ba năm có một lần tổ chức hát chầu.

Theo các bô lão kể lại, sở dĩ dâng lễ cúng trong khoảng tháng 11 âm lịch, vì tháng này nhà nông ruộng gặt hái xong cả, nên đem hoa màu gồm gạo, nếp xôi làm bánh dâng cúng linh thần trước tỏ lòng biết ơn che chở hộ trì cho phong đăng hoà cốc, rồi sau mới đem bán và lưu lại một ít chi dụng trong gia đình. Hầu hết dân chúng đều tỏ ra rất tôn sùng vị thành hoàng bốn cảnh. Vì thế, các bậc tiền hiền ở xã này mới chọn

ngày trung tuần trong tháng 11 âm lịch hàng năm là dụng ý tạ ơn linh thần bảo vệ mùa màng.

Những lúc trong đình tổ chức kỳ yên, dân làng tham gia đông đảo, những người sinh quán ở đây đi làm ăn tha phương ngày ấy cũng trở về với tất cả lòng thành vì thế mà lễ cúng nào cũng có mặt tất cả.

ĐÌNH HIỆP NINH

Chúng tôi đã nói đến đình Thái Bình, tự nhiên không khỏi nghĩ ngay đến ngôi đình Hiệp Ninh cũng là một ngôi đình đáng kể. Đây cũng là một ngôi đình cổ kính mang màu sắc Á Đông, có tiếng nhất nhì trong tỉnh Tây Ninh.

Đình nằm bên trong quốc lộ 22, phía ngoài là trường Trung học Tây Ninh. Trước đường vào đình, bên ngoài có xây một cửa ngõ khang trang theo lối cổ giống như cửa lăng tẩm đền đài ngoài Huế. Từ cửa ngõ đi vào đình, chừng 100 thước.

Nhận xét toàn diện, ngôi đình có vẻ uy nghi lộng lẫy. Ngay mặt tiền đình, hai bên có lầu chuông và lầu trống. Giữa nóc đình, kiến trúc quá quy mô độc đáo, vượt cao hơn lầu chuông trên 2 mét.

Nền đình cao ráo. Tường xây vôi vọi, trang trí rõ ràng. Một ngày nắng hanh vàng, chúng tôi thân đến viếng cảnh đình Hiệp Ninh. Trước sự niềm nở của ông từ ở đây, chúng tôi cảm động. Theo gót hướng dẫn của người trông nom ngôi đình, chúng tôi lần lượt quan chiêm khắp nơi. Kìa là những tấm hoành, biển, liễn đối thật sắc sảo nét bút tung hoành hực hỡ vàng son tô điểm, chạm trổ tinh vi tuyệt tác.

Kia là dàn bao lan và tất cả đồ vật trang trí nơi đình toàn là đồ đắt giá. Ước tính theo giá biểu tiền tệ hiện thời phải hàng 4, 5 triệu bạc chưa ắt xây dựng nổi. Có thể nói ít có ngôi đình nào được như đình Hiệp Ninh. Chúng tôi có cảm tưởng Hương chức làng Hiệp Ninh có tinh thần tồn cổ, mới tạo nên những khung cảnh công phu đến thế.

Dời bước thẳng ra phía sau, ngắm nhìn toà nhà Võ ca rộng lớn, ai chẳng tấm tắc khen thắm sự sắp đặt rất có quy củ, lớn lao. Đó là nhà để tiếp khách, mỗi khi đáo lệ kỳ yên hương chức trong làng và dân chúng đến đây tham dự, và cũng là chỗ tiếp tân.

Lễ kỳ yên được tổ chức hằng năm vào ngày 16 tháng 3 âm lịch. Ấy là tiểu lệ. Còn mỗi 3 năm thì hát bộ cúng thần, là đại lệ. Đình thờ vị thành hoàng bốn cảnh.

Đã quan sát và hiểu qua tục lệ ngày cúng của ngôi đình cổ kính này, chúng tôi kiếu từ ra về, nhìn bên hông đình, phía tay mặt, có một ký túc xá. Phía hông trái là một dãy trường tiểu học cộng đồng.

Chúng tôi đã sưu tầm được một bức ảnh đình Hiệp Ninh cách nay 60 năm do nhà nhiếp ảnh Nordal chụp, bức ảnh này đã nói lên tinh thần tồn cổ của tác giả lúc nào cũng hoài bão đến cảnh cũ người xưa.

ĐÌNH THẠNH ĐỨC

Ngôi đình thần làng Thạnh Đức, quận Hiếu Thiện nằm phía bên trái quốc lộ 22, hướng từ dưới quận đi lên. Có một con đường đá đỏ, từ ngoài lộ tráng nhựa đưa đến sân đình.

Con đường này dài lối 600 thước.

Hai bên đường, có nhiều cây cổ thụ giao đầu phủ lá, tàn cao, bóng mát, phong cảnh nên thơ. Vô đến nơi đăm mắt nhìn địa cuộc. Đình cất trên nền đất cao, vách tường, lợp ngói. Đình nằm giữa một cánh rừng rộng lối một mẫu. Chung quanh, có nhiều cây to bóng mát rợp cả sân, chim chóc thường quy tụ về đây làm tổ.

Cảnh này rất thiên nhiên, thanh tịnh, phải là nơi ngự trị của vị thần hoàng bốn cảnh.

Chúng tôi được sự hướng dẫn của quý ông Nguyễn Văn Quân, ông Nguyễn Minh Viễn và ông Đoàn Văn Lập. Cùng đi với chúng tôi, có hai nhà thơ ở Tây Ninh ; là bạn Linh Hữu và bạn Thái Phong.

Sau khi quan sát cảnh vật bên ngoài, chúng tôi, tất cả 6 người, vào đình chiêm ngưỡng thần linh.

Bên trong đình nơi bàn thờ chánh thờ Thần Hoàng Bốn Cảnh, có 4 con hạt đứng giao đầu. Hai bên hông đình, có hai bàn thờ tả ban và hữu ban. Cách thờ phượng rất trang nghiêm ẩm cúng.

Chiêm bái xong chúng tôi trở ra ngoài đến hai cái miếu nhỏ trước sân, một bên thờ bà chúa xứ và thần hổ.

Theo lời ông Quân kể cho chúng tôi biết, vị thần hoàng bốn cảnh đình này huý danh Nguyễn Văn Lực, người có công giúp vua giúp nước. Lòng trung nghĩa của ông, khắp vùng ai cũng biết, đến khi thác được phong thần, nhân dân phụng tự lửa hương.

Từ xưa đến nay, trong làng ai ai cũng kính sợ oai linh của vị thần hoàng bốn cảnh.

Đứng trước cảnh trang nghiêm của ngôi đình, bạn Linh Hữu có làm bài thơ sau đây :

ĐÌNH THẠNH ĐỨC CẢM TÁC

*Giữa cảnh thiên nhiên ngự một toà
Đình làng Thạnh Đức rộng bao la
Rừng cây che mái hoà như thế
Rạch cỏ lưu thông ánh nguyệt tà
Nhân kiệt xưa còn lưu dấu tích
Địa linh nay mãi gọi tâm ta
Đất thiêng vẫn giữ màu sông núi
Tình thấm quê hương về mận mà.*

ĐÌNH GIA LỘC (QUẬN TRẢNG BÀNG)

Từ xưa tới nay, những bậc trung can nghĩa khí, có tinh thần lo nước thương dân, hy sinh thân mạng bảo vệ non sông, mưu hạnh phúc cho giống nòi, khi mất thường được phong thần, nhân dân lập miếu cất đình khói hương phụng tự, sùng kính muôn đời, ghi nhớ công ơn người trung liệt.

Khắp trên giang san đất nước, đâu đâu cũng có những ngôi đình thờ vị thần hoàng bốn cảnh, dưới sự chăm nom của hương chức làng sở tại.

Nơi quận Trảng Bàng trước kia, thuộc tỉnh Tây Ninh, ngày xưa có hai ngôi đình tiếng tăm nhất, đó là đình thần An Tịnh và đình Gia Lộc. Oai linh của vị thành hoàng bốn cảnh hai nơi này rất là linh hiển.

Nhân dịp chúng tôi đến Trảng Bàng, theo gót ông chánh tổng Lê Văn Dài và giáo sư Nguyễn Ngọc An đến viếng ngôi đình thần xã Gia Lộc, được quan chiêm một nơi di tích đáng ngợi, lòng chúng tôi cảm động khôn cùng. Hiểu qua sự tích tôn thần sở tại, chúng tôi xin ghi chép, lưu truyền.

Đình thần xã Gia Lộc cách chợ Trảng Bàng chừng một cây số. Vị trí đứng trên một giồng đất cao ráo, chung quanh có nhiều cây cổ thụ.

Đình cổ kính năm nóc Khang trang lộng lẫy. Những cột đình làm bằng cây danh mộc. Hai bên vách tường, nền đúc cao. Gian giữa trần thiết một hương án chạm trổ sơn son thếp vàng hực hỡ. Đây là bàn thờ tôn thần. Hai bên vách thờ tả ban và hữu ban trông rất uy nghi cổ kính.

Ngôi đình chiếm riêng một vùng thanh u tịch mịch, day mặt ra một cánh đồng xanh ngắt. Cảnh trí rất nên thơ huyền ảo, là nơi ngự trị của vị thành hoàng bốn cảnh làng Gia Lộc.

Ngôi đình đã có trên thế kỷ nay. Từ trước đến giờ được sửa sang lại nhiều lần, nay càng thêm khởi sắc.

a) Huyền thoại đình thần bị đốt

Năm 1948, ngôi đình bị một số người địa phương định đến thiêu huỷ. Nhưng đốt hoài không cháy. Chúng tức giận đổ xăng châm bồi thêm, cố đốt cho cháy rụi. Nào hay lửa phừng lên cao thì tự nhiên có luồng gió lạ đâu thổi tạt ra ngoài, nên đình thoát cảnh lửa thiêu.

Và còn biết bao chuyện huyền thoại xảy ra nơi đình nữa. Chẳng hạn như cây cối chung quanh đình, nếu có kẻ nào

ngang nhiên đến đốn, lập tức bị cảnh cáo ngay, bằng cách khiến cho họ kẹt cứng lưỡi cưa, lưỡi búa, không thể nào cốt ngả cây cho được. Do đó họ phải vỡ mặt kinh hồn, vội đem nhang đèn cúng vái tạ lỗi, mới được ra về an toàn. Từ đó về sau, không một ai còn dám nghinh ngang xâm phạm của đình.

b) Vị thành hoàng phò hộ ban hộ hương đình

Mỗi năm vào ngày 14, rằm 16 tháng 3 âm lịch, tại xã có tổ chức lễ kỳ yên, hát cúng 3 thứ. Thứ nào cũng được đầy đủ và có phần dư dả, mặc dù đời sống dân chúng bị nghèo nàn, tiền bạc kém hơn trong lúc bình thường.

Dân chúng trong làng càng tin tưởng nơi sự oai linh của vị thành hoàng đình Gia Lộc như một thần tượng.

c) Truyền thuyết thần phật anh thợ mộc

Câu chuyện đã được truyền tụng từ lâu năm. Thuở đó, ban hộ hương đình có kêu anh thợ mộc tên Võ Văn Nhàn đem dụng cụ đến đình, để lo cất rạp làm lễ cúng thần. Nhưng ban hương đình năm nay tổ chức trễ một ngày thay vì ngày mùng 8, anh thợ Nhàn đến trước để được sự chỉ bảo của hương chức đặt cất rạp, anh đến chờ không thấy ai cả, tức giận cắn nhẫn đủ thứ, mang đồ vật về nhà. Chẳng dè vừa về tới nhà, anh bỗng cảm thấy đau nhói nơi ngực như có ai dấn. Anh nhào lộn rên la, rồi bỗng khai khẩu nói to :

Tôi lỡ xúc phạm cúi xin tôn thần tha thứ.

Chòm xóm nghe kêu vang, tá hoả hiểu ra anh thợ Nhàn

đã bị thần Gia Lộc hành phạt. Có người biết chuyện, chạy ngay đến nhà ông chánh tổng trình bày tự sự nhờ ông đến mở cửa đình, xin tội giùm.

Giữa lúc khẩn vái tại đình, anh thợ mộc Nhàn tỉnh dậy nơi nhà khoẻ khoắn như thường. Anh biết mình nói lỡ lời xúc phạm, nên bị thần linh quở trách. Anh nguyện đến đình tạ tội và từ đây về sau lo tròn phận sự công quả cho đình trong mấy ngày tế lễ.

Câu chuyện này được truyền trong một thời gian, đồng bào quận Trảng Bàng có nghe biết nhiều.

Trên tinh thần vô tư của nhà cầm bút, chúng tôi không hề thần thánh hoá hay đề cao nơi một địa phương nào cả, cốt ghi lại những lời của các bô lão nói cũng như các vị có uy tín ở địa phương đã kể cho chúng tôi nghe. Vả chăng, chúng tôi đã thân hành đến tận nơi quan sát, nghe qua nhiều tiếng chuông, hầu hiển quý bạn đọc hiểu qua ngôi đình xã Gia Lộc. Vị thành hoàng ở xã này chính là ông xã Đặng Văn Trước, một bậc tiền hiền dày công khai hoang lập ấp, cất chợ, đào kinh, di dân đến ở. Sau này đến vua Bảo Đại mới có sắc phong cho là thần hoàng đình Gia Lộc, chớ trước kia đình này không có sắc.

Hiện nay, hương chức hội tề làng Gia Lộc, đến lệ kỳ yên cúng thần, đều tổ chức đúng theo nghi lễ cổ truyền, giống như các ngôi đình ở miền Trung vậy.

THIÊN CHÚA GIÁO NGÀY XƯA VỚI HỌ ĐẠO THA LA TRƯỚC TIÊN

Cây có cội, nước có nguồn bủa khắp rạch sông, nói đến Thiên chúa giáo ở Tây Ninh, trước hết phải nhắc tới họ đạo Tha La trước tiên, rồi mới tới Tây Ninh, xuyên qua những tài liệu tham khảo và sự kiện diễn tiến như sau :

Theo sử chép dưới triều vua Minh Mạng 1820-1840, ở miền Nam, đất Gia Định Lê Văn Khôi nổi lên chống triều đình Huế, vì vua Minh Mạng đã cho quật mồ dưỡng phụ ông là quan tả quân Lê Văn Duyệt. Triều đình nghi ngờ người công giáo liên kết với nhóm Lê Văn Khôi, nên ra lệnh áp dụng sắc chỉ cấm đạo gắt gao hơn trước và tàn sát giáo dân, đốt phá nhà cửa, tu viện...

Người giữ đạo Thiên chúa thời bấy giờ phải lẫn tránh quan quân của triều đình. Nên ông Côximô Nguyễn Văn Trí là người đạo, đã từ Huế trốn vào Nam trải qua nhiều cam go, ông đi lần đến Tha La và dừng chân nơi đây. Lúc bấy giờ Tha La hãy còn là nơi hoang vắng, sinh lầy, nhà thưa người ít, nhưng Côximô Nguyễn Văn Trí đã quy tụ được một nhóm người gồm có : ông Ngươn (Bàu Nâu), ông Hiệp (Rạch Thiên), ông huyện Viên, ông Tròn, ông Trĩa, ông Rầy, ông Ruộng, ông phó Dầu, ông Hương Quả (Lộc Giang), ông tổng Phương, ông tổng Long, ở Bãi Sau, trong số này có người sốt sắng, kẻ thì nguội lạnh. Ông phó Dầu và ông Hương Quả người bên Lương nên có liên hệ với gia đình ông huyện Viên.

a) Tổ chức cuộc sống

Ông Côximô Trí đã chia ra thành từng nhóm, mỗi nhóm vài ba gia đình ở cách xa nhau. Ra công khai phá đất hoang để trồng tía sinh sống và cố che mắt quan quân ở địa

phương, và cũng đồng thời tổ chức những buổi đọc kinh chung, địa điểm luôn luôn được thay đổi, khi thì tụ họp nhau ở Lò Mo¹¹, khi ở Trường Đà.

Thời bấy giờ các giáo dân muốn lãnh nhận các phép « bí tích » phải di chuyển trên đoạn đường dài hàng bốn năm chục cây số, xuyên qua rừng rậm đến Lái Thiêu hoặc Chợ Quán, có nhiều nơi công giáo chết dọc đường vì nạn thú dữ.

Mãi đến năm 1840, nhờ lời mời của ông Côximô Trí, thỉnh thoảng được các Cha từ những họ đạo khác, nhân tiện di chuyển tạm dừng chân nơi họ đạo Tha La làm phúc cho các tính hữu ở đây.

- Cha Hiếu, cha Tam, cha Lợi và cha Pernot...

- Côximô Trí là người đã sáng lập họ đạo Tha La.

Ai có dịp lên Trảng Bàng vô thăm xóm đạo Tha La mới thấy sự kiến trúc đồ sộ lớn lao của họ đạo này.

Ngược dòng thời gian, dưới triều vua Tự Đức, sắc dụ 1859 ban hành nhằm nghiên cứu gặt gao các công cuộc truyền giáo. Vì là chức việc cao của một họ Đạo, nên ông : Côximô Trí, ông Thế, ông Long mới bị bắt cầm tù, phần vì tuổi cao sức yếu không đủ sức chịu đựng nên ông Côximô Trí đã trút hơi thở tại ngục lạnh (1860). Thế xác được mang về an tang tại thánh địa Tha La.

Trên bia mộ người quá cố có ghi lại những dòng chữ. Côximô Trí hản nằm nơi đây.

Công đức cao dày, bia tạc nay

Sáng tạo Tha La đà rõ mặt.

*Quý quyền câu Họ lãnh đầu tay
Ghe phen tù rạc, vì danh chúa,
Nhiều nỗi khổ hình bởi đạo ngay.*

Tạ thế canh thân (1860) nơi khám thất.

Côximô Trí mất, còn một số giáo dân bị bắt cho đến Pháp chiếm Sài Gòn mới được thả ra.

b) Tha La trải qua nhiều giai đoạn

Từ ngày Côximô Trí mất, với vị linh mục đầu tiên, họ đạo này có vị linh mục Besombes (Hạnh) là vị linh mục đầu tiên đến trấn nhậm họ đạo Tha La từ năm 1860-1863. Lúc bấy giờ giáo dân rất ít, độ chừng vài chục gia đình cư ngụ rải rác. Nhưng tất cả cố gắng dựng lên một nhà tranh vách lá tại trung tâm Lò Mo và Trường Đà để làm nơi thờ phượng chúa.

Năm 1863 nơi đây xảy ra những vụ xung đột với người địa phương thành ra họ đạo bị đốt phá, nhà cửa của giáo dân cũng bị ảnh hưởng lây, do sự bất đồng chánh kiến giữa Lương và Giáo.

Năm 1863-1865, cha Erratcy, đến Tha La thế cha Besombes (Hạnh). Nhà thờ được tạo dựng lại cùng lúc với nhà cha sở bằng vật liệu đơn sơ.

Năm 1865-1867, cha Diệu thay cha Erratcy cho đến tháng 11 năm 1868 cha Vincent (Son) thay cha Erratcy. Lúc bấy giờ họ đạo Tha La số tân tòng ngày càng phát triển mạnh. Kế cha Phụng thay Vincent (Son) vào khoảng tháng 9 năm 1870 : họ đạo Tha La tạo dựng một ngôi trường khuyến khích con em trong xóm học tập. Mãi đến năm 1874 mới giao

lại cho Dì.

LẬP HỌ ĐẠO MỚI TẠI TÂY NINH

Tỉnh lỵ Tây Ninh được thành họ đạo do cha Simon (Sĩ) từ họ đạo Tha La lên lập vào năm 1878-1881, lập xong họ đạo mới Tây Ninh cha Creusot (Nghiêm thay) 9 tháng sau cha Creusot (Nghiêm) đi Bàu Tre, cha Lallement (Liễu) đến thế.

Năm tháng sau cha Haman (Tài) thế cha Lallement (Liễu), qua sự diễn biến của họ đạo Tha La từ trước tới nay rất nhiều vị đến thay thế, mỗi vị ở từ 6 tháng tới 1 năm, 3 năm tới 5 năm. Mỗi vị đến đều tích cực, tu bổ, kiến thiết, xây dựng... kêu gọi lòng háo nghĩa của giáo dân nhiệt thành ủng hộ. Mỗi lần có thay đổi các cha mới, thì họ đạo sẽ tiến thêm lên một bước khá dài nữa trong xây dựng. Kể từ 1881 trở đi, cha Laurent (Bính) đứng ra xây cất lại giáo đường thời ấy với số tiền 3.950đ ròng rã gần 3 năm mới hoàn thành ngôi thánh đường.

Năm 1888-1891, cha Trison (Hoàng) thay thế cha Laurent (Bính). Cha Hoàng đến mở mang khai thác đất đai, phá rừng, làm rẫy, lo đời sống, rồi từ đó đến lập họ đạo Rạch Gốc và Rạch Thiên.

Năm 1891-1899, cha Quang thay thế cha Frison (Hoàng), đến năm 1894 toà giám mục bổ nhiệm cha Truyền và Toàn đến mở mang họ đạo Tân Hoà và Rạch Thiên.

Năm 1897-1899, cha Masseron (Rồng) thay cha Truyền đến Tha La. Cha Masseron (Rồng) cho khai khẩn đất Nàng Gành, cất thêm trường, củng cố họ Tân Hoà lập nhánh Lương

Hoà. Năm 1907, cha Masseron (Rồng) đổi đi họ đạo Phan Thiết. Cha Du đến trấn nhậm từ 1909. Cha bệnh nặng đi điều trị ở Hongkong. Cha Cơ đến thế. Năm 1910, cha Quinton (Tôn) đến Tha La, lập hội Đức Bà, hội Bà Thánh Anna...

Ngày 19-4-1913 Cha Quinton (Tôn) được vinh thăng chức Giám mục, đảm trách địa phận Sài Gòn.

Năm 1913-1916 cha David thay cha Quinton.

Năm 1916-1919, cha Thắng thay cha David, cha này đến lo phát triển kinh tế, xuất vốn trồng mía ở Hiệp Hoà bị nước ngập lụt thất bại ra đi.

Năm 1818-1948 cha Tông đến thế, gây dựng cho nhà thờ Tha La thêm 2 căn và dời trường học qua bên kia đường làm nhiều công ích cho họ đạo ở đây, phụ tá cha Tông có quý cha Lễ, cha Lộc, cha Thadee (Tích) cha Nguyễn Bá Kính.

Năm 1944 cha Kính rời nhà Mỹ Khánh ra gần mặt đường số 7 xây cất cho giáo dân Trung Lập một nhà thờ. Năm 1945, nhà thờ bị thiêu huỷ. Năm 1946 cha Kính tham gia chống Pháp.

a) Cha Vui đến họ đạo Tha La

Năm 1957, vâng lệnh bề trên, cha Gioan Baotixita Hồ Văn Vui đến trấn nhậm họ đạo Tha La, thay cha Phêrô Thái. Đến Tha La đúng một tháng người được lệnh cử đi Thủ Đức, nhưng rồi lại ngưng.

b) Công cuộc kiến tạo tại Tha La

Nhằm kiến tạo cho họ đạo Tha La được sung túc, cha đã

nỗ lực xây dựng. Việc trước tiên cha cho khởi công xây vách thành chung quanh nhà thờ, nối rộng 2 căn nhà phía bên trên cung thành, chặt bỏ bớt hàng ba trước nhà thờ vì quá rộng để lấy đá dư ra xây núi Đức Mẹ. Để có chỗ tiếp nhận thêm học sinh càng ngày càng đông, cha cho xây cất thêm lớp học, xây cất hội quán dùng làm nơi hội họp cho ban Quới chức.

Nhằm mục đích tạo cho Tha La ngày thêm trù mật, người dự định thành lập chợ, xây cất nhà phố cho những gia đình nghèo mượn với giá rẻ để trú ngụ và buôn bán sinh sống.

Công tác đang xúc tiến khả quan, thì vào một chiều nọ, cha nhận được tin báo từ Sài Gòn gửi về và cha âm thầm ra đi.

Cha Gioan B. đến thay thế và tổ chức lễ khánh thành núi Đức Mẹ và tiếp tục con đường của cha Vui xây dựng.

Ngoài ra, cha Gioan B. tổ chức lễ rước tượng Đức Mẹ rất long trọng. Tượng Đức Mẹ chuộc từ Sài Gòn kiệu về Trảng Bàng, số giáo dân dự lễ rất đông đảo quy mô, các đoàn thể tôn giáo đến tham dự tỏ tình liên kết giữa Lương và Giáo.

Họ đạo Tha La kể từ nay được trực thuộc họ đạo mới : địa phận Phú Cường.

c) Nhà thờ Tha La được xây cất lại

Năm 1967, cha Giacôbê Lê Văn Quá bàn giao lại họ đạo Tha La cho cha Gioakim Nguyễn Văn Nghị.

Với sự điều hành khéo léo của cha sở, cha đã dùng phương tiện riêng để chuyên chở vật liệu, không quản ngại

đường sá xa xôi và sự mệt nhọc.

Kết quả ngôi thánh đường đã hoàn thành sớm hơn dự định những hai năm. Thành quả này ngoài sức tưởng tượng của mọi người.

Ngày nay nhà thờ Xóm Đạo Tha La được đồ sộ lớn lao, do công lao của cha sở Gioakim Nguyễn Văn Nghị cùng quý vị giáo dân xa gần, kẻ công người của với sự đóng góp của toàn thể anh, em công thợ trong họ mới được hoàn thành mau chóng. Trảng Bàng ngày nay có một nhà thờ kiểu mẫu là họ đạo Tha La, nhà thờ chắc chắn, trông đơn giản nhưng không kém trang nghiêm, đón tiếp khoảng 5, 3 trăm người cũng còn rộng.

Tìm hiểu qua quá trình của Xóm Đạo Tha La qua mọi diễn tiến. Họ đạo này ở quận Trảng Bàng trước kia thuộc về tỉnh Tây Ninh, nay sát nhập về Hậu Nghĩa đã thành lập từ thời ông Côximô (Trí) đến nay gần 100 năm, thiết tưởng chúng tôi ghi lại với tinh thần tôn cổ, sở dĩ họ đạo ở Tây Ninh ngày nay được đồ sộ cũng do vị linh mục Simon (Sỹ) ở Tha La thành lập.

Chúng tôi đến Trảng Bàng, vào họ đạo Tha La tìm thăm linh mục Gioakim Nguyễn Văn Nghị cha sở của họ này, cha vui vẻ tiếp chúng tôi và kể qua sự tích Xóm Đạo Tha La cho chúng tôi ghi chép, và đồng thời cha sở trao cho tờ Tha La Xóm Đạo về nghiên cứu, nhờ quyển đặc san này, giúp chúng tôi hiểu nguồn gốc họ đạo này rất nhiều trong có bài của ông Nguyễn Hồng Sanh biên khảo.

Nói về Tha La Xóm Đạo hãy còn nhiều điều muốn nói,

chúng tôi không thể đi sâu vào chi tiết, và chẳng quyển sách sưu khảo này còn phải dành cho nhiều thành phần khác.

Nếu quý vị nhìn Tha La bằng chiều rộng, thì Tha La cũng như muôn ngàn thôn ấp khác. Tha La không có cảnh đẹp lên thơ, Tha La cũng không lâu đài cổ kính.

Nhưng Tha La ngày nay được sống trong khung cảnh yên lành và được như ngày nay là do dân Tha La đồng tâm nhứt trí giữ ấp giữ làng với tinh thần đoàn kết. Thơ của Vũ Anh Khanh nói về Tha La Xóm Đạo còn nhiều, nhưng chúng tôi không thể đăng.

VÀI NÉT VỀ THỜI KỲ PHÁ RỪNG XÂY CẤT TOÀ THÁNH

a) Hàng vạn tín đồ ở các nơi về toà thánh, người Miên vượt biên giới đến làm công quả

Ngày nay, quan chiêm toà thánh Tây Ninh, không ai là không nhận đây là một công trình kiến trúc vừa lạ mắt vừa đặc sắc. Nhưng ngược dòng thời gian, ai biết chẳng nổi khổ cực gầy dựng buổi ban đầu ?

Như mọi người đều biết, toà thánh Tây Ninh thiết lập đầu tiên từ năm Bính Dần 1926. Chính quyền giáo tông Lê Văn Trung, hộ pháp Phạm Công Tắc, thượng phẩm Cao Quỳnh Cư, ngày đầu sư Thái Thơ Thanh, và nữ đầu sư Lâm Hương Thanh và nhiều vị chức sắc đã, cùng chọn Tây Ninh làm nơi thánh địa.

Trong quá trình lịch sử khai nguyên đạo Cao Đài, đầu tiên mượn chùa Từ Lâm (Gò Kén) để làm nơi cầu cơ tiếp điển, rồi

sau đó thì dời ra Tây Ninh qua đất của vị kiểm lâm người Pháp, phá rừng để xây cất toà thánh.

Hơn 40 năm về trước, thời kỳ cơ khí chưa được đầy đủ phương tiện như bây giờ, thì công việc phá rừng với sức người là một việc vô cùng cực nhọc.

Cách nay mười mấy năm, tôi có một người bạn đồng niên vốn là tín đồ thuần thành của đạo Cao Đài, vẫn thường thuật cho chúng tôi nghe về chuyện phá rừng, đào đất, cốt cây, làm công quả trên toà thánh, là cả một vấn đề không thể tưởng tượng.

Quý bạn đọc đều biết, đất Tây Ninh thuở trước hầu hết là rừng cấm, có nhiều thú dữ. Nhưng từ khi hộ pháp Phạm Công Tắc và thượng phẩm Cao Quỳnh Cư chọn địa điểm để làm cơ sở của đạo sau này, khu rừng rậm biến thành nơi trang nghiêm tôn kính. Đầu tiên người Miên xung phong làm công quả, rồi truyền cho đạo hữu xa gần hay biết, chỉ trong một thời gian ngắn đã huy động được những tấm lòng nhiệt thành. Số tín đồ ở khắp Nam kỳ lục tỉnh hay tin, lần lượt bảo nhau lên Tây Ninh, làm công quả cả ngày lẫn đêm, tự túc mà lo việc chung, không phàn nàn khó khăn chi cả. Hết lớp này đến lớp khác, ăn uống rất cực khổ thậm chí không đủ mà ăn. Nước muối nấu với cơm cháy lược lại giống như màu nước tương, kêu là nước tương đại đạo chấm rau cải. Đọt cây rừng, loại nào ăn được thì hái ăn hết nhất là mít rừng, rau họ, khoai bắp... Năm này sang năm nọ cũng thế, vì số tín đồ đến làm công quả quá đông. Phần gặp thời kinh tế khủng hoảng, thức ăn thiếu thốn. Kham khổ đến nỗi đốn chuối cây xắt mỏng trộn ghém để mà ăn, cũng không đủ.

Trong số người làm công quả nơi tòa thánh, gồm đủ mọi ngành, mọi giới : thợ hồ, thợ mộc, thợ sơn, thợ điện, thợ rèn, thợ vẽ... Ai chuyên môn về ngành nào thì tình nguyện đảm nhận trách vụ thích ứng với khả năng.

b) Người Miên vượt biên giới đến tòa thánh làm công quả

Chẳng những người Việt, từ các miền xa xôi đổ xô về hàng ngàn người để làm công quả đã đành, lại còn người Miên họ cũng lội suối, băng rừng lướt bụi đến để xin làm công quả. Họ đi nhiều ngả, ngả Thiệu Ngôn đổ xuống ngả Điện Bà, ngả Soài Riêng, Gò Dầu Thượng lên...

Khi ấy, người Pháp thấy dân chúng kéo đến Tây Ninh càng ngày càng đông, đâm ra nghi ngại. Chúng tìm cách cấm đoán, ngăn cản không cho tụ họp đông đảo. Tội nghiệp cho mấy chú Miên vượt biên bị Pháp bắt giam giữ và đuổi về. Nhưng khi thả ra, họ cũng len lỏi đi ngả này, ngả kia đến tòa thánh cho kỳ được để làm công quả.

Nhiều người hỏi họ :

- Các anh có đạo không mà đến đây xin làm công quả ?

Họ đáp một cách quả quyết :

- Chúng tôi được lệnh ông Sãi Cả của chúng tôi, bảo phải đến đây làm việc cho « ông Trời », nên chúng tôi quyết tâm đi đến nơi đến chốn, không sợ gì hết.

Họ đến với lòng chân thành, hăng say làm việc bất kể ngày đêm. Ăn uống kham khổ, tối không đủ chỗ ngủ, phải

nằm ngoài gốc cây thật là vất vả, nhưng không thoái chí ngã lòng.

Một điều làm cho người Miên càng đặc chí hơn nữa, họ thấy hình thái tử Sĩ Đạt Ta cỡi ngựa Kiền Trắc với Sa Nặc dựng trước sân tòa thánh, họ cho đó là giống vị hoàng tử Miên ở nước họ. Bởi thế, họ càng tin tưởng mãnh liệt, cho đó là cùng chung mối đạo với họ.

Sự tín ngưỡng chẳng riêng gì dân tộc Việt Nam, dân tộc nào cũng có quyền tín ngưỡng, không thể cấm đoán được.

Một điều đáng chú ý nhất : số người Việt, người Miên vượt biên giới đến làm công quả đã đành, trong đó còn có một thiểu số dân Tà Mun, gốc ở Bình Long, Võ Dục, về cư ngụ tại chân núi Điện Bà đầu tiên, trước thời tiền chiến. Họ cũng đến tòa thánh làm công quả và tu hành, nhập môn cầu đạo, thờ thầy.

Tỏ lòng cảm phục, nhóm người Tà Mun ấy rời chỗ cũ, kéo nhau về cư ngụ ở ấp Ninh Lợi, thuộc xã Ninh Thạnh, ngoại ô tòa thánh. Số dân thiểu số này cũng thường ăn chay và cũng được cử làm chức sắc trong đạo.

CĂN NGUYÊN ĐẠO CAO ĐÀI

a) Vị đệ tử đầu tiên

Tương truyền vào năm 1920, ông Ngô Văn Chiêu một công chức nhưng vì có tiền căn nên thường hay hầu đàn thỉnh tiên. Một hôm có một đấng vô hình giáng cơ xưng là « Cao Đài Tiên Ông » bảo ông chịu nhận làm đệ tử thì sẽ dạy

đạo.

Rồi kể đó ông được ơn trên cảm hóa như : cho thấy « thiên nhân » để vẽ mà thờ và cho thấy « cõi bồng lai tiên cảnh ».

Khi ông Chiêu đặt trọn đức tin nơi đức Cao Đài Thượng Đế rồi ông mới tỏ cho một ít người thân thiết biết mà tu theo cùng ông, nhưng vốn tính người rất dè dặt nên mỗi đạo buổi đầu ít người được biết đến.

Các vị chức sắc Thiên phong, khai nguyên đại đạo Tam kỳ phổ độ tại Tây Ninh, nay đã quy tiên.

Từ khai đạo đến ngày mừng 1 tháng 9 năm Bính Dần (17.10.1926), mới gọi lên cho nguyên soái Nam kỳ là ông Lefol. Trong tờ ấy có 28 vị đứng tên thay mặt cho cả chư đạo hữu có tên trong tịch đạo, nguyên văn là bằng chữ Pháp.

Gửi tờ khai đạo xong rồi, họ mới chia làm nhiều đoàn đi phổ độ khắp miền Lục Tỉnh, vì thế số người nhập môn cầu đạo không mấy lúc đã lên mấy trăm ngàn người. Ngày mừng 10 tháng 10 năm Bính Dần là ngày tạm ngưng việc phổ độ, để lo sắp đặt làm lễ khánh thành Thánh Thất nhằm ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần tại chùa Gò Kén, tức là Từ Lâm Tự, trước kia là ngôi chùa Phật. (Đến nay đạo Cao Đài vẫn lấy ngày này làm ngày kỷ niệm ngày lễ khai đạo).

Sau ngày làm lễ khánh thành, hội thánh đầu tiên được thành hình để tổ chức công việc các cơ cấu hành chánh đạo. Hội thánh mua một sở rừng 146 mẫu với giá 25.000đ tọa lạc tại làng Long Thành (Tây Ninh), tiền mua đất do đạo hữu chung đậu, đoạn khai phá được chừng 10 mẫu rồi mới cất

đền thánh tạm nơi đó, kể từ tháng 2 năm Đinh Mão 1927. Vào năm 1928 ông Cao Quỳnh Cư được hội thánh công cử dẫn công quả phá rừng đào móng cất đền thánh tổ đình.

Những chức sắc thiên phong trước và sau ngày khai đạo như sau :

b) Hiệp thiên đài

- Hộ pháp, chủ quản Hiệp thiên đài, ngài Phạm Công Tắc.

- Thượng phẩm, lo về phần đạo, ngài Cao Quỳnh Cư.

- Thượng sanh, lo về phần đời, ngài Cao Hoài Sang.

c) Thập nhị thời quân

a) Chi nhánh :

- Bảo pháp, ngài Nguyễn Trung Hậu

- Hiến pháp, ngài Trương Hữu Đức

- Khai pháp, ngài Trần Duy Nghĩa

- Tiếp pháp, ngài Trương Văn Tràng.

b) Chi đạo :

- Bảo đạo, ngài Ca Minh Chương

- Hiến đạo, ngài Phạm Văn Tươi

- Khai đạo, ngài Phạm Tấn Đãi

- Tiếp đạo, ngài Cao Đức Trọng

c) Chi thế :

- Bảo thế, ngài Lê Thiện Phước

- Hiến thế, ngài Nguyễn Văn Mạnh

- Khai thế, ngài Thái Văn Thâu

- Tiếp thế, ngài Lê Thế Vĩnh

d) Hàn lâm viện (Thập nhị bảo quân)

- Bảo văn pháp quân, ngài Cao Quỳnh Diêu
- Bảo sanh quân, ngài Lê Văn Hoạch
- Bảo cơ quân, ngài Dương Văn Giáo

CỬU TRÙNG ĐÀI

a) Giáo tông

Ông Ngô Văn Chiêu, vì quan niệm tu đơn, chuyên phần tịnh luyện. Tự thấy mình không kham nổi trách nhiệm, nên xin từ và về tu tại gia mà thôi. Vì vậy Lý Đại Tiên phải kiêm nhiệm, nhưng về vô vi, trong khi chờ người kế vị.

b) Chương pháp

- Thái chương pháp, hòa thượng Nhựt Nhãn, Tây Ninh (trụ trì chùa Gò Kén).
- Thượng chương pháp, thái lão sư Nguyễn Văn Tương, Mỹ Tho.
- Ngọc chương pháp, thái lão sư Trần Văn Thụ, Chợ Lớn.

c) Đầu sư

- Thái nương tinh, tri huyện Sài Gòn
- Thượng Trung Nhựt (về sau chấp chương quyền giáo tông)
- Ngọc Lịch Nguyệt, pháp sư Minh sư, Chợ Lớn.

d) Chánh phối sư

- Thái Thơ Thanh, Nguyễn Ngọc Thơ tri huyện Sài Gòn
- Thượng Tướng Thanh, Nguyễn Ngọc Tương tri phủ, Bến Tre.
- Ngọc Trang Thanh, Lê Bá Trang đốc phủ sứ Sa Đéc.

e) Phối sư

- Thái Ca Thanh, Nguyễn Văn Ca đốc phủ sứ, Mỹ Tho.
- Lê Văn Hóa tri phủ Sài Gòn.
- Lâm Quang Bính tri phủ Rạch Giá.
- Thượng tông Thanh (người Hoa Kiều).

f) Chức sắc giáo sư và giáo hữu

- Ngọc kinh Thanh
- Thượng Bản Thanh
- Thượng Latapie Thanh (người Âu).
- Và còn rất nhiều vị khác nữa.

g) Nữ phái

- Lâm Hương Thanh, nghiệp chủ Vũng Liêm (về sau lên đầu sư chưởng quản nữ phái).
- Hương Thị, phối sư.
- Hương An, giáo sư
- Hương Phụng, giáo sư
- Hương Lự, giáo sư
- Hương Hiếu, giáo sư
- Hàng giáo hữu và lễ sanh nam nữ rất đông.

Cũng chịu cảnh phân hóa như phần đông các tôn giáo

khác, nên sau ngày khai đạo ít năm thì trong cấp lãnh đạo có nhiều người tách ra lập nhiều vùng ảnh hưởng chi phái khác nhau trong từng pháp cũng như không liên hệ với tòa thánh Tây Ninh nữa, như :

- Chi Cao Đài Minh Chơn đạo của ông Trần Đạo Quang, Bạc Liêu Hậu Giang.

- Chi Cao đài Minh Chơn Lý của quý ông : Nguyễn Văn Ca, Nguyễn Văn Kiên, Hồ Văn Tú...

- Chi Cao Đài Tiên Thiên của quý ông : giáo hữu Chính, ông Nguyễn Bửu Tài và Nguyễn Thế Hiển.

- Cao Đài Ban Chính đạo của quý ông : Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang.

- Và còn nhiều phái khác nữa.

Sau một thời gian dài, đức hộ pháp chấn chỉnh lại và sau khi đức quyền giáo tông Thượng Trung Nhật quy tiên trên một tháng thì Hội Nhơn Sanh nhóm họp liên tiếp 3 ngày đồng thỉnh cầu đức hộ pháp chương quản nhị hữu hình đài (Cửu Trùng và Hiệp Thiên Đài).

- Thái tu Thanh
- Thượng sáng Thanh
- Thượng mía Thanh
- Thượng sách Thanh

Để cho công việc có hiệu lực, Đức Hộ Pháp hội chư thánh tổ chức cơ cấu chánh trị đạo như sau : Hành chánh, Phước thiện, Tòa đạo Phổ tế.

Hành chánh thì thi hành các luật định của hội thánh về

mặt phổ độ và giáo hóa.

Phước thiện thì bảo tồn sanh chúng nuôi nấng những kẻ yếu tha già thầy cô thể tật nguyên chia cơm sẻ áo cùng nhau, đó là cơ quan cứu khổ.

Tòa đạo thì lo giảng hóa, bênh vực những người cô thế, giữ gìn luật pháp.

Phổ tế thì cứu vớt hoặc độ rỗi những người lạc bước thối tâm.

Nhờ sự tổ chức có quy luật mà đến cuối năm 1939, bộ đạo được tăng lên gần 2 triệu người đủ mọi giới trong xã hội.

ĐẠO BỊ ĐÀN ÁP, TÒA THÁNH BỊ CHIẾM ĐÓNG

Vì sự phát triển của đạo Cao Đài quá mãnh liệt nhanh chóng khiến cho nhà cầm quyền thuộc địa thời bấy giờ phải để ý, thêm vào đó còn có một số người không ủng hộ nên họ chú giải những pháp luật của đạo như : Pháp chánh Truyền, Tân Luật Đạo Nhị định, Hội Thánh, Hội Nhơn Sanh Tòa Tam Giáo, Cửu viện... ra là : Thượng nghị viện và Hạ nghị viện, Cửu Bộ Đài quan, Tòa án, Tòa bố... rồi vu cáo Đạo Cao Đài có âm mưu định bá đồ vương, lập một nước nhỏ trong một nước lớn và chủ trương quân chủ lập hiến.

Thế nên ngày 23 tháng 7 năm Canh Thìn (1940), quân đội Pháp vào châu vi thánh địa, xét giấy tờ đạo hữu và đóng cửa Báo Ấn Từ (đền thờ tạm đức thượng đế).

Ngày 25 tháng 5 Tân Tỵ (1941), chính phủ Pháp ra lệnh cấm nhơn công tạo tác tòa thánh.

Ngày mùng 9 tháng 7 Tân Tỵ (1941) chủ quận cho một số đông cò bót và lính vào châu vi tòa thánh xét giấy thuế thân bốn đạo và ra lệnh đuổi tất cả về lục tỉnh.

Ngày mùng 7 tháng 3 năm Nhâm Ngọ (1942), quân đội Pháp xung công trường học, kho sách.

Ngày 20 tháng 3 năm Nhâm Ngọ, quân đội Pháp và chủ quận xung công tất cả văn phòng và chiếm đóng bao trùm châu vi tòa thánh.

Trong khi khủng bố tín đồ đại đạo tại tòa thánh thì chúng đưa đầy đức hộ pháp sang hải đảo Madagascar, dưới chiếc tàu Compiègne vào ngày 27-7-1941 cùng 5 vị chức sắc Thiên phong khác.

Sau khi đức hộ pháp bị lưu đầy nơi hải đảo, tòa thánh bị phong tỏa, tất cả đạo hữu bị bắt buộc phải trở về lục tỉnh, hội thánh phải phân tán ra để tránh những sự bắt bớ hoặc khủng bố.

Vào đêm 9.3.1945, số tín đồ đạo Cao Đài, dưới danh nghĩa « **đoàn nội ứng nghĩa binh** » được sự hỗ trợ của quân đội thiên hoàng đảo chánh thực dân Pháp.

HỘ PHÁP ĐƯỢC TRẢ TỰ DO

Hộ pháp được đưa về Việt Nam ngày mùng 1 tháng 10 năm 1946. Sau thời gian đã phải biệt xứ xa bốn đạo trong khoảng thời gian 5 năm, 2 tháng, 3 ngày.

Vào năm 1949, hộ pháp giải tán quân đội Cao Đài ra khỏi nội ô thánh địa.

Ngôi đền thánh được kiến trúc do sự gián tiếp chỉ dẫn tỉ mỉ về kiểu mẫu cũng như về xây dựng của đức Lý Giáo tông, qua hộ pháp.

Nền móng được bắt đầu vào năm 1933 đến năm 1936 mới khởi công xây lên và cất xong vào năm 1941, hộ pháp bị lưu đày, quân đội Pháp xung công dùng làm chỗ nghỉ quân, họ phá phách hư hao rất nhiều. Đến khi về nước 1946, hộ pháp mới cho sửa chữa lại và trang hoàng thêm mãi đến năm 1954 mới hoàn thành và được khánh thành vào thượng tuần tháng giêng năm Ất Mùi (1955).

DIỆN TÍCH ĐỀN THÁNH

Chiều dài 140 thước, rộng 40 thước, cao 36 thước về phía Hiệp thiên đài (hai lầu chuông, trống) 25 thước Cửu trùng đài và 30 thước Bắc quái đài. Day mặt về hướng tây, trang hoàng rất mỹ thuật bằng tất cả những biểu hiệu của Tam giáo, Ngũ chi, cũng còn tập trung được những tinh hoa văn minh của Âu, Á và Phi.

Song song với công việc tu bổ đền thánh, hộ pháp còn cho kiến tạo ngôi Báo Ân từ, nơi thờ tạm đức Phật Mẫu, mẹ linh hồn của chúng sanh, cùng với những vị hữu công với nền đại đạo.

Báo Ân từ được khởi công vào năm 1951, sửa chữa lại chỗ nền cũ, lối kiến trúc cũng không kém đồ sộ nguy nga, với một kiểu mẫu riêng biệt, từ xưa nay chưa từng thấy. Bên trong, ngay chính giữa Bửu điện, trên tường có tượng hình đức Phật Mẫu và cửu vị tiên nương cỡi chim loan để thờ.

Hai bên là bàn thờ chư chức sắc hữu công cùng đạo.

Ngoài ra, hộ pháp còn cho lập thêm 3 tu viện cho tín hữu có nơi tụ tập, sau khi hành tròn công quả để tránh khỏi kiếp luân hồi. Đó là :

- **Trí Giác Cung** : cách tòa thánh độ 3 cây số.
- **Trí Huệ Cung** : cách tòa thánh độ 6 cây số.
- **Vạn Pháp Cung** : phía nam chơn núi Bà Đen.

Ngài lại còn để tâm lo nơi ăn chốn ở cho hàng vạn tín hữu về ngụ quanh vùng tòa thánh. Đức ngài dạy phá rừng, cắt đất chia lô cất nhà, đắp đường rất quy củ, khiến cho sự sinh hoạt nơi đây ngày càng náo nhiệt.

Ngôi chợ Long Hoa cũng được đức ngài đích thân chỉ bảo anh em công quả khởi công xây cất vào năm 1955.

KẾT LUẬN

Đã trình bày qua phần tóm lược căn nguyên đạo Cao Đài tại Tây Ninh, đến nay trên 40 năm, trải qua lắm giai đoạn thăng trầm bi đát, nội bộ chia rẽ tách ra lập nhiều chi phái.

Từ ngày Tây Ninh khai mở đạo Cao Đài, nơi vùng thánh địa này có biết bao phái đoàn tôn giáo trong nước cũng như ngoài nước đến thăm viếng chiêm ngưỡng.

Số tín đồ ngày nay vì hoàn cảnh không có nơi chôn nhau cắt rốn của mình, bán tài sản lên cư ngụ ngoài ngoại ô đất đạo, mỗi tín đồ được cấp một khoảng đất nhỏ bề ngang 25m, bề dài 30m, số tín đồ ở tại đây lên tới trên 100 ngàn người.

Về đời sống sinh hoạt mỗi nhà đều có công ăn việc làm

bằng sức lao động, mua bán, cho đến hiến mình đến làm công quả trong tòa thánh mỗi ngày 2 buổi. Số đạo ở đông trong nội ô cũng như ngoại ô vùng thánh địa là phần nhiều dân tứ xứ đến cư ngụ.

Trước Bá Huê viên Thánh địa với bức ảnh lưu niệm của tác giả

**PHẦN VI : VĂN HỌC NGHỆ THUẬT GỒM
NHIỀU VĂN ĐOÀN QUA CÁC DÂN CA
THI CA ĐỊA PHƯƠNG**

1. TÂY NINH QUA CÁC BỘ MÔN NGHỆ THUẬT

Theo sự sưu tầm của chúng tôi, về các bộ môn văn nghệ học thuật ở Tây Ninh, xem ra có vẻ kém các tỉnh ở Hậu Giang về mặt dân ca hát xướng, chơi cờ luyện võ, nói tóm lại là các môn du hí tuyệt nhiên không đáng kể. Vì ở đây ngày xưa dân số ít, đời sống dân chúng lo học hành và chuyên sinh hoạt về nghề ruộng rẫy, khai thác lâm sản, vật lộn với đời để mưu sự sống còn, không ít thông thả, không sinh xuất các bộ môn nào cho khởi sắc. Họa chăng dưới thời Pháp thuộc chỉ có môn bóng tròn ở đây là còn có chút sinh khí hoạt động thể thao du hí.

Tuy nhiên riêng về văn hóa, tỉnh Tây Ninh từ đời tới đạo sinh xuất lắm nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. Vì ở Tây Ninh này có cảnh núi hùng vĩ, rừng rậm bao la, lắm phong cảnh non nước hữu tình, nào ao hồ, chùa Gò, Cổ Lâm tự, đường xuyên biên giới...

Hiểu như thế, nên chúng tôi đặc biệt có cảm tình với văn nghệ sĩ tỉnh lẻ Tây Ninh từ xưa đến nay. Nơi đây, chúng tôi trang trọng giới thiệu từng nhóm văn bút, thi văn đoàn, với các khuôn mặt đáng mến :

NHÓM VĂN THI SĨ TIỀN BỐI

Từ năm 1915 trở đi, nhóm nhà thơ tiền bối ở Tây Ninh ngày xưa thường hội họp để ngâm thơ xướng họa. Lúc bấy giờ có các cụ : Đốc phủ Tô Ngọc Đường, hương cả Huỳnh Văn

Tâm, hương lễ Tịnh, Võ Văn Sâm, cũng gọi là Võ Sâm, (hay ông giáo Xôm) nổi tiếng trên văn đàn. Nổi bật nhất là cụ Võ Sâm, nghiêm nhiên là danh sĩ đất Tây Ninh, soạn giả quyển « Thi phú văn từ », khá tuyệt diệu được văn học giới nhiệt liệt tán thưởng.

Kế tiếp, nối gót các cụ kể trên có Quốc Biểu Nguyễn Văn Hiến thành lập văn đàn Quốc Biểu trong năm 1923, gồm các ông : Thanh Vân, Nguyễn Toại Chí, Thanh Phong, Nguyễn Văn Trí, lâm tuyền Võ Trung Nghĩa, tân sắc Võ Văn Tấn, Sầm Sơn, Sầm Văn Đá, hải đảo Nguyễn Văn Vàng, Du Tử, Mai Huê, cổ lệ Lê Văn Thành, Nhà Quê, Dương Văn Kim, Nhất Thiện, Huỳnh Long Huỳnh Văn Cầu, tất cả chừng 15 người. Nhóm Quốc Biểu thường họp nhau mỗi chúa nhật tại một văn đàn cất nơi cù lao Gò Chệt, trên ngọn rạch Tây Ninh cách tòa hành chánh 2 cây số đường sông.

Điển hình như sự phong nhã của nhóm danh sĩ tiền bối đất Tây Ninh, là cuộc tao phùng xướng họa giữa nữ sĩ Sương Nguyệt Anh và các cụ Võ Sâm, Tô Ngọc Đường :

Âm lịch năm Tân Sửu (1901) tháng giêng, nhân dịp bạch mai trở hoa, làng thơ Tây Ninh tổ chức cuộc hành hương lên núi Điện Bà, có rước Nguyệt Anh nữ sĩ tham dự, luôn tiện thưởng hoa bạch mai, thừa hứng ngâm đề, nêu câu giai tác.

Nữ sĩ Sương Nguyệt Anh góp mặt trong cuộc nguyên tiêu thắng thưởng, do các thi hữu Tây Ninh có nhã ý mời, lai láng cảm, hứng bút đề thơ vịnh hoa bạch mai trên núi Điện Bà :

Non linh đất phước trở hoa thần

Riêng chiếm vườn hồng một cảnh xuân

*Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng
Sương pha bóng nguyệt ánh màu ngân
Mây lành gió tạnh nường hơi chánh
Vóc ngọc mình băng bắt khói trần
Sắc nước hương trời nên cảm mến
Non linh đất nước trở hoa thần*

Triền miên ý, Nguyê Anh nữ sĩ lại về vịnh thêm hai bài thơ chữ Hán, gọi là chút tạ lòng các danh sĩ Tây Ninh :

LINH SƠN NHẤT THỤ MAI

*Quỳnh tư ngọc cốt bản thiên chân
Tịnh độ cô tiêu viên tục trần
Noãn nhập ám hương xuân dật tứ
Hàn xung sơ ảnh nguyệt tà thần
Tuyết trung tự khước lưu phong vận
Phong ngoại ứng liên đạ tuyết nhân
Thừa hứng mặc hiềm sơn thủy viễn
Đồng lai dữ tử phú dương xuân*

HỮU

*Nhất chủng u hương phận ngoại kỳ
Trần ai cách đoạn kiến băng ti
Tài khai ngọc kính triêm thần lộ
Khước bả phương tâm chiếu văn huy
Xuân tín bất dung hồng tử cộng
Tuế hàn khởi dữ tuyết sương khi
Tùy duyên nhược ngộ tri âm khách
Thiên lý tình thâm tá nhất chi*

Bản dịch của Hi Đạm (cũng là danh sĩ Tây Ninh) :

I

*Ngọc quỳnh cốt vách vốn trời ban
Đất tịnh tro vơ lánh thế gian
Ấm áp hương đầm xuân buổi sớm
Lạnh lùng bóng nhạt nguyệt đêm tàn
Nghĩ thân ánh tuyết hơi sương đượm
Thương kẻ hài sương gót tuyết chan
Mến cảnh, nước non xa chỗ ngại
Cùng lên ngâm vịnh tứ xuân tràn.*

II

*Một ánh hương trinh thoảng tuyết vời
Bụi nhơ, mình sạch cách xa khơi
Vừa phô kính ngọc sương mai đắm
Đã trải lòng thơm nắng quai phơi
Hong tía tin xuân không góp mặt
Tuyết sương tiết lạnh để trêu người
Dặm ngàn tri kỷ duyên may gặp
Một nhánh tình sâu gợi gấm ai.*

Nguyệt Anh nữ sĩ lại trân trọng chép ra trao tặng cụ Tô Ngọc Đường để lưu niệm. Bút tích của nữ sĩ lưu lại, khiến cụ Tô và các danh sĩ tiền bối ở Tây Ninh thưở ấy đều cảm động. Rồi tự tay cụ Tô Ngọc Đường ghi mất dòng chữ Pháp dưới bản thủ bút của nữ sĩ trao tặng :

« Poésies composées par Madame veuve phó tổng Tính connue sous le nom de Sương Nguyệt Anh, fille de Đỗ Chiêu, à l'occasion de son excursion sur la montagne « núi Bà » (Tây Ninh) écrites elle même (1901). Écrites par elle même, ces poésies m'ont été offertes comme souvenirs. Signé :

Đường »

Nghĩa : « Những bài thơ này là của bà Sương phụ thầy phó tổng Tính làm ra, bà bút hiệu Sương Nguyệt Anh, con gái cụ đồ Chiêu, thơ này làm trong dịp lên chơi núi Bà (Tây Ninh) tự tay nữ sĩ viết 1901. Và cũng tự tay nữ sĩ chép ra để tặng tôi làm kỷ niệm. Ký tên : Đường »

Quả là một thiên giai thoại tuyệt đẹp trong làng văn, làm vinh diệu cho văn đàn Tây Ninh thuở nào.

ĐẠO ĐỨC VĂN ĐÀN

« Đạo Đức Văn Đàn » do ngài Cao Tiếp Đạo, tục danh Cao Đức Trọng, bút tự Huyền Quang, Chánh Đức, đứng ra thành lập vào năm 1950. Hoạt động được hai năm thì ngưng, vì ngài trưởng ban bận lo việc đạo.

Đến năm 1957, ngài bảo pháp Nguyễn Trung Hậu, bút tự Thuần Đức, phục hồi sinh hoạt văn đàn đạo đức, đảm nhận trọng trách trưởng ban, để giáo hóa anh em phó trưởng ban là vị phối sư Thái Đến Thanh, tục danh Huỳnh Văn Đến, tự Thông Quang. Nhưng văn đàn hoạt động cũng không lâu, chỉ hơn một năm thì ngài bảo pháp Thuần Đức Nguyễn Trung Hậu, tuổi già sức yếu lui về tư gia dưỡng bệnh, rồi quy thiên vào ngày 7 tháng 9 năm Tân Sửu (16.10.1961).

Một thời gian sau, văn đàn Đạo Đức nhóm đại hội, bầu ngài hiền pháp Trương Hữu Đức, tự Thân Dân làm cố vấn, cụ phối sư Thông Quang Huỳnh Văn Đến làm trưởng ban, ông Chơn Nhơn Phạm Mộc Bồn, tự Phước Huệ, làm phó trưởng ban. Văn đàn hoạt động được chừng đôi năm rồi cũng dừng

bước tiến thủ.

Mãi đến tháng 7 năm Kỷ Dậu (1969), Đạo Đức Văn Đoàn mới hoạt động trở lại, dưới sự trông nom của cụ Thông Quang. Thành phần tổ chức theo nội quy, gồm có : ban kiểm duyệt, ban ấn loát, thủ bản, tổng thư ký và phó tổng thư ký.

Ngày mừng 3 tết năm Kỷ Dậu là ngày họp đầu năm của văn đàn, được nhà thơ lão thành Lâm Tuyền Võ Trung Nghĩa và nhà thơ Hà Ngọc Dư đến tham dự. Ông Võ Trung Nghĩa vốn là người từng làm môi giới cho anh em thi nhân chân thành gần anh em trong Đạo Đức Văn Đoàn. Trong buổi họp ông Hà Ngọc Dư đọc một bài thơ mừng văn đàn Đạo Đức :

*Tao đàn hội hữu đã từ lâu
Tôi đến đây là kẻ đến sau
Cao thượng từng nghe vang một đạo
Đài tiền chợt thấy sáng muôn màu
Nhu hòa điệu nhạc tơ vờn trúc
Réo rắc dòng thơ ngọc kết châu
Nhấn nhủ những ai mong thoát tục
Tìm tiên đây vậy biết tìm đâu*

Dứt lời, ông Hà Ngọc Dư tỏ vẻ tiếc phải xa anh em, vì phải đi Mỹ Tho. Nhà thơ Thái Phong thay mặt anh em trong nhóm họa lại ngay :

*Ngọn bút thần giao mộ bấy lâu
Duyên văn tao ngộ trước hòa sau
Thi hương ngào ngạt hoa phô gấm
Xuân tứ trau tria cảnh rỡ màu
Một áng giai chương lời nhả ngọc*

*Năm vắn tình cảm nét phun châu
Non sông nước Việt thanh bình lại
Muôn dặm, đường xa chữa mấy đau.*

Tóm lại, văn đàn Đạo Đức cũng đã làm khởi sắc cho Tây Ninh chẳng ít. Anh em trong nhóm sáng tác rất dồi dào. Riêng về hai cụ trưởng ban đầu tiên của văn đàn đã có những tác phẩm xuất bản đáng kể. Các tác phẩm của cụ Thuần Đức, Nguyễn Trung Hậu :

- Tiên thiên tiểu học
- Châu trần giải
- Đại đạo căn nguyên
- Luận đạo vấn đáp

Cụ Thông Quang Huỳnh Văn Đến thì có những tác phẩm :

- Giảng đạo chơn ngôn
- Văn thi hiệp tuyển (trọn bộ hai quyển)
- Giác thế tu chơn (tập 1 tập 2)

Để thưởng thức tài thơ của cụ Thuần Đức và Thông Quang, chúng tôi xin nêu một vài bài làm nét điển hình :

Thuở còn tranh đấu ngoài đời, cụ Thuần Đức từng nổi tiếng với bài thơ dí dỏm « Gái lấy chồng Chà » theo vận Chà và la ma tà :

*Chẳng thiếu chi trai lại lấy Chà
Ăn cơm chẳng có đĩa mà và
Dầu mè em bận vui lòng ướp
Thịt mỡ anh chàng thấy sợ la
Gần gần da đen in hệt qui*

*Xa trông rằng trắng ngõ như ma
Mười hai bến nước khuyên ai liệu
Phòng cây nhờ nhau buổi xế tà*

Xem như thế, đủ thấy « Đạo Đức Văn Đàn » rất cần góp mặt trên văn đàn Việt Nam nói chung, và trên đàn văn Tây Ninh nói riêng, để tô điểm cho vườn văn hóa dân tộc những đóa hoa thơm bát ngát.

Những nhà văn, nhà thơ có tuổi ở Tây Ninh hiện nay vẫn còn nhiều. Chúng tôi hân hạnh được biết quý ông : Hi Đàm Nguyễn Hữu Trí, Lâm Tuyền Võ Trung Nghĩa, Hàn Y Nguyễn Ngọc Diệp, ngữ pháp Nguyễn Văn Tâm...

Nhà thơ Hi Đàm, cựu giáo viên, người hay trầm ngâm, khiêm tốn, thích khảo cứu sách vở. Tạp chí, sách, báo nào xuất bản ông cũng đều mua. Tủ sách của ông đủ loại, cả Pháp, Việt, Hán đều có, như một thư viện nhỏ, không thiếu thứ nào. Ông vốn là bạn thân của cố thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phát. Văn tài của ông từ mấy mươi năm trước đã từng được văn giới khen ngợi, xem như bất cự phách trên đài thơ. Nhất là bài thơ « Mười bốn » của ông và các bài thơ khác đăng tải trên tuần báo « Sống » do cố thi sĩ Đông Hồ chủ trương, vang tiếng một thời.

Nhà thơ Lâm Tuyền Võ Trung Nghĩa vốn là miêu duệ cụ Võ Văn Sâm tức Võ Sâm danh sĩ Tây Ninh thuở trước, hiển nhiên văn tài của ông có thừa phong độ hướng dẫn đàn em hậu tiến. Năm nay 75 tuổi, sức vẫn khỏe mạnh, văn thơ sáng tác vẫn thao thao bất tuyệt. Năm Tân Hợi vừa qua, trong tuần tuổi 74, ông cảm thấy đầy khí phách phong nhã đậm :

*Tuổi trời mới thọ bảy mươi tư
Khí phách hiên ngang sức vẫn cừ
Cao thấp cuộc cờ nhiều nước hiểm
Dằng dai máy tạo mấy năm dư
Vui duyên nghiên bút nhờ chung rượu
Nặng nợ non sông sẵn túi thư
Mặc khách tao nhân ai nghĩ đến
Mừng xuân xướng họa lão đầu từ
Đầu từ xướng họa bạn xa gần
Vốn liếng ăn thua có mấy vắn
Bạc tiền rừng hao thể xác
Mực tàu bút sắt dưỡng tinh thần
Đường danh nẻo lợi nhiều quan khách
Thi xã văn đàn hiểm vĩ nhân
Tuổi thọ chất chồng, chồng chất nợ
Nợ phong lưu mãi nặng vào thân.*

Còn như các nhà thơ Hàn Y Nguyễn Ngọc Diệp, Thái Phong, Phan Yến Linh, Từ Trầm Lệ, Yên Giang Nguyễn Khắc Chánh... cũng đều được giới thi hữu bốn phương nghe tiếng ít nhiều trong sách báo.

Nhà thơ Thái Phong, soạn giả quyển « Linh sơn thắng cảnh » xuất bản năm 1968, lời thơ điêu luyện chẳng kém chi ai, ý khí cao nhã từng bộc lộ trong văn thơ sáng tác. Trong thuở thanh xuân bạn vẫn đã ngụ lòng trong bài thơ ký thác nhan đề là « Cục đá » :

*Từng nêu tuổi đá biết nhường ai
Sánh với gươm đao đủ sức tài
Đất lấp ngàn năm hình vẫn đượm*

*Nước chôn vạn trượng vóc nào phai
Vầng to hợp lại gầy non núi
Tảng bè rời ra tạo lũy đài
Ngọc ẩn bên trong đời khó hiểu
Mưa tuôn gió thổi chẳng trôi bay.*

Thi sĩ Yên Giang Nguyễn Khắc Chánh với tập « Mưa phổi » xuất bản năm 1969, làm rung chuyển được tâm hồn hàng nghìn bạn yêu thơ. Bài thơ « Mùa phổi » của bạn sáng tác đăng trên tạp chí « Mai » năm 1962, gây xúc động muôn vàn cho bạn đọc. Chúng tôi xin trích những hàng dưới đây :

*Đôi dòng sông máu chảy ra môi
Trong ấy vi trùng lặng lẽ bơi
Tiếng hú đâu đây nghe rợn gáy
Hình như thần chết gọi hồn tôi
Đưa tay tôi áp lên lồng ngực
Cố giữ cho đừng rạn nứt ra
Để mắt khỏi nhìn – ôi ! khiếp lắm
Từng cơn mưa phổi lặng lẽ sa
Than ôi ! đau đớn và đau đớn
Lồng ngực là trời, phổi là mây
Những tiếng ho dài là bão tố
Vi trùng đục phổi thành mưa bay
Thế xác im lìm trong bão tố
Linh hồn lạc lõng tự nơi nao
Giữa cơn mưa phổi tôi không tỉnh
Nhưng hằn toàn thân tôi đón đau
Biết kẻ làm thơ là khốn khổ
Nhưng thân tằm phải trả nợ đâu*

*Cho nên trong những cơn mưa phối
Toan bỏ thơ mà bỏ được đâu*

NHÓM ĐẤT LÀNH

« Bút nhóm Đất Lành Tây Ninh » cùng là nhóm Văn Bút, một thi văn đoàn đang lên. Tập hợp toàn những bạn trẻ văn chương, trọng đạo đức, có tâm huyết : Hưng Huyền Nguyễn Thanh Hùng, Thảo Anh, Bảo Tồn, Phi Yến, Thái Thường, Thuần Khiết... trong tương lai nhóm Đất Lành ắt càng thêm khởi sắc.

Để hiểu qua đường lối chủ trương của nhóm, và tán thưởng văn tài của một trong hằng mấy mươi cây trong bút nhóm đang rèn luyện, chúng ta hãy đọc bài « Thay lời tựa » trong tập Xuân Hương của Hưng Huyền biên soạn, xuất bản năm 1970 :

*« Đất Lành » một nhóm yêu thơ
Yêu tinh hoa cũ, yêu bờ cõi Nam.
Yêu thắng cảnh, yêu danh lam
Yêu hòn núi Điện, yêu Vàm Cỏ Đông
Yêu toà thánh đợm nắng hồng
Tình yêu tổ quốc lồng trong khung ngà
Yêu quê hương mẹ hiền hoà
Yêu di sản quý ông cha lưu truyền
Tình yêu chan chứa mọi miền
Yêu trăng mười sáu ngời thuyền buồng câu
Yêu đời nhả ngọc phun châu
Yêu hoa xoài trở yêu màu dừa xanh*

Yêu hoàng hôn đẹp hiền lành
Yêu bình minh đến yến oanh vầy đàn
Yêu huỳnh mai nở chói chan
Yêu chân trời rải tơ vàng lưa thưa
Yêu thương biết mấy cho vừa
Lá reo gợi cảm, gió đưa gợi tình
Yêu mùa lúa quện hương trinh
Chập chờn hồn mộng đem mình vào thơ
Bây giờ và có bây giờ
Chỉ thơ với mộng nhập tờ hoa tiên
Bao nhiêu vui thú triền miên
Tơ lòng như khúc quản huyền đưa hơi
Bao nhiêu chân giả cõi đời
Tâm linh phát xuất dâng người ngâm nga.
Quây quần để dựng xướng hoà
Hương xuân thấm đượm nước nhà đẹp thay
« Đất Lành » một dãy vui say
Hoa thơm cỏ lạ chung tay gieo trồng
Tình ta có núi có sông.

Tôn chỉ của nhóm « Đất Lành » biểu hiện rõ ra nơi bài thơ trên đây. Con đường đã vạch, mục đích sẵn nhắm, nhóm Đất Lành ắt sẽ tiến xa, không phụ hững bao nhiêu tấm lòng kỳ vọng, trong số ấy có chúng tôi.

2. TÂY NINH QUA THI CA

Tìm hiểu về các thi văn, chúng tôi đã sưu tập nhiều bài thơ có giá trị, liên quan đến địa lý, nhân văn, lịch sử Tây Ninh của các thi hữu có tinh thần văn nghệ, từng góp mặt nơi trận bút đàn văn mượn thơ để tô đậm quê hương mình.

Này đây, thi sĩ Hưng Huyền Nguyễn Thanh Hùng, trong lốt công chức đã diễn tả Tây Ninh bằng mấy vần thơ gói ghém gọn gàng, sau khi đã đúc kết tài liệu địa dư của tỉnh nhà :

*Vùng đất Tây Ninh giáp với Miên
Dân ta khai khẩn dựng đồn điền
Lập thành một phủ trong Gia Định
Sử liệu Nam triều đã lược biên
Từ khi quân Pháp chiếm quyền hành
Sáp nhập Sài Gòn, mới định ranh
Đặt quận Thái Bình và quận Trảng¹²
Khai sinh tên tỉnh rõ ràng danh
Rất nhiều sắc lệnh được thông tuyên
Đổi thay địa giới phân làng tổng
Trật tự điều hoà phép trị yên*

Nhà thơ Hưng Huyền mô tả sử lược Tây Ninh, tóm tắt qua mấy vần thơ đầy ý vị, nói lên lòng yêu quê hương đất nước của mình trong quá khứ đã từng thay đổi theo đà bánh xe lịch sử.

*Phú Khương quận mới, thế Châu Thành
Còn Thái Bình xưa đổi Phước Ninh*

*Quận cũ Gò Dầu, nay Hiếu Thiện
Khiêm nhường heo hút có Khiêm Hanh
Còn quận Trảng Bàng nay cũng đổi tên
Được kêu Phú Đức mấy năm liền
Bây giờ uyển chuyển theo thời cuộc
Hậu Nghĩa giữ phần lập tỉnh riêng
Vị trí nằm trên dãy đất cao
Có sông Vàm Cỏ nước xanh màu
Núi Bà một ngọn phô hung vĩ
Rừng rậm bắc phương án mặt rào
Bình Dương tiếp nối với Bình Long
Ranh đất giáp liền ở phía đông
Tây Bắc Cao Miên, nam : Hậu Nghĩa
Tỉnh đường kiến trúc dựa ven sông
Cân bắc Bà Đen có núi Heo
Sáu trăm thước đứng kết nên đèo
Bốn trăm ba thước là Hòn Phụng
Nằm ở hướng tây rất dễ trèo
Thắng cảnh Tây Ninh có Điện Bà
Với mồ Tướng Thế hiện tài ba
Kỳ quan kiến trúc tinh vi nhất
Toà thánh Cao Đài trụ gấm hoa*

Rồi ! Chúng ta đã hiểu qua lịch sử Tây Ninh, sơ lược của nhà thơ Hưng Huyền khéo đúc kết gọn ghẽ và đầy ý nghĩa.

Nữ sĩ Phan Phụng Văn, một nhà thơ có tâm hồn hướng vọng Quê hương, thường làm những bài thơ để ca ngợi cảnh vật tỉnh nhà, cô không ngần ngại đồng dạ hô hào : đây Tây Ninh

Quê tôi đấy Tây Ninh miền biên giới
Nẻo thông thương Bến Sỏi nối Tâm Long
Êm êm nước chảy xuôi dòng
Trầm buồn bằng một con sông lặng lẽ
Những chiều thu lạnh trong mơ
Tâm Long ủ rũ nhạt mờ hơi sương
Quê tôi đượm vẻ u buồn
Như người thôn nữ ngậm hờn chia ly
Bỗng đâu trận gió lộng về
Dạt dào uyển chuyển tư bề vùng lên
Như người dân sống yếu mềm
Biết vì tổ quốc quyết bền lòng son
Quê tôi đấy danh lam thắng cảnh
Núi Điện Bà dưới ánh tà huy
Là dây hùng vĩ uy nghi
Quê tôi đấy « kỳ quan toà thánh »
Cảnh địa phương đâu sánh cho bằng
Diêu trì cung ! Trí huệ cung !
Nào đài bát quái ! Cửu trùng đài cao
Từ quê hương đắm máu đào
Là con đất nước lòng nào yên vui
Rừng Sóc Ky luống ngậm ngùi
Vớ bao kỷ niệm nhớ thời loạn ly
Quê tôi đấy ! chiều nay gió lộng
Gửi chút lòng tha thiết với quê hương !

LINH SƠN PHONG CẢNH
(Núi Điện Bà Tây Ninh)

Non thiêng cảnh lịch

Núi Linh Sơn cao ngất trời xanh
Chót von von đeo mây bạc mấy tầng
Chơn trắng trắng đập rừng sâu muôn dặm
Kìa chùa Hang gio gie vực hẫm
Nầy Đá Bạc lắt lẻo sườn non
Suối Chà Chao nhỏ nhỏ mà trong
Phơi đáy nước vàng pha với cát
Trước chùa Trung nào lều nào quán
Nào cơm nào bánh nào rượu nào trà
Chuỗi Kim Cang treo lẫn với bồ đề
Thuốc nọc rắn nằm chung cùng thần sạ
Bước lên núi rừng cao cây cả
Vượn bông con chim hát líu lo
Đá gập ghềnh đường sá quanh co
Phút đâu đã tới chùa ông Hồ
Tục truyền rằng cộp già quá số
Đầu phơi phơi mày bạc như sương
Đói nuôi lòng nước suối trái rừng
Công quả được theo thần châu thánh
Hết Dốc Thượng đến ba ngôi tháp
Chói nhấp nhô trắng đỏ xanh vàng
Ngưỡng trông lên kìa Phật tự Linh San
Khói ngui ngút đường Lôi Âm di thể
Thạch động mấy tầng cao chất ngất
Phủ tư bề năm sắc mây lành
Nước dưới khe rõ rẽ như đồn
Đá chồng chập trắng lồng hoa nở
Câu kinh sớm lòng người như mở

*Tiếng chuông chiều giục khách lui thuyền
Những mơ màng Phật Phật Tiên Tiên
Thoạt vắng vắng tiếng « Nam vô Phật »
Dầu chẳng phải « Nam Thiên Đệ Nhất »
Lại khác nào « Doanh hải Bồng châu »
Mãng say sưa phong cảnh nhiệm màu
Thân nhẹ nhẹ như bụi trần đà giữ sạch
Điều danh thị lợi
Giai như thủy thượng phù âu
Thực phước chủng duyên
Tận thị hung trung hoài bấu
Lòng khẩn khẩn mấy lời dặn bảo
Chẳng nên Tiên mắt cũng chẳng thấy Trời
Cảnh linh khéo tạo lòng người*

T.D.Chánh Đạo

THƠ CỦA BÀ VÕ PHỤNG KIỀU

Nói đến mục thi thơ đời cũng như đạo, xuất phát tại Tây Ninh, chúng tôi xin ghi lại bài thơ của bà Võ Phụng Kiều, một nữ giáo viên ở Bến Tre, làm cách nay trên 40 năm tại Núi Điện lúc bà vừa 21 tuổi. Bà là người có tinh thần đạo đức thích cảnh núi non, bà thường lên núi Điện Bà trong lúc bãi trường, hoặc những ngày nghỉ lễ, lên đây bà cất một cái am nhỏ gần khe suối Chùa hang để lên xuống, có chỗ nghỉ ngơi di dưỡng tinh thần.

Lúc bà ngồi tịnh trên núi vào dịp bãi trường, nhìn bốn bề cảnh vật bao la, sánh mình bé bỏng trước cảnh núi non hùng vĩ, bà trút hết nỗi lòng dệt lên bài thơ dưới đây :

HAI MƯƠI MỐT XUÂN

*Hai mươi một xuân tròn đã trải qua,
Khắp nhìn ba cõi nước non nhà
Trí tài thiếu một trang anh tuấn
Bạc dư ngàn số trá ngoa
Nhẫn với con trời trong vũ trụ
Nỗi niềm riêng chạnh phận quần thoa
Phần son rày quyết tô nền đạo
Chờ buổi chung qui đến phổ đà*

Minh Hà Võ Phụng Kiều

(viết tại Tây Ninh lúc còn làm giáo chức)

Bài thơ này bà viết vào mùa đông tại núi Điện Bà. Theo sự nhận xét nội dung bài thơ trên đây, bà nhìn đời thấy lắm sự giả dối, đa trá lẫn lộn giữa xã hội loài người, bà rất buồn và chán nản, quyết đem chí cả nữ lưu để tô bồi nền đạo đức cho rõ mặt quần thoa.

Tiếp theo bà làm thêm bài thơ thứ nhì trong lúc bà 61 tuổi, bà nhớ lại bài thơ cách 40 năm về trước, nay hoạ lại dưới đây :

HOA VẬN SÁU MƯƠI MỐT TUỔI

*Sáu mươi một xuân, tròn đã điếm qua
Báo ân xã tắc với sơn hà
Làm cho rõ mặt trang anh tuấn
Đánh thức con trời khỏi trá ngoa
Nữ kiệt Nam tài mau tỉnh dậy
Đức lành bủa khắp khách quần thoa
Điểm tô non nước nền Chơn đạo*

Đợi buổi qui nguyên đến Phố Đà

Ni Trưởng Diệu Minh

Bài thơ trước 21 xuân bà tặng cho một vị nữ chức sắc toà thánh Tây Ninh cất giữ trên 40 năm qua, may mắn được thổ lộ với một người bạn, chúng tôi tìm đến xin ghi chép lại nguyên văn. Bà Võ Phụng Kiều lúc 21 xuân làm bài thơ này để nói lên ý chí nguyện vọng quyết tìm con đường giải thoát, nay sự việc đã thể hiện nghiệm nhiên là một nữ tu sĩ lắm người nghe danh. Pháp hiệu là ni trưởng Diệu Minh (Võ Duy Nhứt).

Hiện nay bà trên 60 nhưng vẫn còn tráng kiện. Nhân dịp chúng tôi sưu tập tài liệu về mục thi thơ ghép vào quyển Tây Ninh lại tìm được thêm một bài thơ của cụ Lâm Tuyền lúc trên núi Điện Bà, đến am của bà Võ Phụng Kiều thăm, nhìn cảnh cũ còn đây, người đâu vắng bóng, cụ bèn viết vào đá vần thơ cảm tác :

*Bước đến am mây Võ Phụng Kiều
Nhìn sau ngẫm trước, vẽ điều hui
Xác xơ vườn cũ, xoài cam mít
Lạnh lẽo nền xưa, khạp gáo niêu
Hoặc bước xích tòng còn mãi miết
Hay hồn Tinh vệ đã tiêu diêu
Công ai tạo lập còn ghi dấu
Ngùi ngẫm chơn rời cảnh tịch liêu*
Lâm Tuyền

TÂY NINH CẢM TÁC

Đây là những vần thơ của thi sĩ Bửu Đà, một nhà thơ quen thuộc với độc giả bốn phương từ lâu qua các sách báo. Thơ của ông được trích đăng trong các quyển sách sưu khảo trước, được độc giả hoan nghênh và khích lệ. Trước khi xuất bản quyển « Tây Ninh xưa » thi sĩ Bửu Đà gửi tặng cho chúng tôi những vần thơ sau đây :

*Tây Ninh là tỉnh hiền lương
Bên đời, bên đạo tình thương đậm đà
Trời thương đất lợi người hoà
Tinh thần hướng thiện trên đà nghĩa nhơn*

Thi sĩ Bửu Đà một hôm lên viếng cảnh núi Điện Bà vào lúc bình minh, mắt nhìn về hướng toà thánh :

*Lên núi điện hướng về toà thánh
Chói không gian rực ánh huy hoàng
Toà kỳ quan xem như cổ kính
Trông kỹ ra kiến trúc tân kỳ.*

NHÓM VĂN THI SĨ ĐỘC LẬP

Ngoài những bút nhóm ; Thi văn đoàn chúng tôi đã kể, Tây Ninh hiện nay còn rất đông bạn làng văn làng thơ, tha thiết văn nghệ không đứng vào nhóm nào, đoàn nào. Những văn thi sĩ ấy chúng tôi mệnh danh là nhóm độc lập. Về bên nữ giới, chúng tôi được biết : cô Phan Thị Hộ, cô Nguyễn Thị Thường Dung.

Về bên nam giới : Linh hữu Lê Hữu Tài, Thái Châu, Hưng Huyền, Huệ Phong, Trường Anh, Hoài Trinh, Thanh Việt Thanh... Và chắc còn nhiều bạn khác nữa, chúng tôi rất tiếc

chưa được biết hết.

Để tỏ chút tình cảm với những bạn văn chương ấy, chúng tôi xin giới thiệu theo những điều chúng tôi được biết :

Phan Yến Linh, Thái Châu cùng hai bút hiệu, đã nổi tiếng trong làng văn từ lâu, quê ở Cẩm Giang, hiện giữ chức tổng thư ký cho nhật báo Trắng Đen, bạn đã sáng tác nhiều tập thơ và truyện ngắn có giá trị.

Cô Phan Thị Hộ, bút hiệu Phan Phụng Văn, tại làng Thái Bình tỉnh Tây Ninh.

Cô đã đăng thơ, truyện, ca kịch, rất nhiều trên các báo. Thỉnh thoảng các bài vở tuồng cải lương của cô được trình diễn trên đài phát thanh và truyền hình.

Nguyễn Thị Thường Dung, tuy chưa có tác phẩm nào xuất bản thành sách, nhưng cô đã có nhiều thơ văn đăng báo, cô đã có lần chiếm giải nhất trong cuộc thi thơ do tuần báo Tân Dân của cụ Nguyễn Đắc Lộc tổ chức trong năm 1962.

Thanh Việt Thanh, cây bút đã có tiếng nhiều và đang lên. Anh sáng tác thật dồi dào và góp mặt thường xuyên trên báo ngày, tuần, tạp chí. Đã xuất bản nhiều tập thơ có giá trị, đặc sắc nhất là tập thơ « *Rừng bản trắng sao* ».

Trường Anh, họ Nguyễn, sinh ngày 10-2-1938 tại Thanh Phước (Tây Ninh) vốn là giáo sư các trường trung học Tây Ninh, Bình Long, Hiếu Thiện.

Đã xuất bản : *Mưa đêm nay* (thơ 1964)

Một số bài thơ đã được nhạc sĩ Anh Việt Thu soạn thành ca khúc.

Thơ dịch in trong tập Poems and Short Stories (do Việt Nam PEN xuất bản năm 1966).

Chúng tôi đầy lòng kỳ vọng các bạn văn nghệ sĩ trẻ ở Tây Ninh rồi sẽ thành công mọi mặt trên lãnh vực Văn Hoá.

TRI NGỘ BẠN THI NHÂN

Trên đường sưu khảo, chúng tôi đến Tây Ninh có dịp làm quen với nhiều nhà thơ, nhà văn ở đây, trong đó có cụ Lâm Tuyên Võ Trung Nghĩa, ông Hi Đạm, nhiếp ảnh gia Việt Anh. Ông Cảnh Nguyên chủ nhiệm tờ Điện Báo, bạn Linh Hữu, ông Huỳnh Hữu Lộc, bạn Thái Phong, cô Phan Phụng Văn...

Nhân chuyến đi viếng các danh lam thắng cảnh Tây Ninh, trong số các bạn quen có nhà thơ Thái Phong, cùng đi với chúng tôi và chụp chung một bức ảnh lưu niệm.

VỊNH CẢNH BẾN ĐÌNH

*Lò gạch vườn cây cảnh Bến Đình
Sơ giao tôi với bạn Huỳnh Minh
Duyên văn vui gặp nhà sưu khảo
Bức ảnh mừng thêm mối cảm tình
Một sớm viếng qua làn Thanh Đức
Ngàn xưa khơi lại sử Tây Ninh
Con đường lý tưởng âm thầm bước
Tìm những hương quê xứ sở mình*

Thái Phong

PHẦN VII : SINH HOẠT QUA CÁC NỎ PHỐ PHƯỜNG TÂY NINH NĂM 1972

1. TÂY NINH 1972

QUA CÁC NẸO PHỐ PHƯỜNG SINH HOẠT

Theo luật tuần hoàn của trời đất, không có sự vật gì là trường tồn bất biến. Sự thay đổi chỉ là vấn đề thời gian, chẳng chóng thì chày, mọi sự vật lần hồi đều phải biến dạng, cỗi lốt già nua để hình thành bộ mặt mới trẻ trung. Định luật biến hoá để tiến hoá, áp dụng cho tất cả mọi sự vật. Tây Ninh cũng như bao tỉnh khác, vẫn phải tiến theo chiều bánh xe lịch sử lăn quay.

Thành phố Tây Ninh ngày nay cũng đã cỗi lốt, biến hình, như tất cả mọi nơi trên trái đất. Những ngôi biệt thự lộng lẫy, những phố lầu cao vút, những dãy chung cư mọc lên như nấm, ngang dọc ở nhiều khu vực. So sánh các tỉnh trù phú, và so cả với thủ đô Sài Gòn kia nữa, Tây Ninh đã khởi sắc nào kém mấy đâu.

Những lỗi kiến trúc tân kỳ đã làm tăng vẻ đẹp cho thành phố. Tuy nhiên, chưa phải tất cả đều đã thay đổi mới, hay đã kịp thời chỉnh trang. Châu thành Tây Ninh vẫn còn phô bày một vài sắc thái nghèo nàn tại khu phố chợ. Nơi đây, dọc nẻo đường Trần Hưng Đạo phía bên ngoài toà hành chánh chỉ có năm bảy nhà phố cất lên từ năm 1956, còn hầu hết là phố cũ của thời xưa chỉ được tân trang bộ mặt ngoài. Đường phố không thể mở rộng được vì phố xá hai bên đã choán, dù có muốn sửa sang kiến trúc lại cũng còn lâu. Đúng ra là hết chỗ xây cất, vì đất chợ quá chật, không có bề sâu.

Để hiểu rõ hơn về mọi cuộc diễn tiến trong các ngành

sinh hoạt của Tây Ninh, chúng tôi hãy thử đi một vòng quan sát :

a) Dãy phố nối liền bến xe đò

Trước công sở xã Thái Hiệp Thạnh, con đường thẳng chạy tới nhà lồng chợ Tây Ninh là đường Hồ Huân Nghiệp, con lộ ngăn ngang công sở xã là đường Trương Huệ. Tại khu phố nằm ngang bến xe, nhằm góc đường Trương Huệ và Hồ Huân Nghiệp, thưở xưa kia là một đầm sâu rộng lớn, đầy những lục bình và cỏ sậy chưa nước sinh đọng lại quanh năm. Đầm này vẫn bỏ hoang đến năm 1932 không canh tác được, vì đất sinh không chân phạp phều, khó thể làm gì được, nếu chẳng kiên tâm bồi đắp đi trước đã.

Bởi thế, từ năm 1932 đến 1940 là thời kỳ lo lấp đầm sâu ấy, dần dần bồi đắp cho vững chắc. Rồi từ năm 1940 trở về sau, nhiều dãy phố lâu được xây cất lên trên khoảng đất ấy cho đến ngày nay. Các dãy phố này hầu hết là tiệm buôn đồ bách hoá, tiệm cà phê, quán ăn...

Các dãy phố nằm day mặt ra đường Trương Huệ, hai bên có : nhà bảo sanh, trường học, khách sạn...

b) Chợ cũ Tây Ninh

Chợ Tây Ninh cũ trước kia lợp lá nằm đối diện trước công sở xa Hiệp Ninh ở phía Trần Hưng Đạo cách 70 năm về trước.

Ngôi chợ nằm sau đường Gia Long hiện nay được từ Chợ Cũ dời về đây trên nửa thế kỷ. Hiện nay nằm giữa công trường Duy Tân. Hai bên là phố cũ lâu đời. Hầu hết các phố

này được tái thiết một ít, trong đã có vẻ khá sạch sẽ khang trang.

c) Khu chợ cá

Trước nhà lồng chợ là công trường Duy Tân, ngày cũng như đêm, quang cảnh vô cùng rộn rịp, kẻ mua người bán lao xao. Nhất là mặt trời sắp lặn, trước sân chợ cá xuống đến bờ sông, bấy giờ biến thành một chợ lộ thiên. Thấp thoáng dưới ánh đèn ống, rộn rịp khách thừa lương qua lại. Từ các xe bán sinh tố, rượu, đến các gánh chè, cháo, mì đều hoạt động đều đều.

Một hương vị đặc biệt làm cho du khách vào mùa đông khó quên trong thời tiền chiến là mỗi khi về Tây Ninh ghé chợ, quý vị phải chờ đợi những người Miên, vai gánh hai ống tre chứa đựng nước chè « thốt nốt » còn nóng hổi. Mùi ngọt lẫn hơi khói không làm cho du khách khó chịu, vì thứ nước chè này lấy từ trên cây thốt nốt, họ phải đốt cho chảy nước mật hứng vào ống tre, gánh đi bán. Vì thế, nếu uống không quen, mùi hơi khói làm khó chịu. Nhưng đã uống quen, rất thích.

d) Khu chợ mới

Tây Ninh muốn mở rộng khu phố chợ, vì dân số càng lúc càng gia tăng. Nên từ năm 1965, đã thực hiện xong việc xây ngôi chợ mới tại vùng đất rộng lớn, cách xã Thái Hiệp Thạnh chừng 400 thước, ngay đình Thái Bình.

Nhưng dân chúng dần chưa nhóm nơi Chợ Mới, có lẽ vì địa điểm chưa thích nghi, còn chờ sửa sang thêm.

Năm 1972, khu chợ mới được sửa sang về mọi mặt, để dời chợ cũ ra đây. Đồng thời sẽ cất lên những dãy phố ngang nằm quanh khu chợ để tăng thêm phần mỹ quang cho tỉnh lỵ.

e) Khu phố chợ – đường Gia Long xưa

Khu phố chợ từ đầu cầu quan Tây Ninh đến đầu đường Trương Huệ, ngang rạp hát Tân Nguyên Thành (tức rạp Kassy cũ chúng tôi nói rõ ở đoạn sau về các hí viện).

Dãy phố lâu từ đầu cầu quan đi lại phía mặt ngay chỗ tiệm vải Chà Đặng, nhà may Chí Công và tiệm radiô Đại Thành, từ năm 1935 trở về trước là nhà hàng Hứa Duy Tân. Nhà hàng này, xưa kia là một chỗ ăn chơi sang trọng bậc nhất của tỉnh. Mỗi chiều thứ bảy và chủ nhật, nhiều thực khách đến ăn nhậu gồm toàn thành phần công chức. Nhất là các chủ hãng, ty, sở người Pháp, cùng các cơ quan quân đội Pháp trên thành Sắn Đá tại Nguyễn Huệ, thường đưa bạn bè đến đây ăn tiệc, chủ nhân nhà hàng là người Tàu, nhưng lại đặc biệt bán đủ thức ăn Tây.

f) Khu chợ cá nằm trước mặt chợ bờ rạch Tây Ninh

Sở dĩ nhà hàng này được đông khách là nhờ con đường từ Sài Gòn lên Đế Thiên Đế Thích đậu xe ở đây ăn uống.

Phía bên trái và nối dài tiếp theo nhà hàng Hứa Duy Tân, thưở trước phố xá chật hẹp, phần nhiều là vách ván, ẩm thấp, trên lợp ngói âm dương.

Ngày nay các dãy phố đã bao lần được kiến thiết lại,

nhưng vì đất đai quá hẹp, và đường sá chiếm hết phần đất làm vỉa hè, thế nên nhiều lần cố gắng tái thiết mà vẫn không được rộng rãi.

Vì là một thị trấn chánh thức của tỉnh, nên quang cảnh lúc nào cũng tấp nập, náo nhiệt, sinh hoạt mua bán rất phồn thịnh. Dân số thành phố ngày một thêm đông.

Trên đường, đủ các loại xe hơi, xe gắn máy đầy dẫy.

g) Các hí viện

Xưa kia, tỉnh Tây Ninh chỉ vồn vẹn có một rạp hát cải lương tọa lạc tại cuối đường Huỳnh Văn Lại, một khoảng đất rộng nằm ở phía sau Công sở xã Thái Bình (tức là Công sở xã Thái Hiệp Thạnh bây giờ). Thời tiền chiến từ năm 1928 đến năm 1932, vùng này rất phồn thịnh, nơi tụ họp đủ các thành phần trai tứ chiến, gái giang hồ. Thời bấy giờ, đường sá chưa có điện nhưng mỗi góc đường đều có một trụ đèn đốt bằng « khí đá », hể mỗi chiều đều có nhân viên Sở Trường Tiền (Công Chánh) chia nhau đi đốt đèn. Rạp hát cũng dùng đèn khí đá, hoặc đèn măng xông.

Rạp hát cũ ở đường Huỳnh Văn Lại, lâu năm hư nát, chủ nhân dỡ bỏ luôn, vì không đủ sức xây cất lại.

Ba năm sau, mới có rạp hát Kassy do người Ấn làm chủ, xây cất tại khoảng đất ở góc đường quốc lộ 22 (đường đi Vịnh) và đường Trần Hưng Đạo. Rồi chẳng bao lâu, người Ấn ấy sang rạp lại cho một người Hoa Kiều, đổi tên lại là « Lạc Thành ». Chủ mới là ông Tân Nguyên Thành, có hãng xe đồ chạy đường Sài Gòn Tây Ninh.

h) Tại mé rạch Tây Ninh

Cách chợ cá chừng 200 thước, gần nhà máy xay lúa Năm Dong¹³, ngay góc đường Nguyễn Văn Buon, Huỳnh văn Lại, ông Nguyễn Văn Dong, tục gọi Năm Dong, cũng xây cất một rạp hát trệt, hợp tôle, lấy tên là Thanh Sơn, từ năm 1942. Hiện nay rạp này chiếu phim thường trực, thỉnh thoảng cũng có các đoàn cải lương ở thủ đô về trình diễn.

Tại Trảng Dài, đường đi tòa thánh Cao Đài, một cựu giáo viên, ông Nguyễn Văn Hảo xây cất một rạp hát mang tên ông. Rạp cất trong vòng rào trại cửa cũng của ông, địa thế vắng vẻ, xa châu thành, nên chỉ dùng cho các gánh nhỏ trình diễn.

i) Cầu Quan

Muốn vào chợ Tây Ninh, phải qua một cầu đúc beton 3 nhịp. Cầu này ngay dưới dốc tòa hành chánh đường Phan Thanh Giản, phía bên kia chợ là đường Gia Long cũ. Cầu được cơ quan AKROF xây cất năm 1924 với kinh phí là 8.000 đồng do quỹ công nho xã Thái Bình thời bấy giờ đài thọ.

Đúc bằng beton nên cầu rất vững chắc, bề rộng bốn thước, hai bên có lối đi dành cho người đi bộ, mỗi bên rộng 8 tấc, có lan can.

Trong thời kỳ hậu chiến 1954 đến nay, cầu đã nhiều lần hư hỏng, được Ty Công Chánh tu bổ lại, nhưng vẫn còn để y kiểu mẫu cũ chớ không thay đổi.

Cầu này được dân chúng ở đây kêu là cầu Quan. Cầu bắc ngang rạch Tây Ninh qua khu phố chợ.

QUANG CẢNH VỀ ĐÊM QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ

Trải xem các đường phố trong châu thành qua mọi ngành sinh hoạt như đã trình bày, giờ đây chúng tôi rảo bước đi thăm các quán ăn, quán giải khát phía bên kia đường Trần Hưng Đạo, Phan Thanh Giản, đường Quang Trung, Xóm Chùa, Yết Ma Lượng... Những nơi đây, phố ở theo mặt đường cũng như nhà ở trong xóm, phạm vi châu thành, hàng quán lô nhô khoe màu sắc. Các quán giải khát : quán ăn, bên trong chuyền nhiều ngọn đèn ống, đèn màu bóng nhỏ lơ mờ gần trên các chậu kiểng xanh, đứng ngoài trông thật nên thơ quyến rũ. Mỗi nơi có một sắc thái đặc biệt, độc đáo. Giăng giăng các bảng hiệu phô trương : Đồng Quê, Quê Hương, Tây Biên, Việt Anh, Thăng Cuội, Quán Tranh, Trăng Rằm, Quán Mường, Thu Hằng... Tính ra, có ngót năm, bảy chục quán bán về đêm. Mỗi quán đều trang trí khác nhau. Đáng chú ý hơn hết có quán Việt Anh, vị trí tốt nằm sát mặt đường, phía sau là con rạch Tây Ninh. Chủ nhân khéo sắp đặt, hoa kiểng chưng bày rất hấp dẫn. Khách ngồi day mặt ra bờ rạch thưởng gió mát trăng thanh, nhìn xem sóng gợn lao xao. Kìa dưới ngọn đèn mờ ảo, đôi cặp thanh niên nam nữ kề bên nhau tâm sự. Những bản nhạc âm thanh nổi gợi lên, khi trầm khi bổng, say sưa lòng du khách. Đó là một trong những quán điển hình của Tây Ninh.

Chúng tôi thả bộ vòng vô Xóm Chùa Thiên Lâm khu Yết Ma Lượng. Đường phố vắng vẻ yên tĩnh, nhưng cũng có những quán nép mình trong một khung cảnh tĩnh mịch. Trở ra đổ xuống xóm ; nhà thờ sau trường tiểu học, chúng tôi thấy có rất nhiều quán nằm rải rác theo các con đường khu

vực này ; cũng có vài ba quán nhậu, bán thịt nai, bò, cua, cá... không kém gì các nơi khác. Quán nào cũng đông khách ăn uống, tới 11, 12 giờ đêm giống như thuở thanh bình. Đây là những quán, nằm trong chân thành bán về đêm nhộn nhịp.

Biết qua sự mua bán về đêm trong các nẻo phố phường ở đây rồi, chúng tôi hướng về phía cầu Lâm Vồ, đường đi vô núi Điện Bà. Vòi vọi xa xa, đèn đuốc giăng giăng trên đỉnh núi. Riêng một vùng cô tịch chiếu rọi trên đôi cây ngọn cỏ lơ mờ, đó là đồn binh địa phương quân trấn đóng canh phòng vùng biên giới, vị trí được đặt trên ngọn núi này.

Vùng Long hoa : đất đạo

Chúng tôi lại men chân, đến vùng Long Hoa đất đạo, bằng con ngựa sắt (Mobylette xanh) để xem qua cách sinh hoạt về đêm ở đây ra sao ?

Từ Tây Ninh chúng tôi đi theo con đường liên tỉnh 13 vô tới tòa thánh 4 cây số, con đường tráng nhựa, bằng phẳng, từ Tây Ninh đi vô ; hai bên nhà cửa san sát đông ken. Hàng quán cũng rải rác góp mặt. Có những bàn bi da đầy khách vui chơi. Các quán đèn đuốc cũng giống như châu thành chỗ tối chỗ sáng.

Con đường này, xe cộ chạy ra vô cũng khá đông. Tới Trảng Dài, thấy có những lò xay bột mì nằm dọc theo bên trong con lộ. Tới tòa thánh, lúc nào cũng có người qua lại, lớp đi bộ, lớp đi xe, quang cảnh tấp nập.

Vô tới cửa Hòa Viện, chúng tôi trở lại đi vòng theo vách thành ngoại ô xuống chợ Long Hoa. Chợ này cất bốn cánh

theo kiểu chợ Nam Vang, chung quang phổ xá khang trang, bán buôn rộn rịp, không kém châu thành Tây Ninh. Ngay trước phố chợ, những chiếc xe đồ kiểu tân thời, túc trực để mỗi sáng đưa rước khách đi Sài Gòn.

Tuy xa châu thành, nhưng quang cảnh Long Hoa về đêm có vẻ huyền ảo hơn. Nhà cửa ở ngoại ô tòa thánh đông đảo. Đất rộng mênh mông chia nhiều lô. Đường xá xẻ ngang xẻ dọc giống như khu bàn cờ Sài Gòn.

Trong những khu đất cho tới ngoài mặt chợ, vườn tược sum sê, cây trái sai oằn. Ban đêm rất yên tĩnh. Nhà này qua lại nhà kia rất dễ dàng không bị hạn chế, đi giờ nào cũng được. Ở vùng này, ít khi xảy ra những chuyện cướp giật lôi thôi.

Từ lâu nghe đồn xứ Tây Ninh nghèo khổ, thường bị chiến tranh đe dọa : nhưng hôm nay quan sát tận mắt, từ trong châu thành cho đến ngoại ô cách 4 cây sô vùng Long Hoa đất đai, chúng tôi như người vừa tỉnh mộng. Quả thật nơi đây đời sống đồng bào rất sung túc. Quán xá đông khách. Tiền bạc luân lưu dồi dào. Con người thơ thới, tâm an trí tịnh. Ban ngày làm lụng, ban đêm sinh hoạt, giải trí vẫn tự do. Cuộc sống yên lành.

Tây Ninh ngày nay, so với các tỉnh miền đông chỉ thua Vũng Tàu, Biên Hòa, chứ không kém tỉnh nào khác. Người dân Tây Ninh thường khiêm tốn, tuyệt đối không phô bài lỗ lã, mà phong độ vẫn hào hoa phong nhã. Nhìn chung Tây Ninh ngày nay có phần phồn thịnh hơn.

Về tình hình nội an, hành chính, Tây Ninh chia làm ba

khu vực riêng biệt :

Khu vực phía bên cầu quan đường Gia Long là khu chợ búa, rạp hát, quán ăn, bến xe đò, nhà ngủ...

Khu vực phía bên bờ rạch đường Phan Thanh Giản, Quang Trung, Trần Hưng Đạo, là khu hành chánh và quân sự, gồm các ty sở được xây dựng từ trước. Ty Ngân Khố, ty Thông Tin, Tiểu Khu, ty Cảnh Sát, ty Điền Địa, ty Công Chánh, ty Tiểu Học, Tòa Án, bệnh viện đều nằm bên phía tòa hành chánh tất cả.

Khu vực đạo Cao Đài nằm riêng biệt, xa châu thành 4 cây số ngàn, trong đó có chợ búa, phố xá cất chung quanh chợ Long Hoa. Bán đủ hàng hóa nhà in, nhà sách, tiệm kim hoàn, tiệm radio-tivi, hiệu xe gắn máy, hàng vải đủ loại.

Dân số đông đúc, phần nhiều là tín đồ đạo Cao Đài các nơi về ở khu vực trong đất đạo.

Thế thì Tây Ninh đang vươn mình trên đà phát triển về mọi mặt, đêm cũng như ngày mạch sống đang lên.

TÂY NINH NĂM 1972 QUA SỰ SINH HOẠT 2 NGÔI CHỢ TRỜI : GÒ DẦU HẠ VÀ PHƯỚC TÂN

Nói đến lịch sử tỉnh Tây Ninh qua nhiều thành phần như đã trình bày, thiết tưởng cũng cần tìm hiểu qua sự sinh hoạt của hai ngôi chợ trời có tiếng từ trước đến giờ là chợ trời Gò Dầu Hạ ở quận Hiếu Thiện, và chợ trời Phước Tân ở quận Phước Ninh, mỗi nơi đều có một sắc thái riêng biệt, hai nơi này đã giúp biết bao người thương mãi giàu có trở thành triệu phú, như chúng ta đã thấy.

Quận Gò Dầu Hạ xưa kia phố xá lụp xụp, mua bán ế ẩm, đời sống dân chúng địa phương không phát triển gì cho lắm, từ ngày có chợ trời nhóm họp trở lại đến nay, lắm người giàu ngang xương, nhà cửa được xây cất khang trang, so sánh trước kia từ 1943 đến 1972 quận Gò Dầu Hạ đã đổi thay với bộ mặt mới, dân chúng về cư ngụ ngày càng đông, chợ búa nhóm họp tối ngày, kẻ tới người lui quang cảnh trở nên rộn rịp, xe cộ đi từ đoàn lên xuống chợ trời suốt ngày, có phải nhờ chợ trời mà thị trấn Hiếu Thiện ngày nay thêm phần khởi sắc

a) Tìm hiểu sự thật mặt, trái của ngôi chợ Trời – Gò Dầu Hạ biên giới

Chợ trời Gò Dầu Hạ là ngôi chợ vĩ đại vào bậc nhất lãnh thổ trong 6 chợ ở dọc biên thùy. Có thể nói chợ này đứng vào hạng đàn anh, khai lộ tiên phong cho các chợ khác, bởi vì ngay khi Cao Miên thâm hời nền độc lập vào cuối năm 1953 đến cuối năm 1954, chính phủ Hoàng gia Campuchia ngưng hẳn việc giao thương với Việt Nam, thì những người buôn bán ở gần biên giới trao đổi hàng hóa ngay tại trạm kiểm soát, chỗ xe đò Sài Gòn Nam Vang đậu chờ làm thủ tục nhập cảnh. Từ đó những nhóm người « trang bị » bằng cái thúng, cái xách tay lần khuếch đại bằng đồ nghề buôn lớn và nhiều thêm ra cũng như số người gia tăng đông đảo hơn, biến thành chợ hẳn hoi. Danh từ « chợ trời biên giới » phát sinh lúc ấy và tồn tại đến ngày nay.

b) Địa thế

Biên giới Việt Miên tại Gò Dầu Hạ được ấn định ngay trụ cây quốc lộ số 1, trụ này mang số 1973 nghĩa là quốc lộ bắt đầu từ Bắc ngay ngã tư sở Hà Nội là con số 0 lần vào Huế, Sài Gòn lên Nam Vang, đến xã An Thạnh khỏi chợ Gò Dầu Hạ 10 cây số ! Bên đất Miên thuộc xã Bavet, quận Svay Rieng.

Đúng theo luật quốc tế thì hai trạm kiểm soát phải cách nhau 1 cây số. Khoảng đất trống này là vùng trái độn. Ngay sau khi được độc lập, hai quốc gia Việt Miên giữ đúng quy luật ấy. Du khách đến trạm này rồi phải đi 1.000 thước mới đến trạm kia. Giữa khúc đường ấy không có nhà cửa gì cả. Chính nơi đó là chỗ xuất phát của chợ trời biên giới. Dân buôn bán hai nước họp nhau trên lề đường, trao đổi hàng hóa ; tuy nhiên có nhiều người lại đi thẳng qua khỏi cổng vào hẻm đất Miên và quây quần trước trạm kiểm soát tạo thành một loại chợ trời lộ thiên chồm hồm.

Đầu năm 1956, tại trạm kiểm soát Cao Miên có lệnh bắt buộc phụ nữ Việt Nam sang buôn bán phải mặt chần như người Miên ; người nào không tuân lệnh bị đuổi về. Lệnh này nghe đâu đã được áp dụng ở các xã Prasath, Bavet, Mesothngot, phụ nữ Việt Kiều không được mặc quần nữa ! Các bà, các cô phải sắm cái chần bằng hàng để xếp bỏ trong thùng, khi sắp qua cổng thì vo hai ống quần lên đầu gối, mặc chần vào. Buôn bán xong, đi khỏi cổng một khoảng, cởi chần ra, bỏ ống quần xuống về đất Việt. Mấy bà miền Bắc mới di cư không biết vo quần như phụ nữ miền Nam hoặc không thể vừa mặc chần vừa mặc quần phải núp dưới bờ ruộng cởi quần ra mặc chần vào. Và khi trở về cũng vậy.

Một thông tín viên báo chí ở Nam Vang nghe tin, đến tận

nơi chụp ảnh, lấy đủ tài liệu đánh điện về cơ quan Thông Tấn và 3 tờ báo ở Sài Gòn. Bộ Thông Tin Cao Miên bèn gửi công văn hỏi ông tỉnh trưởng Svay Riêng có ra lệnh ấy không ; cố nhiên ông tỉnh trưởng trả lời rằng không ! Bộ này căn cứ vào giấy mực, đề nghị trục xuất kẻ loan tin thất thiệt ! Nhà ký giả bèn trình bằng cứ xác thực, được ông bộ trưởng cho mở cuộc điều tra và biết rằng viên Trùm trưởng trạm kiểm soát tự ý ra lệnh như thế, bèn lập tức hủy bỏ. Phụ nữ chưa hay tin mắc chần vào đất Miên bị đuổi về, người nào mặc quần thì được ! Tuy vậy, anh chàng viết báo vẫn bị bắt vào chuồng rệp 3 ngày và trục xuất về Sài Gòn.

Trước mãi lực càng ngày càng gia tăng mà chính phủ Miên không thu được một sắc thuế nào chánh thức đánh vào các loại hàng bán qua Việt Nam, nên tình hình có lệnh cấm không cho buôn bán ở biên giới nữa. Người Miên không được bán hàng hóa, người Việt không được đi qua khỏi cổng, kẻ bất tuân lệnh sẽ bị bắt về tội nhập cảnh không giấy tờ hợp pháp.

Một số đông người miên gánh, vác, khiêng, chở bằng xe đạp các thứ hàng do thân chủ Việt dặn, đi vòng ngoài ruộng, cách xa quốc lộ lổn ngằn thước. Nhân viên quan thuế ngó thấy rõ ràng và làm ngơ cho đồng bào họ kiếm ăn !

c) Chợ trời họp ban đêm

Bên Việt không chịu kém, nghĩ ra cách khác, họp chợ giữa đồng ruộng, cách trạm hơn ngàn thước và họp ban đêm, từ sụp tối đến 2,3 giờ sáng. Chợ họp dưới ánh đuốc, ánh đèn nên gọi là Chợ Ma. Họp như thế nhân viên chánh quyền cả

hai bên không thể đi xa quá trụ sở để bắt cả một khối người đông bằng... cái chợ nên dân chúng tha hồ. Chợ nhóm theo lối chồm hồm nên có thể di chuyển dễ dàng, không có hàng quán nhất định, vì thế có khi các thân chủ đồng ý đi xa một chút, lẩn qua ranh giới Cao Miên, có khi lùi về đất Việt tùy theo số hàng hóa công kênh khó di chuyển.

Cuối năm 1958, chính quyền địa phương Cao Miên cấm không cho họp chợ trên đất Miên, dân chúng giải tán, rồi gom trở lại hai bên quốc lộ số 1. Vì số người buôn bán càng ngày càng gia tăng làm cản trở sự lưu thông nên sau vài tháng chợ phải dời ra giữa ruộng, cách trạm lối 200 thước và họp suốt ngày, đêm từ tờ mờ sáng đến 1,2 giờ khuya ! Tình trạng này kéo dài suốt năm 1959. Bấy giờ chính phủ Cao Miên xây cất thêm nhiều công ố sát lẩn ranh, nghĩa là sang phân nửa vùng đất làm khu trái độn. Bên Việt cũng vậy, nhiều ngôi nhà được mọc lên gần hàng rào kẽm gai cấm theo ranh đất. Trên mặt đường có một cổng cao và hai cánh cửa lúc nào cũng khép lại. Khi nào du khách hoặc xe cộ trình giấy xong mới mở ra.

d) Chợ Trời dời địa điểm

Đầu năm 1960, chợ Trời lại dời ngay lên lẩn ranh, phân nửa bên này, phân nửa bên kia và lui vào thật xa, cánh trạm kiểm soát gần 2.000 thước. Chợ họp dưới dòm cây thốt nốt nên có tên là chợ Thốt Nốt. Đồng bào ta gọi như thế để phân biệt với chợ ngoài lề đường gọi là chợ Cũ.

Chợ họp được hai năm liền, đến năm 1962, vấn đề an ninh không thể nào đảm bảo được vì quân lực ta khó thể di

chuyển từ trạm đến chợ cách xa lối 2.000 thước và sát đất Miên.

Nhận thấy điều bất lợi này, quận trưởng chế độ Sài Gòn Gò Dầu Hạ kêu gọi các thân chủ chợ Trời nên dời gần trạm kiểm soát, nhưng một nhóm người trục lợi lại hô hào người Miên và người Việt kiều cứ họp ở chỗ cũ để câu đồng bào ta. Hai bên giằng co một thời gian, ông quận trưởng bèn dùng một mưu chước rất hay : huy động tất cả người buôn bán nhất tề dời quán lều về gần trạm kiểm soát của ta, cách quốc lộ lối 500 thước. Dưới sự yểm trợ của quan đội, đồng bào bất chấp lời kêu gọi, níu kéo của đám người bên kia, bình yên dời chợ về địa điểm mới. Vừa hừng sáng, nhân viên ta vào chợ giữ an ninh cho đồng bào buôn bán. Đám người Miên và Việt Kiều cũng phải đem hàng hóa đến chợ tiêu thụ. Chợ Thốt Nốt không còn lý do tồn tại nữa.

e) Hình dáng chợ Trời

Dời về địa điểm mới, các thân chủ chợ Trời vẫn giữ lều, quán và sạp riêng biệt từng cái che, cất gần nhau không có trật tự và vệ sinh gì cả. Mạnh ai nấy lo phận mình, sao cho xong qua mấy giờ đổi chác thì thôi.

Vào tháng 4 năm 1963, chợ Trời bị dẹp hết vì vấn đề vệ sinh. Hàng quán của ai nấy dỡ đem về nhà hay bán mắc bán rẻ cho người khác. Mảnh ruộng thoát chốc đã trống trơn như cũ. Nhưng bạn hàng không thể nhất đán bỏ nghề được, họp nhau trên bờ ruộng.

Người bán hàng mượn lợp mỗi căn 20.000 đồng, đóng

thuế cho chủ đất từ 10 đến 20 đồng trong năm 1963. Năm 1967, thuế đất lên 100 đồng và 200 đồng. Người nào không có chỗ phải san lại mỗi căn 40.000 đồng. Ngôi chợ này tồn tại đến năm 1972, chúng tôi có đến tận nơi quan sát điều tra. Đứng ngoài quốc lộ nhìn vào hai dãy chợ bằng tôn nằm dài giữa ruộng như miếng đường thu hút hai bầy kiến. Đồng bào theo bờ đê hình thước thợ gồng gánh, thồ bằng xe đạp, đi bộ xách tay, đội trên đầu, ra, vào từ sáng đến xế chiều. Tổng số xe đạp thồ hàng cả hai bên Miên Việt là 200 chiếc ! Trong chợ, mỗi dãy chia làm nhiều căn, mỗi căn là một chủ. Căn này dọn quán ăn, căn kia để chứa hàng không có bàn ghế gì cả, căn khác để cái sạp tre bày hàng hóa. Người nào bán chút ít như vài chục đôi dép, 15 con gà thì ngồi dưới đất trước các cửa hiệu ! Không ai để tên quán tên cửa hàng gì cả. Khách cứ tìm món hàng mà mua. Suốt 3 dãy hàng trăm căn không buổi nào trống một căn. Bên ta chiếm 2 dãy, bên Miên 1 dãy, còn một số đông người ngồi theo hè đếm không hết.

f) Giờ ấn định nhóm họp chợ Trời

Giờ họp chợ được ấn định lại, từ tờ mờ sáng đến xế chiều khoảng 3 giờ. Người đi sớm nhất vào 5 giờ sáng, phải đốt đuốc, hoặc cầm đèn, có người đi từ 4 giờ, ánh đuốc lập lòe di động trong đêm tối giữa đồng ruộng như một đoàn ma trơi !

Bên Miên cũng vậy, một số người buôn bán ở tại xã Bavet, ta gọi là Trông Cát, cách biên giới lối 1 cây số, hễ thấy ánh đèn trong chợ thì lục tục kéo vào. Từ đó đến trưa là khoảng thời gian sinh hoạt chính thức của chợ Trời. Bên Việt đến, bên Miên sang, thiên hạ lũ lượt kéo nhau tấp nập đến tấp

kia, đoàn người này nối đoàn người khác. Chẳng mấy chốc những đám lúa xung quanh chợ phát tốt bất ngờ như được bỏ nhiều phân. Một vị đại thương gia tên ông Hoàn ở chợ Gò Dầu Hạ nhận thấy đó là một nguồn lợi to tát định mua khoảnh đất ấy để trồng cải chắc chắn lá sẽ nở to, thân cao ngồng như loại cải của Cống Quỳnh. Giá như còn mồ ma ông chủ lò đường Huỳnh Ngọc Tiệm thế nào ông ta cũng tranh mua với ông Hoàn để nắm độc quyền món lợi quan trọng này.

Dọc theo quốc lộ, cách trạm kiểm soát lối 200 thước có hai dãy nhà của đồng bào mới cất tạo thành một xóm ấp trù phú. Xưa kia nơi này còn là đồng ruộng hoang vu. Đây là nhà của thân chủ chợ Trời. Ban ngày họ vào bán, chiều về.

g) Thế thức vào chợ trước 1945

Không phải đồng bào toàn quốc người nào cũng vào chợ Trời Gò Dầu Hạ dễ dàng như đi chợ... Gò Dầu Hạ. Tại đầu dốc sang sông Vàm Cỏ Đông, có tấm bảng ghi dòng chữ cấm người ngoài tỉnh Tây Ninh không được đến vùng biên giới. Như vậy có nghĩa là chợ Trời biên giới này chỉ để dành riêng cho đồng bào tỉnh Tây Ninh mà thôi.

Đồng bào các nơi đến chiếc cầu cao và dài sẽ có đủ 1001 phương kế để tiến sát đất Miên và tha hồ mua sắm hàng hóa bị cấm ở thị trường.

Trước khi xe lam ba bánh ra đời, đồng bào đi từ chợ Gò Dầu Hạ đến biên giới bằng xe máy dầu lò, mỗi xe chở từ 10 đến 15 người. Dần dà xe lam lấn áp loại xe cũ. Hành khách

thích đi hơn vì ngồi thoải mái, không sợ té, chở đồ đạc trên mui dễ dàng và giá cũng bằng nhau : 10 cây số 5 đồng. Số xe trên khoảng đường ngắn ngủi này nhiều không thể nói ; 110 chiếc, vừa lam, vừa mô tô lô. Mỗi ngày anh em tài xế thức sớm ra bến ghi « tài » nghĩa là sắp số thứ tự, ai đến trước, đi trước không có sự giành giật lô thôi. Ngoài ra có gần 30 xe lam « không tài » nghĩa là chạy tự do, ai thuê cả cuốc thì đi. Riêng ở chợ Gò Dầu Thượng, cách đây 2 cây số có 50 xe lam cũng chuyên môn đi chợ Trời mà đi từ 3, 4 giờ sáng. Vì quá đông nên suốt ngày mỗi xe chỉ đi được chuyến đi chuyển về, họa hoằn lắm mới được hai chuyến. Lúc nào chợ Trời không bị cấm thì mỗi xe « mần » được 3 cuốc. Xe nào cũng cố gắng triệt để chuyển mình được đi bằng cách chở khách lên tận trên mui.

Không có xe hơi, khoảng đường trống trải, tha hồ lạn hết ga ! Từng bầy trâu đi nghiêng nganh giữa lộ tỏ vẻ không sợ ai cả.

Đồng bào đi chợ Trời chỉ có con đường duy nhất này. Người ở ngoài tỉnh Tây Ninh, khách có thể nhờ một người quen ở Gò Dầu Hạ xin phép cho đi chợ chơi một chuyến cho biết với người ta, hoặc xin đi mua vài món đồ lạ khó kiếm ở Sài Gòn. Đó là một lối thoát cho kẻ muốn du ngoạn.

Ngoài 110 chiếc xe lam và xe mô tô lô, hiện nay trên quốc lộ 1 xuất hiện 4 loại xe mới : honda ôm, Suzuki ôm, môbilê ôm, yamaha ôm do các tay anh hùng mặc quần áo kaki lái. Đồng bào tỉnh khác đi xe này được đảm bảo không bị xét hỏi, không bị mời trở về, nhưng phải trả giá rất cao, thay vì 20 đồng khứ hồi phải 100 đồng hay 200 đồng hai lượt

đi và về. Gặp lúc có lệnh cấm hay nhằm ngày tết, các Việt Kiều hồi hương cần thăm bà con, các ông chém thẳng tay : mỗi ngày 1.000 đồng đến 2.000 đồng. Mấy ông Hoa kiều bị chém nặng hơn, cố nhiên ! Các tay anh hùng làm ăn đảng hoàng không ai dám cản trở lời thôi ! Thật là một nghề chóng phát đạt hơn hẳn anh em chở ở Sài Gòn.

Một phương pháp khác nữa là trong số xe lam có ông lãnh chở nguyên cuộc 10 hay 12 người kèm theo « vấn đề điều đình và bảo đảm » đi, về yên ổn. Tùy theo sự trả giá và tình trạng hiện tại có cần thẳng hay không, giá tiền từng người sẽ lên xuống từ 200 đến 500 một mạng. Ông tài xế lãnh mỗi dám thề nặng rằng mình phải chia số bạc này chớ không thể nuốt trọn gói.

Có khi bà con ngồi xe du lịch từ Sài Gòn lên cũng có thể « điều đình » vào tới ấp Lợi An gần biên giới rồi vào thăm chợ vài giờ dễ dàng. Mỗi tình đồng bào trong hoàn cảnh này xét ra thật vô cùng thảm thiết. Thế nên hơn 10 năm nay người nào muốn biết chợ Trời Gò Dầu Hạ đều có thể đến tận nơi « nghiên cứu » tại chỗ kỹ càng. Tăm bắng cấm người ngoài tỉnh Tây Ninh không được vào vùng biên giới bị mờ dần vì mưa, nắng mà không ai buồn thay tấm khác hoặc kẻ chữ lại bắng sơn mới. Có lẽ người ta cho rằng nó không được ai chiếu cố nồng nhiệt lắm nên đành bỏ mặt nó tro trên với tuế nguyệt, phong ba. Ai chưa từng du ngoạn vùng biên giới tuyến ấy có thể nhờ mấy ông này làm tay cố vấn hoặc dắt đường « chắc ăn » không thể nói.

h) Hàng hóa trong chợ

So sánh với 5 chợ trên thì chợ Trời Gò Dầu Hạ có điểm đặc biệt hơn hết là món hàng nào cũng có, từ món nhỏ nhất đến lớn nhất, đắt tiền nhất hoặc khó di chuyển nhất. Nguyên do có thể nói là nhờ địa điểm thuận lợi do sự chuyên chở từ Nam Vang xuống và từ chợ về Sài Gòn.

Thử tạm liệt kê tên các món hàng hiện diện hàng ngày ở chợ. Bên Cao Miên có : cam, me, dầu gió, lựa Mỹ á, xà bông thơm nội hóa, khô cá xủ, cá lóc, cá tra ở biển hồ, cá xấy, dếp cao su, gà, cá biển hấp ở Kampot, đậu xanh, lạp xưởng, bún tàu, đậu nành, hột é, khi đốt, khi con phải đặt trước mới có.

Hàng Pháp có : các thứ rượu Martell, Dubonnet, Pippermint, Anis, Gin, nước suối Vichy, bơ Bretel, xì dầu Maggi, bánh bích quy Lu, bánh xêm banh, Chocolat, thuốc trụ sinh, thuốc chích không có ở Việt Nam.

Hàng Trung Quốc có : dầu cù là, bút máy, bình thủy hiệu kim tiền giỏ tre, thuốc uống thuốc chích cho mập, thuốc trị ung thư, thiên pháo, chén kiểu, đĩa kiểu, đĩa sơn màu đen, đỏ, gào mên, thau đựng nước tráng men, rượu ngũ gia bì, mai quế lộ, radio xài bằng dầu lửa...

Bên Việt Nam có các món đồ làm bằng nhôm, vải màu, vải bông, xà bông, thuốc bastos, đồ phụ tùng xe đạp, xe mô tô, dầu xăng, xe máy dầu honda, nước mắt Phú Quốc và Phan Thiết vô ve, rau cải Đà Lạt, các loại trái cây tùy theo mùa như chôm chôm, xoài, măng cụt, dưa hấu, bàn ghế giường, phản, tủ gỗ, ghế ni lông, sách, tạp chí Việt ngữ, như truyện Tàu, kiếm hiệp, phổ thông, thời nay, tiểu thuyết tình cảm, bản nhạc, sách học ngữ pháp, chữ Anh, cả đến cám cho

heo ăn cũng có.

Hàng Hoa Kỳ : có nhiều vô số vì người Miên thích xài những món không có ở Nam Vang, cũng như ta ưa hàng Pháp, Tàu. Có thể nói hầu hết hàng trong PX Mỹ đều có ở chợ Trời ! Con nít Miên lấy hộp lave không làm xe tăng kéo chơi rầm rộ ! Rượu whisky, nước ngọt vô hộp, bánh kẹo, truyền hình, radio, xà bông bột, ly, chén, đĩa, muỗng, valy da, ống vố, thuốc thơm.

Chen lẫn vào bấy nhiêu món ấy, có những món có người đặt mua như : đinh loại lớn nhất mua để làm chông, giấy quay ronéo và thuốc trụ sinh, thuốc tây mỗi lần cả cần xé. Một số nhà thuốc ở Sài Gòn nhờ ngả này mà phát giàu ngang xương.

i) Chợ trời muôn mặt, thủ đoạn của bọn gian thương

Phong trào mua bán lậu càng thịnh hành càng nảy sinh chuyện làm đồ giả mạo. Dầu gió hiệu Con Ó 1 ve, có kẻ pha làm 3, 4 ve. Hàng bông hoặc trơn màu trắng đem nhuộm mặc mưa nói gạt là hàng Mỹ A bán 600đồng, 700đồng 1 quần. Hàng này dẹt chỉ đứng, khi rách sẽ rách ngang. Hàng thiệt là 1.400đồng, 1.500đồng ! Nói về rượu, có rất nhiều thứ giả. Nếu người nào biết thóp của chúng đòi khui ra uống thử thì chúng nói thứ này là loại nước nhè dở hơn nước nhất ! Rượu mà có nước nhè, nước nhất quả đúng là sản phẩm của đồng bào Tô Định, Tào tháo ! Loại cù là sản xuất ở Thái Lan đựng trong hộp thiếc màu vàng in chữ đỏ được làm giả rất khéo. Người mua xài lớp trên là cù là thiệt, lớp dưới dày 9/10 là sáp pha màu vàng ! Người nào cẩn thận nên nhờ bạn quen

ở tại chợ mua giúp mới có thể khỏi mất tiền toi.

Nói theo sách vở « buôn lậu chóng giàu », nhưng các thương gia ở chợ Trời có người suýt tự vận vì lỗ vốn : oái ăm nhất là kẻ có nhiều tiền, buôn to bị sạt nghiệp mới lạ. Kẻ ít vốn bán món nào có lời ngay món ấy, món nào xét không lời thì không mua. Người có vốn nhiều lại tính khác hơn, đập vố nào cho đáng vố ấy, rủi ro ngã xuống thì nằm luôn. Đây là một trường hợp điển hình : Cam và Me.

Cam ở tỉnh Battambang mỗi trái vốn 4 đồng rịa (trong năm 1967), tiền chở hai chặng : xe lửa xuống Nam Vang, xe hơi xuống chợ Trời, mỗi xe cam nhông cộng với thuế là 30.000 rịa, chưa kể tiền hối lộ dọc đường từ chợ Svay Riêng đến biên giới. Mặc dầu chính phủ Cao Miên cho phép bán thổ sản một cách không chánh thức ra nước ngoài với một số thuế quan, nhưng dưới mắt các quan ở những trạm kiểm soát thì món hàng nào chở ra chợ Trời cũng đều là hàng lậu tuốt luốt ! Người bán phải « biết điều » nếu không thì đừng mong yên ổn làm ăn ! Đó là « luật lệ mồm » bất di bất dịch của quý quan.

Xe lam ngừng ngoài quốc lộ, chủ mướn xe đập chở từng bao vào chợ giao cho người chủ vừa bán lại bán hàng ăn tiền hoa hồng gọi là tiền ngọn. Giá cam tính theo thị trường Sài Gòn chỗ người bán không thể ấn định, vì bán hàng tính bán lại có lời mới mua, mắc quá họ không nhận thì người bán đem đi đâu ? Chở về nhà ư ? Giá sỉ một trái cam tại chợ Trời là 12 đồng về chợ Gò Dầu Hạ 13 đồng, Sài Gòn 20 đồng, bán lẻ ở chợ Bến Thành 24 đồng vậy mà tính ra người bán cam lỗ vài chục ngàn một xe, nguyên do vì giá cam ở Sài Gòn không

thể bán cao hơn nữa vì tiền Việt Nam sụt giá so với tiền Miên : 100 ría đổi 296 đồng ! Vốn 1 trái cam ở Battambang 4 ría là 12 đồng rồi mà chỉ bán lại 12 đồng thì lỗ sớ phí ! Người bán đâu có lấy tiền được ngay vì chủ vừa bán chịu cho bạn hàng, bạn hàng chở xuống Sài Gòn bán cho nhà vừa phải chờ gom tiền đem trở lên trang trại có khi nửa tháng, 20 ngày mới xong một chuyến. Trong khi ấy, người bán chở xe khác đến mong gỡ xe trước, hoặc chịu lỗ thêm. Cứ thế, tấn tuồng tái diễn hoài hoài, người bán bám vào 1 điểm hi vọng, tuông tiền túi ra tiếp tục gánh sự thất bại như con bạc lỡ thua phải đánh bạc để gỡ ! Một thiếu phụ Việt Kiều chuyên bán hàng Nam Vang ở chợ trời đã đút đầu vào thòng lọng vì quá lỗ sau khi bán 10 xe cam. May có người cứu kịp, bây giờ mới còn sống bán khô cá lóc để kiếm chác lại phần nào.

Đó là một vụ điển hình sự lỗ lã và còn nhiều vụ khác nữa.

j) Ngày tết ở chợ Trời

Giữa thời cực thịnh, ngày tết ở chợ Trời nhộn nhịp và tưng bừng hơn các chợ chánh thức địa phương. Người mua bán ra, vào tấp nập hơn và số đồng bào thăm thân nhân ở đất Miên ra gia tăng gấp bội. Hàng hóa riêng biệt cho ngày tết tấp nập vào đầy nghẹt các sạp, các quán đến nỗi nhiều người phải bày dọc theo bờ ruộng. Rau cải Đà Lạt đứng hàng đầu vì ở Cao Miên quanh năm chỉ ăn toàn loại rau do người Hoa kiều tưới bằng nước phân trảng Quỳnh đã dùng khi còn sanh tiền. Bao năm bán cũng hết, thứ nào bán cũng chạy. Bạn hàng ở Sài Gòn đưa thẳng ra chợ Trời chứ không ghé bán ở chợ Gò Dầu Hạ. Bà con ở chợ này phải đi xe ra chợ Trời mua đem về

ăn tết ! Nghĩ đáng giận cho đời không ? Sự kiện này cũng nung đúc ý muốn của ông Hoàn trong vấn đề mua lại thửa ruộng xung quanh chợ Trời để lập rẫy rau hầu cạnh tranh với các đồng nghiệp ở Đà Lạt.

Thứ đến là bánh, bánh tét, bánh tổ, bánh ít, bánh in, thèo lèo, kẹo, cốm, tất cả loại bánh ngọt, mứt, rượu, trà dùng ngày tết. Bao nhiêu cũng hết, hết sạch. Người Miên thích ăn bánh của ta và của Tàu vì họ không biết làm, không đủ phương tiện làm, vì lưỡi biển không thềm làm. Đối với Việt Kiều thì đây là một dịp duy nhất trong năm để tưởng nhớ quê cha đất tổ, nên người nào cũng dành tiền mua ít, nhiều trước cúng ông bà, sau thưởng thức của các món ăn quốc hồn quốc túy. Đối với người Miên thì cũng là một dịp tốt để tiêu xài và ăn chơi. Họ đã quen ăn tết chung với ta và Hoa kiều từ nhiều thế kỷ trước nên vui vẻ đón chờ những ngày đầu xuân. Và lại từ xã Bavet, biên giới của họ muốn đi chợ phải mất 4 cây số đến Chipou, quận lỵ Svay teap, hoặc 8 cây số đến chợ xã Mêsôthngok, nên họ ủa ra chợ Trời mua sắm tiện hơn, có nhiều món hàng hơn.

Ngoài hai loại chánh thức kể trên, chợ Trời còn bán rất nhiều món xa xỉ phẩm cho kẻ thừa tiền tiêu pha trong mấy ngày tết. Hàng Hoa Kỳ được hoan nghênh số một. Người nào nhẹ túi một chút thì xài hàng Việt Nam.

GIới chạy đồ lậu thừa cơ hội hoạt động hết mình. Xe ra vô rầm rộ, nhân viên không thể nào kiểm soát kịp và kiểm soát kỹ nên các tay tổ tha hồ ra tay.

Bọn cờ gian bạc lận cũng mở rộng phạm vi định vét túi

mọi người. Bông vụ, bài ba lá, bài xanh + vàng, bầu cua, cá nai ngồi rải rác khắp chợ. Tiếng reo hò, chào mời của đám cò mồi vang lên từng chập. Những người đi chợ đồng bào nào có máu cờ bạc lúc đầu trúng một đôi cây, sau kết cuộc lại bị sạch túi không tiền về xe, bông tai, cà rá, đồng hồ cầm thế để mua đồ về ăn tết và trả tiền xe. Ngày tết ở chợ Trời muôn mặt vui buồn lẫn lộn không sao tả xiết.

VÀI NÉT VỀ CHỢ TRỜI PHƯỚC TÂN

Đã tìm hiểu qua sự sinh hoạt của ngôi chợ Trời Gò Dầu Hạ qua mọi khía cạnh về hàng hóa cũng như các mảnh khoe của bọn gian thương thao túng qua mắt đồng bào. Giờ đây chúng tôi xin nói đến vị trí của ngôi chợ Trời « Phước Tân ».

Ngã thứ năm là một tỉnh lộ nối liền Tây Ninh với tỉnh Svay Riêng. Từ tỉnh lỵ đến biên giới 19 cây số, qua ấp Tân Sinh Bến Sỏi đến xã Phước Tân, quận Phước Ninh. Tại Bến Sỏi có chiếc đò chở xe hơi, chống qua con sông bằng sào.

Bên kia ranh giới là xã Bosmon, thuộc quận Romdoul, quận lỵ tên Kompong Châk, đọc là Công Bông Chót, Việt kiều quen gọi là Chót. Trước thời khói lửa kiều bào ở Svay Riêng đi xe đạp viếng núi Bà theo ngã này. Công chức Việt kiều thường sang Tây Ninh trong ngày chủ nhật. Cũng như 4 ngã trên, tại biên giới chỉ có cột trụ xây bằng gạch trơ vơ bên lề đường. Ngày nay tỉnh lộ bị cấm hẳn. Dân chúng ở gần lẫn ranh thì tự do qua lại buôn bán công khai. Hàng hóa ? Đặc biệt có trâu, bò, heo, gà, loại sản phẩm địa phương mà người Việt cho rằng người Miên có tay nuôi nghĩa là khéo săn sóc,

chăn dắt kỹ lưỡng, mặc dầu dấu vết trên thân thể con trâu, con bò không bao giờ giống theo giấy tờ. Lối buôn bán này đã có từ thời Pháp thuộc : một số người Miên chuyên môn « dắt nhăm » súc vật của người khác đem đến biên giới phát mãi với giá hời. Tiếng nhà nghề gọi là « bán buôn đuôi ». Việt kiều và đồng bào ở gần đây rất thích món hàng bỏ này.

Món hàng sống thứ ba của chợ Trời Phước Tân là heo, bò. Người Miên và Việt kiều ở thôn quê nuôi heo để làm vốn. Heo bán qua Việt Nam được giá ở tại chỗ làng quê ít người, có khi xả thịt một con bán suốt ngày không hết. Nói đến heo ở vùng này phải nhắc đến phương pháp nuôi heo trong rừng của một người Hoa kiều, bang Triều Châu. Dưới thời Pháp thuộc, người này thuê một khu rừng hoang để nuôi heo. Ông ta mua heo con thả vào và trồng khoai lang, khoai mì khắp nơi cho heo tự kiếm ăn. Nhờ đất tốt khoai mọc sum sê, heo ăn không hết. Lớn lên heo sinh sản ra thêm và cứ tiếp tục sanh sôi nảy nở càng ngày càng nhiều. Lúc nào muốn bắt chủ nhân nhờ người đi bao lưới xung quanh lửa vào rọ, lựa con lớn đem đi, con nhỏ để lại. Mỡ heo thắng cho vô thùng, da đem chiên, thịt heo làm dăm bông, lạp xưởng. Người Việt Nam thời ấy tiêu thụ mỡ heo Nam Vang và lạp xưởng. Dăm bông và da heo gửi qua Pháp. Người Hoa kiều gọi khu rừng ấy là Tiểu Thiên địa của heo.

Ngày nay thì heo Cam Miên về Việt Nam bằng ngà chợ Trời Phước Tân thâu nạp một số lớn bò, heo, gà trong năm 1967. Chính quyền Cao Miên tự dựng cấm không cho người Miên đi chợ trời Gò Dầu Hạ. Lệnh cấm bắt thường này luôn luôn xảy ra do ông trưởng trạm kiểm soát biên giới.

Không được tự do theo ngả chánh thức trước đồn, bớt các thân chủ phải đi vòng từ trong ruộng, nhưng chỉ mang theo mình một sọt hàng ít oi thôi. Những người buôn bán lớn phải xoay qua chợ Trời Phước Tân mua bán nhưng không được thịnh hành cho lắm, vì vùng này kém an ninh, binh đội trú đóng, giới thương mãi làm chợ đen đã giảm bớt nhiều. Và trong tuần tháng 11 dl 1971, chợ Phước Tân bị cháy một lần, số người tới lui mua bán không bằng mấy năm về trước.

KẾT LUẬN

Hai ngôi chợ Trời Việt Nam – Cao Miên đã vào lịch sử hơn 14 năm nay.

Trải qua những cuộc đổi thay, chợ Trời vẫn còn tồn tại với thời gian và không gian, và giữ vững địa vị trên thị trường một thời gian khá dài.

NĂM THẮNG CẢNH TỈNH TÂY NINH :

- Tòa thánh Tây Ninh, một nơi kiến trúc vĩ đại.
- Núi Điện Bà hùng vĩ.
- Ao hồ thiên nhiên thơ mộng, ở quận Phú Khương.
- Gò chùa Cao Sơn tự, ở xã Phước Trạch.
- Dinh ông chúa Tàu, ở Gò Dầu Thượng.

2. HƯƠNG VỊ TÂY NINH QUA CÁC MÓN ĂN NỔI TIẾNG

Từ xưa tới nay tỉnh nào cũng có vài thức ăn và sản phẩm đặc biệt, chủ gia làm ra đãi khách ở xa, hoặc mua làm quà tặng cho thân nhân quyến thuộc, bạn hữu gần xa, để giới thiệu món ngon vật lạ ở địa phương mình.

Du khách ở thủ đô thường đến các tỉnh miền Đông hay miền Tây có tánh tò mò, tìm hiểu qua các sản phẩm nào đặc biệt, khi về mua chút ít làm quà tặng.

Sa Đéc có bánh phồng tôm Sa Giang, có bột Mút, có xoài thơm, có rượu Bìm Bịp, có nem Nha Môn. Gò Dầu có mắm tôm, mắm chà, mắm cua, mắm cồng, bánh giá. Mỹ Tho có mận hồng đào, ổi xá lỵ, vú sữa Lò Rên, cam mật Cái Bè. Bến Tre có dừa xiêm ngọt nước, có kẹo chuối, bánh tráng Mỹ Lồng, kẹo dừa, Châu Đốc có mắm ruộc, mắm thái. Vũng Tàu có mắm ruốc, tôm khô, khô mực, nước mắm nhĩ tôm, bong bóng cá, măng cầu, nhãn ...

Tóm lại địa phương nào cũng có thức ăn và loại cây trái ngon ngọt khiến cho du khách phải chú ý.

Riêng về Tây Ninh được nổi tiếng là đồ chay ở chợ Long Hoa, những ngày ăn chay ở đây chợ này hoàn toàn bán đủ thức ăn, toàn là đồ chay tất cả ; chả giò chay, thịt quay chay, nem chay, gỏi chay, mắm chay, cari chay, bánh canh chay, hủ tiếu chay... món nào ăn cũng thích khẩu với giá phải chăng. Chợ Tây Ninh thì có bánh ướt, bánh hời và hai loại bánh đặc biệt nổi tiếng từ trước tới nay, hai loại bánh này

làm bằng thứ gạo dẻo, thơm, nên bánh ngon hơn các nơi khác, để lâu không khô, ăn có hương vị béo và mềm.

Bột khoai mì : Tây Ninh sản xuất rất nhiều bột khoai mì để làm bánh, và còn chế biến ra hai thứ bột khoai và bún tàu, tiêu thụ trên thị trường toàn quốc, bột mì nguyên chất ở Trảng Dài có tiếng là ngon hơn hết.

Bánh canh gia huỳnh là loại bánh canh đặc biệt ở vùng chợ Trảng Bàng, trước kia quận này nằm trong tỉnh Tây Ninh, bánh canh gia huỳnh được thực khách đến ăn đông đảo nhờ bột ngon gia vị khéo ăn vừa miệng, vì thế mà được nổi tiếng.

Bánh ú lá tre : Hằng năm vào ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch, vùng An Tịnh quận Trảng Bàng sản xuất hằng 5-10 tấn bánh ú lá tre, chở đi một đôi chục xe bò rồi phân phối khắp nơi ở đô thành Sài Gòn Chợ Lớn, loại bánh ú lá tre gói bằng lá lồ ô giống như lá tre, bên trong làm bằng loại nếp đặc biệt, gia vị lá cẩm, lá dứa, ruột trong cứng dẻo, có mùi thơm, loại bánh này chỉ ngày mùng 5 tháng 5 là làm nhiều nhất, ngày thường không bằng.

Đậu phộng : Ở Tây Ninh rất nhiều đất pha cát hợp cho việc trồng tía đậu phộng, trồng xuống là tốt ngay, ở miệt Trảng Bàng, Gò Dầu, Khiêm Hanh, Phước Ninh là những nơi trồng đậu phộng nhiều nhất.

Đậu phộng chế biến ra nhiều thức ăn rất ngon, ép ra lấy dầu chiên xào, làm bánh, đậu phộng cán ra nhuyễn cứng vòn, phong cây gói giấy bán ra thị trường mỗi ký 5-6 trăm đồng, kẹo đậu phộng, đậu phộng rang, đậu phộng nấu, để dành ăn và hằng ngày rất ngon và béo.

Mít và dưa hấu : hai loại trái cây này ở Tây Ninh được nổi tiếng từ lâu. Mít có thứ mít nghệ ruột vàng, mật nhiều. Dưa hấu có dưa Trảng trái dài, sọc xanh, có loại trái tròn lớn ruột đỏ ăn ngọt đậm, giòn không xốp, vì ở đây trồng loại phân cá, phân tôm nên dưa mới ngon, ở vùng suối Độn, cầu Lâm Vồ, núi Điện Bà cũng có trồng rất nhiều dưa hấu vì chiến tranh hoa màu bị ảnh hưởng thuốc khai hoang giảm đi một phần rất lớn, không như thuở nào.

Chúng tôi đã kể qua những sản phẩm địa phương của tỉnh Tây Ninh ngày xưa cũng như ngày nay để quý bạn đọc có ý niệm qua vài thức ăn và trái cây của tỉnh lẻ vùng biên giới.

3. TỔNG QUÁT VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ CÁC CƠ SỞ TÔN GIÁO NĂM 1972

a) Trường Đại học

Tây Ninh đã thực hiện hoàn tất một viện đại học cao đài tại vùng Long Hoa Tây Ninh.

Hội đồng đã ấn định ngày tuyển sinh viên vào năm thứ nhất là 20.12.71 và khai giảng ngày 28.12.71.

Nơi này khai giảng tạm, viện đại học sẽ được xây cất nơi cuộc đất của quận Phú Khương cũ.

b) Trường trung học

- Trung học bán công (có 1 lớp đêm)
- Trung học công lập : 2 trường, 1 nam, 1 nữ.
- Trung học tư thực : 8 trường.

c) Trường tiểu học sơ cấp

- Công lập : 127 trường gồm 796 phòng học.
- Giáo viên : 384 nam 923 nữ, cộng là 1.307.

Số học sinh : Nam 36.292

Số học sinh : Nữ 32.435

Tổng cộng : 68.727 học sinh

d) Trường tiểu học tư thực

Gồm 13 trường, 95 phòng, 80 lớp.

- Giáo viên : 23 nam và 61 nữ, cộng 84 giáo viên.
- Học sinh : 2.448 nam, 1.983 nữ, cộng 4.431 học sinh.

e) Trung tâm giáo dục cộng đồng : 01

- Trung tâm tu nghiệp : 01
- Sở thư viện : 02

f) Các trường kỹ thuật

- 1 trung học nông lâm súc.
- 1 trung học kỹ thuật gồm đủ bộ môn.
- 4 lớp dạy đánh máy
- 1 trường võ thuật.

Đây là những tài liệu mới nhất về văn hóa giáo dục của Tây Ninh trong niên khóa 1971-1972.

4. TÔN GIÁO

a) Các cơ sở tôn giáo

Chùa phật giáo : 43

Thánh thất Cao đài : 46

Nhà thờ công giáo : 10

Nhà thờ tin lành : 01

Nhà thờ hồi giáo : 02

b) Các đoàn thể tôn giáo

Tỉ lệ tín đồ của các tôn giáo :

- Phật giáo : 40.391 – 10%

- Cao Đài : 295.717 – 80%

- Thiên chúa : 31.354 – 9%

- Tin Lành – Hồi giáo : 3.582 – 1%

c) Bản kê diện tích, dân số

- Quận Phú Cường :

1. Xã Thái Hiệp Thạnh 710 mẫu

2. Xã Hiệp Ninh 2170 mẫu

3. Xã Long Thành 2990 mẫu

4. Xã Trường Hòa 4850 mẫu

5. Xã Cẩm Giang 4150 mẫu

6. Xã Ninh Thạnh 41550 mẫu

7. Xã Phước Hội 10450 mẫu

8. Xã Lộc Ninh 28960 mẫu

9. Xã Tân Hưng 70590 mẫu

10. Xã Tân Hội 23880 mẫu

11. Xã Tân Long 43590 mẫu

Cộng : 203790 mẫu

Dân số : 218866 người

- Quận Phước Ninh

1. Xã Thanh Điền 4290 mẫu

2. Xã Tri Bình 3850 mẫu

3. Xã Thái Bình 7720 mẫu

4. Xã Thiện Ngôn 21890 mẫu

5. Xã Phước An 16330 mẫu

6. Xã Phước Hòa 4140 mẫu

7. Xã Hòa Hiệp 10400 mẫu

8. Xã Phước Vinh 8400 mẫu

9. Xã Phước Lộc 3940 mẫu

10. Xã Phước Lợi 3850 mẫu

11. Xã Hòa Hội 3540 mẫu

12. Xã Phước Tân 5970 mẫu

13. Xã Ninh Điền 5370 mẫu

14. Xã Phước Trường 5070 mẫu

15. Xã Long Vĩnh 3370 mẫu

Cộng : 108130 mẫu

Dân số : 40454 người

- Quận Khiêm Hanh :

1. Xã Cầu Khởi 5660 mẫu

2. Xã Thuận Lợi 6050 mẫu

3. Xã Đôn Thuận 10000 mẫu

4. Xã Phước Thạnh 7720 mẫu

5. Xã Bến Củi 7430 mẫu

Cộng : 36870 mẫu

Dân số : 34007 người

- Quận Hiếu Thiện :

1. Xã Long Chữ 2630 mẫu
2. Xã Long An 3010 mẫu
3. Xã Long Giang 1490 mẫu
4. Xã Long Khánh 2600 mẫu
5. Xã Long Thuận 2530 mẫu
6. Xã Thạnh Đức 5200 mẫu
7. Xã Hiệp Thạnh 2740 mẫu
8. Xã Phước Trạch 1570 mẫu
9. Xã Thạnh Phước 2200 mẫu
10. Xã Phước Chỉ 3930 mẫu
11. Xã Phước Lưu 1360 mẫu
12. Xã Tiên Thuận 4180 mẫu
13. Xã Bình Thạnh 2010 mẫu
14. Xã An Thạnh 3950 mẫu
15. Xã Lợi Thuận 2540 mẫu

Cộng : 41740 mẫu

Dân số : 86280 người

Tổng cộng dân số trong 4 quận : 379671 người. Đây là con số mới nhất từ năm 1971 đến năm 1972.

d) Dân tộc thiểu số

Việt gốc Miên : 1368 người

Việt gốc Chăm : 3582 người

(đã kể chung ở trên rồi)

e) Việt kiều hồi hương

Tổng số gia đình được trợ cấp định cư tự túc từ trước đến nay gồm 3021 người.

5. CÁC XÍ NGHIỆP TRONG 4 QUẬN TỈNH TÂY NINH 1972

Các loại xí nghiệp	Phú Khương	Phước Ninh	Hiếu Thiện	Khiêm Hanh	cộng
Nhà máy xay lúa	45	7	30	6	88
Nhà máy xay bột gạo	2	—	—	—	2
Nhà máy xay bắp	1	1	1	—	3
Nhà máy xay bột mì	82	5	—	—	87
Nhà máy ép dầu	1	—	2	—	3
Nhà máy nước đá	6	1	3	1	11
Nhà máy cà-rem	10	—	1	—	11
Nhà máy điện	4	—	1	—	5

Lò gạch tay và máy	13	1	1	—	15
Trại cửa máy	87	—	—	—	87
Trại mộc	18	—	—	—	18
Trại hòm	6	4	—	—	10
Lò bánh mì	23	2	4	1	30
Lò đường	5	—	30	5	40
Lò nước tương	4	—	—	—	4
Lò nấu muối bột	6	1	3	—	10
Lò than	8	1	—	—	9
Lò rèn	6	—	1	—	7
Xưởng làm nước mắm	2	—	—	—	2
Xưởng tiện	14	1	3	—	18
Hàn gió đá	15	—	—	—	15
Làm cửa sắt	2	—	—	—	2
Nhà in	4	—	—	—	4
Trạm xăng	10	—	3	—	13
Cây xăng lẻ	30	3	9	4	46

CÁC XE ĐÒ SÀI GÒN – TÂY NINH

Tây Ninh là một tỉnh nhỏ chỉ có 4 quận, từ Sài Gòn đến

Tây Ninh 99 km đi ngã quốc lộ 1 đến quốc lộ 22 lên Tây Ninh đến ngã ba Mít Một vô chợ Long Hoa bỏ khách rồi chạy ra tỉnh.

Con đường Sài Gòn – Tây Ninh chạy tới đây xe đò không còn đi xa hơn nữa, nhưng ngày nay số xe ở tỉnh này chiếm kỷ lục hơn các tỉnh trong miền Nam, số xe lên tới trên 100 chiếc khứ hồi mỗi ngày. Khởi hành từ 4 giờ 30 sáng đến 3 giờ 30 chiều là chuyển chót ở Tây Ninh

a) Tây Ninh có ba bến xe

1. Bến tại đầu chợ Tây Ninh nằm trên đường Trương Huệ.
2. Bến chợ Long Hoa ngoại ô tòa thánh.
3. Bến tại quốc lộ 13 cửa số 2 gần cửa Hòa Diên.

Mỗi bến phân ra chạy từ 40 phút, 30 phút, 20 phút theo sự ấn định của giới chủ xe và nghiệp đoàn.

b) Xe chạy Bắc Mỹ Thuận

Ở Tây Ninh đặc biệt có 4 chiếc xe du lịch chạy đường Tây Ninh xuống Bắc Mỹ Thuận, ngày nghỉ ngày chạy, muốn đi xe này phải mua vé trước nơi các trạm của chủ xe đặt tại nhà chớ không có bến.

Xe tuyến này khởi hành từ 5 giờ sáng, đến Bắc Mỹ Thuận khoảng 10 giờ (nếu không kẹt xe).

Đây là lộ trình Sài Gòn Tây Ninh và Mỹ Thuận, chúng tôi nêu lên để quý du khách biết qua con số kỷ lục xe đò ở đây.

CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG TRONG TỈNH TÂY NINH

SÀI GÒN – TÂY NINH : 99 km QL1 + QL 22

- Từ Tây Ninh đến quận Hiếu Thuận : 36 km QL 22
- Từ Hiếu Thiện lên chợ Trời : 10 km QL 1
- Từ Tây Ninh đến quận Phước Ninh : 7 km LT 13
- Từ quận Phước Ninh đến Bến Sỏi : 4 km LT 13
- Từ Bến Sỏi đến Phước Tân : 11km LT 13
- Từ Tây Ninh đến trại bí : 22 km QL 22
- Từ Tây Ninh đến Vịnh : 19 km QL 22
- Từ Tây Ninh đến Thiện Ngôn : 15 km QL 22
- Từ Tây Ninh đến Sa Mắt : 41 km QL 22
- Từ Tây Ninh đến quận Phú Khương : 4 km
- Từ Tây Ninh đến Núi Bà : 11 km (TL.4 + HL.4)
- Từ Tây Ninh đến KaTum : 45 km (TL 4)
- Từ Tây Ninh đến Bến kéo : 8 km QL 22
- Từ Tây Ninh đến Cẩm Giang : 15 km QL 22
- Từ Tây Ninh đến Thanh Điền : 4 km TL 5
- Từ Tây Ninh đến Long Hoa : 5 km
- Từ Long Hoa đến Trí Huệ Cung : 6 km
- Từ Tây Ninh đến Khiêm Hanh : 50 km
- Từ Hiếu Thiện đến Khiêm Hanh : 14 km (HL.1 + LTL.14)
- Từ Khiêm Hanh đến Bến Củi : 20 km

TÂY NINH XƯA

Tác giả : **HUỲNH MINH**

Chịu trách nhiệm xuất bản : **BÙI VĂN NGỢI**

Biên tập : **NGUYỄN TRƯỜNG**

Bìa : **PHÚ CƯỜNG**

Sửa bản in : **SONG PHƯƠNG**

In 800 cuốn khổ 13 x 19 cm tại Cty CP in Bến Tre

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản 195/198

Cục Xuất Bản cấp ngày 18/1/2001

In song và nộp lưu chiểu quý 04 năm 2001.



Notes

[← 1]

Nguyễn Ánh.

[← 2]

Núi Điện Bà Tây Ninh.

[← 3]

Quan Thánh để tức Quan Vân Trường.

[← 4]

Thờ Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi kết nghĩa Đào viên.

[← 5]

Trong sử ghi Huỳnh Công Thắng, nhưng tại ngôi mộ thấy ghi Trần Công Thắng.

[← 6]

Củ năn, một loại củ rừng cũng đã từng giúp cho dân nghèo Tây Ninh sống bình an trong những năm mất mùa. Trước khi ăn, phải ngâm rễ nước 7 lần tức 7 ngày để hết ngứa.

[← 7]

Trại Bí ngày xưa đồng bào lên đây làm cây củi, bức mây đem theo cà, bí nấu ăn, bỏ hột chung quanh. Bí mọc đầy cả vùng nên có danh từ là Trại Bí.

[← 8]

Ông Đội Lê Văn Lâm nay 77 tuổi, vẫn còn khỏe mạnh ở Tây Ninh.

[← 9]

Tiếng gọi viên tỉnh trưởng Pháp (Résident).

[← 10]

Con số 2.800 mét là đo theo lối đi quanh co lên tới đỉnh.

[← 11]

Lò Mo : nay thuộc ấp An Quới.

[← 12]

Trảng Bàng.

[← 13]

Năm Dũng vừa bị tai nạn xe đụng chết trong tháng 2.1972 tại Sài Gòn. Di hài được đem về chôn cất tại nguyên quán Tây Ninh.